

VỚI LỜI GIỚI THIỆU CỦA
NHÀ TOÁN HỌC **NGÔ BẢO CHÂU**
VÀ NHÀ VĂN **PHAN VIỆT**

CẢNH CỬA | MỞ RỘNG

John
Steinbeck

Lâm Vũ Thao dịch

Thị trấn
**Tortilla
Flat**

Tiểu thuyết



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

John **Steinbeck**

Lâm Vũ Thao *dịch*

Thị trấn
Tortilla
Flat

Tiểu thuyết

NHÀ XUẤT BẢN TRÈ



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

NHỮNG ĐOẠN TRÍCH

“Đây là câu chuyện kể về Danny, về những người bạn của Danny và về ngôi nhà của Danny. Ở Monterey, thành phố cổ kính miệt duyên hải California ấy, ai cũng biết những chuyện này, chúng được kể đi kể lại nhiều lần, đôi khi còn được thêm thắt...”

“...Buổi tối họ đốt một đống lửa trong bếp củi. Lửa bập bùng phả vào ống khói. Danny và Pilon, no nê, ấm áp và vui vẻ, ngồi trên những chiếc ghế bập bênh nhẹ nhàng nhún tới nhún lui. Trong bữa ăn tối họ đã thắp một mẩu nến, nhưng lúc này chỉ có ánh sáng hắt ra từ các khe hở của bếp xua bóng tối trong phòng. Để cảnh tượng thêm hoàn hảo, mưa bắt đầu gõ lộp bộp trên mái. Chỉ vài giọt dột qua, nhằm vào những chỗ dằng nào cũng không có ai ngồi...”

“...Hai ga-lông là rất nhiều rượu, kể cả đối với hai chàng paisano. Về mặt tinh thần bình rượu có thể chia thành các nấc thang như sau: Ngay dưới cổ chai thứ nhất, đối thoại nghiêm túc và tập trung. Xuống thêm năm phân, ký ức buồn dịu ngọt. Tám phân nữa, suy ngẫm về những mối tình đã qua và có hậu. Thêm hai phân rưỡi, suy ngẫm về những mối tình đã qua và cay đắng. Đáy bình thứ nhất, buồn bã vẫn vợ không định hướng. Cổ bình thứ hai, chán chường đến tối, báng bổ. Xuống hai ngón tay nữa, bài ca chết chóc hoặc sự hoài vọng. Thêm một ngón tay cái, bất cứ bài ca còn lại nào mà một trong hai người thuộc. Cầu thang dừng ở đây vì lúc này con đường sẽ rẽ đôi và không ai biết chắc cái gì sẽ xảy ra. Kể từ điểm này bất cứ chuyện gì cũng có thể.”

Nhưng ta hãy quay lại nấc thang đầu tiên, chỗ còn đối thoại nghiêm túc và tập trung, vì Pilon ra đòn chính ở chỗ đó...”

“...Họ ngồi đó thanh thản ở hàng hiên. Chỉ những đầu ngón chân họ ngọ nguậy trên cái sàn gỗ ấm áp mỗi khi có ruồi đậu lên.

‘Nếu mọi hạt sương đều biến thành kim cương,’ Pablo nói, ‘chúng ta sẽ giàu sụ. Chúng ta sẽ say sưa trọn đời.’

Nhưng Pilon, cái con người luôn bị sự thực tế hành hạ, đế vào, ‘Tới khi đó thì ai mà chẳng đầy kim cương. Kim cương sẽ mất giá, nhưng rượu thì lúc nào cũng tốn tiền. Phải chi trời mưa ra rượu suốt một ngày, ngay bây giờ, còn bọn ta thì có một cái bể để hứng.’

‘Mà phải là rượu ngon đấy nhé,’ Pablo xen vào. ‘Chứ không phải cái loại nước vo gạo tởm lợm như loại huynh mua hôm trước đâu.’...”

“...Chiều buông xuống không ai hay biết như tuổi tác đến với một người hạnh phúc. Một chút vàng len vào trong nắng. Vịnh trở nên xanh thắm hơn và lặn tẩn sóng chạy vào bờ. Những ngư dân cô độc tin rằng cá cắn câu nhiều hơn khi triều lên đã rời khỏi những tảng đá của mình, thế chỗ họ là những người tin rằng cá cắn câu nhiều lúc triều xuống.

Quãng ba giờ chiều, gió đổi hướng, nhẹ nhẹ thổi vào từ vịnh, mang theo bao mùi tảo dễ chịu. Những người vá lưới ở các lô đất trống của Monterey đặt con suốt xuống và quấn thuốc lá. Qua những con đường trong thành phố, các quý bà phấp phấp mắt ánh vẻ mệt mỏi và từng trải mà người ta thường thấy trong mắt lợn được những chiếc ô-tô nặng nề vùn tới các buổi tiệc trà và rượu gin ở Khách sạn Del Monte. Trên đường Alvarado, bác thợ may Hugo Machado treo tấm bảng ‘Năm Phút Nửa Quay Lại’ lên cửa tiệm rồi về nhà cả

ngày. Những tán thông đu đưa chậm chậm, đê mê. Lũ gà mái trong cả trăm trại gà đều đều ca cẩm về thân phận tệ hại của mình...”

LỜI GIỚI THIỆU (CỦA NHÀ TOÁN HỌC NGÔ BẢO CHÂU VÀ NHÀ VĂN PHAN VIỆT)

John Steinbeck, nhà văn Mỹ đoạt giải Nobel năm 1962, từng nói: “Không ai thực sự biết về người khác. Điều tốt nhất mà một người có thể làm là mặc định rằng những người khác cũng giống anh ta”.

Nếu đúng như vậy thì khi đọc *Thị Trấn Tortilla Flat* của Steinbeck, bạn phải mặc định rằng, giống như Danny của câu chuyện này, nếu bạn được thừa kế hai cái nhà, bạn sẽ để một căn bốc cháy; với căn còn lại, bạn để ngỏ cho các bạn bè, huynh đệ của bạn tới sống cùng với mình – bởi vì họ đã từng chia rượu với bạn, đã cùng bạn ăn bắp gà và bánh mì, đã cùng bạn tán tỉnh các cô gái, đã ngủ trong rừng thông, nhặt đồ trên bãi biển, đánh lộn, và vào tù. Dĩ nhiên là cả chó của họ cũng sẽ được đến ở – tất cả năm con... Hàng ngày, trong căn nhà chỉ toàn tình huynh đệ ấy, bạn và các huynh đệ của bạn sẽ thức dậy vào buổi trưa, khi mặt trời đã lên cao và rọi qua những tán lá thông vào nhà; thế rồi trong lúc bánh xe thế gian tiếp tục lướt qua cái thị trấn nhỏ miền duyên hải California, bạn và các huynh đệ của bạn tiếp tục những cuộc phiêu lưu tình ái, tiếp tục những việc thiện tâm vì những người cùng quần, một chút đánh lộn đây đó, thi thoảng cũng tích cóp mua một cái chân nến vàng để dâng Thánh Francis, nhưng quan trọng nhất là tìm cách xoay xở để có thể tới quán lão Torrelli mua một ga-lông rượu mà say sưa.

Đấy là một cuộc sống từ chối gần như tất cả các phép tắc

của thế giới hiện đại; thậm chí cả các tiện nghi của nó. Nhưng nếu bạn là một “paisano chân chính” như Danny hay những người bạn của chàng thì bạn sẽ không bao giờ nghi ngờ sự tuyệt vời của cuộc sống này.

Thị Trấn Tortilla Flat của John Steinbeck là câu chuyện sinh động về các “Chí Phèo” kiểu Mỹ ở một cái “làng Vũ Đại” kiểu Mỹ. Một câu chuyện sẽ khiến người đọc bật cười nhiều lần vì sự hài hước và thông minh rất “Chí Phèo” của các *paisano* Mỹ, đồng thời không khỏi ngậm ngùi cho họ. *Thị Trấn Tortilla Flat* đánh dấu sự cảm thông và thấu hiểu tuyệt vời của Steinbeck với người nông dân (và con người nói chung), cũng như những dự cảm của ông về số phận họ trong những vận hành lớn của xã hội và trong cái tổng thể lớn lao, bí ẩn gọi là “đời người”. Đây là một cuốn sách sâu sắc bên dưới cái vỏ giản đơn dễ đánh lừa người đọc – một cuốn sách mà về nhiều mặt còn đáng yêu hơn những tác phẩm kinh điển, đồ sộ của Steinbeck như *Chùm Nho Phấn Nộ*, *Phía Đông Vườn Địa Đàng*.

Tủ sách *Cánh cửa mở rộng* trân trọng giới thiệu *Thị Trấn Tortilla Flat* qua bản dịch của Lâm Vũ Thao.

LỜI GIỚI THIỆU CỦA THOMAS FENSCH

Nếu ta có thể gắn một tiểu thuyết gia với một địa phương, John Steinbeck sẽ mãi mãi được gắn kết với vùng Monterey, bang California, và vịnh Monterey, bối cảnh của ba trong số các tiểu thuyết nổi tiếng nhất của ông: Thị Trấn Tortilla Flat, Phố Cannery^[1] và phần tiếp theo là cuốn Ngày Thứ Năm Ngọt Ngào^[2]; thêm nữa là bản khắc họa chân dung người bạn ông, Ed Ricketts, trong cuốn Khúc Gỗ Từ Biển Cortez^[3].

Mặc dù sinh ra ở Salinas, nhưng gia đình Steinbeck có nhà ở Pacific Grove, thuộc vùng Monterey; Steinbeck thường ở đó, vì ông say đắm với hơi thở con người của phố Cannery, bị biển hấp hồn, và bị ngành sinh vật học hải dương mê hoặc.

Steinbeck theo học tại trường Đại học Stanford từ năm 1919 đến năm 1925 với nhiều gián đoạn, và mặc dù không bao giờ nhận được mảnh bằng nào, song ông được hưởng lợi nhiều từ các khóa học tiếng Anh và sinh vật học hải dương. Vào các quãng thời gian khác nhau, ông đi làm công việc coi sóc một điền trang mùa đông trong vùng Lake Tahoe, làm kỹ thuật viên phòng thí nghiệm cho các nhà máy đường ở Spreckles, làm phụ xây dựng khu Công viên Quảng trường Madison ban đầu ở New York, và làm phóng viên báo ngày ở New York.

Câu chuyện về ba cuốn sách đầu tiên của ông ngày nay đã là một phần của huyền thoại Steinbeck: Chiếc Cốc Vàng^[4] (1929), Đồng Cỏ Nhà Trời^[5] (1932), Gửi Vị Thần Chưa Biết^[6] (1933) được ba nhà xuất bản khác nhau in. Và cả ba đều phá sản trong thời kỳ Đại suy thoái. Cuốn *Chiếc Cốc Vàng* bán

được có 1.533 bản, bởi vì chẳng mấy nhà phê bình buồn điếm cuốn sách khi nó được in lần đầu, vốn chỉ hai tháng sau khởi đầu của thời Đại suy thoái. *Đồng Cỏ Nhà Trời* đem lại cho Steinbeck một khoản tạm ứng 400 đô-la. Với cả *Chiếc Cốc Vàng* lẫn *Gửi Vị Thần Chưa Biết*, Steinbeck cũng chỉ kiếm được khoản tiền tạm ứng 250 đô-la cho mỗi cuốn.

Trước khi phát hành *Đồng cỏ nhà trời*, Steinbeck gặp và cưới người vợ đầu tiên, Carol Henning. Từ 1930 đến 1933, gia đình Steinbeck sống ở Pacific Grove, California, rồi chuyển đến Los Angeles, rồi lại chuyển về vùng Monterey, bối cảnh của các cuốn *Thung Lũng Dài*^[7], *Thị Trấn Tortilla Flat*, *Phố Cannery* và *Ngày Thứ năm Ngọt Ngào*. Khu vực Watsonville là địa điểm của một vụ đình công mà Steinbeck hư cấu trong cuốn *Trong Trận Chiến Mơ Hồ*, còn Thung lũng Salinas là địa điểm của cuốn *Phía Đông Vườn Địa Đàng*^[8].

Trong nhiều tác phẩm chính của mình, Steinbeck cơ hồ chưa bao giờ rời khỏi miền duyên hải California cũng như hình ảnh của người dân và các nơi chốn ở Del Monte, Pacific Grove, Pebble Beach, Monterey, Carmel, Corral de Terra (vốn được hư cấu thành *Đồng Cỏ Nhà Trời*), và Salinas. Với các kịch bản phim *Ngôi Làng Bị Bỏ Quên*^[9] và *Viva Zapata!*; và trong *Hạt Ngọc*^[10], *Biển Cortez*^[11], *Khúc Gõ Từ Biển Cortez*, ông du hành xuyên biên giới sang Mexico, nhưng vẫn rất gần gũi với vùng đất của tuổi thơ mình.

Trong khi ba cuốn sách đầu tiên của Steinbeck nằm mốc meo trên các kệ sách ở nước Mỹ giữa thời kỳ Đại suy thoái, ông đã bắt đầu viết cuốn thứ tư, *Thị Trấn Tortilla Flat*. Trong thời gian viết cuốn này, một cuộc gặp gỡ tình cờ giữa hai người bạn cũ ở Chicago đã làm thay đổi sự nghiệp Steinbeck mãi mãi. Cuộc gặp diễn ra giữa Ben Abramson – một chủ tiệm

sách, và Pascal Covici – người trước đây cũng sở hữu một tiệm sách ở Chicago và đã mở một công ty xuất bản của riêng mình.

Abramson giục Covici đọc *Đồng Cỏ Nhà Trời*; Covici đọc xong, quyết định rằng sách của Steinbeck đáng được in. Sau đó, ông liên lạc với đại diện của Steinbeck ở hãng McIntosh và Otis. Năm 1935, Covici xuất bản *Thị Trấn Tortilla Flat*, một năm rưỡi sau khi Steinbeck gửi bản thảo đến McIntosh và Otis.

Trong những năm của thời kỳ Đại suy thoái, ai mà không bị mê hoặc khi đọc *Thị Trấn Tortilla Flat*? Với nhiều người trong thời kỳ Đại suy thoái, đọc sách và xem phim đơn giản và thuần túy chính là một cách thoát ly. Thoát ly khỏi nghèo khó triền miên, thoát ly khỏi âu lo về tiền thuê nhà, thoát ly khỏi âu lo về làm thế nào để kiếm việc (hoặc bám víu một công việc lao động phổ thông), thậm chí thoát ly khỏi âu lo về việc lấy đâu ra tiền để mua thức ăn tuần tới.

Với nhiều độc giả của *Thị Trấn Tortilla Flat* trong thời kỳ Đại suy thoái, cuốn tiểu thuyết là sự thoát ly và giải trí thuần túy. Steinbeck viết về Danny và hội những người anh em của chàng, các *paisano* sống ở vùng Monterey:

Paisano là ai? Một paisano là một người mang dòng máu lai giữa người Tây Ban Nha, người da đỏ, người Mexico và đủ thứ dòng máu da trắng. Tổ tiên anh ta đã sống ở California hơn một hay hai trăm năm. Anh ta nói tiếng Anh bằng giọng paisano và nói tiếng Tây Ban Nha cũng bằng giọng paisano. Khi bị chất vấn về chủng tộc, anh ta phẫn nộ tuyên bố mình mang dòng máu Tây Ban Nha thuần khiết và xắn tay áo lên cho người ta xem phần thịt mềm phía trong cánh tay mình gần như có màu trắng. Màu da anh, giống như màu của một

cái tẩu thuốc nâu đã lên nước, anh đổ tại chày nắng. Một paisano là như thế và anh ta sống ở cái thị trấn nằm trên sườn đồi về mạn phía trên của Monterey tên là Tortilla Flat, tức *Tortilla bằng phẳng*, mặc dù nó chẳng bằng phẳng chút nào.

Quả thực, Tortilla Flat không bằng phẳng, buồn chán, với nhiều người thì nó cực kỳ hiện thực và vô cùng duyên dáng. Trong chương hai của cuốn sách, Danny trở về nhà sau Thế chiến thứ nhất, chàng khám phá ra rằng mình thừa kế hai căn nhà. Thậm chí trước khi đi xem xét nhà cửa, chàng đã mua một ga-lông rượu vang rẻ tiền, uống say mèm ở Monterey, rồi ngồi tù ba mươi ngày ở nhà tù Monterey. Trong thời Đại suy thoái, với một số người, ba mươi ngày tù đồng nghĩa với việc có ba bữa ăn một ngày và một chỗ ấm áp để ngủ.

Nhiều độc giả nhận ra rằng Danny và các *paisano* sống theo quy tắc của riêng họ: các quy tắc ấy chẳng có mấy điểm chung với văn hóa “phố thị” đáng kính trọng của Monterey. Mục đích chính của họ dường như chỉ đơn giản là kiếm đủ tiền mua rượu. Tài sản, như Danny khám phá ra, là một sự bất tiện, vì tài sản đồng nghĩa với trách nhiệm. Khi tiền thuê nhà là một vấn đề thực sự trong thời Đại suy thoái, độc giả thấy rất buồn cười khi thấy Danny cho các bạn thuê căn nhà thứ hai của mình, những người này cho thuê lại căn nhà ấy, nhưng không ai trong số họ tính tới chuyện tiền thuê có thể, hoặc sẽ, được trả.

Tài sản – chẳng hạn đồng hồ – chỉ có giá trị chừng nào có thể đổi được thành rượu; với các *paisano*, Steinbeck viết, đồng hồ tốt nhất là “cái đồng hồ mặt trời vĩ đại vàng óng.”

Với một số độc giả của Steinbeck, *Thị Trấn Tortilla Flat* thuộc Monterey là khung cảnh điển viên an nhàn; tiền chẳng mấy khi cần đến khi các vật dụng đều có thể đổi lấy rượu

được. Các paisano chỉ thực sự cần có đủ đồ ăn, một chỗ ấm áp để ngủ, rượu – và thỉnh thoảng – đàn bà và tiệc tùng.

Các paisano có thực không? Như nhiều tiểu thuyết gia khác, Steinbeck dựa vào những câu chuyện ông biết được hay nghe người khác kể rồi sáng tạo thêm. Ông nghe được nhiều câu chuyện từ một người gốc Monterey tên là Susan Gregory. (Sau này ông đề tặng bà cuốn sách.) Ông nghe được một số chuyện khác từ cảnh sát vùng Monterey và từ đồng nghiệp trong các nhà máy đường ở Spreckles cùng các nơi khác.

Trong tác phẩm Lịch sử cuốn *Phố Cannery* của Steinbeck, Tom Mangelsdorf viết:

Tuy nhiên, tình yêu thực sự của Gregory xoay quanh một nhóm người cực kỳ thú vị được gọi là các paisano, những người sống trong các nhà ổ chuột, lán trại tạm bợ ở trên một triền đồi trong khu rừng thông xuống Monterey. Những người da nâu này, nam cũng như nữ, là hậu duệ của những người Tây Ban Nha đầu tiên đến định cư ở Monterey vào năm 1770. Qua nhiều năm trời kết hôn dị chủng lộn xộn giữa người Tây Ban Nha, người Mỹ, người da đỏ và các nhóm khác, đã hình thành nên các paisano. Đặc điểm chung của nhóm là họ không trải nghiệm một nền giáo dục chính thức và thường thất nghiệp hoặc chỉ được giao làm những việc phổ thông nhất. Một paisano tốt, tuy nhiên, không quan tâm mấy đến việc làm. Các giá trị văn hóa của họ vẫn gần như không thể hiểu được đối với hầu hết mọi người trừ một paisano khác và một số ít người ngoài ví dụ như Gregory, người đã bỏ thời gian để tìm hiểu họ. Chính Gregory giới thiệu Steinbeck với các paisano tính khí thất thường và khu vực họ sinh sống ở Monterey, thường được gọi là Tortilla Flat.

Theo Mangelsdorf, nguyên mẫu của nhân vật Pilon trong

tiểu thuyết của Steinbeck là một *paisano* tên là Eddie Romero. Romero sinh ở miền nam của Monterey và không bao giờ biết chắc tuổi của mình. Mùa hè năm 1891, Romero và một tay chăn gia súc khác làm một cuộc đua ngựa ngắn ngủi với nhau. Romero thua, nên đã giải quyết vấn đề tính nam nhi bị thương tổn bằng cách rút một khẩu súng ngắn ra bắn địch thủ bị thương ở vai. Tay đua kia được chạy chữa, nhưng bác sĩ cáo buộc Romero hành hung người khác bằng vũ khí giết người.

Tại tòa, Romero không thể giải thích đầy đủ được rằng phát súng chỉ là cách mà các *paisano* diễn giải công lý; anh ta bị kết án tù hai năm ở San Quentin. Theo Mangelsdorf, sau khi được thả, Romero trở về Monterey. Trong nhiều năm trời, anh ta cứ bị bắt đi bắt lại, thường là vì say xỉn; nhưng năm 1932, anh gặp một thợ xây, hai người nhậu với nhau, rồi cãi cọ – một khẩu súng xuất hiện và đối thủ của Romero bị bắn. Sau này, Romero trình bày rằng đối thủ của anh, tên là Olaf Olson, buông lời lăng mạ nguồn gốc của Romero – một hành động sỉ nhục kinh khủng đối với một *paisano*.

Anh ta ra tòa và bồi thẩm đoàn do dự về cáo buộc ngộ sát. Một bồi thẩm đoàn thứ hai kết luận anh ta có tội. Do đã có tiền án, Romero bị kết án tù hai đến mười năm tù trong nhà tù Folsom. Anh ta bước chân vào nhà tù Folsom cùng khoảng thời gian Steinbeck đang viết *Thị Trấn Tortilla Flat*. Ba năm sau, anh ta ra tù và trở nên nổi tiếng ở địa phương như nhân vật Pilon trong cuốn sách.

Bruce Arliss, một cư dân cố cựu ở Monterey, cũng tham gia phỏng đoán về nguồn gốc của *Thị trấn Tortilla Flat*. Trong cuốn *Bên Trong Phố Cannery: Những phác thảo từ thời kỳ Steinbeck*, ông viết:

Nơi thực sự mang tên Tortilla Flat thuộc một phần hoàn

toàn khác của Bán đảo [Monterey]. Nó nằm ở mạn Carmel của vùng đồi núi, đánh dấu ngược trở về những ngày đầu của trận động đất năm 1906.

Vào thời gian đó, một số nghệ sĩ và nhà văn lang bạt nổi tiếng từ San Francisco đến cư ngụ tại Carmel, đầu đó một trăm dặm về hướng nam, mà họ hy vọng là bên ngoài phạm vi của một trận động đất khác như trận đã phá hủy thành phố [San Francisco].

Trong số các nghệ sĩ và nhà văn đó, Arliss kể tên Sinclair Lewis, Jack London và Ida Tarbell.

Bởi vì hầu hết các nhà văn đó đều thành công đủ để có tiền thuê người giúp việc nhà, một nhóm paisano sẵn lòng hỗ trợ – những người nửa Mễ, nửa gốc da đỏ của vùng Thung lũng Carmel – đã chuyển tới để cung cấp dịch vụ giúp việc. Họ dựng một dãy nhà tạm bợ không phép, ngay bên ngoài thành phố, trong một khu vực nhiều cây cối mà bây giờ là Đường số Hai. Vợ của các paisano xuống phố để làm các việc ban ngày, và thi thoảng các đấng ông chồng lười biếng của họ có thể được thuyết phục để làm một chút việc vườn tược hay tay chân nhẹ.

Các nhà văn và các trí thức khác của Carmel khi đó đã gọi dãy nhà ổ chuột này của các *paisano* là Tortilla Flat, và cái tên này được sử dụng suốt nhiều năm trời. Steinbeck thích cái tên và mượn nó cho câu chuyện của mình, áp nó vào một phần khác của bán đảo – khu vực đồi núi phía trên các nhà máy đóng hộp của Monterey.

Arliss cũng tin rằng ông biết nguồn gốc nhân vật “Cướp Biển” của Steinbeck: Tom Run-rẫy, ông già mà John dùng làm hình mẫu cho Cướp Biển, sống trong căn nhà nhỏ tồi tàn cuối cùng trên đỉnh Đồi Huckleberry [ở Monterey], bên cạnh một

bồn nước cũ bằng gỗ...

Tôi sớm khám phá ra rằng Tom Run-rẫy, hay Ông già Run-rẫy, như lũ trẻ con hay gọi vì chúng run của ông, cũng không phải là tên thật của Cướp Biển. Đó là một cái tên Anh – Lloyd Lytton. Ông không phải là một paisano, mà là một người Anh lập dị, đầu óc không bình thường, ông nuôi một tá chó lai làm bầu bạn thân thiết nhất của mình. Ông tự gọi mình là “Thi sĩ của đồi thông” và viết những bài về thỉnh thoảng đăng trên bản tin hàng tuần nho nhỏ của Pacific Grove.

Không giống như nhân vật Cướp Biển của Steinbeck (to cao, râu đen, nhếch nhác), Tom Run-rẫy nhỏ con, mày râu nhọn nhụi, ăn mặc gọn gàng. Mái tóc bạc của ông ta được chải chuốt cẩn thận. Ông ta thường vận một chiếc sơ-mi trắng và quần lam nhạt, có dây đeo màu đen. Giống như Cướp Biển, đi đâu ông ta cũng có bầy chó theo cùng. Steinbeck nói có sáu con. Tôi đếm được hơn mười, thừa sức để gác chân lên một hay hai con, nếu như ban đêm ông ta thấy lạnh, như John tả ở một cảnh trong cuốn sách.

Arliss viết rằng Steinbeck đã từng viếng thăm những địa điểm khác gần Monterey có các paisano sinh sống và cuối cùng chúng trở thành một phần trong cuốn tiểu thuyết của nhà văn.

Thị Trấn Tortilla Flat là một thành công tức thời cho nhà xuất bản của Steinbeck, Pascal Covici. Nó cho phép hãng Covici-Friede chào mừng chút dễ thở về tài chính. Cuốn sách đoạt Huy chương vàng thường niên do Câu lạc bộ Thịnh vượng chung của California trao tặng cho tác phẩm hay nhất của một người California bản địa. Tác quyền làm phim được bán và cuối cùng lại được bán lại trước khi phim được dựng. (Hãng MGM phát hành bộ phim Thị trấn Tortilla Flat vào năm

1942. Trong cuốn Steinbeck và Phim ảnh, Joseph Millichap gọi bộ phim là “một nỗi hổ thẹn có tông màu nâu đỏ vô lý mà chỉ Hollywood mới sản xuất được.”) Nhưng Steinbeck khám phá ra rằng độc giả không hoàn toàn chấp nhận các *paisano* với tinh thần phóng khoáng như ông. Độc giả không hoàn toàn tán thưởng cái lô-gích rối rắm và quan điểm đạo đức của họ. Nhiều người đánh giá họ là những kẻ lừa nhác – thú vị (có lẽ), lập dị (rõ ròi), nhưng dù gì thì vẫn là những kẻ lừa nhác. Và điều đó làm cho Steinbeck tức giận. Trong lời nói đầu cho ấn bản năm 1937 của Modern Library (Random House), ông viết:

Khi viết cuốn sách này, tôi không thấy các *paisano* là những người lạ lùng hay kỳ quặc, trơ trọi hay yếu thế. Họ là những người tôi quen biết và yêu mến, những người hòa nhập thành công với môi trường sống. Ở con người, điều này gọi là triết lý, và ấy là một điều tốt.

Nếu mà biết rằng những mẫu chuyện này và những con người này bị coi là kỳ quặc, tôi nghĩ mình sẽ không bao giờ viết ra.

Tôi nhớ một cậu bé, một người bạn thời đi học. Chúng tôi gọi cậu ta là piojo [con rận, kẻ sống bám – giải thích của Thomas Fensch], cậu ta là một cậu bé dễ thương, hiền lành, da nâu. Cậu không cha không mẹ – chỉ có một chị gái mà chúng tôi yêu mến và kính trọng. Chúng tôi gọi chị, với tất cả lòng kính trọng, là một nàng gà móng đỏ. Chị có đôi má hồng nhất thị trấn và thỉnh thoảng chị làm xăng-uyt cà chua cho chúng tôi. Bấy giờ, trong căn nhà nhỏ nơi piojo và chị cậu, gà móng đỏ, sống, cái vòi nước ở bồn rửa bị gãy. Một cái chốt bằng gỗ được chèn vào đường ống cho nó khỏi rỉ. Nước để nấu ăn và uống được lấy từ toa-lét. Trên sàn có một cái muôi

để mức nước ra. Khi nước cạn, bạn chỉ cần giặt toa lét là lại có nước mới. Không ai được phép dùng cái toa-lét này như một cái toa-lét. Có lần bọn tôi để một đám nòng nọc trong bồn cầu, nòng gà móng đỏ nổi khùng với bọn tôi và giặt nước cho chúng trôi hết xuống ống thải.

Có lẽ chuyện này thật kinh hãi. Nhưng tôi lại chẳng thấy như thế. Có lẽ chuyện ấy kỳ quặc – chẳng ai chịu được. Tôi đã theo sự đứng đắn lễ nghi một thời gian dài, nhưng vẫn không thể nào nghĩ rằng nòng gà móng đỏ (cái từ xấu xa nhất ấy) là điểm, cũng như đông đảo các *ông chú* của *piojo*, những con người vui nhộn thỉnh thoảng cho bọn tôi vài xu ấy, là khách hàng của chị.

Nói vòng vo thế này là để muốn nói rằng đây không phải là lời giới thiệu, mà là kết luận. Tôi viết ra những câu chuyện này bởi chúng là những chuyện có thật và tôi thích chúng. Nhưng những kẻ mặt hạng văn chương đã xử sự với những người này với kiểu dung tục của các công nương – những người thấy nông dân là buồn cười và đáng thương. Những chuyện này đã in ra rồi, tôi không thể thu hồi chúng. Nhưng tôi sẽ không bao giờ mang những con người tốt bụng ưa cười đùa và rất mực tử tế này, những người si mê thật thà và có cặp mắt ngay thẳng, những người nhã nhặn trên mức lịch sự này, ra làm đối tượng cho sự đụng chạm dung tục của những kẻ bảnh bao. Nếu tôi gây hại cho họ vì đã trót kể vài câu chuyện của họ, thì tôi xin lỗi. Chuyện ấy sẽ không bao giờ xảy ra nữa.

Thỏa giận, lời nói đầu này không bao giờ được in lại; ấn bản năm 1937 của nhà Random House bây giờ khá hiếm.

Qua năm tháng, các nhà phê bình, học giả về Steinbeck và các nhà giáo dục càng trở nên khó chịu (thậm chí còn hổ thẹn) về cách Steinbeck khắc họa các paisano trong *Thị Trấn Tortilla*

Flat.

Trong tiểu luận “Người Mỹ gốc Mễ của Steinbeck” (trong cuốn sách in năm 1971 – *Steinbeck: Con người và tác phẩm*, do Richard Astro và Tetsumaro Hayashi biên tập), Charles R. Metzger chủ yếu bảo vệ cái nhìn của Steinbeck về các *paisano*, nhưng cũng cảnh báo: “Bây giờ cần thiết... phải chỉ ra rằng cách khắc họa các *paisano* trong *Thị Trấn Tortilla Flat* của Steinbeck không có ý định bao hàm nhiều hơn một loại người Mỹ gốc Mễ, đó là *paisano*, ở một địa điểm, là Monterey, và vào một thời điểm, đó là ngay sau Thế chiến thứ nhất.”

Hai năm sau, trong bài tiểu luận “Ngụ ngôn của căn cước: Định kiến và hí họa về người Mỹ gốc Mễ trong *Thị Trấn Tortilla Flat* của Steinbeck” (trong *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc* quyển 1, 1973), Philip D. Ortego viết rằng Philip Roth có thể nhìn đời sống người Mỹ gốc Do Thái dưới một ánh sáng đặc biệt như là một “người trong cuộc”, trong khi chân dung Meyer Wolfsheim của Scott Fitzgerald trong *Gatsby* vĩ đại gây ấn tượng như là một định kiến và một bức hí họa. Tương tự, William Styron, một tiểu thuyết gia miền Nam da trắng, không bao giờ có thể khắc họa Nat Turner như một tiểu thuyết gia da đen có thể.

Ortego viết rằng, trong *Thị Trấn Tortilla Flat*, trong khi “Steinbeck thông qua một môi trường ‘lạ lẫm’ vất vả tìm kiếm giọng điệu của người kể chuyện, vấn đề nhận dạng sắc tộc trở nên quan trọng và thiết yếu trong việc xác định tính tin cậy của diễn ngôn”.

Trong bài tiểu luận ngắn của mình, Ortego cho rằng “người Mỹ gốc Mễ của Monterey ngày nay chẳng thấy hình ảnh mình trong *Thị Trấn Tortilla Flat* nhiều hơn chút nào so với cha ông họ thấy mình trong cuốn sách cách đây ba mươi bốn năm.”

Ngôn ngữ của Steinbeck cũng sai lệch, Ortego cáo buộc. Người Mỹ gốc Mễ không nói năng như các nhân vật của Steinbeck, kể cả bằng tiếng Anh hay Tây Ban Nha.

Trên hết, ông nói: “tin vào mô tả về các đặc tính của người Mỹ gốc Mễ của Steinbeck trong *Thị Trấn Tortilla Flat* là củng cố lại những định kiến và hí họa phổ biến nhất về người Mỹ gốc Mễ” và “chân dung người Mỹ gốc Mễ... là sự bất công đối với những người mà tổ tiên họ – cả người Tây Ban Nha và người da đỏ – đã có mặt trên lục địa này hàng thế kỷ.”

Thị Trấn Tortilla Flat “là một cuốn sách buồn về nhiều khía cạnh hơn mức mà John Steinbeck có thể tưởng tượng ra” – Ortego viết.

Trong cuốn *Những hình ảnh về người Mỹ gốc Mễ trong Tiểu thuyết và Phim ảnh* (1980), Arthur C. Pettit cũng thẳng thắn (và chỉ trích) như vậy: “*Thị Trấn Tortilla Flat* là ví dụ rõ ràng nhất về sự man dã thoải mái trong văn chương Mỹ về người Mễ. Dù gì đi nữa thì đây là cuốn sách thường được trích dẫn nhất như là tiểu thuyết Anglo tiêu biểu về người Mỹ gốc Mễ. Việc nó đã sản sinh ra tương đối ít những quyển bắt chước càng khẳng định vị trí độc tôn của nó trong khi làm nổi bật thực tế là cuốn tiểu thuyết chứa đựng những nhân vật rất gần với những hình mẫu người Mễ tiêu cực nhất.”

Pettit lấy ví dụ: “Nếu quả những người Mễ trong *Thị Trấn Tortilla Flat* uống đến mức đủ để làm hầu hết mọi người chết... [tại sao] họ không chịu đựng tác động xấu lên cơ thể mà cũng chẳng bị sang chấn tâm lý. Những người con của tự nhiên này cũng chia sẻ đàn bà ở một mức độ phóng khoáng mà chẳng thể nào là một phần của văn hóa người Mễ hay người Mỹ gốc Mễ.”

Trên hết, Pettit kết luận: “Cách Steinbeck đối xử với các

paisano dấy lên ngờ vực về những bóp méo có tính cách sắc tộc. Những kẻ Anglo lạc loài của Steinbeck thường là những kẻ kỳ dị thực sự – những gã ngốc, người què quặt, người vô gia cư mấp mé bên rìa chính chủng tộc của họ. Trong khi đó, Danny và các bạn của mình, lại chính là chủng tộc của họ như Steinbeck cho phép ta nhìn thấy.”

Trong tiểu luận “Steinbeck và vấn đề sắc tộc” (trong cuốn *Chùm Nho Phần Nộ: Các tiểu luận về Steinbeck*), Susan Shillingshaw trích dẫn Louis Owens, nhà phê bình chuyên nghiên cứu Steinbeck, khi nói Steinbeck “không giúp ích gì nhiều cho thuyết đa văn hóa. Cách ông đối xử với phụ nữ và những người mà ngày nay ta gọi là da màu còn nhiều khiếm khuyết. Ông là người da trắng, người đàn ông trung lưu xuất thân từ vùng Salinas. Ông là sản phẩm của thời đại ông.”

Về mối quan tâm của Steinbeck đến các *paisano*, bà viết: “một phần có tính chất tâm lý – nghiên cứu con người trong nhóm – và một phần có tính cách thực tế – ‘lịch sử’ của một văn hóa thứ cấp – và cuối cùng có phần thẩm mỹ – vật lộn với mép ngoài của biểu đạt nghệ thuật.”

Dường như rất có thể trong tương lai sẽ có thêm những phê phán như của Ortego, Pettit và Owens.

Steinbeck thường sử dụng các chủ đề và huyền thoại cổ xưa hay các điển tích kinh thánh trong tiểu thuyết của mình: *Chiếc Cốc Vàng* kể lại huyền thoại tên cướp biển Henry Morgan; *Gửi Vị Thần Chưa Biết* sử dụng huyền thoại cổ về vị vua đánh cá; *Thị Trấn Tortilla Flat* và *Phố Cannery* sử dụng các ngụ ngôn về vua Arthur; *Trong Trận Chiến Mơ Hồ* với tôi, dường như gợi tới điển tích kinh thánh về việc đánh mất sự ngây thơ và chối từ ân sủng trong Vườn Địa Đàng; *Cửa Chuột Và Người*, *Phía Đông Vườn Địa Đàng* rõ ràng là kể lại chuyện

Cain và Abel (tôi có phải là kẻ canh giữ người anh em của mình?); và Chùm Nho Phần Nộ, vốn chứa đựng nhiều, rất nhiều, tham chiếu đến kinh thánh, thuật lại chuyện một bộ lạc người Israel và hành trình từ Ai Cập, vùng đất ngục tù, xuyên qua sa mạc, đến vùng đất của riêng mình – ngoại trừ hành trình của những người dân bang Oklahoma đến California là hoàn toàn trái ngược với câu chuyện kinh thánh: những người dân bang Oklahoma không tìm thấy tự do ở California, mà chỉ thêm thành kiến và khổ đau trong xứ sở của mặt trời và cam.

Tiêu đề các chương trong *Thị Trấn Tortilla Flat* góp phần vào việc kể câu chuyện. Dường như các tiêu đề này không có trong bản thảo đầu tiên. Một số nhà phê bình tin rằng người vợ đầu của Steinbeck, Carol, gợi ý mô-típ Vua Arthur. Nhưng ai cũng biết cuốn sách đầu tiên thu hút trí tưởng tượng trẻ trung của Steinbeck là những câu chuyện về Vua Arthur.

Jay Parini đã viết trong cuốn *John Steinbeck: Một tiểu sử*:

Khi viếng thăm dì Molly, người em mê sách của mẹ ông, vào mùa hè năm 1912, ông được giới thiệu bản của Malory^[12] về huyền thoại vua Arthur. Sau này, ông nhớ lại mình đã ngồi dưới một gốc cây “choáng ngợp và bị cuốn trôi đi” bởi những chuyện kể mạnh mẽ ấy, gây nên một ấn tượng không phai với cậu thiếu niên. Cấu trúc của những câu chuyện anh hùng này sẽ nâng đỡ rõ rệt nhiều trong số các tiểu thuyết hay nhất của ông, chẳng hạn *Thị Trấn Tortilla Flat* và *Phố Cannery*, trong khi các khía cạnh của huyền thoại Camelot sẽ ảnh hưởng kín đáo gần như đối với mọi tác phẩm của ông. (Cuộc tìm kiếm “người tốt” của Malory là thiết yếu cho tiểu thuyết của ông, chẳng hạn. Người ta cũng thấy các phiên bản người phụ nữ lý tưởng của Malory thường xuyên xuất hiện. Sự phản bội vua của ngài Lancelot là một hình ảnh then chốt trong tâm thức

của Steinbeck, nó cung cấp nhiều thông tin về tác phẩm và có lẽ cả cuộc đời của ông.) Mức độ mà Malory bao trùm lấy ông được ghi nhận trong sự kiện rằng ông bỏ ra cả thập niên cuối đời đắm chìm trong tác phẩm đó, thậm chí thuê một căn nhà nhỏ cả năm ở Somerset thuộc nước Anh – chỉ để được ở gần địa điểm được cho là lâu đài Camelot^[13].

Và Steinbeck có lẽ biết thứ tiếng Tây Ban Nha của *paisano* đủ để biết rằng Monterey có nghĩa là “Núi của Vua.”

Năm 1934, Steinbeck viết cho đại diện văn chương của mình, Mavis McIntosh (trích trong *Steinbeck: Một cuộc đời qua thư từ*):

Tôi dự định viết gì đó về thị trấn Tortilla Flat và về vài ý tưởng mà tôi đã nảy ra về nó. Cuốn sách có một chủ đề rất dứt khoát. Tôi nghĩ nó khá rõ rệt. Tôi mong đợi là kế hoạch sử dụng hội bạn của Arthur sẽ được nhận ra, rằng Gawaine và Lancelot của tôi, Arthur và Galahad^[14] của tôi sẽ được nhận ra. Ngay cả khi sự kiện Sangreal^[15] trong cuộc tìm kiếm trong rừng, tôi đồ là không rõ lắm. Hình thức cuốn sách sẽ theo bản của Malory, sự xuất hiện của Arthur và phẩm chất thần bí của việc sở hữu một căn nhà, sự hình thành chiếc bàn tròn, các cuộc phiêu lưu của các hiệp sĩ, và cuối cùng, sự chuyển hóa thần bí của Danny.

Nhà phê bình Joseph Fontenrose thì chỉ ra *Thị Trấn Tortilla Flat* tương đồng với truyền thuyết vua Arthur như thế nào (trong bài “*Thị Trấn Tortilla Flat* và sự ra đời của một huyền thoại” trong cuốn *Các tiểu thuyết ngắn của John Steinbeck* của Jackson Benson). Ông thấy những tương đồng này: Sau một thời thơ ấu lặng lẽ, Arthur thừa kế một vương quốc và chuyển từ người bình thường sang thành chúa đất (Danny thừa kế hai căn nhà); nhà vua mới gặp rắc rối với các vua chư hầu và tử

tước, những người này không chịu thần phục (Pilon và Pablo từ chối trả tiền thuê căn nhà thứ hai cho Danny), nhưng cuối cùng bị đánh bại (căn nhà cháy rụi) và giảng hòa. Arthur (Danny) tập hợp các hiệp sĩ (các người bạn) quanh Bàn Tròn và cấp đất cho họ (mái nhà và chỗ ngủ). Các hiệp sĩ tuyên thệ hết mình (các bạn của Danny hứa sẽ đảm bảo chàng không bao giờ bị đói). Arthur và các hiệp sĩ chú ý đến Pelles, Vua Maimed và chiếc cốc thánh mà ông giữ (Cướp Biển và kho tàng). Percival, vốn không được các hiệp sĩ đoái hoài, được cho một chỗ giữa các hiệp sĩ (Cướp Biển được cho một góc trong nhà Danny, nơi anh ta ngủ cùng bầy chó).

Đây chỉ là chưa tới một nửa những tương đồng mà Fonterose phát hiện được. Thực tế, ông đã dò theo những tương đồng như vậy trong suốt toàn bộ cuốn sách. (Nghĩ lễ và biểu tượng của nhà thờ Thiên chúa giáo cũng là những chìa khóa đối với cả các huyền thoại vua Arthur và Thị trấn Tortilla Flat.)

Cách Steinbeck tái hiện lại các huyền thoại của Malory thực ra rất khéo léo. Thượng đế cho Galahad một chiếc thuyền, trên đó, ông khám phá ra một vương miện lụa và một thanh kiếm tuyệt diệu. Một dịp khác, một chiếc thuyền trống rỗng khác trôi đến chỗ Arthur khi ông đứng bên bờ sông; nó đưa ông đến một lâu đài có rượu thịt ê hề. Steinbeck cho một chiếc xuồng dạt tới chỗ Jesus Maria gần Seaside, California – chàng ta chèo nó tới Monterey, bán được bảy đô-la, và mua rượu cho mình cùng một món quà cho Arabella.

Trong diễn biến nổi tiếng nhất (và hiển nhiên nhất) trong huyền thoại của Malory, các hiệp sĩ (các *paisano*) đi tìm kiếm chiếc Cốc Thánh; thay vì tìm thấy chiếc Cốc, họ tìm thấy mồi đánh dấu của Cơ quan Khảo sát địa chất Hoa Kỳ mà họ nhận

ra là không thể đào lên để bán lấy rượu, bởi vì không ai dám mua.

Cuốn sách của Mark Twain *Một Tay Yankee Người Connecticut Trong Lâu Đài Của Vua Arthur* chắc chắn là sách cùng loại với *Thị Trấn Tortilla Flat*. Samuel Clemens^[16] có thể đã đọc những chuyện về vua Arthur khi còn bé, như Steinbeck, và rồi quay trở lại với các câu chuyện ấy khi đã lớn, cũng giống như Steinbeck.

Nhưng Steinbeck đã ra dấu hiệu – cả công khai và kín đáo – rằng ta chớ xem *Thị Trấn Tortilla Flat* là thuật lại một trăm phần trăm hoàn hảo chuyện Vua Arthur.

Trong cuốn sách *John Steinbeck nhìn lại nước Mỹ*, nhà phê bình Louis Owens quan sát thấy rằng “cách Steinbeck dùng lito rất cẩn thận trong lời dẫn truyện cũng cảnh báo ta về phương pháp ông dùng trong *Thị Trấn Tortilla Flat*.” (“Lito” là những lối nói giảm khinh, trong đó, một sự khẳng định được biểu đạt bằng sự phủ định của cái ngược lại, ví dụ như cô ấy “không phải là một ca sĩ tồi.”)

Lời dẫn truyện bắt đầu khá đơn giản với lời trần thuật: “Đây là câu chuyện kể về Danny, về những người bạn của Danny và về ngôi nhà của Danny. Nó là chuyện làm thế nào mà ba yếu tố này hợp thành một.” Và Steinbeck tiếp tục: “Bởi vì nhà của Danny *không phải là không giống* chiếc Bàn Tròn, và các bạn của Danny cũng *không phải là không giống* các Hiệp Sĩ Bàn Tròn.” [Owens in nghiêng]

Với cách dùng các lito, Steinbeck gợi ý chúng ta đừng xem những tương đồng với Bàn Tròn quá sát sao.

Sau đó, trong *Thị Trấn Tortilla Flat*, Steinbeck hỏi: “Arthur Morales ở đâu?”. Ông trả lời: “Chết ở Pháp...Chết cho tổ quốc của chàng. Chết ở một vùng đất lạ.” Trong mồ của chàng ở

Pháp, chết trong chiến tranh (Thế chiến thứ nhất). Trong phiên bản Bàn Tròn của Steinbeck, không có Vua Arthur.

Cũng trong lá thư năm 1934 gửi Mavis McIntosh, Steinbeck viết:

Tôi không có ý định làm sự tương đồng với chuyện bàn tròn thêm rõ ràng, mà chỉ đơn giản cho thấy sự lặp lại là có ở đó. Anh sẽ nhớ rằng hội bạn hình thành, bùng nổ rồi lụi tàn. Không có một chủ đề xuyên suốt cuốn sách, một trong những ý định là cho thấy rằng hiếm có chủ đề nào trong đời sống những con người này tồn tại qua đêm.

Elaine Steinbeck và Robert Wallsten, trong *Steinbeck: Một cuộc đời qua thư từ*, lưu ý rằng vấn đề chủ đề được giải quyết, ít ra là một phần, với cách sử dụng các tiêu đề chương giống như chuyện vua Arthur (có vẻ như được thêm vào ít lâu sau khi Steinbeck hoàn thành bản thảo đầu tiên).

Trong *Thị Trấn Tortilla Flat*, Steinbeck bắt đầu bàn đến những người nghèo bị chà đạp. Chúng ta có thể thấy họ trở đi trở lại trong Trong Trận Chiến Mơ Hồ; là Lennie và George trong Cửa Chuột Và Người; như gia đình Joad và những gia đình Oklahoma khác trong Chùm Nho Phần Nộ; trong Phố Cannery và cuốn tiếp theo, Ngày Thứ Năm Ngọt Ngào. Thực ra, có thể nói Steinbeck đạt đỉnh cao khi ông viết về Danny và các *paisano*, về George và Lenny, về Tom và Ma Joad và về các cậu bé trên phố Cannery, hơn là khi (sau này) quay sang các địa phương khác và những nhân vật thành công hơn (và phổ biến hơn), chẳng hạn Ethan Allen Hawley trong *Mùa Đông Chúng Ta Bất Mãn*.

Với *Thị Trấn Tortilla Flat*, Steinbeck cũng có một phương tiện thích hợp cho triết lý của ông về nhóm. Trong thời Đại suy thoái, gia đình khó có thể gắn kết với nhau cả về mặt tài

chính, tinh thần và tâm lý. Trong *Thị Trấn Tortilla Flat*, Steinbeck cho ta thấy rằng các cá nhân (các hiệp sĩ) trở thành nhà Danny (bàn tròn) và nhà Danny là một phần của thị trấn Tortilla Flat, Tortilla Flat là một phần của Monterey và Monterey là một phần của thế giới rộng lớn hơn.

Steinbeck quan tâm đến sự ra đời, tồn tại và cuối cùng cái chết của nhóm, một “hội đoàn” – trong đó, “tôi” trở thành “chúng ta.” Trong phiên bản bàn tròn kiểu paisano của mình ở Tortilla Flat, ông tưởng tượng ra sự ra đời, cuộc sống và cái chết lý tưởng của hội đoàn.

Hội đoàn là một ý tưởng sinh/triết học mà Steinbeck và người bạn, nhà sinh vật học hải dương Ed Ricketts, bàn luận trong suốt mối quan hệ của họ.

Trong bài “Thị trấn Tortilla Flat và Sự ra đời của huyền thoại” (trong cuốn Các tiểu thuyết ngắn của John Steinbeck, Jackson Benton biên soạn) Fontenrose cũng viết:

Căn nhà là một sinh thể. Trong *Thị Trấn Tortilla Flat*, quan điểm sinh học của Steinbeck khá rõ rệt, và lần đầu tiên ông tận dụng một cách cố ý, thậm chí hài hước, khái niệm nhóm như một sinh thể. Những từ đầu tiên là: “Đây là câu chuyện kể về Danny, về những người bạn của Danny và về ngôi nhà của Danny. Nó là chuyện làm thế nào mà ba yếu tố này hợp thành một, cho nên ở thị trấn Tortilla Flat, nếu bạn nói tới nhà của Danny thì không có nghĩa là bạn nói về một kết cấu bằng gỗ lổm đổm vôi bạc phếch.... Không phải vậy, khi nói tới nhà của Danny, người ta biết là bạn đang nói về một chỉnh thể hợp thành từ những con người, từ đấy sinh ra sự ngọt ngào và sướng vui, lòng nhân ái và cuối cùng là một nỗi sầu bí ẩn.” Sinh thể nhóm không chỉ là cộng dồn các bộ phận của nó, và cảm xúc của các bộ phận đơn vị hợp lại thành một cảm xúc

nhóm đơn nhất.

Trong lời nói đầu cho bản in cuốn *Thị Trấn Tortilla Flat* của Modern Library, năm 1937, Steinbeck đề xuất nguyên tắc sinh thái mà một sinh thể sẽ thích nghi với môi trường: các *paisano*, ông viết, “là những người hòa hợp thành công với môi trường sống. Ở con người, đây là cái được gọi là triết lý, và ấy là một điều tốt.”

Steinbeck và Ricketts cũng chia sẻ tư duy triết thuyết phi mục đích, đó là nhấn mạnh cái *bây giờ* hoặc cái *đang là* hơn là cái tại sao của một tình huống. Các *paisano* của Tortilla Flat là những phương tiện lý tưởng phục vụ cho tư duy phi mục đích của Steinbeck. (Sau này, niềm tin của Steinbeck vào triết thuyết phi mục đích được bộc lộ ở nhan đề trong khi viết *Của Chuột Và Người*: “Điều gì đó xảy ra”.)

Thị Trấn Tortilla Flat khảo nghiệm cái đang là, hơn là cái nên là.

Tư duy phi mục đích cũng liên quan đến nguyên tắc sau: tình yêu tự do, chắc chắn là một chìa khóa cuộc sống của các *paisano*; chấp nhận sự vật như nó đang hiện hữu, cũng là một yếu tố then chốt trong cuộc đời của những người ở thị trấn Tortilla Flat; chấp nhận Thượng đế và nhà thờ cùng các vấn đề tôn giáo; không quan tâm đến những thứ vật chất (đồ đạc, của mình hay của người khác, đều có thể được mang đổi lấy rượu); và giá trị của tình bạn đặt trên giá trị tiền bạc.

Với các *paisano*, Steinbeck tạo ra có lẽ là biểu hiện lý tưởng cái tư duy phi mục đích của ông, mặc dù ông còn trở lại với triết lý này trong *Của Chuột và Người*, và những cuốn khác.

Charles Metzger, trong bài tiểu luận “Người Mỹ gốc Mễ của Steinbeck,” viết:

Các *paisano* của Steinbeck từ chối tán thành những quan

điểm về thế giới và quyền hành xử trong thế giới đó khiến họ được nể trọng và/hoặc hiểu được đối với những người hàng xóm hoặc độc giả đã chấp nhận chuẩn mực đạo đức Tin lành Anglo-Saxon của người da trắng. Họ chủ yếu từ chối bằng cách bảo vệ hình ảnh về một phong cách sống thích hợp tích cực, tự do hơn, gần như quý phái hơn,... lãng mạn theo nghĩa cũ. Hoàn toàn không phải là ngẫu nhiên hay để châm biếm mà Steinbeck chọn mô tả các paisano của ông dựa theo truyền thuyết Vua Arthur – theo cái phong cách mà con người vĩ đại và khát khao lãng mạn Thomas Malory ca ngợi những chiến binh Briton lãng mạn ngày xưa, các hiệp sĩ bàn tròn, qua văn của mình.

Về cáo buộc, thường được đưa ra, rằng cách Steinbeck đối xử với các paisano là lãng mạn và ủy mị, tôi chỉ có thể trả lời rằng: (a) hiển nhiên nó là lãng mạn, và (b) sự lãng mạn đó không ủy mị, mà là khá thích hợp – nó thực sự khớp với những sự kiện trong cuộc đời, vì cuộc đời là do những người có thực điều hành – những người cung cấp cho Steinbeck hình mẫu cho các nhân vật hư cấu của mình. Dĩ nhiên Steinbeck tự làm cho hai khẳng định này thêm rõ rệt bằng cách hướng sự chú ý của độc giả tới những điểm tương đồng với truyền thuyết vua Arthur mà qua đó ông phát triển chuyện kể của mình. Việc những điểm tương đồng đó phần nào làm một số độc giả bối rối, một phần do thực tế là họ, chứ không phải Steinbeck, có lẽ tư duy theo nghĩa đen thái quá. Nhưng có thể phần nào cũng do sự thể là Steinbeck không thông báo cụ thể cho các độc giả Anglo của mình những điều mà ông biết, và những điều mà hầu hết người Mỹ gốc Mễ biết, về những khái niệm vận hành rất thực và chủ động “dignidad de la persona,”^[17] “muy hombre,”^[18] “macho.”^[19] Những khái

niệm này mô tả theo phong cách Mexico một số điều rất thực mà Steinbeck nói tới khi ông nhắc đến “hệ đạo đức triết lý khác biệt” của các paisano, khi mà thực ra ông tả các paisano, được nhìn qua lăng kính của ông, bằng những ngôn ngữ quý tộc.

Tóm lại, Steinbeck đánh giá các huyền thoại về Vua Arthur và các *paisano* đều quá cao nên không thể hạ thấp cả hai.

Bằng cách thêm ngôn ngữ của *paisano* và quy tắc đạo đức rối rắm của họ vào tiểu thuyết của mình, ông nâng họ lên tầm của Arthur, mà không hạ thấp họ hay các câu chuyện về các hiệp sĩ mà ông say mê gần như cả đời.

Các nhà phê bình cho rằng giọng điệu của cuốn sách thay đổi xuyên suốt; quả đúng như thế. Steinbeck trộn lẫn mối quan tâm nghiêm túc của ông dành cho các paisano với chủ nghĩa anh hùng giả vờ; sự tôn trọng với bông đùa; vui nhộn âm ỉ với nghiêm túc. Một số người phàn nàn rằng kết cục của tiểu thuyết đen tối hơn nhiều so với hầu hết văn bản cuốn sách, nhưng Steinbeck dự đoán việc nhà Danny sụp đổ và cái chết của chàng qua sự phá hủy say sưa mà Danny gây ra ở đoạn đầu của câu chuyện.

Thị Trấn Tortilla Flat là tiểu thuyết đầu tiên mà Steinbeck cho cấu trúc và chủ đề hài hòa xuyên suốt: trong cuốn này, ông kết hợp tình yêu dành cho các huyền thoại về vua Arthur với kiến thức và lòng yêu mến dành cho các paisano ở Monterey; ông cũng có thể thêm vào một cách hoàn hảo các yếu tố về thuyết hội đoàn của mình và tư duy phi mục đích mà ông phát triển cùng “người bạn Ed”, Ed Ricketts.

Bây giờ thì từ lâu rồi, Vịnh Monterey đã không còn cá xác-đin và các nhà xưởng trên phố Cannery cũng không còn nữa. Chỉ còn lại là đoạn mở đầu tuyệt diệu của Steinbeck cho cuốn

Phố Cannery.

Phố Cannery ở Monterey thuộc California là một bài thơ, một mùi thối, một tiếng ồn chói tai, một phẩm chất ánh sáng, một âm điệu, một thói quen, một niềm hoài nhớ, một giấc mơ. Phố Cannery là nơi tập kết và vương vãi hộp thiếc, sắt gỉ, và gỗ vụn, vĩa hè sứt mẻ, những lô đất đầy cỏ và những đồng tạp nham, những nhà máy đóng hộp cá xác-đin với tôn sóng, tiệm nháy, quán ăn và nhà thổ, những cửa hàng tạp hóa nhỏ đông đúc, phòng thí nghiệm và nhà trọ. Cư dân của nó, như người ta từng nói, là “đĩ điếm, ma cô, bạc bợm và du côn,” theo đó, anh ta có ý nói là tất cả mọi người. Giả như anh ta nhìn bằng một góc nhìn khác, biết đâu anh ta lại chẳng có thể nói: “thánh, thiên thần, kẻ tử đạo và những bậc linh hiển,” và anh ta cũng có ý nói về những người ấy.

Ở vùng Vịnh, ở Carmel và nơi khác, lán trại và nhà ổ chuột của các *paisano* giờ đã không còn, tất cả đã bị ủi để xây nhà hàng loạt, trung tâm mua sắm và đường sá. Nhưng qua cặp mắt của Steinbeck, ta vẫn còn thấy họ nói cười dưới ánh nắng vàng ấm áp, trong những ngày êm đềm ấy của thời Đại suy thoái, khi tình bè bạn và rượu vang còn có ý nghĩa hơn cả tiền bạc.

• • •

Đây là câu chuyện kể về Danny, về những người bạn của Danny và về ngôi nhà của Danny. Nó là chuyện làm thế nào mà ba yếu tố này hợp thành một, cho nên ở thị trấn Tortilla Flat nếu bạn nói tới nhà của Danny thì không có nghĩa là bạn nói về một kết cấu bằng gỗ lổm đổm vôi bạc thối, có cội hoa hồng dại rậm rạp um tùm. Không phải vậy, khi nói tới nhà của Danny, người ta biết là bạn đang nói về một chỉnh thể hợp

thành từ những con người, từ đấy sinh ra sự ngọt ngào và sướng vui, lòng nhân ái và cuối cùng là một nỗi sầu bí ẩn. Bởi vì nhà của Danny không phải là không giống chiếc Bàn Tròn, và các bạn của Danny cũng không phải là không giống các Hiệp Sĩ Bàn Tròn. Đây cũng là câu chuyện về việc nhóm bạn này đã hình thành như thế nào, đã đâm hoa kết trái thành một tổ chức đẹp đẽ và khôn ngoan ra sao. Câu chuyện xoay quanh những chuyến phiêu lưu của các bạn của Danny, những việc thiện họ làm, cùng bao suy nghĩ và nỗ lực của họ. Cuối cùng, câu chuyện kể lại việc linh hồn của nhóm đã mất đi thế nào và nhóm đi đến chỗ tan rã ra sao.

Ở Monterey, thành phố cổ kính miệt duyên hải California ấy, ai cũng biết những chuyện này, chúng được kể đi kể lại nhiều lần, đôi khi còn được thêm thắt. Đã đến lúc câu chuyện truyền kỳ này nên được chép lại để trong tương lai các học giả, những người chỉ nghe phong thanh về các huyền thoại này, không thể nào tuyên bố như họ từng tuyên bố về Vua Arthur, về Roland, hay Robin Hood – “Làm quái gì có Danny, làm quái gì có những người bạn của Danny, mà cũng chẳng có ngôi nhà nào cả. Danny là một vị thần thiên nhiên còn các bạn của Danny là biểu tượng nguyên thủy của gió, bầu trời và mặt trời”. Lịch sử này phải được chỉnh đốn ngay bây giờ và cho muôn đời để các học giả chua ngoa không thể buông lời mỉa mai khinh thị.

Monterey tọa lạc trên sườn một ngọn đồi, phía dưới là vịnh xanh biếc, còn sau lưng là rừng thông với những thân cây cao sẫm màu. Mạn dưới chân đồi là nơi sinh sống của người Mỹ, người Ý, những người đánh bắt và đóng hộp cá. Nhưng trên đồi nơi rừng và phố đan xen, nơi những con đường không biết tới nhựa đường và các góc phố vắng bóng đèn xanh đỏ,

các cư dân cố cựu của Monterey cư ngụ như người Anh bản địa xưa cổ thủ tại xứ Wales. Họ là các *paisano*.

Họ sống trong những căn nhà gỗ cũ kỹ dựng trong những cái sân đầy cỏ dại, quanh nhà thấp thoáng bóng thông rừng. Các *paisano* hãy còn chưa dính đến chủ nghĩa thương mại, chưa vướng víu vào các hệ thống kinh doanh rối rắm của Mỹ, và họ chẳng có gì để có thể bị đánh cắp, khai thác hoặc thế chấp, cái hệ thống ấy chưa tấn công họ mạnh mẽ lắm.

Paisano là ai? Một *paisano* là một người mang dòng máu lai giữa người Tây Ban Nha, người da đỏ, người Mexico và đủ thứ dòng máu da trắng. Tổ tiên anh ta đã sống ở California hơn một hay hai trăm năm. Anh ta nói tiếng Anh giọng *paisano* và nói tiếng Tây Ban Nha cũng giọng *paisano*. Khi bị chất vấn về chủng tộc, anh ta phần nộ tuyên bố mình mang dòng máu Tây Ban Nha thuần khiết và xắn tay áo lên cho người ta xem phần thịt mềm phía trong cánh tay mình gần như có màu trắng. Màu da anh, giống như màu của một cái tẩu thuốc nâu đã lên nước, anh đổ tại cháy nắng. Một *paisano* là như thế và anh ta sống ở cái thị trấn nằm trên sườn đồi về mạn phía trên của Monterey tên là Tortilla Flat, tức *Tortilla bằng phẳng*, mặc dù nó chẳng bằng phẳng chút nào.

Danny là một *paisano*, chàng lớn lên ở Tortilla Flat, mọi người ai cũng yêu quý chàng, nhưng chàng cũng không đặc biệt nổi bật trong đám trẻ con huyền ảo của Tortilla Flat. Chàng có quan hệ máu mủ hoặc yêu đương với gần hết mọi người trong thị trấn. Ông nội chàng là người có địa vị; ông sở hữu hai căn nhà nhỏ ở Tortilla Flat và được mọi người kính trọng vì giàu có. Nếu có những lúc chàng thanh niên mới lớn Danny ưa ngủ trong rừng, làm thuê trong các trang trại chăn nuôi, và vất vả kiếm đồ ăn với rượu uống từ một thế giới

chẳng mấy thân thiện, thì chẳng phải là vì chàng không có lấy những người bà con giàu ảnh hưởng. Danny nhỏ con, da ngăm ngăm và sôi nổi. Ở tuổi hai lăm cặp giò chàng cong hết như đường cong hai bên hông ngựa.

Bấy giờ, khi Danny hai mươi lăm tuổi, người ta đã tuyên chiến với Đức. Lúc nghe tin chiến tranh, Danny cùng với bạn mình là Pilon đang có hai ga-lông^[20] rượu vang (nhân tiện, Pilon là thứ người ta quẳng thêm vào khi gút một thương vụ – một chiếc giày chẳng hạn). Joe Voi, anh chàng người Bồ, thấy ánh lấp lánh của mấy cái chai giữa đám thông và thế là chàng nhập bọn với Danny và Pilon.

Rượu trong chai vơi đi thì lòng ái quốc của ba chàng bốc lên nghi ngút. Và khi rượu cạn thì họ khoác tay nhau, vì tình thân hữu và vì sự an toàn, đi xuống đồi, rồi cuốc bộ vào Monterey. Trước một trạm đăng lính họ âm ỉ tung hô nước Mỹ và thách thức nước Đức. Họ hú hét đe dọa Đế quốc Đức cho tới khi viên trung sĩ có nhiệm vụ ghi danh lính thức giấc trông quân phục vào rồi bước ra đường yêu cầu họ im lặng. Anh ta ở lại đó ghi danh cho họ.

Viên trung sĩ bắt họ xếp hàng trước bàn mình. Họ vượt qua mọi bài kiểm tra trừ bài về độ tỉnh táo và rồi viên trung sĩ bắt đầu hỏi Pilon.

“Anh muốn sung vào ngành nào?”

“Ngành quái nào chả được,” Pilon tự tin nói.

“Tôi đề là chúng tôi cần người như anh bên bộ binh.” Và Pilon được ghi vào bộ binh.

Rồi anh ta quay sang Joe Voi, khi đó anh người Bồ đang tỉnh ra. “Anh muốn vào đâu?”

“Tôi muốn về nhà,” Joe Voi rầu rĩ nói.

Viên trung sĩ cũng ghi cho chàng vào bộ binh. Cuối cùng,

anh ta khua Danny, lúc đó đang ngủ gục dưới chân anh. “Anh muốn vào đâu?”

“Hử?”

“Ý tôi nói là, ngành nào?”

“‘Ngành’, ý anh là sao?”

“Anh biết làm gì?”

“Tôi ấy à? Gì tôi cũng làm được.”

“Trước đây anh làm gì?”

“Tôi ấy à? Tôi chặn la.”

“Ồ, thế à? Anh có thể chặn được bao nhiêu con la?”

Danny chồm người tới trước, hỏi một cách vừa mơ hồ vừa chuyên nghiệp. “Các anh có bao nhiêu con?”

“Khoảng ba chục nghìn,” viên trung sĩ nói.

Danny phẩy tay. “Thắng hết chúng lại!” chàng đáp.

Thế là Danny đi Texas huấn luyện la trong suốt thời gian chiến tranh. Pilon thì hành quân quanh vùng Oregon cùng bộ binh, còn Joe Voi, như sau sẽ được làm rõ, đi tù.

Trở về nhà sau chiến tranh, Danny thấy mình trở thành người thừa kế như thế nào, và chàng tuyên thệ bảo vệ những kẻ bất lực ra sao.



Giải ngũ về nhà, Danny được tin mình là người thừa kế và là người sở hữu bất động sản. Ông cụ, tức là ông nội chàng, đã mất để lại cho Danny hai căn nhà nhỏ ở Tortilla Flat.

Nghe tin này, Danny cảm thấy trách nhiệm sở hữu hơi đè nặng mình. Thậm chí trước khi đi ngó khối tài sản của mình một cái, chàng mua một ga-lông vang đỏ rồi một mình nốc gần hết chỗ ấy. Khi đó thì gánh nặng trách nhiệm rời bỏ chàng, và bản chất tệ hại của chàng trỗi dậy. Chàng la hét, đập gãy mấy cái ghế trong một tiệm bi-da ở đường Alvarado; chàng dính vào hai trận đấu đả ngăn ngủi nhưng hoành tráng. Không ai để ý mấy đến Danny. Cuối cùng cặp giò vòng kiềng liêu xiêu đưa chàng tới cầu cảng, ở đó vào lúc tinh mơ này, các ngư dân người Ý mang ụng cao su đang đi ra biển.

Ác cảm sắc tộc làm Danny mất khôn. Chàng đe dọa các ngư dân. “Lũ mafia Sicile,” chàng gọi họ, rồi “Đồ cặn bã của hòn đảo ngục tù,” và “Đồ chó của chó của chó.” Chàng gào, “Chinga tu madre, Piojo.”^[21] Chàng trỏ ngón cái vào mũi và ra những cử chỉ tục tĩu dưới thắt lưng. Các ngư dân chỉ cười xòa, trở mái chèo, nói, “Chào Danny. Về nhà bao giờ thế? Tối sang chơi nhé. Bọn tôi có vang mới đấy.”

Danny giận lắm. Chàng rống lên, “Pon un condo a la

cabeza.”^[22]

Họ gọi, “Tạm biệt Danny. Tối nhé.” Rồi họ trèo lên những chiếc ghe nhỏ chèo ra các tàu sáng đèn, khởi động máy, xình xịch chạy đi.

Danny bị sỉ nhục. Chàng cuốc bộ ngược lại đường Alvarado, vừa đi vừa đập các cửa sổ, và ở dãy phố thứ hai thì bị một viên cảnh sát tóm tại trận. Vì lòng kính trọng pháp luật nên Danny im mồm. Nếu không phải vừa mới giải ngũ sau chiến thắng trước quân Đức, ắt hẳn Danny sẽ bị kết án tù sáu tháng. Rồi cuộc quan tòa chỉ nhất chàng ba mươi ngày.

Và thế là Danny ngồi trên chiếc giường xếp trong nhà tù thành phố Monterey suốt một tháng. Thỉnh thoảng chàng vẽ hình bậy bạ lên vách, và đôi khi chàng ngẫm nghĩ về sự nghiệp nhà binh của mình. Ở đó, trong xà lim nhà tù thành phố, thời gian trĩu nặng trên tay Danny. Thỉnh thoảng một gã say bị tống vào một đêm, nhưng nói chung tình hình tội phạm ở Monterey lạng lờ nên Danny khá là cô độc. Thoạt tiên lũ rệp làm chàng khó chịu, nhưng khi chúng quen với vị của chàng và chàng dần quen với những vết cắn của chúng, hai bên chung sống hòa bình.

Chàng bắt đầu chơi một trò hí kịch. Chàng bắt một con rệp, đập nó lên tường, vẽ một vòng quanh nó bằng bút chì và đặt tên cho nó là “Thị trưởng Clough.” Rồi chàng bắt những con khác và đặt tên chúng theo Hội đồng Thành phố. Chẳng mấy chốc chàng đã có một bức vách trang trí bằng những con rệp bị đập, mỗi con được đặt tên theo một nhân vật quyền cao chức trọng ở địa phương. Chàng vẽ thêm tai và đuôi, cho chúng những cái mũi rõ to và cả ria mép. Tito Ralph, viên cai ngục phát hoảng; nhưng ông không thóc mách với ai vì Danny không đưa vị quan tòa đã phạt giam chàng, cũng như không

viên cảnh sát nào vào danh sách. Chàng dành cho pháp luật sự tôn trọng đáng kể.

Một đêm nọ, cảnh tù cô quạnh, Tito Ralph vào xà lim của Danny mang theo hai chai rượu vang. Một tiếng sau ông ta ra ngoài lấy thêm rượu, có Danny tháp tùng. Trong tù chả có gì vui. Họ ngồi lì ở quán của Torrelli, chỗ họ mua rượu, cho tới lúc Torrelli tổng cổ họ ra. Sau đó Danny bò lên giữa rừng thông ngủ khì, trong khi Tito Ralph loạng choạng về báo cáo vụ vượt ngục.

Quãng giữa trưa, mặt trời chói chang đánh thức Danny, chàng quyết định trốn cả ngày để tránh bị truy đuổi. Chàng chạy và lẩn sau những bụi cây. Chàng thò ra khỏi những đám bụi thấp như một con cáo bị săn. Tối đến, khi các quy luật của cuộc chơi đã được thỏa mãn, chàng đi ra làm công chuyện của mình.

Công chuyện của Danny khá giản dị. Chàng tới cửa sau một tiệm ăn. “Có tí bánh mì cũ nào không, tôi xin cho con chó?” chàng hỏi đầu bếp. Trong khi con người cả tin đó đang gói ghém đồ ăn, Danny thó hai lát thịt nguội, bốn quả trứng, một miếng sườn cừu và một cái vĩ đập ruồi.

“Lúc nào đó tôi sẽ trả cho bác,” chàng nói.

“Không cần phải trả tiền cho đồ ăn thừa đâu. Đằng nào tôi cũng vứt đi nếu cậu không lấy kia mà.”

Nhờ thế Danny cảm thấy nhẹ nhõm hơn về chuyện ăn trộm. Nếu họ nghĩ như vậy, thì bề ngoài chàng vô tội. Chàng quay lại quán của Torrelli, đổi bốn quả trứng, miếng sườn cừu và cái vĩ đập ruồi lấy một ly rượu nho rồi rút vào rừng để nấu bữa tối.

Đêm tối và ẩm. Sương giăng như tấm màn rủ giữa đám cây thông đen sẫm canh giữ ranh giới đất liền của Monterey.

Danny rúc đầu xuống vội vã tìm chỗ trú ẩn trong rừng. Chàng nhận ra một bóng người khác vội vã phía trước mình; và khi khoảng cách thu hẹp, chàng nhận ra dáng đi hấp tấp của anh bạn cũ Pilon. Danny là người hào hiệp, nhưng chàng sực nhớ chàng đã bán sạch cả đồ ăn, chỉ còn mỗi hai lát thịt nguội và túi bánh mì cũ.

“Mình sẽ qua mặt Pilon,” chàng quyết định. “Cậu ta bước đi như một người mang đầy gà tây rô-ti và những thứ tương tự.”

Rồi đột nhiên Danny để ý thấy Pilon tay cứ túm ngang ngực áo khoác một cách thật đáng yêu.

“Này, Pilon, amigo^[23]!” Danny kêu lên.

Pilon hấp tấp đi nhanh hơn. Danny rảo bước chạy. “Pilon, người bạn nhỏ của tôi! Huynh đi đâu mà quá đổi vội vàng vậy?”

Chẳng dặng dưng, Pilon đành chờ. Danny tiến lại gần đầy cảnh giác, nhưng giọng chàng sôi nổi. “Tôi đi tìm huynh, hỡi người bạn thiên thần nhỏ bé yêu quý nhất của tôi, vì hãy xem này, tôi có ở đây hai miếng sườn tuyệt hảo lấy ra từ con lợn của chính Đức Chúa trời, và cả một túi bánh mì trắng ngọt ngào. Hãy chia sẻ lộc cùng tôi, hỡi Pilon, bạn bé nhỏ.”

Pilon nhún vai. “Chia thì chia,” chàng lầm bầm cáu kỉnh. Họ cùng nhau đi vào rừng. Pilon bối rối. Rốt cuộc chàng đứng lại, đối diện bạn mình. “Danny này,” chàng rầu rĩ hỏi, “Làm thế nào mà huynh biết tôi có một chai rượu mạnh dưới áo khoác?”

“Rượu mạnh ư?” Danny kêu lên. “Huynh có rượu mạnh sao? Chắc là để dành cho một bà mẹ già ốm nào đó,” chàng ngây thơ nói. “Chắc là huynh dành nó cho Đức Chúa Jesus khi Ngài trở lại. Tôi là kẻ nào, bằng hữu của huynh, mà có thể phán đoán chai rượu này được mang đến đâu. Vả lại tôi cũng chẳng khát. Tôi sẽ không đụng đến chai rượu này. Huynh hãy cứ xoi

miếng lợn rô-ti to dùng này của tôi, còn rượu của huynh, thì huynh cứ giữ lấy.”

Pilon nghiêm nghị đáp lời. “Danny, chia rượu với huynh thì cũng được thôi, năm mươi năm mươi. Nghĩa vụ của tôi là phải trông chừng huynh không được uống hết.”

Tới đó thì Danny bỏ dở đề tài. “Nơi quang quẻ này tôi sẽ nấu món thịt lợn, còn huynh hãy nướng những chiếc bánh đường trong túi. Hãy đặt rượu của huynh chỗ này, Pilon. Tốt hơn là ngay đây, để ta có thể nhìn thấy nó, và nhìn thấy nhau.”

Họ nhóm một đống lửa, nướng thịt nguội, và ăn chỗ bánh mì cũ. Chai rượu mạnh nhanh chóng cạn. Ăn xong, họ ngồi quanh đống lửa và nhấp nhấp cái chai như những con ong kiệt sức. Rồi sương buông lên người họ, hơi ẩm làm áo khoác xám đi. Gió buồn bã thổi dài trong rừng thông xung quanh.

Một đôi sau, một nỗi cô đơn chòng lỉnh Danny và Pilon. Danny nhớ về những người bạn biệt tăm biệt tích.

“Giờ này Arthur Morales ở đâu?” Danny hỏi, lật ngửa lòng bàn tay và chìa hai cánh tay về phía trước. “Chết ở Pháp rồi,” chàng tự trả lời, lật úp hai lòng bàn tay lại và tuyệt vọng buông thõng hai cánh tay. “Chết cho tổ quốc của chàng. Chết ở một vùng đất lạ. Khách lạ đi ngang mồ chàng mà có hay đâu Arthur Morales nằm đó.” Chàng lại nhấc hai lòng bàn tay thẳng lên trời. “Pablo ở đâu, con người tốt bụng đó?”

“Ở tù chứ ở đâu,” Pilon nói. “Pablo ăn cắp một con ngỗng giấu trong bụi; rồi con ngỗng đó cắn Pablo nên cậu ta la lên và thế là bị bắt. Bây giờ thì ngồi tù sáu tháng.”

Danny thở dài và đổi đề tài, vì chàng nhận ra rằng chàng đã hoang phí mỗi quen biết duy nhất phù hợp cho màn diễn thuyết. Nhưng nỗi cô đơn vẫn còn đầy ứ trong chàng đòi hỏi một lối ra. “Ta ngồi nơi đây,” cuối cùng chàng bắt đầu.

“– lòng ta quất quay,” Pilon nổi vắn.

“Không, đây không phải là một bài thơ,” Danny nói. “Ta ngồi nơi đây, không nhà không cửa. Ta đã cống hiến đời ta cho tổ quốc, mà giờ đây trên đầu ta chẳng có lấy một mái nhà.”

“Mà cũng chưa bao giờ có,” Pilon láu táu thêm vào.

Danny mơ màng uống cho tới lúc Pilon chạm vào khuỷu tay chàng và lấy lại cái chai. “Chuyện ấy nhắc tôi nhớ,” Danny nói, “câu chuyện một người có đến hai cái nhà thổ –” Chợt chàng há hốc miệng. “Pilon!” chàng kêu lên. “Pilon! Con vịt úc núc nhỏ bé, người bạn bé bỏng của tôi. Tôi quên phứt đi mất! Tôi chính là người thừa kế! Tôi có hai căn nhà.”

“Nhà thổ ư?” Pilon hỏi giọng tràn đầy hy vọng. “Huynh là một tay nói dối say mèm,” chàng tiếp.

“Không phải, Pilon. Tôi nói thật đấy. Ông cụ mất. Tôi là người thừa kế. Tôi, đứa cháu trai được yêu quý nhất.”

“Huynh là cháu trai duy nhất mà,” Pilon, con người thực tế, nói. “Mấy căn nhà này ở đâu?”

“Huynh biết nhà ông cụ ở Tortilla Flat không, Pilon?”

“Ở ngay vùng Monterey này sao?”

“Đúng rồi, ở đây, ngay Tortilla Flat.”

“Mấy căn nhà này còn ngon lành không?”

Danny rụt người lại, kiệt sức vì cảm xúc dâng trào. “Tôi không biết nữa. Tôi quên là mình sở hữu chúng.”

Pilon ngồi lặng yên tiêu hóa tin này. Sắc mặt chàng trở nên u ám. Chàng ném một nắm lá thông vào đồng lửa, ngắm ngọn lửa bùng lên nắm lá rồi lụi đi. Cả một hồi lâu chàng nhìn vào mặt Danny với vẻ âu lo sâu sắc, và rồi Pilon thở dài rầm rĩ, rồi lại thở dài. “Giờ thì hết rồi,” chàng buồn bã nói. “Giờ thì những quãng thời gian tươi đẹp đã hết. Bạn bè của huynh sẽ

than khóc, nhưng than khóc cũng chẳng ích gì.”

Danny đặt chai xuống, Pilon nhặt lên, đặt nó trên lòng.

“Bây giờ thì cái gì đã hết?” Danny căn vặn. “Huynh định nói gì?”

“Đây không phải là lần đầu,” Pilon tiếp tục. “Lúc hàn vi người ta nghĩ, ‘Nếu có tiền mình sẽ chia sẻ với các bạn tốt của mình.’ Nhưng khi có tiền thì từ tâm vỗ cánh bay đi. Huynh thì cũng thế thôi, người-đã-từng-là-bạn của tôi ạ. Huynh được nâng lên cao hẳn so với bạn bè của mình. Huynh là một người có tài sản. Huynh sẽ quên bằng hữu của mình, những người từng chia sẻ mọi thứ cùng huynh, chia sẻ cả rượu mạnh của họ.”

Lời lẽ của Pilon làm Danny khó chịu. “Tôi không phải thế,” chàng kêu lên. “Tôi sẽ không bao giờ quên huynh, Pilon ạ.”

“Giờ thì huynh nghĩ vậy,” Pilon lạnh lẽo nói. “Nhưng khi huynh có hai căn nhà để ngủ, thì huynh sẽ thấy. Pilon sẽ chỉ là một *paisano* kiết xác mà thôi, trong khi huynh thì chè chén với ngài thị trưởng.”

Danny chệnh choáng đứng dậy, cố giữ cho mình đứng thẳng bằng cách tựa vào một thân cây. “Pilon à, tôi thề, cái gì của tôi cũng là của huynh. Khi tôi có một mái nhà, huynh cũng có một mái nhà. Cho tôi một hộp.”

“Tôi phải thấy thì mới tin được,” Pilon nói bằng giọng uể oải. “Nếu sự việc đúng như vậy thì đúng là một kỳ quan thế giới. Người ta sẽ đi cả nghìn dặm để chiêm ngưỡng. Và ngoài ra thì, chai rỗng rồi.”

Bị quyến rũ bởi lòng tham địa vị, Pilon khước từ lòng hiếu khách của Danny như thế nào.



Vị luật sư chia tay họ ở cổng ngôi nhà thứ hai rồi leo lên chiếc Ford của mình, chạy giật cục xuống dốc đồi để vào Monterey.

Danny và Pilon đứng trước hàng rào gỗ không sơn phết trầm trồ ngắm nhìn tòa nhà, một căn nhà thâm thấp quét vôi trắng đã cũ, và các cửa sổ không rèm trống trơn đóng kín mít. Nhưng ở hiên nhà có một cội hoa hồng đại khá to, và mọc lẫn trong đám cỏ nơi sân trước là những bụi phong lữ đại tướng.

“Trong hai căn thì căn này oách hơn,” Pilon nói. “Nó to hơn căn kia.”

Danny cầm cái chìa khóa mới toe trên tay. Chàng nhón chân đi qua hàng hiên ọp ẹp và mở khóa cửa trước. Căn phòng chính vẫn giống như thời ông cụ còn sống ở đó. Tấm lịch hoa hồng đỏ năm 1906, dải lụa trên tường, với hình Fighting Bob Evans^[24] đứng nhìn giữa các tầng của một chiến hạm, một bó hồng giấy được kết lại, những chuỗi ớt tỏi đầy bụi, cái bếp củi và cái ghế bập bênh tươi tắn.

Pilon thò đầu qua cửa. “Có những ba phòng,” chàng hỗn hển nói, “lại còn một cái giường và một bếp lò. Ở đây ta sẽ vui vẻ, Danny.”

Danny thận trọng di chuyển vào bên trong nhà. Chàng hãy còn ký ức đắng ngét về ông cụ. Pilon phóng ra trước chàng,

thẳng vào nhà bếp. “Bồn có vòi rửa này,” chàng kêu lên. Chàng xoay tay nắm. “Không có nước. Danny, huynh phải bảo công ty cấp nước mở nước lên.”

Họ đứng mỉm cười với nhau. Pilon nhận thấy nỗi âu lo về tài sản đang dồn về trên gương mặt Danny. Gương mặt ấy sẽ chẳng còn vô lo nữa trong cuộc đời. Danny sẽ không đập vỡ cửa sổ nữa vì giờ đây chàng có cửa sổ của riêng mình để đập. Pilon đã đúng – Danny đã lớn lên giữa các bằng hữu. Vai chàng đã gồng lên để chống đỡ những phức tạp của cuộc đời. Một tiếng kêu đau đớn buột ra khỏi chàng trước khi chàng vĩnh viễn rời bỏ cuộc sinh tồn xưa cũ và giản dị của mình.

“Pilon,” Danny buồn bã nói, “tôi ước chi huynh mới là người sở hữu và tôi có thể đến sống cùng huynh.”

Trong lúc Danny đi Monterey để kêu mở nước, Pilon đi lại vẩn vơ trong cái sân sau đầy cỏ rối. Đám cây ăn quả nơi đó khảng khiu, đen đũi, già nua, bị bỏ hoang nên xương xẩu và gãy đổ. Vài cái chuồng gà giống như những túp lều nằm chỏng chơ trong đám cỏ, một đồng đai thùng rỉ sét, một đồng tro và một tấm đệm ướt sũng. Qua hàng rào Pilon nhìn vào sân nuôi gà của bà Morales; cân nhắc một chút, chàng khoét mấy cái lỗ ở hàng rào cho mấy con gà mái. “Lũ gà này sẽ thích dọn ổ trong trong đám cỏ cao,” chàng suy nghĩ đầy thiện tâm. Rồi chàng nghĩ đến việc sẽ đặt một cái bẫy sập, đề phòng lũ gà trống cũng mò sang quấy rầy bọn gà mái khiến chúng bỏ ổ. “Chỗ này sẽ vui đây,” chàng lại nghĩ.

Từ Monterey, Danny bực tức trở về. “Cái công ty đó đòi tiền cọc,” chàng nói.

“Tiền cọc?”

“Ừ. Họ đòi ba đô-la thì mới mở nước.”

“Ba đô-la,” Pilon nghiêm nghị nói, “tức là ba ga-lông rượu.

Uống rượu xong, ta sẽ vay một xô nước của bà Morales hàng xóm là được”.

“Nhưng ta không có ba đô-la để mua rượu.”

“Tôi biết,” Pilon nói. “Hay là chúng ta vay ít rượu của bà Morales.”

Buổi chiều trôi qua. “Ngày mai chúng ta giải quyết chuyện này,” Danny thông báo. “Ngày mai ta sẽ lau chùi. Còn huynh, Pilon, huynh sẽ cắt cỏ và ném rác xuống khe núi.”

“Cỏ ư?” Pilon hốt hoảng kêu lên. “Không phải đám cỏ *kia* chứ.” Chàng giải thích với Danny lý thuyết của mình về lũ gà của bà Morales.

Danny đồng ý ngay tắp lự. “Bạn tội ơ,” chàng nói, “tôi sung sướng khi huynh đến ở với tôi. Bây giờ, trong khi tôi kiếm ít củi, huynh phải xoay cái gì đó cho bữa tối nhé.”

Pilon, nhớ tới chai rượu mạnh của mình, nghĩ rằng chuyện này không công bằng. “Mình đang bắt đầu nợ nần hần,” chàng cay đắng nghĩ. “Tự do của mình sẽ bị cắt phụn. Chẳng mấy chốc mình sẽ thành nô lệ vì cái căn nhà Do Thái này.” Nhưng chàng vẫn đi ra ngoài tìm gì đó cho bữa tối.

Cách hai dãy nhà, gần mép rừng thông, chàng bắt gặp một con gà trống ri choai đang bới bới trên đường. Nó đã đến cái tuổi choai choai khi giọng bắt đầu ồ ề, còn giò, cổ và ức đều trụi lủi. Có lẽ bởi vì chàng đang mải độ lượng nghĩ về mấy con gà mái của bà Morales, chú gà trống nhỏ này khơi dậy lòng cảm thông của Pilon. Chàng thông thả cuốc bộ về phía cánh rừng thông tối sẫm, con gà chạy trước mặt.

Pilon trầm ngâm, “Con gà trụi lủi bé nhỏ tội nghiệp. Mà hần phải lạnh lẽo biết bao trong buổi sáng tinh mơ, khi sương rơi và khí trời trở lạnh cùng với bình minh. Thượng đế nhân từ không phải lúc nào cũng quá tử tế với những loài thú nhỏ.”

Đoạn chàng nghĩ, “Nơi đây mà tung tăng trên đường, chú gà bé nhỏ. Ngày nào đó một chiếc xe hơi cán mà; và nếu nó giết chết mà, thì ấy sẽ là điều tốt đẹp nhất có thể xảy ra. Có khi nó chỉ làm mà gãy chân hay cánh. Thì khi đó cả đời mà sẽ lê lết trong khốn khổ. Cuộc đời quá khắc nghiệt với mà, ôi con chim bé nhỏ.”

Chàng di chuyển chậm rãi và thận trọng. Thỉnh thoảng con gà muốn quay đầu lại, nhưng Pilon luôn luôn đứng chắn đầu. Cuối cùng nó biến mất vào cánh rừng thông, và Pilon thong thả theo sau.

Vinh quang thay cho linh hồn chàng vì phải nói rằng không có tiếng kêu đau đớn nào phát ra từ lùm cây ấy. Con gà đó, mà Pilon đã tiên tri có thể phải sống trong đau đớn, đã chết trong bình an, hay ít ra thì trong thinh lặng. Việc ấy cũng không phải là tôn vinh nhỏ tí nào đối với kỹ thuật bắt gà của Pilon.

Mười phút sau, từ khu rừng chàng hiện ra và đi ngược lại về phía nhà Danny. Chú gà trống nhỏ, đã được vặt lông và xé ra, được giấu rải rác trong các túi của chàng. Nếu có một quy tắc ứng xử mạnh mẽ hơn bất cứ quy tắc nào khác đối với Pilon, thì nó là thế này: Trong bất kỳ tình huống nào, không được mang lông, đầu hay chân gà về nhà, vì không có những thứ này thì gà không thể nào bị nhận dạng.

Buổi tối họ đốt một đống lửa trong bếp củi. Lửa bập bùng phả vào ống khói. Danny và Pilon, no nê, ấm áp và vui vẻ, ngồi trên những chiếc ghế bập bênh nhẹ nhàng nhún tới nhún lui. Trong bữa ăn tối họ đã thắp một mẩu nến, nhưng lúc này chỉ có ánh sáng hắt ra từ các khe hở của bếp xưa bóng tối trong phòng. Để cảnh tượng thêm hoàn hảo, mưa bắt đầu gõ lộp lộp trên mái. Chỉ vài giọt dột qua, nhằm vào những chỗ đặng

nào cũng không có ai ngồi.

“Thế này, thật tốt,” Pilon nói. “Hãy nghĩ tới những đêm ta phải ngủ trong giá lạnh. Sống phải như thế này chứ.”

“Ừ, mà cũng lạ,” Danny nói. “Bao nhiêu năm tôi chẳng có nhà cửa gì. Giờ lại có những hai cái. Tôi không thể ngủ ở cả hai nhà.”

Pilon ghét sự lãng phí. “Cái sự này đúng là làm tôi bực bội. Sao huynh không cho thuê cái nhà bên kia,” chàng gợi ý.

Danny giậm chân lên sàn. “Pilon,” chàng kêu lên. “Sao tôi không nghĩ ra nhỉ?” Ý tưởng dần trở nên gần gũi hơn.

“Nhưng ai chịu thuê hả Pilon?”

“Tôi thuê,” Pilon nói. “Tôi sẽ trả mười đô-la một tháng.”

“Mười lăm,” Danny kiên quyết. “Căn nhà đó ngon lành. Đáng mười lăm đô đó.”

Pilon càu nhàu đồng ý. Nhưng chàng đã có thể đồng ý mức cao hơn nhiều, vì chàng đã nhìn thấy sự danh giá của một người sống trong nhà của riêng mình và Pilon muốn có sự danh giá ấy.

“Vây là đồng ý rồi nhé,” Danny chốt hạ. “Huynh sẽ thuê nhà của tôi. Ôi, tôi sẽ là một chủ nhà tốt, Pilon ạ. Tôi sẽ không làm phiền huynh đâu.”

Trừ thời gian đi lính, Pilon chưa bao giờ có đến mười lăm đô-la trong đời. Nhưng, chàng nghĩ, cả tháng nữa mới tới kỳ trả tiền thuê nhà, và ai mà biết được điều gì có thể xảy ra trong vòng một tháng.

Họ đứng đưa trên ghế một cách mẫn nguyện bên bếp lửa. Lát sau Danny đi ra ngoài một lúc rồi quay lại cầm theo mấy quả táo. “Đằng nào thì mưa cũng làm chúng hỏng,” chàng giải thích.

Pilon, không muốn kém, đứng dậy thắp nến; chàng đi vào

phòng ngủ và một lúc sau mang ra chậu rửa và bình nước, hai bình thủy tinh đỏ và một bó lông đà điểu. “Không nên bày biện quá nhiều đồ dễ vỡ xung quanh,” chàng nói. “Khi chúng vỡ, ta sẽ buồn. Tốt hơn là đừng bao giờ có chúng.” Chàng bóc những bông hồng giấy khỏi tường. “Để tặng Señora^[25] Torrelli,” chàng giải thích trong lúc đi ra cửa.

Chốc sau chàng quay lại, ướt lướt thướt vì mưa, nhưng hết sức đắc thắng vì chàng đã có một ga-lông rượu vang đỏ trong tay.

Lát sau họ cãi nhau gay gắt, nhưng không ai quan tâm đến chuyện thắng thua vì họ đã mệt nhoài với bao chuyện phấn khích trong ngày. Rượu vang làm họ chóng mặt, và họ lăn ra sàn mà ngủ. Lửa lụi dần; bếp lò kêu lách tích trong lúc nguội đi. Ngọn nến gục xuống rồi lụn đi trong chính đồng sáp đã chảy ra, với những đốm lửa xanh lam nhỏ, leo lét. Căn nhà tối, yên ắng và thanh bình.

Nọc độc của tài sản tác động tới Pilon như thế nào và cái ác đã tạm thời thắng thế trong chàng ra sao.



Hôm sau Pilon tới sống trong căn nhà bên kia. Căn này giống y hệt căn của Danny, duy chỉ nhỏ hơn. Khắp hiên nhà là hoa hồng dại, có khoảnh sân cỏ mọc rậm rì, có những cây ăn quả cần cỗi, lâu đời, có hoa phong lữ đỏ – còn trại gà của bà Soto thì ngay bên cạnh.

Danny trở thành một người vĩ đại vì có nhà cho thuê, còn Pilon cũng thăng tiến trên nấc thang xã hội nhờ việc đi thuê nhà.

Không thể nói liệu Danny có mong nhận được món tiền thuê nhà nào không, hay Pilon có tính trả đồng nào không. Nếu có, thì cả hai đều thất vọng. Danny không bao giờ đòi, mà Pilon cũng không bao giờ đề nghị trả.

Hai người bạn thường xuyên gặp gỡ nhau. Hễ Pilon vớ được một bình rượu hay một tảng thịt thì Danny chắc chắn sẽ ghé thăm. Và, nếu Danny may mắn hay tinh khôn cùng một cách như thế, thì Pilon cũng tung bưng một đêm với chàng. Pilon tội nghiệp ắt sẽ trả tiền thuê nhà nếu có lúc nào chàng có tí tiền, nhưng chàng chẳng bao giờ có – chẳng có tiền đủ lâu để tìm ra Danny. Pilon là người trung thực. Đôi khi chàng lo lắng nghĩ tới lòng tốt của Danny và tình trạng nghèo túng của mình.

Một đêm nọ chàng có một đô-la, kiếm được một cách lạ

lòng đến nỗi chàng cố quên chuyện ấy ngay lập tức vì sợ ký ức có thể khiến chàng phát điên. Một người đàn ông trước khách sạn San Carlos dúi vào tay chàng một đô-la, bảo “Chạy đi mua hộ bốn chai nước ngọt với. Khách sạn hết sạch rồi.” Những chuyện thế này hầu như là những phép màu, Pilon nghĩ. Người ta nên tin ngay những chuyện ấy, chớ có lo lắng, hỏi han gì. Chàng cầm một đô-la lên đường để đưa cho Danny, nhưng giữa chừng chàng mua một ga-lông rượu, và với chỗ rượu ấy chàng dụ được hai cô gái mũm mĩm vào nhà mình.

Danny, lúc ấy đi ngang, nghe tiếng ồn ào vui vẻ bèn tiến vào. Pilon ngã nhào vào cánh tay chàng và dâng hết mọi thứ cho Danny xử lý. Sau đó, khi Danny đã giúp xử lý một trong hai cô gái và nửa chỗ rượu vang, một vụ ẩu đả thực sự ngoạn mục xảy ra. Danny mất một cái răng, còn áo Pilon bị xé toạc. Hai cô gái đứng cạnh hét lên the thé, đá loạn xạ bất cứ người nào ngã xuống. Cuối cùng Danny đứng dậy được và húc vào bụng một trong cô gái, cô nàng văng ra cửa kêu ộp ộp như con ếch. Còn cô kia chồm hai cái xoong rồi theo gót cô trước.

Cả một đời sau, Danny và Pilon khóc lóc trước sự bội bạc của đàn bà.

“Huynh không biết bọn đàn bà gian ngoan thế nào đâu,” Danny nói với vẻ thông thái.

“Tôi biết thừa,” Pilon nói.

“Huynh không biết.”

“Tôi biết thừa.”

“Bốc phét.”

Thêm một vụ ẩu đả nữa nổ ra, lần này thì không mấy ngoạn mục.

Sau chuyện đó, Pilon cảm thấy ổn hơn khi nghĩ tới khoản

tiền thuê nhà không trả. Chẳng phải chàng đã tiếp đãi rất tử tế chủ nhà của chàng sao?

Một vài tháng trôi qua. Pilon lại bắt đầu lo lắng về tiền thuê nhà. Càng ngày, nỗi âu lo càng trở nên không chịu đựng nổi. Cuối cùng, trong tuyệt vọng, chàng rửa mực ống cho lão Chin Kee suốt một ngày và được trả hai đô-la. Tối đến chàng cột cái khăn tay đỏ của mình quanh cổ, đội cái mũ đáng kính của cha mình và bắt đầu leo lên đồi để trả hai đô-la còn nợ cho Danny.

Nhưng trên đường đi chàng mua hai ga-lông rượu. “Thế này sẽ hay hơn đấy,” chàng nghĩ bụng. “Nếu mình đưa hẳn tiền mặt thì sẽ không thể hiện mình cảm thấy tình bạn bè nồng ấm thế nào. Nhưng một món quà thì có. Và mình sẽ bảo hẳn hai ga-lông này hết năm đô-la.” Chuyện này thật ngớ ngẩn, Pilon biết điều đó, nhưng chàng tự phỉnh phờ mình. Chẳng ai ở Monterey này rành giá rượu hơn Danny.

Pilon lằng lằng tiến bước. Lòng chàng đã quyết; mũi chàng hướng thẳng về phía nhà Danny. Chân chàng chuyển động, không nhanh, nhưng đều đặn, đúng hướng. Mỗi cánh tay chàng xách một túi giấy, trong mỗi túi là một ga-lông rượu.

Hoàng hôn tím tím, đó là thời khắc ngọt ngào khi giấc ngủ ngày đã qua, và buổi tối của hoan lạc và hàn huyên chưa bắt đầu. Những thân cây thông in hình rất sẫm trên nền trời, và bóng tối che khuất mọi đồ vật trên mặt đất; nhưng bầu trời lại sáng rõ, thăm sâu như ký ức. Lũ mòng lười nhác bay về tổ từ những mỏm đá ngoài biển sau một ngày thăm viếng các nhà máy cá hộp vùng Monterey.

• • •

Pilon là người yêu cái đẹp và tin vào sự thần bí. Chàng

ngược mặt lên trời, linh hồn chàng rời bỏ thân thể bay bổng nhập vào ánh tà dương. Chàng Pilon không quá hoàn hảo đó – kẻ lăm toan tính và hay đánh lộn, kẻ thường say xỉn và ưa nguyên rủa – tiếp tục chậm chạp lê bước; nhưng còn một Pilon thâm trầm và sáng láng lại bay lên cùng lũ mòng biển, nơi chúng tắm trên những đôi cánh mong manh vào buổi tối. Chàng Pilon đó đẹp đẽ, và ý nghĩ của chàng không mang chút tỳ vết ích kỷ hay dục vọng nào. Những tư tưởng của chàng đáng được biết đến.

“Đức Chúa Cha của chúng ta đang ngự trong buổi tối này,” chàng nghĩ. “Những cánh chim này bay ngang vầng trán đức Cha. Ôi chim thân yêu, ôi mòng biển thân yêu, ta yêu các người biết bao. Những đôi cánh khoan thai của các người vỗ về lòng ta như bàn tay của một ông chủ dịu dàng vỗ về cái bụng căng đầy của một con chó đang ngủ, như bàn tay của Đức Ki-tô vỗ về những mái đầu trẻ nhỏ. Ôi chim thân yêu,” chàng nghĩ, “hãy bay về với Đức Mẹ Phiền Muộn Ngọt Ngào cùng với trái tim rộng mở của ta.” Và rồi chàng thốt lên những lời đáng yêu nhất chàng biết, “Ave Maria, gratia plena...”^[26]

Đôi chân của chàng Pilon xấu xa đã thôi chuyển dịch. Sự thật là chàng Pilon xấu trong giây phút ấy đã ngừng tồn tại. (Hãy nghe điều này, hỡi vị thiên thần đang nghiêng tai theo dõi!) Xưa không có, nay không có, và chưa bao giờ có một linh hồn nào tinh khiết hơn linh hồn của Pilon ở giây phút đó. Con chó trâu xấu xa của Galvez đến bên cặp giò bỏ ngỏ của Pilon trong bóng tối. Nhưng nó chỉ ngửi ngửi rồi bỏ đi mà không đớp cặp giò đó.

Một linh hồn đã được gột rửa và cứu rỗi là một linh hồn gặp nguy hiểm gấp đôi, vì mọi sự trong thế gian đều âm mưu chống lại một linh hồn như thế. Thánh Augustine nói, “Ngay

cả những cọng rơm dưới đầu gối ta cũng la hét để khiến ta xao lãng việc cầu nguyện.”

Linh hồn của Pilon lại không hề được trang bị để chống lại trí nhớ của chính chàng; vì, trong lúc ngấm lũ chim, chàng nhớ ra rằng bà Pastano thỉnh thoảng sử dụng mòng biển để làm món *tamale*^[27] của bà, và ký ức đó khiến chàng đói bụng, còn cơn đói làm linh hồn chàng ngã nhào khỏi bầu trời. Pilon đi tiếp, một lần nữa chàng lại là một sự trộn lẫn khéo léo giữa cái thiện và cái ác. Con chó trâu xấu xa của Galvez gặm gùr đuổi ngược lại, nuối tiếc vì đã bỏ qua một cơ hội hoàn hảo để độp giò Pilon Pilon khuỳnh tay cho mấy cái chai bột nặng.

Có một thực tế đã được xác thực và ghi nhận trong nhiều câu chuyện; đó là linh hồn nào có khả năng làm những điều thiện vĩ đại nhất thì cũng có thể làm những điều ác vĩ đại nhất. Có ai báng bổ Chúa hơn một linh mục vừa bị rút phép thông công? Còn ai ham nhục dục hơn một kẻ mới đó hãy còn trinh? Tuy nhiên, nhìn bề ngoài thì khó mà biết được điều này.

Pilon, mới từ Thiên đàng trở về, mặc dù chàng không hay biết điều đó, một mình hứng chịu những cơn gió rét buốt, phơi mình trước tất cả những lực lượng hắc ám đầy rẫy trong màn đêm vây quanh chàng. Đúng, chân chàng vẫn di chuyển về phía nhà Danny, nhưng những thành ý và sự quyết tâm thì đã biến mất. Đôi chân chàng chỉ chờ đợi cơ hội nhỏ nhất để trở bước. Pilon đã bắt đầu nghĩ tới chuyện với hai ga-lông rượu thì chàng có thể say xỉn kỳ tuyệt thế nào; chưa kể, chàng còn có thể say sưa trong bao lâu với hai ga-lông ấy.

Trời đã sấm sấm tối. Không còn nhìn thấy con đường đất hay hai con mương hai bên vệ đường. Cũng chẳng thể trách ai khi vào đúng cái giờ khắc mà những manh nha toan tính của Pilon đang chấp chới như một cái lông chim giữa một bên là

lòng hào hiệp và bên kia là sự ích kỷ, thì vào đúng cái giờ khắc ấy Pablo Sanchez lại tình cờ ngồi dưới con mương bên vệ đường ước ao có một điếu thuốc và một ly rượu.

Ôi chao, triệu triệu con chiên, họ phải chiến đấu khổ sở với nhau như thế nào mới đến được bên ngai vàng của Chúa.

Thoạt tiên Pablo nghe tiếng chân, rồi thấy một dáng người nhờ nhờ, và nhận ra Pilon. “Này, amigo,” chàng nồng nhiệt gọi. “Chẳng hay huynh mang gì mà nặng thế?”

Pilon đứng sững lại, quay mặt về phía con mương. “Tôi tưởng huynh ở tù,” chàng nghiêm nghị nói. “Tôi nghe nói chuyện con ngỗng.”

“Thì tôi có ở tù mà, Pilon,” Pablo vui vẻ nói. “Nhưng tôi không được đón tiếp tử tế lắm. Quan tòa bảo vào tù chẳng ích gì cho tôi, còn cảnh sát nói tôi ăn nhiều hơn suất của ba người. Và thế là,” chàng tự hào kết thúc, “tôi được tại ngoại”.

Pilon được giải cứu khỏi sự ích kỷ. Đúng chàng không mang rượu đến nhà Danny, nhưng ngay lập tức chàng mời Pablo chia sẻ chỗ rượu đó ở căn nhà thuê. Nếu có hai lối đi rộng rãi rẽ ra từ chính lộ của cuộc đời mà ta chỉ có thể chọn một, thì ai dám nói chắc lối nào tốt hơn?

Pilon và Pablo khấp khởi bước vào căn nhà nhỏ. Pilon thắp một ngọn nến và lấy hai hũ trái cây để làm ly.

“Chúc sức khỏe!” Pablo nói.

“Salud!^[28]” Pilon nói.

Và vài khắc sau, “*Salud!*” Pablo nói.

“Cạn chén nào!” Pilon nói.

Họ nghỉ một lúc. “Chén nữa nhé,” Pilon nói.

“Trăm phần trăm,” Pablo đáp.

Hai ga-lông là rất nhiều rượu, kể cả đối với hai chàng paisano. Về mặt tinh thần bình rượu có thể chia thành các nấc

thang như sau: Ngay dưới cổ chai thứ nhất, đối thoại nghiêm túc và tập trung. Xuống thêm năm phân, ký ức buồn dịu ngọt. Tám phân nữa, suy ngẫm về những mối tình đã qua và có hậu. Thêm hai phân rưỡi, suy ngẫm về những mối tình đã qua và cay đắng. Đáy bình thứ nhất, buồn bã vẫn vợ không định hướng. Cổ bình thứ hai, chán chường đen tối, báng bổ. Xuống hai ngón tay nữa, bài ca chết chóc hoặc sự hoài vọng. Thêm một ngón tay cái, bất cứ bài ca còn lại nào mà một trong hai người thuộc. Cầu thang dừng ở đây vì lúc này con đường sẽ rẽ đôi và không ai biết chắc cái gì sẽ xảy ra. Kể từ điểm này bất cứ chuyện gì cũng có thể.

Nhưng ta hãy quay lại nấc thang đầu tiên, chỗ còn đối thoại nghiêm túc và tập trung, vì Pilon ra đòn chính ở chỗ đó.

“Pablo,” chàng nói, “chẳng lẽ huynh không bao giờ chán cảnh ngủ vất vưởng dưới cống, ướt át và vô gia cư, không bằng hữu và cô độc?”

“Không,” Pablo nói.

Pilon dịu giọng thuyết phục. “Tôi cũng từng nghĩ y như vậy, bạn thân mến ạ; khi tôi còn là một kẻ cầu bất cầu bơ, tôi cũng hài lòng như huynh, vì tôi không hề biết rằng có một căn nhà nhỏ, có mái nhà trên đầu, và một cái vườn thì sung sướng đến dường nào. Pablo ôi, thế này mới thật là sống.”

“Cũng khá hay,” Pablo đồng ý.

Pilon dẫn tới. “Thấy chưa, Pablo, huynh có muốn thuê một phần nhà của tôi không? Huynh sẽ không còn phải nằm trên sàn đất lạnh lẽo nữa. Cát thô dưới cầu cảng cùng với những cưa còng sẽ không bao giờ chui vào giày của huynh nữa. Huynh có muốn chuyển tới đây sống cùng tôi không?”

“Cũng được.” Pablo nói.

“Xem nào, huynh chỉ phải trả mười lăm đô một tháng! Và

huynh có thể sử dụng toàn bộ cái nhà trừ giường của tôi, và toàn bộ khu vườn. Nghĩ mà xem, Pablo. Và nếu có ai đó muốn gửi huynh một bức thư, người ấy sẽ có chỗ để mà gửi thư tới.”

“Ừ”, Pablo nói. “Được đấy.”

Pilon thở ra nhẹ nhõm. Đến giờ chàng mới nhận ra gánh nợ đối với Danny đã trĩu trên vai mình thế nào. Mặc dầu chàng gần như chắc chắn rằng Pablo sẽ chẳng bao giờ trả đồng tiền thuê nhà nào nhưng việc ấy không làm sút mẻ thắng lợi của chàng. Nếu Danny có đòi tiền, Pilon có thể nói, “Tôi sẽ trả tiền, khi nào Pablo trả.”

Họ chuyển tới nấc thang kế tiếp và Pilon nhớ khi còn là một cậu bé con chàng đã hạnh phúc như thế nào. “Hồi ấy chẳng có gì phải lo lắng, Pablo ạ. Tôi không biết đến tội lỗi. Tôi vui sướng làm sao.”

“Kể từ lúc đó chúng ta chưa bao giờ vui sướng,” Pablo buồn bã đồng ý.

IV

Làm thế nào mà Jesus Maria Corcoran, một người tốt, trở thành một công cụ bất đắc dĩ của cái ác.



Cuộc đời êm ả trôi qua với Pilon và Pablo. Buổi sáng khi vầng dương nhô lên khỏi rừng thông, khi vùng vịnh xanh thẳm lặn tẩn, lấp lánh phía dưới họ, họ thong thả và trầm tư nhồm dậy trên giường.

Buổi sáng ngập tràn ánh nắng, ấy là lúc của niềm vui lặng lẽ. Khi sương lóng lánh trên những túm cỏ cắm quỳ, mỗi chiếc lá treo một hạt ngọc đẹp đẽ nếu không nói là quý giá. Ấy không phải là lúc vội vàng hay hối hả. Những ý nghĩ chậm chạp thâm trầm và óng vàng vào buổi sáng.

Pablo và Pilon vận quần jean xanh và sơ-mi màu nước biển sánh bước ra cái khe núi sau nhà, một lúc sau họ quay trở lại ngồi dưới ánh nắng ở hàng hiên trước, lắng nghe tiếng còi xe bán cá trên các con phố của Monterey, chuyện trò bằng giọng lơ đãng, buồn ngủ về sinh hoạt của Tortilla Flat; bởi vì mỗi ngày mà bánh xe thế gian lướt qua thì có cả nghìn chuyện giạt gân ở Tortilla Flat.

Họ ngồi đó thanh thản ở hàng hiên. Chỉ những đầu ngón chân họ ngọ nguậy trên cái sàn gỗ ấm áp mỗi khi có ruồi đậu lên.

“Nếu mọi hạt sương đều biến thành kim cương,” Pablo nói, “chúng ta sẽ giàu sụ. Chúng ta sẽ say sưa trọn đời.”

Nhưng Pilon, cái con người luôn bị sự thực tế hành hạ, để

vào, “Tới khi đó thì ai mà chẳng đầy kim cương. Kim cương sẽ mất giá, nhưng rượu thì lúc nào cũng tốn tiền. Phải chi trời mưa ra rượu suốt một ngày, ngay bây giờ, còn bọn ta thì có một cái bể để hứng.”

“Mà phải là rượu ngon đấy nhé,” Pablo xen vào. “Chứ không phải cái loại nước vo gạo tởm lợm như loại huynh mua hôm trước đâu.”

“Tôi có mua chỗ rượu đó đâu,” Pilon nói. “Ai đó giấu nó trong đám cỏ cạnh sà n nhảy. Huynh mong chờ gì với rượu vớ được chứ?”

Họ ngồi uể oải phẩy tay đuổi ruồi.

“Hôm qua cô nàng Cornelia Ruiz rạch cho thằng Mễ đen một nhát,” Pilon thông báo.

Pablo nhướn mày tỏ vẻ không quan tâm lắm. “Đánh nhau à?” chàng hỏi.

“Ồ không, thằng Mễ đen không biết Cornelia hôm qua đã có bồ mới, nên nó chui vào. Thế là Cornelia rạch nó.”

“Nó phải biết chứ,” Pablo nói đầy vẻ đứng đắn.

“À, nó đang ở dưới phố thì Cornelia kiếm được bồ mới. Nó chỉ định chui cửa sổ vào vì cô ả đã khóa cửa chính.”

“Thằng đen đó là thằng ngu,” Pablo nói. “Nó chết rồi hả?”

“Ồ, không. Cô nàng chỉ rạch nó đứt một chút trên cánh tay thôi. Cornelia không giận nó. Cô nàng chỉ không muốn thằng Mễ đen chui vào nhà.”

“Cornelia cũng chả phải loại đứng đắn gì,” Pablo nói. “Nhưng cô nàng vẫn làm lễ mi-xa cho cha mình, mặc dù ông cụ chết mười năm rồi.”

“Ông ta sẽ cần những lễ ấy,” Pilon nhận xét. “Lão ấy là người xấu nhưng lại chẳng bao giờ phải ngồi tù vì chuyện ấy, mà lão ấy cũng chưa đi xưng tội bao giờ. Khi lão Ruiz hấp hối,

có đức cha tới đến để an ủi lão, và Ruiz đã xưng tội. Cornelia nói mặt đức cha trắng bệch lúc ra khỏi phòng bệnh. Nhưng sau đó đức cha nói ông chẳng tin lấy một nửa những gì lão Ruiz thú nhận.”

Pablo, bằng một cú vọt nhanh như mèo, đập một con ruồi đậu trên đầu gối. “Lúc nào mà lão Ruiz chả nói dối,” chàng nói. “Linh hồn ấy sẽ cần nhiều lễ mi-xa. Nhưng huynh nghĩ liệu lễ mi-xa có tác dụng chẳng khi tiền làm lễ chảy ra túi của những gã say xỉn ngủ lại nhà Cornelia?”

“Lễ mi-xa là lễ mi-xa,” Pilon nói. “Người bán cho huynh ly rượu không quan tâm đến việc huynh moi hai lăm xu từ đâu ra. Và lễ mi-xa đến từ đâu thì Thượng đế cũng không quan tâm. Ngài thích lễ, y như huynh thích rượu vậy. Cha Murphy từng đi câu cá thường xuyên, và hàng tháng trời bánh thánh có vị như cá thu, nhưng điều ấy không làm bánh ấy bớt thánh. Chỉ có các linh mục mới giải thích được những việc này. Ấy chẳng phải là việc để ta lo âu. Tôi chỉ lo là chúng ta kiếm đâu mấy quả trứng để ăn. Bây giờ mà được ăn một quả trứng thì thú lắm.”

Pablo kéo mũ sụp xuống mắt để nắng khỏi rọi vào. “Charlie Meeler bảo tôi rằng Danny đang cặp với Rosa Martin, cái con bé người Bồ ấy.”

Pilon ngồi bật dậy đầy cảnh giác. “Có lẽ con bé đấy sẽ muốn cưới Danny. Cái đám người Bồ đó lúc nào cũng muốn cưới, chúng lại háms tiền nữa. Có thể khi bọn họ cưới nhau Danny sẽ đòi tiền thuê nhà của chúng ta. Con bé Rosa đó thể nào cũng đòi mua váy mới. Đàn bà ả nào cũng thế. Tôi rành họ quá mà.”

Pablo trông cũng rất bực bội. “Có lẽ chúng ta nên đi nói chuyện với Danny—” chàng đề nghị.

“Biết đâu Danny có vài quả trứng,” Pilon nói. “Lũ gà nhà bà Morales mất đẽ lắm.”

Họ mang giày vào rồi thong thả đi tới nhà Danny.

Pilon cúi xuống nhặt một nắp chai bia rồi nguyên rửa, ném nó xuống. “Đồ trời đánh thánh vật nào lại để nó ở đây để lừa gạt người ta,” chàng nói.

“Tối qua tôi đã thử,” Pablo nói. Chàng nhìn vào một khoảnh sân ở đó ngô xanh đã chín, và lặng lẽ ghi nhớ.

Họ thấy Danny đang ngồi trước hiên nhà, sau bụi hồng, những đầu ngón chân ngọ nguậy để đuổi ruồi.

“Ôi, *amigos*,” chàng uể oải chào họ.

Họ ngồi xuống bên cạnh chàng, bỏ mũ và giày ra. Danny lấy ra một túi thuốc lá sợi và một ít giấy cuốn rồi chuyển chúng cho Pilon. Pilon hơi ngạc nhiên, nhưng không bình luận gì.

“Cornelia Ruiz rạch thằng Mẽ đen,” chàng thông báo.

“Tôi có nghe nói,” Danny nói.

Pablo chua chát nói. “Cái lũ đàn bà này, chúng chẳng còn đức hạnh gì nữa.”

“Ăn nằm với họ thật là nguy hiểm,” Pilon nói. “Tôi nghe nói có con bé người Bồ trong thị trấn này có thể khiến đàn ông không dậy ra được, nếu như hấn chẳng may mắc vào cô ả.”

Pablo tặc lưỡi tỏ vẻ không tán thành. Chàng xòe hai tay ra trước mặt. “Đàn ông biết phải làm gì?” chàng hỏi. “Còn biết tin ai bây giờ nữa?”

Họ theo dõi vẻ mặt Danny, và thấy không có dấu hiệu báo động nào ở đó.

“Con bé đó tên là Rosa,” Pilon nói. “Tôi sẽ không nói họ cô ta đâu.”

“Ồ, huynh nói Rosa Martin hả,” Danny thờ ơ bình luận.

“Đào, thì trông đợi gì từ bọn gốc Bồ chứ?” Pablo và Pilon

thở phào nhẹ nhõm.

“Lũ gà của bà Morales thế nào rồi?” Pilon lơ đãng hỏi.

Danny lắc đầu buồn rầu. “Chết hết cả đám rồi. Bà Morales nhồi đậu tây trong mấy cái lọ, mấy cái lọ nổ bung ra, bà lấy đậu cho gà ăn, và lũ gà ấy chết hết, tất tần tật.”

“Lũ gà ấy bây giờ ở đâu?” Pablo hỏi.

Danny xua hai ngón tay. “Có người bảo bà Morales đừng ăn những con gà ấy nếu không sẽ bị bệnh, nhưng bọn tôi bỏ nội tạng đi và bán cho hàng thịt.”

“Có ai chết chưa?” Pablo hỏi.

“Không. Tôi đồ rằng mấy con gà ấy chắc không sao.”

“Chắc huynh mua một ít rượu bằng tiền bán gà chứ?” Pilon dò hỏi.

Danny cười đầy ẩn ý. “Bà Morales có mua, và tối hôm qua tôi qua nhà bà ấy. Dưới ánh đèn trông bà ấy xinh ra phết, mà cũng không quá già.”

Sự báo động trở lại với Pablo và Pilon.

“Thằng Weelie em họ tôi nói là bà ấy năm mươi rồi,” Pilon hào hứng nói.

Danny xòe hai bàn tay. “Bà ấy bao nhiêu tuổi thì đã sao?” chàng bình luận đầy tính triết lý. “Bà ấy rất sinh động, phải nói là như vậy. Bà ấy có nhà riêng và hai trăm đô-la trong nhà băng.” Rồi Danny hơi bẽn lẽn. “Tôi muốn kiếm một món quà cho bà Morales.”

Pilon và Pablo nhìn xuống chân, và cố dùng sức mạnh ý nghĩ để ngăn cản điều sắp xảy đến. Nhưng nỗ lực của họ chẳng có ích gì.

“Nếu có một ít tiền,” Danny nói, “tôi sẽ mua cho bà ấy một hộp kẹo to.” Chàng nhìn những người thuê nhà của mình đầy ngụ ý, nhưng cả hai người không ai nhìn lại chàng. “Tôi chỉ

cần một hay hai đô-la thôi,” chàng gợi ý.

“Chin Kee đang phơi mực đấy,” Pilon thông báo. “Hay huynh cũng đi thái mực nửa ngày.”

Danny nói thẳng toẹt. “Một người là chủ hai căn nhà mà đi thái mực thì trông chả ra thể thống gì. Nhưng có lẽ nếu người ta chịu trả một ít tiền thuê nhà—”

Pilon giận dữ bật dậy. “Lúc nào cũng tiền thuê nhà,” chàng la lên. “Huynh buộc bọn tôi ra đường – ra cống rãnh, trong khi huynh thì ngủ trên giường êm nệm ấm. Đi thôi, Pablo,” Pilon giận dữ nói, “chúng ta sẽ đi kiếm tiền trả cho cái đồ bunn xỉn này, cái đồ Do Thái.” Hai người bọn họ bỏ đi.

“Chúng ta sẽ kiếm đâu ra tiền?” Pablo hỏi.

“Tôi không biết,” Pilon nói. “Có thể hẳn sẽ không hỏi tới nữa.” Nhưng cái đòi hỏi phi nhân ấy đã cắt sâu vào sự bình yên trong tâm trí họ. “Chúng ta sẽ gọi hẳn là ‘Gã Do Thái già’ khi nào ta gặp hẳn,” Pilon nói. “Chúng ta đã là bạn bè hẳn bao nhiêu năm ròng. Lúc hẳn cần ăn, ta cho hẳn ăn. Lúc hẳn lạnh, ta cho hẳn mặc.”

“Lúc đó là lúc nào?” Pablo hỏi.

“Ừ thì, chúng ta hẳn sẽ làm thế, nếu hẳn cần thứ gì mà chúng ta có. Với hẳn chúng ta là kiểu bạn bè như thế. Vậy mà giờ hẳn nghiền nát tình bạn của chúng ta xuống đất chỉ vì một hộp kẹo đem cho một mục gái già béo.”

“Kẹo không tốt cho người ta lắm,” Pablo nhận định.

Quá nhiều xúc cảm khiến Pilon kiệt sức. Chàng ngồi xuống một cái rãnh ven đường, chống cằm tỏ vẻ chán nản.

Pablo cũng ngồi xuống, nhưng chàng chỉ ngồi như vậy để nghỉ, vì tình bạn của chàng với Danny không lâu và đẹp đẽ như của Pilon.

Đáy rãnh nghẹt đầy cỏ và bụi khô. Pilon, buồn rầu và tức

giật ngó xuống, thấy một cánh tay người thò ra từ dưới một bụi cây. Và rồi, bên cạnh cánh tay, là một chai rượu một ga-lông còn một nửa. Chàng giật tay Pablo, chỉ.

Pablo sợ hãi. “Chắc hẳn ta chết rồi, Pilon.”

Pilon đã lấy lại được hơi thở và cái nhìn sáng suốt của mình. “Nếu hẳn ta chết, thì rượu chẳng có ích gì cho hẳn. Không thể chôn hẳn cùng với rượu.”

Cánh tay kia hươ hươ, gạt gạt những bụi cây ra sau, để lộ ra khuôn mặt nhàu nhĩ và hàm râu lởm chởm đỏ quạch của Jesus Maria Corcoran. “Ôi, Pilon. Ôi, Pablo,” chàng lơ mơ nói. “*Que tomas?*”^[29]

Pilon nhảy xuống rãnh đến bên chàng. “*Amigo*, Jesus Maria! Huynh không khỏe rồi!”

Jesus Maria mỉm cười hiền lành. “Chỉ say thôi mà,” chàng lúng búng. Chàng quỳ thẳng dậy. “Lại uống nào, các bạn. Uống hăng vào. Còn nhiều lắm.”

Pilon nghiêng chai trên khuỷu tay. Chàng ực bốn lần là hơn một panh^[30] rượu ra khỏi bình. Rồi Pablo đón lấy cái chai và nghịch nó như con mèo giỡn một cái lông chim. Chàng lấy tay áo lau mồm. Chàng hít hà mùi rượu. Chàng nhấp thử ba, bốn ngụm nhỏ và cho vài giọt chảy quanh miệng, để tự nhử mình. Cuối cùng chàng nói “*Madre de Dios, que vino!*”^[31] rồi nâng bình lên và rượu vang đỏ ồng ộc vui sượng chảy xuống cổ họng.

Trong lúc Pablo còn đang ngửa cổ uống thì Pilon đã chìa tay ra. Pilon hướng về mặt dịu dàng và đầy ngưỡng mộ về phía bạn chàng, Jesus Maria. “Huynh đã tìm ra kho báu trong rừng sao?” chàng hỏi. “Phải chẳng có con người vĩ đại nào chết đi và ghi tên huynh trong di chúc, hỡi người bạn nhỏ của tôi?”

Jesus Maria là một người nhân ái và trong chàng luôn trữ

sẵn lòng tử tế. Chàng hắng giọng, nhỏ toẹt một bãi. “Cho tôi một hớp,” chàng nói. “Tôi khát khô họng rồi. Tôi sẽ kể huynh nghe đầu đuôi câu chuyện.” Chàng mơ màng uống, như một người có quá nhiều rượu nên có thể thông thả, thậm chí có để rớt ra một ít rượu thì cũng không tiếc. “Đêm hôm kia tôi nằm ngủ trên bãi biển,” chàng nói. “Bãi gần Seaside ấy. Trong đêm sóng lẫn tăn đẩy một chiếc xuồng nhỏ vào bờ. Ôi trời, thật là một chiếc xuồng nhỏ xinh xắn, có cả mái chèo ở đó. Tôi trèo lên, chèo tới Monterey. Cái xuồng ắt phải đáng giá hai mươi đô, nhưng buôn bán ế ẩm, nên tôi chỉ được có bảy đô.”

“Huynh vẫn còn tiền chứ?” Pilon háo hức chen vào.

“Tôi đang kể cho các huynh chuyện thế nào mà,” Jesus Maria hơi phật ý nói. “Tôi mua hai ga-lông rượu rồi mang lên rừng đây, rồi đi dạo với Arabella Gross. Tôi mua cho nàng một chiếc quần lót lụa ở Monterey. Nàng thích lắm – nó hồng hồng thật là mềm mại. Rồi tôi mua một panh whisky cho Arabella, rồi một lúc sau chúng tôi gặp mấy tên lính và nàng bỏ đi cùng với họ.”

“Ồ, kẻ ăn cắp tiền của một người tốt bụng!” Pilon kêu lên kinh hãi.

“Không đâu,” Jesus Maris mơ màng nói. “Đằng nào thì cũng đã tới lúc nàng phải đi. Và thế là tôi tới đây rồi ngủ thiếp đi.”

“Vậy huynh không còn đồng nào ư?”

“Tôi không biết nữa,” Jesus Maria nói. “Để xem.” Chàng lần mò trong túi ra được ba tờ tiền nhăn nhúm và một đồng mười xu. “Đêm nay,” chàng nói, “tôi sẽ mua cho Arabella Gross một món be bé dùng để úp quanh cái chỗ cao cao ấy.”

“Huynh định nói mấy cái túi lụa nho nhỏ có dây treo ấy hả?”

“Đúng thế,” Jesus Maria nói, “mà cũng không nhỏ lắm như anh nghĩ đâu.” Chàng húng hắng ho khạc cho sạch họng.

Ngay lập tức Pilon tràn đầy lo âu. “Chính là tại khí đêm đấy,” chàng nói. “Ngủ ngoài trời không tốt tí nào đâu. Đi nào, Pablo, chúng mình sẽ đưa hiền huynh đến nhà mình và chữa bệnh cảm lạnh cho huynh. Phổi của huynh đã bị tấn công rồi, nhưng chúng ta sẽ chữa lành.”

“Huynh đang nói gì đấy?” Jesus Maria nói. “Tôi có sao đâu.”

“Huynh nghĩ thế thôi,” Pilon nói. “Rudolfo Keeling cũng nghĩ y như vậy. Và chính huynh đã đi dự đám tang Rudolfo tháng rồi. Angelina Vasquez cũng nghĩ vậy. Nàng chết tuần trước.”

Jesus Maria hoảng sợ. “Huynh nghĩ là tại sao?”

“Đó là do ngủ ngoài trời đêm này,” Pilon nói vẻ đầy khôn ngoan. “Phổi của huynh sẽ không chịu đựng nổi.”

Pablo lấy một mớ cỏ to bọc cái bình rượu lại, ngụy trang nó như vậy để ai đi ngang sẽ chỉ để ý tò mò về đám cỏ mà không để ý bên trong nó có gì.

Pilon bước đi bên cạnh Jesus Maria, thỉnh thoảng đỡ khuỷu tay chàng để nhắc nhở rằng chàng đang ốm. Họ đưa Jesus Maria vào nhà, đặt chàng nằm trên một cái giường xếp, và mặc dù hôm ấy trời ấm, họ vẫn đắp cho chàng một tấm chăn cũ. Giọng đầy cảm động Pablo nói về những kẻ tội nghiệp phải quần quai, đau khổ vì sưng phổi. Và rồi Pilon đổi giọng ngọt ngào. Chàng trầm trồ nói về niềm vui thú sống trong một căn nhà nhỏ. Khi đêm đã trôi xa, khi mọi cuộc chuyện phiếm và rượu cũng đã cạn, còn bên ngoài màn sương chết chóc giăng trên mặt đất như bóng ma của những con đĩa khổng lồ, thì người ta không đi ra ngoài trời để nằm ngủ trong cái ẩm ướt bệnh hoạn của khe núi. Không, người ta chui vào một cái giường lún sâu, mềm mại, ấm áp và ngủ như một đứa trẻ nhỏ.

Tới lúc đó thì Jesus Maria đã ngủ gục. Pilon và Pablo phải đánh thức chàng dậy và cho chàng uống rượu. Rồi với giọng

xúc động, Pilon nói về những buổi sáng khi người ta rúc trong cái tổ ấm áp của mình chờ mặt trời lên cao. Người ta không phải run lập cập khi hừng sáng, xoa tay vào nhau cho khỏi cóng.

Cuối cùng Pilon và Pablo lừa Jesus Maria sập bẫy như hai chú chó săn Airedale lặng lẽ dồn con mồi. Họ cho Jesus thuê quyền sử dụng căn nhà với giá mười lăm đô một tháng. Chàng vui vẻ ưng thuận. Họ bắt tay lẫn nhau. Cái bình được lôi ra khỏi mớ cỏ. Pilon tu một hơi dài, vì chàng biết những lời lẽ khó khăn nhất đã được nói xong. Chàng nói nhẹ nhàng và thân mật, trong khi Jesus Maria ôm chài tu.

“Và huynh chỉ phải trả ba đô-la tiền nợ bây giờ.”

Jesus Maria đặt chài xuống nhìn Pilon hoảng hốt. “Không,” chàng phản nộ. “Tôi đã hứa mua cho Arabella Gross cái thứ nho nhỏ kia. Khi nào tới hạn tôi sẽ trả tiền thuê.”

Pilon biết mình đã nói hớ. “Khi huynh nằm trên bãi biển ấy ở Seaside, Chúa đã thổi chiếc xuồng nhỏ đến cho huynh. Huynh có nghĩ là Chúa lòng lành làm như vậy để huynh mua quần lót lụa cho một ả làm cá hộp không? Không! Chúa làm như vậy là để huynh khỏi phải chết vì ngủ đất ngoài trời lạnh. Huynh có nghĩ là Chúa quan tâm đến bộ ngực của Arabella không? Và ngoài ra, bọn tôi chỉ lấy hai đô-la tiền cọc,” chàng tiếp. “Với một đô huynh có thể kiếm một cái túi đủ to để nâng cả vú của một con bò cái.” Nhưng Jesus Maria vẫn phản đối.

“Tôi nói cho huynh biết,” Pilon nói tiếp, “nếu chúng ta không trả cho Danny hai đô-la thì tất cả bọn ta sẽ bị tống cổ ra đường, và đó sẽ là lỗi của huynh. Linh hồn huynh sẽ day dứt khi bọn ta ngủ dưới cồng.”

Dính quá nhiều phát đạn, đến từ quá nhiều hướng, Jesus Maria đầu hàng. Chàng đưa hai tờ đô-la rúm ró cho Pilon.

Bây giờ căng thẳng không còn trong phòng nữa, hòa bình và tình bạn bè sâu sắc ấm áp và yên tĩnh thế chỗ. Pilon thư giãn. Pablo mang chăn về lại giường của mình, và chuyện trò nỏ ra rôm rả.

“Chúng mình phải mang tiền này đến cho Danny.”

Cảm giác ngon miệng đầu tiên đã hết, bây giờ họ đang nhấp rượu từ hũ trái cây.

“Cái anh chàng Danny tham lam này cần hai đô-la để làm gì nhỉ?” Jesus Maria hỏi.

Pilon trở nên bí hiểm. Hai bàn tay chàng chấp lại như cánh bướm đêm, chỉ có cổ tay và cánh tay mới giữ cho nó khỏi bay ra cửa. “Danny, bạn của chúng ta, đang đi lại với bà Morales. Ô, đừng tưởng Danny là thằng khờ. Bà Morales có hai trăm đô-la ở nhà băng. Danny muốn mua một hộp kẹo to cho bà Morales.”

“Kẹo không tốt cho người ta,” Pablo nhận xét. “Nó làm người ta đau răng.”

“Chuyện đó thì mặc Danny,” Jesus Maria nói. “Nếu anh ấy muốn làm cho răng bà Morales bị sâu, thì đó là chuyện của anh ấy. Chúng ta cần gì lo cho răng của bà Morales?” Một áng mây lo lắng chùng xuống trên gương mặt Pilon. “Nhưng mà,” chàng xen vào một cách nghiêm nghị, “nếu bạn Danny của chúng ta mang kẹo to đến cho bà Morales, anh ấy cũng sẽ ăn một ít. Như vậy răng của bạn chúng ta cũng sẽ đau nhức.”

Pablo lo lắng lắc đầu. “Quả là một chuyện tồi tệ nếu bạn bè của Danny, những người mà Danny tin cậy, lại làm anh đau răng.”

“Vậy giờ ta phải làm gì?” Jesus Maria hỏi, mặc dù chàng và mọi người đều biết chính xác họ sẽ làm gì. Họ lịch sự chờ đợi, người này đợi người kia, nói ra cái đề xuất không thể tránh

khỏi ấy. Im lặng cứ kéo dài. Pilon và Pablo cảm thấy rằng họ không nên là người đề xuất, bởi vì, lý luận theo những cách nhất định thì họ có thể bị coi là các bên có lợi ích liên quan. Jesus Maria im lặng vì tôn trọng chủ nhà, nhưng khi sự im lặng của họ khiến chàng nhận biết người ta chờ đợi gì từ chàng thì ngay lập tức chàng phá vỡ im lặng.

“Một ga-lông rượu sẽ là món quà dễ thương cho một quý bà,” chàng đề xuất bằng giọng trầm tư.

Pilon và Pablo kinh ngạc trước sự sáng láng của chàng.

“Ta có thể bảo Danny rượu sẽ tốt cho răng của anh ấy hơn.”

“Nhưng biết đâu Danny sẽ chẳng màng đến cảnh báo của ta. Nếu huynh đưa tiền cho tay Danny ấy, huynh không thể biết chắc Danny sẽ làm gì với số tiền đó. Anh ấy có thể lại đi mua kẹo, và thế là hoài công bọn ta lo lắng.”

Họ đã biến Jesus Maria thành kẻ mớm lời cho mình, kẻ khai phá những tình huống khó khăn. “Có lẽ nếu chúng ta tự đi mua rượu rồi mang đến cho Danny thì sẽ không có mối nguy nào,” chàng gợi ý.

“Chí phải,” Pilon kêu lên. “Huynh nói chính xác.”

Jesus Maria mỉm cười khiêm tốn khi được ghi nhận công lao cho việc này. Chàng cảm thấy rằng sớm muộn gì thì nguyên tắc này cũng sẽ được ai đó trong phòng nói ra.

Pablo trút chỗ rượu vang cuối cùng vào các hũ trái cây và họ mệt nhọc uống sau sự vất vả vừa rồi. Với họ cái cách rất lô-gich mà ý tưởng đó đến, và lại với một mục đích thiện nguyện như vậy, thật là một niềm tự hào.

“Giờ thì tôi đói rồi,” Pablo nói.

Pilon đứng dậy đi ra cửa nhìn mặt trời. “Chiều rồi,” chàng nói. “Pablo sẽ đi với tôi đến chỗ Torrelli để mua rượu, còn huynh, Jesus Maria, huynh hãy vào Monterey kiếm đồ gì để ăn.

Có thể bà Bruno đang cầu cảng sẽ cho huynh một con cá. Hoặc biết đâu huynh kiếm được ít bánh mì đâu đó.”

“Tôi muốn đi cùng các huynh hơn,” Jesus Maria nói, vì chàng ngờ vực rằng một chuỗi sự việc khác, lô-gich không kém, hiển nhiên không kém, đang bắt đầu chớm nở trong đầu các bạn mình.

“Không, Jesus Maria,” họ đáp chắc nịch. “Bây giờ chắc khoảng hai giờ. Một tiếng nữa là ba giờ. Khi đó chúng tôi sẽ gặp huynh ở đây và ta phải có gì đó để ăn. Và có thể một ly rượu nhỏ uống kèm.”

Jesus Maria rất miễn cưỡng cất bước về phía Monterey, còn Pablo và Pilon vui vẻ đi xuống đồi về phía nhà Torrelli.

V

Làm thế nào mà Thánh Francis lật ngược tình thế và phạt nhẹ Pilon, Pablo và Jesus Maria.



Chiều buông xuống không ai hay biết như tuổi tác đến với một người hạnh phúc. Một chút vàng len vào trong nắng. Vịnh trở nên xanh thắm hơn và lặn tẩn sóng chạy vào bờ. Những ngư dân cô độc tin rằng cá cắn câu nhiều hơn khi triều lên đã rời khỏi những tảng đá của mình, thế chỗ họ là những người tin rằng cá cắn câu nhiều lúc triều xuống.

Quãng ba giờ chiều, gió đổi hướng, nhẹ nhàng thổi vào từ vịnh, mang theo bao mùi tảo dễ chịu. Những người vá lưới ở các lô đất trống của Monterey đặt con suốt xuống và quần thuốc lá. Qua những con đường trong thành phố, các quý bà phớt phấp mắt ánh vẻ mệt mỏi và từng trải mà người ta thường thấy trong mắt lợn được những chiếc ô-tô nặng nề vùn tới các buổi tiệc trà và rượu gin ở Khách sạn Del Monte. Trên đường Alvarado, bác thợ may Hugo Machado treo tấm bảng “Năm Phút Nửa Quay Lại” lên cửa tiệm rồi về nhà cả ngày. Những tán thông đu đưa chầm chậm, đê mê. Lũ gà mái trong cả trăm trại gà đều đều ca cẩm về thân phận tệ hại của mình.

Pilon và Pablo ngồi dưới một bụi hồng đại trong sân quán Torrelli, lặng lẽ uống rượu mặc cho buổi chiều loang dần trên người như râu tóc mọc.

“Không mang hai ga-lông rượu đến cho Danny cũng tốt,”

Pilon nói. “Hắn chả biết chừng mực gì khi uống rượu cả.”

Pablo tán thành. “Danny trông có vẻ khỏe mạnh,” chàng nói, “nhưng chính những người trông khoẻ mạnh là người mà ta nghe cáo phó mỗi ngày. Như Rudolfo Kelling đấy. Cả Angelina Vasquez nữa.”

Tính cách thực tế của Pilon nhẹ nhàng trôi dạt. “Rudolfo ngã xuống cái mỏ đá phía trên Pacific Grove,” chàng nhận xét với vẻ hơi bất bình. “Angelina thì ăn phải một hộp cá thối. Nhưng,” chàng nói tiếp đầy thiện ý, “tôi biết ý huynh muốn nói gì. Có khối người chết vì lạm dụng rượu.”

• • •

Cả Monterey bắt tay vào sửa soạn các công việc đặc thù cho buổi đêm. Bà Gutierrez thái những miếng ớt nhỏ cho vào món sốt *enchilada*^[32]. Rupert Hogan, người bán rượu, thêm nước vào ly gin rồi cất đi để dùng sau nửa đêm. Ông rắc thêm tí tiêu vào món whisky uống lúc chập tối.

Ở sảnh khiêu vũ El Paseo, Bullet Rosendale mở một thùng bánh quy hình nơ và sắp xếp chúng như sợi dây màu nâu thô kệch trên những chiếc đĩa to để mời khách. Cửa hàng được phẩm Place cuộn mái che lại. Một nhóm người đã ngồi trước bưu điện cả buổi chiều để chào đón bạn bè giờ chuyển sang nhà ga để xem tàu Del Monte Express từ San Francisco tới. Lũ mòng biển từ các bãi gần nhà máy cá hộp bốc lên rợp trời, bay về phía những mỏm đá ngoài biển. Bọn bồ nông bướng bỉnh mổ vào mặt nước ở bất cứ chỗ nào chúng đậu xuống nghỉ đêm. Trên các thuyền đánh cá, những người Ý cuốn lưới lên bằng những ống cuốn to. Cô Alma Alvarez bé nhỏ, mới chín mươi tuổi, mang những bó phong lữ hồng hằng ngày đến tượng Đức Mẹ Đồng Trinh bên tường ngoài của nhà thờ

San Carlos. Trong ngôi làng mộ đạo Tin Lành cạnh Pacific Grove, hội Phụ nữ ái hữu Ki-tô giáo gặp nhau để uống trà và thảo luận; họ lắng nghe một quý bà nhỏ con mô tả tình hình tệ nạn và dĩ điểm của Monterey một cách nhiệt tình và đầy màu sắc. Bà này cho rằng nên có một ủy ban đi thăm viếng những khu này để xem điều kiện sống thật sự kinh khủng như thế nào. Họ đã bàn luận về tình hình này quá thường xuyên, giờ là lúc cần những dữ kiện mới.

• • •

Mặt trời xế về hướng Tây, tỏa một màu cam rực rỡ. Dưới bụi hồng đại trong sân quán Torrelli, Pablo và Pilon đã dứt điểm ga-lông rượu thứ nhất. Torrelli bước ra khỏi nhà đi ngang qua sân mà không nhìn các vị cựu khách hàng của mình. Họ đợi tới khi lão đi khuất về phía Monterey; khi đó Pablo và Pilon đi vào trong nhà, ga gẫm được thím Torrelli mời mình bữa tối. Họ vỗ mông thím, gọi thím là “Vịt Phết Bơ” và cợt nhả với thím, rồi cuối cùng bỏ thím lại, sừng vênh vang và hơi xộc xệch.

Giờ ở Monterey đã là buổi tối, đèn đã được thấp sáng. Những ô cửa sổ lấp lánh dịu dịu. Trên Rạp hát Monterey dòng chữ “Lũ trẻ địa ngục – Lũ trẻ địa ngục” cứ nhấp nha nhấp nháy. Một nhóm nhỏ những người tin rằng cá cắn câu nhiều vào buổi tối chiếm chỗ trên những tảng đá lạnh lẽo ngoài biển. Một làn sương mỏng mảnh trôi giạt qua những con đường và lơ lửng quanh các ống khói, mùi gỗ thông cháy dễ chịu lấp đầy không gian.

Pablo và Pilon trở lại bụi hồng đại ngôi bệt xuống đất, nhưng họ không còn vui vẻ như ban nãy. “Ở đây lạnh quá,” Pilon nói, chàng nhấp một ngụm rượu cho ấm.

“Ta hãy về nhà, ở đó ấm áp hơn,” Pablo nói.

“Nhưng trong bếp chả có củi.”

“Ừ,” Pablo nói, “hay là huynh mang chỗ rượu kia đi, tôi sẽ gặp lại huynh ở góc đường.” Và chàng đã làm đúng như thế, khoảng nửa tiếng đồng hồ sau.

Pilon kiên nhẫn chờ đợi, vì chàng biết rằng có những việc ngay cả bạn bè cũng không thể giúp. Trong khi chờ, Pilon cẩn thận để mắt canh chừng hướng con đường mà Torrelli đã đi, vì Torrelli là một người cường tráng mà với lão mọi giải thích cho dù có được cân nhắc cẩn thận hay thù dật đẹp đẽ thế nào đều vô hiệu. Hơn nữa, Pilon biết,

Torrelli có cái lý tưởng phóng đại và hoàn toàn viễn vông của người Ý về quan hệ hôn nhân. Nhưng Pilon nhọc công canh chừng. Lão Torrelli không hề đột ngột trở về nhà. Một chốc sau Pablo quay lại, Pilon ngưỡng mộ và thỏa mãn nhận thấy Pablo cắp một bó củi thông từ trong đống gỗ nhà Torrelli.

Pablo không bình luận gì về chuyến phiêu lưu gần nhất của mình cho đến khi cả hai đã về tới nhà. Lúc đó chàng mới lặp lại lời của Danny, “Rất sinh động, cái con Vịt Phết Bơ ấy.”

Trong bóng tối Pilon gật đầu đồng tình và từ tốn triết lý. “Hiếm khi nào người ta tìm được mọi thứ trong cùng một chợ – rượu vang, đồ ăn, ái tình và củi. Chúng ta phải nhớ ơn Torrelli, Pablo, bạn hiền ạ. Ấy là người mà ta cần kết bạn. Khi nào ta phải kiếm cho lão ấy một món quà nho nhỏ.”

Pilon nhóm một đống lửa hừng hực trong cái bếp bằng gang. Hai người bạn kéo ghế lại gần và hơ hũ trái cây của mình bên ngọn lửa để sưởi cho rượu ấm lên một chút. Đêm nay ánh sáng trong phòng có phần thiêng liêng, vì Pablo đã mua một cây nến để thắp cho thánh Francis. Nhưng một

chuyện gì đó đã làm chàng xao lãng trước khi cái kế hoạch thiêng liêng ấy được thực hiện trọn vẹn. Giờ thì ngọn nến nhỏ cháy thật đẹp trong vỏ sò, hắt lên tường những cái bóng nhảy múa của Pablo và Pilon.

“Chẳng biết cái tay Jesus Maria ấy đã đi đâu,” Pilon phán.

“Hắn hứa hắn sẽ quay lại từ lâu rồi,” Pablo nói. “Không biết hắn có đáng tin không nữa.”

“Biết đâu có chút việc nào đó kìm chân hắn, Pablo. Với cái bộ râu ngô và tấm lòng tử tế ấy, hắn ta gần như lúc nào cũng gặp rắc rối với đàn bà.”

“Não của hắn là não cào cào,” Pablo nói. “Hắn hát, hắn chơi, rồi hắn nhảy. Trong hắn chẳng có chút nghiêm túc nào.”

Cả hai không phải chờ lâu. Họ vừa bắt đầu bình rượu thứ hai thì Jesus Maria loạng choạng đi vào. Chàng ta bám hai bên cửa cho khỏi ngã. Áo chàng rách tươm còn mặt thì đầy máu. Một bên mắt tím bầm và u tối dưới ánh nến chập chờn.

Pablo và Pilon lao về phía chàng. “Ôi bạn hiền của ta! Anh ấy bị thương. Anh ấy ngã từ vách đá xuống. Anh ấy bị tàu cán qua người.” Không có tí ti giọng châm biếm nào trong mấy lời ấy, nhưng Jesus Maria nhận ra đó là kiểu châm biếm hiểm độc nhất. Chàng trừng mắt nhìn họ bằng con mắt hầy còn chút lý trí trong đó.

“Mẹ của hai người là những con bò cái không vú,” chàng phán.

Họ bật ngửa kinh hãi vì lời rửa tục tằn. “Bạn của chúng ta mất trí rồi.”

“Xương trong đầu anh ấy đã vỡ.”

“Rót cho anh ấy chút rượu, Pablo.”

Jesus Maria ủ ê ngồi bên bếp lửa ôm hũ trái cây của mình, trong khi các bạn của chàng kiên nhẫn chờ đợi lời giải thích

về tấn bi kịch. Nhưng Jesus Maria dường như hài lòng với việc để mặc cho các bạn mù tịt về chuyện không may. Mặc dù Pilon hăng giọng nhiều lần, và mặc dù Pablo nhìn Jesus Maria bằng con mắt thông cảm và thấu hiểu, Jesus Maria vẫn ngồi dần dỗi và chăm chăm nhìn hết bếp lò, rồi đến rượu và ngọn nến thánh linh, cho đến khi rốt cuộc sự im lặng bất nhả của chàng khiến Pilon cũng bất nhả tương tự. Về sau, chàng không thể hiểu nổi tại sao mình có thể làm chuyện ấy.

“Lại mấy tên lính ấy à?” chàng hỏi.

“Ừ,” Jesus Maria làu bàu. “Lần này chúng nó tới sớm quá.”

“Chắc phải tới hai chục thằng thì huynh mới ra nông nổi này,” Pablo bình luận, để tinh thần của bạn được tốt hơn.

“Mọi người đều biết huynh đánh nhau cừ thế nào mà.” Và Jesus Maria đứng là trông có vui hơn một tí.

“Có bốn thằng,” chàng nói. “Arabella Gross cũng giúp bọn nó nữa. Nàng lấy hòn đá đập vào đầu tôi.”

Pilon cảm thấy một cơn sóng phẫn nộ dâng cao trong lòng. “Tôi sẽ không nhắc lại cho huynh nghe,” chàng nghiêm nghị nói, “rằng các bạn của huynh đã cảnh báo huynh về cô ả rác rưởi cá hộp ấy như thế nào.” Chàng bần khoản liệu chàng đã bao giờ cảnh báo Jesus Maria chưa, và nhớ ra dường như chàng có cảnh báo.

“Mấy đứa con gái da trắng rẻ tiền này lang sói lắm, bạn hiền ạ.” Pablo xen vào. “Nhưng huynh có đưa cho ả cái vật bé bé bao quanh không?”

Jesus Maria thò tay vào túi lấy ra cái xu-chiêng màu hồng bằng tơ nhện nhúm. “Chưa kịp,” chàng nói. “Tôi chỉ mới đang gần tới lúc ấy; vả lại, bọn tôi còn chưa đi vào rừng.” Pilon khịt khịt mũi và lắc đầu với một chút ngán ngẩm.

“Huynh đã uống whisky.” Jesus Maria gật đầu.

“Thế whisky ấy từ đâu ra?”

“Của mấy tên lính ấy,” Jesus Maria nói. “Chúng giấu dưới một ống cống. Arabella biết chỗ, và nàng bảo với tôi. Nhưng mấy tên lính ấy bắt gặp bọn tôi cùng cái chai.”

Câu chuyện đang dần dần rõ nét. Pilon thích kiểu thế này. Chuyện gì mà tất tần tật xù ra nhanh quá thì chẳng còn hay. Chuyện hay nằm ở những chỗ ỡm ờ mà người nghe phải tự điền vào chỗ trống bằng kinh nghiệm của mình. Chàng cầm cái xu-chiêng hồng trong lòng Jesus Maria lên, vuốt ve nó bằng những đầu ngón tay và, mắt chàng trở nên mơ màng. Nhưng rồi ngay lập tức, cặp mắt ấy sáng rỡ lên.

“Tôi biết rồi,” chàng la lên. “Ta sẽ đưa cái này cho Danny để làm quà tặng bà Morales.”

Cả bọn, trừ Jesus Maria, đều tán thành ý kiến ấy và Jesus Maria cảm thấy mình trở thành thiểu số một cách vô vọng. Pablo, với sự hiểu biết tinh tế về thất bại này, rót đầy rượu vào hũ trái cây của Jesus Maria.

Một lát sau, ba người bắt đầu cười. Pilon kể một chuyện rất buồn cười về điều đã xảy ra với cha chàng. Sự tươi tỉnh sinh động quay lại với cả hội. Họ hát hò. Jesus Maria biểu diễn một màn nhảy vượn vẹo để chứng tỏ thương tích của chàng không quá tệ. Trong bình, rượu dần dần cạn, nhưng trước khi rượu cạn sạch ba người đã buồn ngủ. Pilon và Pablo loạng choạng về giường, còn Jesus Maria nằm thoải mái trên sàn, cạnh bếp lửa.

Lửa lụi dần. Căn nhà tràn ngập những âm thanh sâu lắng của giấc ngủ. Căn phòng bên ngoài chỉ có mỗi một thứ chuyển động. Ngọn lửa hình mũi giáo của ngọn nến thánh linh bập bùng lên xuống với tốc độ nhanh đến khó tin.

Sau này, ngọn nến nhỏ ấy khiến Pilon, Pablo và Jesus Maria

phải nghĩ ngợi về chuyện đạo đức. Một khúc sáp nhỏ đơn giản với một sợi dây xuyên qua: Bạn hẳn nói một vật như thế chỉ tuân theo một số nguyên tắc vật lý nhất định và không gì khác. Bạn hẳn nghĩ rằng cách vận hành của nó được đảm bảo bởi các nguyên tắc về nhiệt và sự cháy. Bạn châm bấc; sáp chảy dần; ngọn nến cháy vài giờ đồng hồ, rồi tắt lụi đi, và thế là hết. Chuyện đến đó là chấm dứt. Chẳng mấy chốc ngọn nến ấy sẽ bị quên lãng, và rồi, dĩ nhiên, nó chưa hề tồn tại.

Bạn quên mất ngọn nến này đã được ban phước hay sao? Rằng trong một khoảnh khắc của lương tri hay có lẽ chỉ vì sự đề cao tôn giáo thuần túy, Pablo đã định dâng nó cho Thánh Francis. Đây chính là nguyên tắc đưa khúc sáp ấy ra khỏi phạm trù vật lý.

Ngọn nến hướng mũi ánh sáng của nó lên trời, như một nghệ sĩ tự đốt cháy mình để trở nên thần thánh. Ngọn nến mỗi lúc một vơi đi. Một cơn gió nổi lên từ bên ngoài, luồn qua các kẽ hở trên vách. Sáp chảy xuống hai bên. Một tấm lịch bằng lụa, có hình khuôn mặt một cô gái đáng yêu ngó ra ngoài từ nhụy của một bông hồng đỏ thắm, bị đưa cách tường hơi xa. Nó chạm vào ngọn lửa. Lửa liếm vào tấm lịch tường rồi lan về phía trần nhà. Một mảnh giấy dán tường bong ra, bắt lửa rồi rơi vào một đồng báo.

Trên trời, chư thánh cứ nhìn với những bộ mặt không thay đổi và không tha thứ. Ngọn nến đã được ban phước. Nó thuộc về Thánh Francis. Đêm nay Thánh Francis sẽ có cả một ngọn nến lớn ngay nơi đó.

Nếu có thể đánh giá được độ sâu của giấc ngủ, thì có thể công bằng mà nói rằng Pablo, kẻ phải chịu trách nhiệm về đám cháy, ngủ còn say hơn cả hai bạn của chàng. Nhưng vì không có đồng hồ đo độ say ngủ nào, nên chỉ có thể nói rằng

chàng ngủ rất say.

Ngọn lửa bốc lên tường rồi gặp những lỗ nhỏ trên trần, luồn qua đó mà xuyên vào màn đêm. Căn nhà tràn ngập tiếng lửa gầm gào. Jesus Maria khó nhọc trở mình và bắt đầu cởi áo khoác trong khi vẫn ngủ. Bỗng một tàn lửa rơi trúng mặt chàng. Chàng chồm dậy với một tiếng hét, và bàng hoàng đứng nhìn đám cháy vây bủa quanh mình.

“Pilon,” chàng rú lên. “Pablo!” Chàng chạy sang phòng bên kia, kéo các bạn mình ra khỏi giường và đẩy họ ra khỏi nhà. Pilon vẫn còn kịp giơ mấy ngón tay tóm cái xu-chiêng hồng.

Bọn họ đứng ngoài căn nhà đang cháy và trông vào cánh cửa mở có rèm bốc lửa phừng phừng. Họ thấy cái bình để trên bàn hãy còn đến nửa tắc rượu trong đó.

Pilon linh cảm Jesus Maria có thể anh dũng liều mạng. Chàng gào lên, “Đừng làm vậy. Nó phải bị cháy, đó là hình phạt đối với bọn ta vì đã bỏ rơi nó.”

Tiếng còi hú dội về phía bọn họ và tiếng gầm gừ của xe tải leo lên đồi bằng số hai từ sở cứu hỏa ở Monterey. Những chiếc xe cứu hỏa màu đỏ to ùng ùng đến gần, đèn pha loang loáng chiếu vào những tán cây thông.

Pilon vội vã ngoảnh sang Jesus Maria. “Chạy đi báo cho Danny là nhà anh ấy đang cháy. Chạy mau đi, Jesus Maria.”

“Sao huynh không chạy đi?”

“Nghe này,” Pilon nói. “Danny không biết huynh là người thuê nhà của anh ấy. Anh ấy có thể hơi giận Pablo với tôi.”

Jesus Maria hiểu ra cái lô-gích này bèn phóng tới nhà Danny. Căn nhà tối om. “Danny,” Jesus Maria gọi. “Danny, nhà huynh đang cháy.” Không có tiếng trả lời. “Danny!” chàng lại gọi lần nữa.

Từ nhà bà Morales bên cạnh một cánh cửa sổ bật lên. Giọng

Danny có vẻ bức bối. “Cậu muốn cái quái gì hả?”

“Căn nhà kia của huynh đang cháy, cái nhà Pablo với Pilon đang ở đấy.”

Mất một lúc Danny không đáp. Đoạn chàng hỏi, “Có sở cứu hỏa ở đó không?”

“Có,” Jesus Maria kêu.

Đến lúc này thì cả bầu trời được thắp sáng lên. Có thể nghe tiếng gỗ cháy lách cách. “Hừ,” Danny nói, “nếu sở cứu hỏa không thể làm được trò trống gì thì Pilon còn mong tôi làm được cái gì?”

Jesus Maria nghe tiếng cửa sổ đóng sầm lại, chàng quay đầu chạy về phía đám cháy. Chàng biết là gọi Danny không đúng lúc, nhưng ai mà biết được cơ chứ? Nếu Danny mù tịt về vụ hỏa hoạn, chàng có thể nổi giận. Dù gì thì Jesus Maria cũng vui vẻ vì đã báo cho Danny. Giờ thì tội vạ đâu là do bà Morales chịu.

Đó là một căn nhà nhỏ, gió lùa nhiều, và các bức vách thì tuyệt đối khô ráo. Hẳn là từ khi khu phố Tàu cũ bị cháy chưa có đám cháy nào khác nhanh và hoàn hảo như thế. Các nhân viên cứu hỏa ngó qua những bức vách đang bốc cháy, đoạn bắt đầu tưới lên các bụi, cây và nhà hàng xóm. Trong vòng chưa tới một tiếng đồng hồ căn nhà hoàn toàn biến mất. Chỉ tới khi đó thì các vòi nước mới được xịt vào đồng tro để dập tắt than và tàn lửa.

Pilon, Pablo và Jesus Maria đứng vai kề vai chứng kiến toàn bộ sự việc. Phân nửa dân số Monterey và toàn bộ dân số Tortilla Flat, trừ Danny và bà Morales, vui vẻ loanh quanh đứng xem trận cháy. Cuối cùng, khi mọi sự đã xong, chỉ còn một đám hơi nước bốc lên từ đồng tro đen thui, Pilon lặng lẽ quay đi.

“Huynh đi đâu?” Pablo gọi.

“ Tôi đi,” Pilon nói, “vào rừng để ngủ tiếp. Tôi khuyên hai người cũng nên đi. Sẽ tốt hơn nếu Danny không thấy mặt chúng ta một thời gian.” Họ gật đầu lia lịa đoạn theo chàng đi vào rừng thông. “Đây là bài học cho chúng ta,” Pilon nói. “Qua sự vụ này chúng ta được bài học là không bao giờ để rượu trong nhà qua đêm.”

“Lần tới,” Pablo nói, vẻ tuyệt vọng, “huynh để rượu bên ngoài và thế nào cũng có người thó mất thôi.”

VI

*Ba tội đồ, nhờ ăn năn, mà đạt tới sự thanh thản như thế nào.
Các bạn của Danny tuyên thệ tình bằng hữu ra sao.*



Khi vầng dương lên khỏi rừng thông, mặt đất đã ấm áp và sương đêm đã khô trên những chiếc lá phong lữ, Danny bước ra hàng hiên ngồi dưới ánh nắng ấm chiêu nghĩ ngợi về những chuyện đã xảy ra. Chàng tuột giày ra vắn vẹo mấy ngón chân trên những tấm ván đã được sưởi ấm của hàng hiên. Sớm nay chàng đã dạo xuống xem đồng tro đen vuông vắn và ống nước rúm ró từng là một căn nhà của mình. Chàng đã giận lữ bạn bất cần một tí cho phải phép, đã than vãn một hồi về phẩm cách tạm bợ của những tài sản trần tục khiến cho tài sản tinh thần có giá trị hơn nhiều. Chàng đã suy tư về sự lụn bại tư cách người có nhà thuê cho mình; và rồi, sau khi mọi hỗn độn của thứ cảm xúc cần thiết và thanh nhã này đã được thỏa mãn và bị cuốn trôi đi, rốt cuộc chàng đã trượt vào vùng cảm xúc đích thực của mình, một cảm giác nhẹ nhõm rằng ít ra một trong những gánh nặng của chàng đã được cất dỡ.

“Nếu nó vẫn còn ở đó, ta hẳn sẽ vẫn ham tiền cho thuê,” chàng nghĩ bụng. “Bạn bè ta đã lạnh nhạt với ta bởi vì họ nợ ta tiền. Giờ thì chúng ta có thể tự do và vui vẻ trở lại.”

Nhưng Danny biết chàng phải thiết lập chút ít kỷ luật với các bạn bè mình, bằng không họ sẽ cho là chàng mềm yếu. Do đó, trong khi ngồi bên hàng hiên, phe phẩy tay đuổi ruồi – bàn tay phe phẩy ấy chuyển tải thông điệp cảnh báo hơn là đe

dọa tới lũ ruồi – chàng cân nhắc những điều mình phải nói với các bạn trước khi cho phép bọn họ quay lại trong tình thương mến của chàng. Chàng phải chứng tỏ cho họ thấy chàng không phải là người dễ bị ép uống. Nhưng chàng mong sớm vượt qua chuyện này và lại trở thành Danny mà mọi người đều yêu quý, Danny mà mọi người đều tìm đến khi có một ga-lông rượu hay một miếng thịt. Là chủ nhân của hai căn nhà, chàng đã được coi là giàu có, nhưng chàng đã bỏ lỡ biết bao là chuyện vui.

Pilon, Pablo và Jesus Maria đánh một giấc dài trên đám lá thông trong rừng. Đã qua một đêm quá nhiều kích thích nên họ mệt nhoài. Nhưng cuối cùng mặt trời rọi vào mặt họ với sức nóng giữa ngày còn lũ kiến thì bò lên người họ, chưa kể hai con giẻ cùi màu xanh biếc đậu trên mặt đất bên cạnh, inh ỏi đánh thức họ.

Dù vậy, cái làm cho giấc ngủ của họ kết thúc là một bữa tiệc picnic tổ chức ở phía bên kia bụi cây họ đang nằm; ở đó một giỏ lớn đồ ăn trưa đã được mở ra, mùi bay dạt sang phía Pilon, Pablo và Jesus Maria. Họ tỉnh dậy; ngồi thẳng người lên; rồi thình lình nhớ ra hoàn cảnh thể thảm của mình.

“Đám cháy bắt đầu như thế nào nhỉ?” Pablo nảo nề hỏi, và không ai biết gì.

“Có lẽ,” Jesus Maria nói, “tốt hơn hết là chúng ta lánh sang thị trấn khác một thời gian – sang Watsonville hay Salinas cũng được; mấy chỗ ấy đều tốt cả.”

Pilon rút cái xu-chiêng ra, lướt mấy ngón tay qua chỗ êm ái màu hồng. Rồi chàng giơ nó về phía ánh sáng mặt trời và nhìn xuyên qua nó.

“Việc ấy chỉ trì hoãn vấn đề thôi,” chàng quyết định. “Tôi nghĩ tốt hơn hết ta nên đi thẳng tới chỗ Danny thú nhận lỗi

lầm, như trẻ con nhận lỗi với cha ấy. Lúc đó thì anh ấy không thể nói gì mà không thấy quá đáng. Vả lại, chẳng phải chúng ta có món quà này cho bà Morales sao?”

Các bạn chàng gật đầu tán thành. Ánh mắt của Pilon bay xuyên qua bụi cây rậm rạp tới chỗ bữa tiệc picnic, và đặc biệt tới làn đồ ăn trưa vĩ đại mà mùi trứng nhồi từ đó bay xốc vào mũi. Mũi Pilon nhăn lại một lúc, như mũi thỏ. Chàng mỉm cười mơ màng. “Tôi đi dạo đây, các bạn ạ. Chốc nữa tôi sẽ gặp lại các bạn ở chỗ mỏ đá. Nếu có thể thì đừng mang cái làn theo.”

Họ buồn rầu nhìn Pilon đứng dậy cất bước ra đi, xuyên qua những lùm cây, theo hướng vuông góc với đám picnic và cái làn. Pablo và Jesus Maria không ngạc nhiên gì khi một lát sau cả hai nghe tiếng chó sủa, gà gáy, tiếng cười the thé, tiếng mèo hoang gào, rồi một tiếng thét nhỏ, đánh và tiếng kêu cứu; nhưng đám tiệc picnic thì ngạc nhiên và hào hứng. Hai người đàn ông và hai phụ nữ bỏ cái làn ở đó chạy về phía những âm thanh biến hóa này.

Pablo và Jesus Maria tuân lệnh Pilon. Họ không lấy cái làn, nhưng từ đó về sau, mũ và áo họ vẫn có vết trứng nhồi.

Khoảng ba giờ chiều, ba kẻ hối lỗi chậm rãi cuốc bộ tới nhà Danny. Họ khệ nệ mang những phẩm vật hòa giải: cam, táo và chuối, những chai ô-liu và dưa chuột bao tử, bánh mì kẹp thịt nguội, bánh mì kẹp trứng, những chai sô-đa, một hộp giấy đựng khoai tây trộn và một tờ Bưu điện thứ Bảy.

Danny thấy họ đi tới, bèn đứng dậy, cố nhớ những gì phải nói. Họ xếp hàng đứng trước mặt chàng, cúi đầu.

“Đồ chó của chó,” Danny gọi họ, và “đồ trộm cắp nhà của người tử tế,” và “bọn bạch tuộc.” Chàng gọi mẹ họ là bò cái và cha họ là cừu già.

Pilon mở cái túi đang cầm, để lộ ra bánh mì kẹp thịt. Danny

nói chàng không còn tin bạn bè nữa, rằng lòng tin của chàng đã bị thui chột và tình bạn của chàng bị chà đạp. Và rồi chàng bắt đầu chật vật khi phải cố nhớ những gì cần nói, vì Pablo đã lấy từ túi áo ngực ra hai quả trứng nhồi. Nhưng Danny quay trở lại thế hệ ông bà của ba người để phê phán phẩm hạnh của những người đàn bà và năng lực của đàn ông thế hệ đó.

Pilon rút trong túi ra cái xu-chiêng hồng, để nó đơng đưa trở trằng trên mấy ngón tay.

Tới đó thì Danny quên hết mọi sự. Chàng ngồi xuống hiên và các bạn chàng cũng ngồi xuống, các gói đồ được mở ra. Họ ăn tới mức cảm thấy khó ở. Đến một tiếng đồng hồ sau, khi cả đám đã ngả ngớn thoải mái trên hiên nhà, không chú ý gì mấy tới mọi sự trừ việc tiêu hóa, thì Danny suồng sã hỏi, như về một vật thể xa xôi nào đấy, “Làm sao mà cháy?”

“Bọn tôi không biết nữa,” Pilon giải thích. “Bọn tôi đi ngủ, rồi tự nhiên cháy. Có lẽ bọn tôi có kẻ thù.”

“Có lẽ,” Pablo nói vẻ đầy thành kính, “có lẽ Thượng đế có nhúng một ngón tay vào việc ấy.”

“Ai mà nói được điều gì khiến Thượng đế nhân từ hành xử theo cách của Người?” Jesus Maria để thêm.

Khi Pilon trao cái xu-chiêng và giải thích nó là món quà cho bà Morales, Danny dè dặt. Chàng nhìn cái xu-chiêng với chút nghi ngờ. Các bạn chàng, chàng cảm thấy, đang nịnh bà Morales. “Đó là không phải là một người đàn bà để ta tặng quà,” rốt cuộc chàng lên tiếng. “Quá thường xuyên chúng ta bị dính với phụ nữ bởi những bít-tết lựa mà ta tặng họ.” Chàng không thể giải thích cho các bạn mình rằng mối quan hệ của chàng với bà Morales đã tới hồi lạnh nhạt vì chàng là chủ nhân của nhỡn một ngôi nhà; cũng như, để giữ thể diện cho bà Morales, chàng không thể mô tả sự khoái trá của mình

về sự lạnh nhạt ấy. “Tôi sẽ cất cái vật nho nhỏ này đi,” chàng nói. “Một ngày nào đó nó sẽ có ích cho ai đó.”

Xẩm tối, họ vào nhà đốt lửa trong bếp củi. Danny, để làm bằng chứng cho sự tha thứ của mình, mang ra một góc tư^[33] rượu nho mạnh chia sẻ với các bạn mình.

Họ dễ dàng thích nghi với đời sống mới. “Tiếc quá, lũ gà nhà bà Morales đều chết cả,” Pilon bình luận.

Nhưng ngay cả điều này cũng không ngăn cản hạnh phúc. “Thứ Hai này bà ấy sẽ mua hai tá gà mới,” Danny thông báo.

Pilon mỉm cười hài lòng. “Lũ gà mái của bà Soto chẳng ngon gì cả,” chàng nói. “Tôi đã bảo bà Soto chúng cần ăn vỏ sò, nhưng bà ấy chẳng chịu nghe.”

Họ uống chỗ góc tư rượu nho; và chỗ rượu cũng vừa đủ để thúc đẩy sự ngọt ngào trong tình bằng hữu.

“Có bạn thật tốt,” Danny nói. “Trong thế gian này người ta mới cô đơn làm sao khi không có bạn ngồi cùng và chia sẻ rượu nho.”

“Hoặc bánh mì,” Pilon vội thêm vào.

Pablo vẫn chưa thôi dằn vặt, vì chàng ngờ rằng tình hình chính trị giữa các vị thánh là nguyên nhân của vụ cháy nhà. “Khắp thế gian này chẳng có mấy người bạn như huynh, Danny ạ. Chẳng có mấy người được trời phú cho như vậy.”

Trước khi Danny hoàn toàn ngập chìm dưới làn sóng bạn bè, chàng buông ra một lời cảnh báo. “Tôi muốn tất cả các huynh tránh xa khỏi giường của tôi,” chàng ra lệnh. “Đó là thứ duy nhất mà tôi phải giữ cho riêng mình.”

Mặc dù không ai đả động tới, ai cũng hiểu tất cả bọn họ sẽ sống trong nhà Danny.

Pilon thở dài khoan khoái. Chẳng còn nữa mối lo về tiền thuê; chẳng còn nữa gánh nặng nợ nần. Chàng không còn là

người đi thuê nhà nữa, mà là khách. Trong tâm trí mình chàng thẩm cảm ơn vụ cháy căn nhà kia.

“Bọn ta sẽ hạnh phúc ở đây, Danny ạ,” chàng nói. “Vào các buổi tối chúng ta sẽ quây quần bên bếp lửa và bạn bè sẽ ghé thăm. Biết đâu chúng ta sẽ có một ly rượu vang để uống mừng tình bạn.”

Khi đó Jesus Maria, trong một cơn mê cuồng của lòng biết ơn, buột miệng hứa liều. Chính rượu nho, và buổi đêm bên bếp lửa, với những quả trứng nhồi, gây ra sự liều lĩnh này. Chàng cảm thấy mình đã nhận được những món quà lớn lao, nên cũng muốn dâng một món quà. “Chúng ta phải có trách nhiệm và phận sự đảm bảo luôn luôn có đồ ăn trong nhà của Danny,” chàng hùng hồn. “Bạn của chúng ta sẽ không bao giờ đói!”

Pilon và Pablo ngẩng lên hoảng hốt, nhưng nhất ngôn ký xuất; lại là một phát ngôn đẹp đẽ và hào hiệp đến thế. Không kẻ nào có thể phá hủy nó mà không bị trừng phạt. Ngay cả Jesus Maria cũng hiểu, sau khi lời được nói ra, mức độ trọng đại trong tuyên bố của mình. Họ chỉ còn biết hy vọng rằng Danny sẽ quên lời nói ấy.

“Vì,” Pilon tự nhủ, “nếu lời hứa này phải được thực hiện, thì còn tệ hơn tiền thuê nhà nữa. Đó sẽ là chế độ nô lệ.”

“Chúng tôi thế, Danny!” chàng nói.

Họ ngồi quanh bếp lửa ngân ngấn nước mắt, và tình yêu họ dành cho nhau gần như không thể chịu đựng nổi.

Pablo lau đôi mắt ướt của mình bằng mu bàn tay, lặp lại lời Pilon. “Chúng ta sẽ sống rất hạnh phúc ở đây,” chàng nói.

VII

*Làm thế nào mà các bạn của Danny đã đứng về phía cái Thiện.
Họ đã cứu giúp chàng Cướp Biển đáng thương ra sao.*



Hằng ngày có khối người nhìn thấy Cướp Biển, một số cười hắc hắc, một số tội nghiệp cho hắn; nhưng không ai biết rõ hắn, và cũng không ai dính tới hắn. Hắn là một gã to cao, vạm vỡ, có bộ râu rậm rịt, đen nhánh. Hắn mặc quần jean và áo sơ-mi xanh biển, không đội mũ. Khi đi vào phố, hắn mang giày. Mỗi khi gặp bất cứ người lớn nào là ánh mắt Cướp Biển rụt lại, cái vẻ bí mật của một con thú muốn chạy trốn nếu nó dám quay lưng đủ lâu. Qua biểu hiện này, các paisano của Monterey biết rằng đầu óc hắn không lớn cùng với phần còn lại của cơ thể. Họ gọi hắn là Cướp Biển vì bộ râu của hắn. Hằng ngày người ta thấy hắn đẩy xe củi thông quanh các phố cho đến khi bán hết củi. Và lúc nào cũng vậy lẫn quần dưới chân hắn là năm chú chó.

Enrique trông giống một chú chó săn, tuy đuôi hơi bù xù. Pajarito lông nâu và xoắn tít, và bạn chỉ nhìn thấy nó ở hai điểm đó. Rudolph là một con chó mà ai đi ngang qua cũng sẽ bảo, “Nó là một con chó Mỹ.” Fluff là một con chó púc còn Señor Alec Thompson có vẻ như là một con Airedale. Chúng đi thành đội hình sau lưng Cướp Biển, hết sức tôn trọng hắn, và hết sức quan tâm đến hạnh phúc của hắn. Khi hắn ngồi xuống để nghỉ đẩy xe, cả bảy đều cố ngồi trong lòng hắn để được gần tai.

Có người thấy Cướp Biển sáng sớm ở phố Alvarado; có người thấy hắn chặt củi ngo; có người biết hắn bán củi mỗi; nhưng không ai ngoại trừ Pilon biết mọi thứ mà Cướp Biển làm. Pilon biết tất cả mọi người và mọi thứ về mọi người.

Cướp Biển sống trong một chuồng gà bỏ hoang trong sân một ngôi nhà hoang ở Tortilla Flat. Hắn là hắn nghĩ rằng ở luôn trong nhà thì quá đáng. Lũ chó ở xung quanh và trên đầu hắn, và Cướp Biển thích như vậy, vì lũ chó sưởi ấm cho hắn trong những đêm lạnh lẽo nhất. Nếu chân lạnh, hắn chỉ cần gác lên cái bụng ấm áp của Señor Alec Thompson. Chuồng gà quá thấp nên Cướp Biển phải bò vào bằng tay và đầu gối.

Mỗi sớm, khi những tia sáng đầu ngày còn chưa rọi xuống, Cướp Biển đã bò ra khỏi chuồng gà, lũ chó theo sau, xù lông và hắt hơi trong khí lạnh. Rồi cả đám đi xuống Monterey làm việc dọc theo một ngõ hẻm. Có bốn hay năm tiệm ăn có cửa sau mở ra phía con hẻm này. Cướp Biển bước vào từng tiệm một, vào trong nhà bếp của tiệm ăn, ấm áp và đầy mùi đồ ăn. Ở mỗi tiệm các bác đầu bếp cầu nhàu đặt các gói đồ ăn thừa vào tay hắn. Họ chẳng biết tại sao mình làm như vậy.

Sau khi Cướp Biển ghé thăm từng cánh cửa, rồi hai cánh tay đã chất đầy các gói đồ ăn, hắn lội bộ ngược lên đồi về đường Munroe và bước vào một khu đất trống, còn lũ chó chạy lăng xăng quanh hắn. Rồi hắn mở các gói ra cho lũ chó ăn. Hắn rút bánh mì hay một mẩu thịt ở mỗi gói cho chính mình, nhưng hắn không chọn cho mình chỗ ngon nhất. Bầy chó ngồi xuống quanh hắn, hồi hộp liếm môi, nhấp nhồm đợi đồ ăn. Chúng chưa bao giờ cắn nhau vì đồ ăn, ấy là chuyện đáng ngạc nhiên. Bầy chó của Cướp Biển không bao giờ cắn nhau, nhưng chúng tấn công những thứ bốn chân khác lang thang trên các con phố Monterey. Nhìn bè lũ năm con rượt theo những con

phốc lông mượt hay phốc sóc như săn thỏ thì thật là vui mắt.

Ăn xong thì ánh sáng ban ngày đã tràn ngập. Cướp Biển ngồi phệt trên đất ngắm bầu trời chuyển sang màu xanh lam cùng buổi sáng. Phía dưới hắn thấy những chiếc thuyền hai buồm dong ra khơi boong chát đầy gỗ. Hắn nghe tiếng chuông của các phao cột mốc ngân êm ái từ phía làng cá China Point. Bầy chó ngồi quanh hắn gặm xương. Cướp Biển dường đang lắng nghe nhịp sống ban ngày hơn là nhìn ngắm, vì lúc mắt hắn không chuyển động, trông hắn vẫn có vẻ đang rất chú ý. Đôi bàn tay hộ pháp của hắn băng quơ xòe về phía lũ chó, mấy ngón tay vuốt ve bộ lông thô.

Sau khoảng nửa giờ đồng hồ, Cướp Biển đi vào góc của khu đất trống, ném lớp phủ bao tải ra khỏi chiếc xe cút-kít rồi đào cái rìu của mình từ chỗ hắn chôn mỗi tối lên. Rồi hắn đẩy xe cút-kít lên đồi, vào rừng, tới khi nào tìm thấy một thân cây khô, nhiều nhựa. Tới chính Ngọ thì hắn đã có được một xe đầy củi mỗi loại tốt; khi đó, vẫn với lũ chó lẽo đẽo theo sau, hắn đi ra các con phố cho đến khi bán hết xe củi mỗi lấy hai mươi lăm xu.

Người ta có thể quan sát thấy toàn bộ việc này, nhưng không ai biết hắn làm gì với đồng hai mươi lăm xu. Hắn không bao giờ tiêu. Ban đêm, được lũ chó bảo vệ khỏi hiểm nguy, hắn đi vào rừng và giấu đồng hai mươi lăm xu kiếm được ban ngày với hàng trăm đồng khác. Ở một chỗ nào đó hắn có một kho tiền khá lớn.

Pilon, con người sắc sảo ấy, chẳng có chuyện vặt vãnh nào trong đời của bạn bè có thể thoát khỏi mắt chàng, và người sung sướng gấp đôi khi phát hiện ra những bí mật chôn sâu trong đầu của những người quen biết của mình, khám phá ra kho tàng của Cướp Biển qua một quá trình suy luận. Pilon lập

luận thế này: “Mỗi ngày Cướp Biển kiếm được hai mươi lăm xu. Nếu đó là hai đồng mười xu và một đồng năm xu, cậu ta sẽ mang tới một cửa hàng để đổi lấy một đồng hai mươi lăm xu. Cậu ta không bao giờ tiêu tí tiền nào cả. Do đó, chắc hẳn cậu ta phải giấu nó.”

Pilon cố tính toán số của cải. Hàng năm trời Cướp Biển đã sống theo cách này. Hắn đốn củi ngo sáu ngày một tuần, và đi nhà thờ ngày Chủ nhật. Quần áo, hắn kiếm được từ cửa sau các ngôi nhà, còn thức ăn, từ cửa sau các tiệm ăn. Pilon bối rối với những con số lớn mất một lúc, rồi đầu hàng. “Cướp Biển phải có ít nhất một trăm đô-la,” chàng nghĩ bụng.

Pilon đã cân nhắc những điều này từ lâu. Nhưng chỉ sau lời hứa bông bột và sôi nổi về việc nuôi Danny ăn thì cái ý nghĩ về kho tàng của Cướp Biển mới có chút tầm quan trọng cá nhân nào đó đối với Pilon.

Trước khi có động tĩnh tiếp cận đối tượng, Pilon buộc đầu óc mình trải qua một quá trình chuẩn bị dài và đáng kinh ngạc. Chàng thấy rất tội nghiệp cho Cướp Biển. “Thằng bé trì độn bé bỏng tội nghiệp,” chàng tự nhủ. “Chúa không ban cho hắn tất cả trí não hắn phải có. Thằng bé Cướp Biển bé nhỏ tội nghiệp đó không biết cách tự trông nom bản thân. Vì như thấy đấy, nó sống trong sự bần thỉu của một chuồng gà bỏ hoang. Nó ăn đồ thừa chỉ xứng cho chó. Quần áo nó mong manh, rách rưới. Và bởi vì não của nó không phải là não tốt, nó lại đi cất giấu tiền của mình.”

Lúc bấy giờ, sau khi đã bày biện nền tảng cho xót thương, Pilon chuyển sang giải pháp. “Chẳng phải đó là việc làm đáng được tưởng thưởng sao,” chàng nghĩ, “khi mình làm cho nó những việc mà bản thân nó không tự làm được. Mua áo ấm cho nó, mua cho nó đồ ăn xứng đáng với một con người.

Nhưng,” chàng tự nhắc nhở, “Mình chẳng có tiền để làm những việc này, cho dù những việc ấy luôn xao động trong tim mình. Làm thế nào có thể hoàn thành những việc từ thiện này đây?”

Bây giờ chàng đã tiến được một chút. Như con mèo sau cả tiếng đồng hồ rình rập giờ sắp vồ được con chim sẻ, Pilon đã sẵn sàng cho cú vồ của mình. “Ta nghĩ ra rồi!” trí óc chàng reo lên. “Sẽ như thế này: Cướp Biển có tiền, nhưng nó không có đầu óc để sử dụng. Mình có đầu óc! Mình sẽ mời nó sử dụng đầu óc của mình. Mình sẽ trao tặng đầu óc hoàn toàn miễn phí. Đó sẽ là phần từ thiện của mình cho kẻ trì độn bé nhỏ đáng thương này.”

Đấy là một trong những công trình tinh xảo nhất mà Pilon từng xây dựng. Sự nôn nao của người nghệ sĩ muốn trưng bày tác phẩm của mình cho khán giả tràn ngập lòng chàng. “Mình sẽ nói với Pablo,” chàng nghĩ. Nhưng chàng băn khoăn không biết chàng có nên làm một chuyện như thế không. Liệu Pablo có trung thực tuyệt đối không? Liệu cậu ta có muốn chuyển một phần của khoản tiền này sang cho mục đích riêng của mình hay không? Rốt cuộc, Pilon quyết định bỏ qua Pablo lần này.

Thật sững sốt khi phát hiện ra những sự vật đen đũi và xấu xa lại có cái bụng trắng như tuyết. Thật rầu rĩ khi dò thấy những chỗ khuất của các thiên thần lại lở lói như thế nào. Vinh dự thay, bình an thay cho Pilon, vì chàng đã khám phá ra cách để khai phá và phơi lộ với thế gian những điều tốt đẹp bên trong những điều *xấu xa*. Chàng cũng không mù quáng, như rất nhiều các vị thánh thường vẫn thế, trước mặt *xấu xa* của những điều tốt. Phải buồn rầu thừa nhận rằng Pilon chẳng có sự ngu xuẩn, cũng chẳng có ham muốn tự phong, hay ham

muốn được báo đáp để có thể trở thành một vị thánh. Với Pilon, làm việc tốt và được tưởng thưởng bằng sự ấm áp của tình huynh đệ chốn trần gian là quá đủ.

Ngay đêm hôm đó chàng đến thăm cái chuồng gà nơi Cướp Biển sống cùng bầy chó. Danny, Pablo và Jesus Maria, lúc đó đang ngồi bên bếp lò, thấy chàng đi ra nhưng không nói gì. Vì họ suy nghĩ tế nhị rằng, hẳn là men tình ái đã dậy lên trong Pilon, còn nếu không thì hẳn chàng biết có thể kiếm được ít rượu vang từ đâu đó. Cả hai trường hợp đều chẳng phải là việc của họ, chùng nào chàng chưa chia sẻ.

Lúc ấy trời đã tối từ lâu, nhưng Pilon có một cây nến trong túi, vì có lẽ nên theo dõi biểu hiện trên gương mặt của Cướp Biển trong lúc hẳn nói. Và Pilon còn có một cái bánh quy đường to trong túi mà Susie Francisco, cô ả làm việc trong một tiệm bánh, đã cho chàng để đổi lấy công thức chiếm được tình yêu của Charlie Guzman. Charlie là anh chàng phát điện tín cưới một chiếc mô-tô; còn Susie có một chiếc mũ lưỡi trai đàn ông để đội ngược, lẽ mà Charlie có khi nào mời cô lên xe với anh ta. Pilon nghĩ chắc Cướp Biển sẽ thích bánh quy đường.

Đêm đó trời rất tối. Pilon len lỏi qua một con phố hẹp kề bên những khu đất trống và những khu vườn bỏ hoang cỏ dại mọc đầy.

Con chó trâu xấu xí của Galvez găm gừ nhảy ra từ sân nhà Galvez, còn Pilon nói những lời vớ vẩn về khen ngợi nó. “Chó ngoan,” chàng dịu dàng nói, rồi “chó đẹp,” cả hai rõ là những lời nói dối trắng trợn. Tuy nhiên những lời ấy bù tai với con chó, vì nó đã rút lui vào trong sân nhà Galvez.

Rốt cuộc Pilon cũng tới khu đất trống chỗ Cướp Biển ở. Giờ thì chàng biết chàng phải cẩn thận, vì lũ chó của Cướp Biển,

nếu chúng ngờ rằng ai làm chuyện gì xấu với chủ chúng, có tiếng là sẽ hung hăng bảo vệ. Khi Pilon bước vào sân, chàng nghe thấy những tiếng gầm gừ trong cổ họng và đầy đe dọa từ phía chuồng gà.

“Cướp Biển ơi,” chàng gọi. “Pilon bạn tốt của cậu đến để trò chuyện với cậu đây.”

Chỉ có im lặng. Lũ chó ngừng gầm gừ.

“Cướp Biển ơi, chỉ là Pilon thôi mà.”

Một giọng trầm trầm gất gỏng đáp trả, “Đi chỗ khác. Tôi đang ngủ. Lũ chó đang ngủ. Trời tối rồi, Pilon. Về ngủ đi.”

“Tôi có một cây nến trong túi đây,” Pilon gọi. “Nó sẽ thắp lên ánh sáng sáng như ban ngày trong căn nhà tối của cậu. Tôi cũng có mang một cái bánh quy đường to cho cậu đây.”

Nghe có tiếng va quẹt khe khẽ trong chuồng gà. “Vậy thì vào đi,” Cướp Biển nói. “Tôi sẽ bảo lũ chó là không có việc gì.”

Trong lúc tiến qua đám cỏ, Pilon có thể nghe Cướp Biển nói chuyện dẹt dẹt với lũ chó của mình; cậu ta giải thích cho chúng rằng đó chỉ là Pilon, hấn không làm hại gì đâu. Pilon cúi người trước cái cửa tối om và quẹt một que diêm thắp ngọn nến lên.

Cướp Biển ngồi trên nền đất, bầy chó xung quanh. Enrique gầm gừ, nên phải được trấn an lần nữa. “Con này không được khôn như mấy con kia,” Cướp Biển hòa nhã nói. Cặp mắt hấn là cặp mắt vui sướng của một đứa trẻ con khi phấn hưng. Khi mỉm cười hàm răng to, trắng của hấn lấp lánh dưới ánh nến.

Pilon chìa túi ra. “Một cái bánh ngon lành cho cậu đây,” chàng nói.

Cướp Biển cầm lấy túi nhìn vào trong; rồi hấn mỉm cười vui sướng, lấy cái bánh quy ra. Cả bầy chó đều ngoác mồm nghech mặt lên nhìn hấn, nhúc nhích chân và liếm mép. Cướp

Biển bẻ cái bánh ra thành bảy miếng. Miếng đầu tiên hắn đưa cho Pilon, khách của hắn. “Giờ tới lượt Enrique,” hắn nói. “Giờ, Fluff. Giờ thì Señor Alec Thompson.” Mỗi con chó nhận được mẩu của mình, nuốt chửng và nhong nhóng tìm thêm. Cuối cùng, Cướp Biển ăn miếng của mình và đưa hai tay lên cho lũ chó. “Không còn nữa đâu, chúng mày thấy đấy,” hắn bảo chúng. Ngay tấp lự lũ chó nằm xuống quanh hắn.

Pilon ngồi trên sàn và dựng ngọn nến trên mặt đất trước mặt. Cướp Biển nhìn chàng đầy vẻ thăm dò. Pilon ngồi im lặng, mặc cho nhiều câu hỏi trôi ngang qua đầu Cướp Biển. Cuối cùng chàng lên tiếng, “Cậu là mối lo cho bạn bè của cậu đấy.”

Cấp mắt Cướp Biển tràn ngập vẻ kinh ngạc. “Tôi? Cho bạn bè tôi ư? Bạn bè nào?”

Pilon dịu giọng. “Cậu có nhiều bạn bè nghĩ đến cậu. Họ không đến gặp cậu bởi vì cậu kiêu hãnh quá. Họ nghĩ có thể tổn thương đến lòng tự hào của cậu khi để họ thấy cậu sống trong cái chuồng gà này, mặc giẻ rách, ăn rác rưởi cùng lũ chó. Nhưng các bạn bè của cậu lo sợ rằng cuộc sống tồi tệ có thể khiến cậu đau ốm.”

Cướp Biển dõi theo lời chàng mà kinh ngạc nghệt thờ, và não hắn cố gắng ghi nhận những thứ mới mẻ hắn đang nghe. Hắn không may mắn nghi ngờ những lời ấy, vì Pilon nói chúng ra. “Tôi có những người bạn này ư?” hắn ngỡ ngàng nói. “VẬY mà tôi không hề hay biết. Và tôi lại là mối lo cho những người bạn ấy nữa. Tôi không hề biết, Pilon ạ. Nếu biết tôi đã không làm cho họ lo lắng.” Hắn nuốt nước bọt để cảm xúc không làm ghen cổ họng. “Anh thấy đấy, Pilon. Lũ chó thích ở đây. Tôi cũng thích chỗ này vì chúng. Tôi không nghĩ là mình là mối âu lo cho bạn bè” Cướp Biển ngân ngấn nước mắt.

“Tuy nhiên,” Pilon nói, “kiểu sống của cậu làm tất cả bạn bè cậu bất an.”

Cướp Biển nhìn xuống đất cố suy nghĩ cho rành mạch, nhưng như mọi khi, mỗi khi hấn thử đương đầu với khó khăn, não hấn trở nên xám xịt và chẳng giúp ích gì được, ngoại trừ một cảm giác vô vọng. Hấn nhìn sang lũ chó của mình trông cậy sự bảo vệ, nhưng chúng đã đi ngủ tiếp, vì chuyện ấy chẳng phải việc của chúng. Và rồi hấn nhìn vào mắt Pilon thắm thiết. “Anh phải bảo tôi làm gì chứ Pilon. Tôi không biết tất cả những việc này.”

Quá dễ dàng. Pilon hơi ngượng vì chuyện quá dễ dàng như thế. Chàng ngần ngừ; gần như bỏ cuộc; nhưng rồi chàng biết chàng sẽ giận dữ với bản thân nếu chàng làm như thế. “Các bạn của cậu đều nghèo,” chàng nói. “Họ muốn giúp cậu nhưng họ không có tiền. Nếu cậu có tiền cất giấu, thì cậu hãy mang nó ra. Mua cho bản thân ít quần áo. Ăn thứ đồ ăn không phải do người khác vứt đi. Mang tiền của cậu ra khỏi chỗ cất giấu, Cướp Biển ạ.”

Pilon đã chăm chú nhìn vẻ mặt của Cướp Biển trong khi nói. Chàng thấy cặp mắt hấn sụp xuống nghi ngờ rồi hờn dỗi. Trong phút chốc Pilon biết tổng hai điều; một, đó là Cướp Biển có tiền cất giấu; và hai, không dễ gì mó vào chỗ ấy. Chàng thấy vui vì sự kiện sau. Cướp Biển đã trở thành một thách thức chiến thuật khiến Pilon thích thú.

Giờ Cướp Biển lại đang nhìn chàng, trong mắt hấn là vẻ láu cá, và trên cả, một vẻ ngây thơ cố tình. “Tôi không có tiền ở đâu cả,” hấn nói.

“Nhưng hằng ngày, bạn hiền ạ, tôi thấy cậu kiếm được một đồng hai mươi lăm xu từ việc bán củi, và chưa bao giờ tôi thấy cậu tiêu nó.”

Lần này nã của Cướp Biển xuất hiện kịp thời để ứng cứu. “Tôi cho một bà già nghèo,” hắn nói. “Tôi không có tiền ở đâu cả.” Và bằng giọng của mình hắn đóng sầm cánh cửa về đề tài này.

“Vậy là phải dùng mẹo đây,” Pilon nghĩ. Và như thế những tài năng thiên phú, vốn được mài giũa sắc bén trong chàng, sẽ phải được triệu vào cuộc chơi. Chàng đứng dậy nhắc ngọn nến lên. “Tôi chỉ nghĩ phải nói với cậu bạn bè của cậu lo lắng thế nào thôi,” chàng gay gắt nói. “Nếu cậu không có ý muốn giúp đỡ, thì tôi chịu không làm được gì cho cậu cả.” Sự dịu dàng trở lại trong mắt Cướp Biển. “Bảo họ tôi khỏe,” hắn van vỉ. “Hãy bảo các bạn tôi đến gặp tôi. Tôi không quá kiêu hãnh đâu. Tôi sẽ mừng vui gặp họ bất kỳ lúc nào. Liệu huynh có chuyển lời giùm tôi không, Pilon?”

“Tôi sẽ bảo họ,” Pilon cộc cằn nói. “Nhưng các bạn của cậu sẽ không vui vẻ gì khi thấy cậu không chịu làm gì để tâm hồn họ nhẹ nhõm đâu.” Pilon thổi tắt ngọn nến và bỏ đi vào trong bóng tối. Chàng biết Cướp Biển sẽ không bao giờ nói kho tàng của hắn ở đâu. Phải lén tìm ra nó, đoạt lấy bằng vũ lực và rồi mọi thứ tốt đẹp sẽ được trao cho Cướp Biển. Đó là cách duy nhất.

Và thế là Pilon buộc mình theo dõi Cướp Biển. Chàng theo hắn vào rừng khi hắn đi chặt củi mỗi đêm, chàng nằm đợi bên ngoài chuồng gà. Chàng nói chuyện với hắn thật lâu và tha thiết, nhưng chẳng moi được cái mẻ gì. Kho báu vẫn muôn trùng cách xa khám phá. Hắn là nó được chôn trong chuồng gà hoặc được giấu sâu trong rừng, và hắn chỉ ghé thăm nó vào ban đêm.

Những đêm dài thức trắng không thu hoạch được kết quả nào bào mòn sự kiên nhẫn của Pilon. Chàng biết mình cần có

trợ giúp và tư vấn. Và còn ai có thể làm điều đó tốt hơn những người bạn đồng chí hướng – Danny, Pablo và Jesus Maria. Ai có thể lắm mưu, nhiều chước như họ? Ai có thể cúi lòng trước cái thiện hơn họ?

Pilon chia sẻ bí mật với các bạn mình; nhưng trước hết chàng chuẩn bị tư tưởng cho họ, như chàng đã chuẩn bị cho chính mình: Sự nghèo túng của Cướp Biển, tình trạng vô vọng của hắn, và cuối cùng – giải pháp. Khi chàng nói tới giải pháp, các bạn chàng phát cuồng vì lòng từ thiện. Họ hoan hô chàng. Gương mặt họ sáng bừng với vẻ thiện tâm. Pablo nghĩ chắc phải có hơn một trăm đô-la trong kho tàng.

Khi niềm vui đã lắng đọng lại thành nhiệt tình làm việc, họ bàn tới các kế hoạch.

“Ta phải theo dõi cậu ấy,” Pablo nói.

“Nhưng tôi đã theo dõi cậu ta,” Pilon cãi. “Ắt hẳn cậu ta bò đi mất trong đêm, chưa kể không thể theo cậu ta quá sát, vì bầu chó của cậu ta bảo vệ *chủ chúng* như quý sứ. Sẽ không dễ dàng chút nào đâu.”

“Huynh đã dùng hết mọi lý lẽ chưa?” Danny hỏi

“Rồi. Tất tần tật.”

Rốt cuộc chính là Jesus Maria, con người nhân ái ấy, tìm được lối ra. “Sẽ khó khăn khi cậu ta sống trong cái chuồng gà ấy,” chàng nói. “Nhưng giả như cậu ta sống ở đây, cùng chúng ta, thì sao? Hoặc sự im lặng của cậu ta sẽ bị phá vỡ vì sự tử tế của chúng ta, còn không thì cũng sẽ dễ biết hơn khi cậu ta ra ngoài vào ban đêm.”

Những người bạn suy nghĩ rất lung về đề xuất này. “Thỉnh thoảng những thứ cậu ta có được từ các tiệm ăn gần như còn mới nguyên,” Pablo trầm ngâm. “Tôi đã từng nhìn thấy cậu ta có một miếng bít tết chỉ sứt một tí.”

“Có khi phải đến hai trăm đô-la,” Pilon nói.

Danny chột phản đối. “Nhưng còn những con chó ấy – cậu ta hẳn sẽ mang theo lũ chó.”

“Lũ chó khá ngoan,” Pilon nói. “Chúng răm rắp tuân lệnh cậu ta. Ta có thể vẽ một vạch quanh một góc nhà và nói, “Bắt lũ chó của cậu ở trong vạch này.” Cậu ấy sẽ bảo và lũ chó sẽ ở trong đó.”

“Có một sáng tôi nhìn thấy Cướp Biển, cậu ta có đến gần nửa ổ bánh ngọt trong tay, chỉ hơi ảm một tí vì cà phê,” Pablo nói.

Vậy là câu hỏi đã tự được giải quyết. Căn nhà tự biến thành một hội đồng, và hội đồng đi thăm Cướp Biển.

Cái chuồng gà ấy quá chật chội khi tất cả bọn họ len vào trong. Cướp Biển cố che giấu niềm vui sướng của mình bằng một giọng cộc cằn.

“Thời tiết tệ quá,” hắn nói xã giao. Rồi, “Chắc có lẽ các anh không tin, chứ tôi tìm thấy một con rận to bằng quả trứng bồ câu trên cổ con Rudolph.” Và hắn nói băng quơ về nhà của mình, như một vị chủ nhà nên như thế. “Nhà nhỏ quá,” hắn nói. “Nó không phải chỗ phù hợp cho bạn bè đến chơi. Nhưng chỗ này ấm cúng, đặc biệt đối với lũ chó.”

Rồi Pilon cất tiếng. Chàng bảo Cướp Biển rằng sự âu lo đang giết các bạn mình; nhưng nếu hắn tới sống cùng họ, thì họ sẽ có thể ngủ nghê thoải mái.

Đó quả là một cú sốc *khủng khiếp* với Cướp Biển. Hắn nhìn hai bàn tay mình. Rồi hắn nhìn sang lũ chó của mình tìm kiếm sự động viên, nhưng chúng không đáp lại cái liếc nhìn của hắn. Cuối cùng hắn lau khô niềm hạnh phúc trong mắt bằng mu bàn tay, và hắn quệt bàn tay lên hàm râu đen xồm xoàm của mình.

“Còn lũ chó?” hắn hỏi nhỏ. “Các anh cũng thích lũ chó chứ? Các anh có phải là bạn của chúng?”

Pilon gật đầu. “Ừ, cả lũ chúng nó. Sẽ có nguyên một góc dành riêng cho chó.”

Cướp Biển là người kiêu hãnh. Hắn e rằng mình *có thể* đã cư xử không được đàng hoàng lắm. “Các anh về đi,” hắn khẩn khoản. “Cứ về nhà đi. Sáng mai tôi sẽ tới.”

Các bạn của hắn biết hắn cảm thấy thế nào. Họ bò ra khỏi cửa và để mặc hắn.

“Ở cùng chúng ta, cậu ta sẽ hạnh phúc,” Jesus Maria nói.

“Anh chàng cô đơn bé nhỏ đáng thương,” Danny thêm vào. “Nếu biết từ trước, tôi đã đề nghị với cậu ta từ lâu, kể cả nếu cậu ta chẳng có kho tàng nào.”

Một ngọn lửa hân hoan bùng lên trong lòng tất cả bọn họ.

Họ sớm ổn định trong mối quan hệ mới. Danny, với một mảnh phấn xanh trong tay, vẽ một phần của vòng tròn, khoanh một góc phòng khách lại, đó là chỗ lũ chó phải ở khi chúng ở trong nhà. Cướp Biển cũng ngủ trong vòng tròn đó, cùng bầy chó.

Nhà bắt đầu hơi đông đúc, với năm người và năm con chó; nhưng ngay từ đầu, Danny cùng *các bạn* đã nhận ra rằng lời mời của họ đối với Cướp Biển được truyền cảm hứng bởi vị thiên thần mệt mỏi và đầy âu lo hộ vệ cho vận số của họ, bảo vệ họ khỏi cái ác.

Mỗi sáng, rất lâu trước khi các bạn tỉnh giấc, từ xó nhà của mình, Cướp Biển nhồm dậy đi một vòng quanh các tiệm ăn và cầu cảng, lũ chó lẻo đẻo theo sau. Hắn là một trong những người mà ai cũng có thiện cảm. Các gói đồ ăn của hắn ngày càng to ra. Bốn chàng *paisano* cứ thế nhận và tận hưởng các phẩm vật của hắn; nào là cá tươi, nào là những ổ bánh còn

phân nửa, những ổ bánh mì ỉu chưa ai đụng đến, với cả những tảng thịt chỉ cần cho chút sô-đa vào là tẩy được mốc xanh. Họ thực sự bắt đầu sống.

Việc bốn chàng chấp nhận những món quà làm Cướp Biển cảm động sâu xa hơn bất cứ thứ gì họ có thể làm cho hắn. Trong mắt hắn ánh lên vẻ sùng bái khi ngắm họ ăn những thứ mình mang về.

Buổi tối, khi họ ngồi quanh bếp lò bàn luận những hoạt động của Tortilla Flat bằng cái giọng biếng lười của những vị thần no nê, mắt của Cướp Biển đưa từ miệng người này sang miệng người kia, môi hắn mấp máy, thì thầm lặp lại những lời các bạn nói. Lũ chó sấn vào quanh hắn đầy ghen tị.

Đây là bạn của mình, hắn tự nhủ trong đêm, khi căn nhà tối om, khi lũ chó rúc sát vào hắn để cả bọn đều ấm. Những con người này yêu mến hắn nhiều đến độ họ lo âu khi để hắn sống một mình. Cướp Biển phải thường xuyên lặp đi lặp lại với bản thân điều này, vì đó là một điều đáng kinh ngạc, một *sự thật* không thể tin nổi. Giờ đây cái xe cút-kít của hắn dựng trong sân nhà Danny, và hằng ngày hắn dẫn củi thông đem bán. Nhưng Cướp Biển quá sức lo lắng về việc có thể bỏ lỡ đôi lời các bạn nói vào buổi tối, hay có thể không ở đó để thăm đấm đôi làn hơi ấm áp của tình bầu bạn, nên đã nhiều ngày hắn không đến thăm kho tàng của mình để cất những đồng xu mới.

Các bạn của Cướp Biển cũng *quá xá* tử tế với hắn. Họ cư xử rất đổi nhã nhặn; nhưng luôn luôn có một ánh mắt nào đó dõi theo hắn. Khi hắn đẩy xe vào trong rừng, một trong những người bạn sẽ đi cùng và ngồi trên một khúc gỗ trong khi hắn làm việc. Khi hắn đi xuống khe núi, việc cuối cùng của buổi đêm, Danny hoặc Pablo hoặc Pilon hoặc Jesus Maria sẽ đi theo.

Và trong đêm, để bò ra khỏi nhà mà không một cái bóng sau lưng, hắn phải rất im ắng.

Suốt một tuần, những người bạn chỉ đơn thuần theo dõi Cướp Biển. Nhưng cuối cùng tình trạng án binh bất động khiến họ mệt mỏi. Không thể hành động trực tiếp được, họ biết điều đó. Vì vậy một tối họ chủ đề cất giấu tiền được đem ra bàn luận.

Pilon mào đầu. “Tôi có một ông bác, một con người bần xỉn bình thường, bác ấy giấu vàng của mình trong rừng. Một lần họ bác tới xem lại, thì chẳng thấy đâu nữa. Ai đó đã phát hiện ra và trộm mất. Khi ấy bác đã già rồi, tiền bạc mất hết, thế là bác treo cổ tự tử.” Pilon thỏa mãn thấy vẻ hoang mang hiện lên trên gương mặt của Cướp Biển.

Danny cũng để ý thấy như thế; chàng tiếp tục, “Ông cụ, tức ông nội tôi, chủ căn nhà này, cũng chôn tiền. Tôi không biết ông cụ có bao nhiêu, nhưng ông là người giàu có tiếng, nên ắt hẳn phải đến ba hay bốn trăm đô-la. Ông đào một cái hố sâu cất tiền ở đó, lấp lại, rồi rải lá thông lên trên mặt đất cho đến khi ông nghĩ là không ai có thể nhìn ra có gì xáo trộn ở đó. Nhưng khi trở lại, hố đã bị xới lên, và tiền không cánh mà bay.”

Cặp môi Cướp Biển dõi theo từng lời. Một vẻ kinh hoàng hiện lên gương mặt hắn. Mấy ngón tay của hắn tần ngần trên túm lông cổ của Señor Alec Thompson. Những người bạn trao đổi với nhau một ánh nhìn và tạm bỏ qua đề tài. Họ chuyển sang bình luận đời sống ái tình của Cornelia Ruiz.

Đêm hôm ấy, Cướp Biển rón rén bò ra khỏi nhà, lũ chó bò theo sau; và Pilon bò theo sau rất. Cướp Biển mau mắn đi vào trong rừng, rải những bước chân quả quyết qua những khúc gỗ và bụi cây. Pilon chật vật bám theo. Nhưng khi đi được

chừng hai dặm, Pilon đứt hơi và bị dây leo cào trầy trụa. Chàng dừng lại nghỉ một chút; chợt nhận ra mọi âm thanh phía trước chàng đã ngưng lại. Chàng chờ đợi, nghe ngóng và bò loanh quanh, nhưng Cướp Biển đã biến mất.

Sau hai tiếng đồng hồ, Pilon quay trở lại, chậm chạp và mệt mỏi. Cướp Biển đã ở trong nhà, ngủ say giữa bầy chó. Lũ chó ngóc đầu lên khi Pilon bước vào, và Pilon nghĩ chúng cười nhạo chàng.

Sáng hôm sau một hội nghị diễn ra trong khe núi.

“Không thể nào bám theo cậu ta được,” Pilon báo cáo. “Cậu ta biến mất. Cậu ta nhìn thấy đường trong bóng tối. Cậu ta thuộc từng cái cây trong rừng. Ta phải tìm cách nào đó khác.”

“Có lẽ một người không đủ,” Pablo gợi ý. “Nếu tất cả bọn mình cùng bám theo cậu ta, thì một người trong bọn có thể không mất dấu.”

“Đêm nay chúng ta sẽ nói chuyện tiếp,” Jesus Maria nói, “chỉ nói chuyện tẻ hơn thôi nhé. Một nàng tôi quen sắp biếu tôi ít rượu,” chàng khiêm tốn thêm vào. “Có lẽ có tí rượu vào Cướp Biển sẽ không biến mất quá dễ dàng.” Chuyện tạm ngưng ở đó.

Cô nàng của Jesus Maria biếu chàng nguyên một ga-lông rượu. Không gì có thể sánh với niềm sướng vui của Cướp Biển tối hôm đó khi một hũ rượu được ấn vào tay hắn, khi hắn ngồi cùng các bạn mình nhắm nháp rượu vang và lắng nghe cuộc chuyện trò. Niềm hoan hỷ như thế hiếm khi đến trong cuộc đời Cướp Biển. Hắn ước gì có thể siết chặt những con người yêu quý này vào ngực và nói với họ rằng hắn yêu quý họ chừng nào. Nhưng ấy là điều mà hắn không thể làm, vì họ có thể nghĩ rằng hắn say. Hắn ao ước mình có thể làm một điều gì đó kỳ vĩ để cho họ thấy tình yêu của hắn.

“Tối hôm qua ta nói về việc chôn tiền,” Pilon nói. “Hôm nay tôi sực nhớ chuyện một người anh họ, một con người khôn ngoan. Nếu trên thế gian này có ai có thể giấu tiền ở chỗ không bao giờ có thể bị tìm thấy, thì chính là anh ấy. Vì vậy anh đã mang tiền đi giấu. Có lẽ các bạn đã gặp anh ấy, con người bé nhỏ đáng thương lê la ở cầu cảng xin đầu cá để nấu xúp. Đó là anh họ của tôi. Có người đã trộm tiền chôn giấu của anh ấy.”

Âu lo quay trở về trên gương mặt Cướp Biển.

Chuyện nợ chất chồng chuyện kia, chuyện nào cũng đủ điều gỡ đeo theo dấu chân những ai cất giấu tiền.

“Tốt hơn hết là giữ tiền sát bên người, thỉnh thoảng chi tiêu vài đồng, hay cho bạn bè một chút,” Danny kết luận.

Họ dõi nhìn Cướp Biển kỹ lưỡng, và ở giữa một câu chuyện tồi tệ nhất họ nhìn thấy vẻ âu lo tan đi trên gương mặt hắn, thay vào đó là một nụ cười thanh thản. Bây giờ hắn nhấp rượu, mắt lấp lánh niềm vui.

Những người bạn tuyệt vọng. Mọi kế hoạch của họ đều thất bại ê chề. Trong lòng mọi người đều ủ rũ. Sau tất cả lòng tốt và từ thiện của họ, điều này đã xảy ra. Cướp Biển bằng một cách nào đó đã vượt khỏi cái tốt mà họ dự định trao tặng. Họ uống cạn chỗ rượu và đi ngủ mà lòng ủ ê.

Ít có chuyện gì xảy ra trong đêm mà Pilon lại không biết. Tai chàng vẫn mở trong lúc phần còn lại của thân thể ngủ. Chàng nghe thấy tiếng Cướp Biển và bầy chó lén ra khỏi nhà. Chàng trườn sang đánh thức các bạn; trong thoáng chốc cả bốn người bám theo Cướp Biển về hướng khu rừng. Trời tối đen như mực lúc họ đi vào rừng thông. Bốn người bạn chạy đâm sầm vào cây, vấp vào những dây dâu leo; nhưng suốt một quãng lâu họ có thể nghe thấy tiếng Cướp Biển rảo bước phía

trước. Họ bám theo Cướp Biển xa bằng Pilon đi theo tối hôm trước, và rồi, đột ngột, im lặng, chỉ còn tiếng rừng thâm thì và tiếng gió đêm mơ hồ. Họ luồn qua rừng và những mảng bụi rậm, nhưng một lần nữa Cướp Biển đã biến mất.

Cuối cùng, lạnh lẽo và chán nản, họ gặp lại nhau, mệt mỏi lê bước về phía Monterey. Trời đã rạng trước khi họ về tới nơi. Mặt trời đã chiếu sáng trên vịnh. Làn khói từ những đống lửa buổi sáng từ Monterey lãng đãng bay về phía họ.

Cướp Biển bước ra hàng hiên chào đón họ, mặt hần rạng ngời niềm vui. Họ đi ngang qua hần đây về hờn đối, bước thẳng vào phòng khách. Ở đó trên bàn có một túi vải lớn.

Cướp Biển theo họ vào nhà. “Tôi nói dối huynh, Pilon ạ,” hần nói. “Tôi nói với huynh tôi không có tiền, vì tôi sợ. Khi đó tôi không biết về các bạn. Các bạn đã bảo tiền cất giấu thường thì bị mất trộm thế nào, làm tôi lại càng sợ thêm. Mãi đến tối qua tôi mới nghĩ ra cách mới. Tiền của tôi sẽ an toàn với các bạn của tôi. Không ai có thể ăn trộm nếu bạn bè tôi bảo vệ nó cho tôi.”

Bốn người trừng trừng nhìn hần kinh hãi. “Hãy mang tiền của cậu về lại trong rừng mà giấu nó đi,” Danny nói phũ. “Bọn này không muốn canh nó.”

“Không đâu,” Cướp Biển nói. “Tôi sẽ không cảm thấy an toàn khi giấu nó. Nhưng tôi sẽ rất vui khi biết rằng các bạn tôi canh gác nó cho tôi. Nói thì các anh không tin, nhưng hai đêm vừa rồi có ai đó bám theo tôi vào rừng để trộm tiền của tôi.”

Như bị giáng một đòn khủng khiếp, Pilon, con người nhanh trí ấy, cố thoát ra. “Trước khi giao tiền vào tay chúng tôi, có khi cậu muốn lấy ra một ít,” chàng nhẹ nhàng gợi ý.

Cướp Biển lắc đầu. “Không. Tôi không thể làm thế. Đó là lời hứa. Tôi có gần một nghìn đồng hai lăm xu. Chừng nào có

một nghìn tôi sẽ mua một giá nển bằng vàng cho Thánh Francis de Assisi. Tôi từng có một con chó ngoan, bị ốm; và tôi hứa dâng một giá nển bằng vàng đáng giá một nghìn ngày làm việc nếu con chó đó bình phục. Và,” hấn xòe đôi bàn tay kênh càng ra, “con chó ấy đã bình phục.”

“Có phải là một trong mấy con này không?” Pilon hỏi.

“Không,” Cướp Biển nói. “Sau đó một xe tải cán phải nó.”

Thế là hết, mọi hy vọng có thể kiếm chác chút ít từ chỗ tiền. Danny và Pablo ủ ê nhắc cái túi trĩu nặng những đồng hai lăm xu bằng bạc lên, mang vào phòng bên kia và đặt dưới gối trên giường Danny. Sau này họ sẽ vui lên khi nghĩ đến chuyện có một túi tiền nằm dưới gối, nhưng vào lúc này, chỉ có vị cay đắng của thất bại. Họ chẳng còn có thể làm gì về việc ấy nữa. Dịp may của họ đã đến, và nó đã đi.

Cướp Biển đứng trước mặt họ, mắt tràn những giọt lệ vui sướng vì hấn đã chứng tỏ tình yêu của hấn đối với các bạn của mình

“Nghĩ xem,” hấn nói, “suốt bao năm nay, tôi cứ nằm trong cái chuồng gà ấy, không hề biết đến bất cứ niềm vui nào. Nhưng bây giờ,” hấn thêm, “ôi, bây giờ tôi rất hạnh phúc.”

VIII

Các bạn của Danny đi tìm kho báu bí ẩn trong đêm Thánh Andrew như thế nào.

Pilon tìm thấy kho tàng ấy ra sao và sau đó làm thế nào mà một chiếc quần vải xọc đã đổi chủ hai lần.



Nếu là một anh hùng, hẳn là Joe Voi, anh chàng người Bồ, đã phải trải qua một thời gian khổ ải trong quân đội. Đàng này, việc Joe Voi từng được đào tạo ra trò trong nhà tù của Monterey không chỉ cứu chàng khỏi sự đau khổ khi không được bày tỏ lòng yêu nước, mà còn khiến chàng tin chắc, một cách hợp lẽ, rằng ngày được chia đôi cho thức và ngủ, cho nên, cũng hợp lẽ như thế, năm được chia thành hai nửa trong tù và ngoài tù. Suốt thời gian chiến tranh, Joe Voi ở trong tù nhiều hơn hẳn ngoài tù.

Ngoài đời thường, người ta bị trừng phạt vì những thứ họ làm; nhưng luật lệ của quân đội thêm một nguyên tắc mới vào việc này – *họ phạt người ta vì những việc người ấy không làm*. Joe Voi không bao giờ ngộ ra điều này. Chàng không lau chùi súng trường của mình; chàng không cạo râu; và một hay hai lần gì đó, khi được nghỉ phép, chàng không quay lại. Đi kèm với những thiếu sót này là thiên hướng tranh luận thân ái của Joe Voi khi chàng được yêu cầu làm việc.

Bình thường, chàng trải qua một nửa thời gian trong tù; còn trong hai năm quân ngũ, chàng ở tù hẳn mười tám tháng. Còn lâu chàng mới hài lòng với đời tù trong quân ngũ. Trong

nhà tù Monterey chàng quen với sự thoải mái và bầu bạn. Trong quân đội, chàng thấy chỉ có công việc. Ở Monterey, lúc nào người ta cũng chỉ truy tố chàng vì một tội duy nhất: say rượu và quấy rối trật tự. Còn các tội trong quân đội làm chàng hoang mang toàn diện đến nỗi tác động của chúng đến tâm hồn chàng có lẽ là vĩnh viễn.

Hết chiến tranh, tất cả các đội quân được giải tán, Joe Voi vẫn còn hạn sáu tháng tù. Tội của chàng là: “Say xỉn trong khi làm nhiệm vụ. Tấn công một trung sĩ bằng can dầu hỏa. Chối từ căn cước (chàng không thể nhớ căn cước của mình, nên chàng chối tất). Ăn trộm hai ga-lông đậu nấu, và đi vắng trái phép bằng con ngựa của thiếu tá.”

Nếu Thỏa Thuận Hưu Chiến chưa được ký, Joe Voi có thể đã bị bắn. Chàng về lại quê mình ở Monterey rất lâu sau khi các cựu chiến binh khác đã về và hưởng sạch tất cả phần ngọt ngào của chiến thắng.

Lúc Joe Voi nhảy xuống tàu, chàng vận một chiếc áo choàng nhà binh, áo chèn và quần xec màu xanh lam.

Thành phố không thay đổi mấy, ngoại trừ lệnh cấm rượu; nhưng lệnh cấm không thay đổi quán của Torrelli. Joe đổi áo choàng lấy một ga-lông rượu rồi đi tìm các bạn của mình.

Đêm đó chàng không tìm thấy một người bạn đích thực nào, nhưng ở Monterey chàng thấy không thiếu những cô ả đê tiện, giả dối và những gã ma cô lúc nào cũng sẵn sàng dẫn dắt người ta vào bẫy. Joe, con người không lấy gì làm đạo đức lắm, không căm ghét bẫy; chàng thích nó.

Chẳng được mấy tiếng đồng hồ thì rượu của chàng đã cạn hẳn, mà chàng chả có đồng nào; và rồi mấy cô ả kia cố đưa Joe ra khỏi bẫy, nhưng chàng không chịu dời bước. Ở đó chàng rất thoải mái.

Khi họ cố gắng đuổi chàng bằng vũ lực, Joe Voi, bằng một sự giận dữ kinh khủng và chính đáng, đập vỡ mọi đồ đạc, tống cổ mấy đứa con gái thiếu vải đang gào thét ra trời đêm; rồi nghĩ lại, châm lửa đốt căn nhà. Dẫn dắt Joe vào sự quẩn rữ không phải là một việc làm an toàn vì chàng không hề có chút kháng cự nào.

Một viên cảnh sát cuối cùng đã can thiệp và tóm cổ chàng. Anh chàng người Bồ thở dài hạnh phúc. Chàng lại được về nhà.

Sau một phiên tòa ngắn ngủi không có bồi thẩm mà theo đó chàng bị kết án ba mươi ngày, Joe Voi vương giả ngự trên cái giường xếp bằng da ngủ say tít thò lò suốt một phần mười bản án.

Anh chàng người Bồ khoá trại giam ở Monterey. Đó là nơi để gặp gỡ mọi người. Nếu chàng ở đó đủ lâu, toàn bộ bạn bè chàng sẽ vào ra. Thời gian nhanh chóng trôi qua. Chàng hơi buồn lòng khi phải ra tù, nhưng nỗi buồn của chàng dịu đi vì biết rằng có thể quay lại chốn này rất dễ dàng.

Hắn chàng sẽ thích thú được rơi vào bẫy lần nữa, nhưng chàng chẳng có tiền cũng chẳng có rượu. Chàng lùng sục các con phố để tìm các bạn cũ, Pilon, Danny và cả Pablo, nhưng chẳng thấy họ đâu cả. Viên trung sĩ cảnh sát nói đã lâu rồi anh ta không phạt họ.

“Chắc tụi nó chết rồi,” Joe Voi nói.

Chàng buồn bã lang thang đến quán Torrelli, nhưng Torrelli không tỏ ra thân thiện với những kẻ không tiền cũng chẳng có tài sản đổi chác nào. Torrelli không an ủi gì Joe Voi mấy; nhưng Torrelli có nói rằng Danny đã thừa kế một căn nhà ở Tortilla Flat, và rằng các bạn của chàng đều kéo tới ở chung.

Nỗi triu mến và khát khao gặp lại bạn bè tới với Joe Voi.

Buổi tối chàng dạo bước về phía Tortilla Flat để tìm Danny và Pilon. Khi chàng cuốc bộ trên phố, trời đã hoàng hôn, và trên đường đi chàng gặp Pilon, lúc này đang vội vã đi ngang qua với dáng vẻ của một người bận rộn.

“Này Pilon. Tôi đang đi tìm gặp huynh đây.”

“Chào Joe Voi,” Pilon cộc cằn. “Lâu nay ở đâu thế?”

“Đi lính,” Joe nói.

Đầu óc Pilon đang không tập trung vào cuộc gặp gỡ.

“Tôi phải đi tiếp”

“Tôi sẽ đi cùng huynh,” Joe nói.

Pilon dừng lại, dò xét chàng. “Cậu không nhớ đêm nay là đêm gì sao?” Pilon hỏi.

“Không. Đêm gì?”

“Là đêm Thánh Andrew.”

Tức thì anh chàng người Bồ nhớ ra; vì đây là đêm mà mọi *paisano* không ở tù đều loanh quanh miệt mài trong rừng. Đây là đêm mà mọi kho báu được chôn giấu trong lòng đất sẽ phát lên một ánh sáng lân tinh yếu ớt xuyên qua mặt đất. Cũng có khá nhiều kho báu ở trong rừng. Hai trăm năm qua Monterey đã bị xâm lược rất nhiều lần, và mỗi lần như thế các món đồ quý giá đã được giấu trong lòng đất.

Đêm thật trong trẻo. Pilon đã thoát ra khỏi cái vỏ thô ráp ban ngày, như thỉnh thoảng chàng vẫn như thế. Đêm nay chàng là con người lý tưởng, là người hào phóng. Đêm nay chàng thực hiện một sứ mệnh của cái thiện.

“Đi cùng tôi thì cũng được, Joe Voi, nhưng nếu chúng ta tìm thấy kho báu nào thì tôi phải là người quyết định sẽ làm gì với nó. Nếu không đồng ý, cậu có thể tự đi tìm kho báu của riêng mình.”

Joe Voi không phải là chuyên gia trong việc tự xác định

mình muốn làm gì. “Tôi đi với huynh nhé, Pilon,” chàng nói. “Tôi không màng kho báu.”

Màn đêm buông xuống khi họ đi vào khu rừng. Bàn chân họ cảm nhận được lớp lá thông. Bây giờ Pilon biết là một đêm hoàn hảo. Một lớp sương mù trên cao che phủ bầu trời, và phía sau nó, mặt trăng sáng rực nên cả khu rừng ngập tràn một thứ ánh sáng như tấm màn xô. Không hề có đường viền sắc nét nào để ta nghĩ đây là cõi thực. Những thân cây không phải là những cây cột gỗ màu đen mà là những bóng hình mềm mại và yếu ớt. Những mảng cây bụi không còn hình dáng và lay chuyển dưới ánh sáng lạ lùng. Các hồn ma đêm nay có thể tự do đi lại, không phải sợ sự ngờ vực của con người; vì đêm nay là đêm ma ám, chỉ người thiếu nhạy cảm mới không biết điều đó.

Thỉnh thoảng Pilon và Joe Voi đi lướt qua những kẻ kiếm tìm khác đang lảng xảng lái xái, lượn quanh các gốc thông. Họ cúi gằm, di chuyển lạng lẽ ngang qua nhau không chào hỏi. Ai mà nói được có phải tất cả những người ấy thực sự là người sống? Joe và Pilon biết một số là bóng dáng của những kẻ xưa từng chôn giấu của cải; và vào đêm Thánh Andrew, họ quay trở lại mặt đất để đảm bảo vàng bạc của mình không bị quấy rầy. Pilon đeo huy hiệu thánh của mình quanh cổ, bên ngoài lớp quần áo; nên chàng không phải sợ các linh hồn. Joe Voi vừa đi vừa làm dấu thánh bằng những ngón tay. Mặc dù sợ hãi, họ biết rằng họ có thừa sự bảo vệ để đương đầu với cái đêm kỳ quái này.

Gió nổi lên trong lúc họ đi, kéo màn sương ngang qua mặt trăng tái nhợt như một lớp màu nước xám mỏng manh. Màn sương di động khiến khu rừng thay đổi hình dạng, mọi cây cối lén lút bò theo và những bụi rậm lay chuyển không nên tiếng,

như những con mèo đen khổng lồ. Các ngọn cây trong gió xao xác chuyện trò, nói những lời tiên tri và dự báo chết chóc. Pilon biết nghe cây cối trò chuyện là không tốt. Biết trước tương lai chưa bao giờ mang lại điều gì tốt lành; vả lại, tiếng thì thào này rất là ma mị. Chàng *buộc* tai mình không chú ý đến cuộc chuyện trò của cây cối nữa.

Chàng bắt đầu đi luồn lách xuyên qua khu rừng, Joe Voi theo sát sau như một con chó to đầy cảnh giác. Có những người lạng lẽ, cô độc đi ngang qua họ, cứ đi mà không chào hỏi; và những người chết cũng đi ngang qua họ không một tiếng động, cứ đi mà không chào hỏi.

Tiếng còi trong màn sương rít lạnh lạnh ở phía Mũi, khá xa bên dưới họ; nó than khóc nỗi buồn thương cho tất cả những con tàu huy hoàng đã đắm trên vùng đá ngầm cứng như thép, và cho tất cả những ai một khi nào đó sẽ chết ở đó.

Pilon run rẩy và cảm thấy lạnh, cho dù đêm hôm ấy trời ấm. Chàng hỏn hển thì thào niệm tên Đức Mẹ Maria.

Họ đi ngang qua một bóng người màu xám đầu cúi gằm xuống, không chào hỏi gì họ.

Một giờ trôi qua, Pilon và Joe Voi vẫn loanh quanh không mệt mỏi như những người chết tụ họp trong đêm.

Đột nhiên Pilon dừng lại. Tay chàng nắm lấy cánh tay của Joe Voi. “Cậu thấy không?” chàng thì thào.

“Đâu?”

“Ngay đằng trước kia.”

“Ừ...m, tôi nghĩ vậy.”

Dường như Pilon nhìn thấy một cây cột mềm tỏa ra ánh sáng xanh lam rọi sáng mặt đất trước chàng mười thước^[34].

“Joe Voi này,” chàng thì thào, “đi tìm hai cái que dài chừng ba bốn bộ. Tôi không muốn nhìn chỗ khác. Tôi sợ mất dấu.”

Pilon đứng như một con chó chỉ đường trong khi Joe Voi phóng đi tìm mấy cái que. Chàng nghe tiếng Joe Voi bẻ hai nhánh thông khô nhỏ. Và chàng nghe thấy tiếng rộp rộp khi Joe Voi vặt những cành con trên mấy cái que của mình. Pilon vẫn nhìn trừng trừng vào cột ánh sáng âm u nhợt nhạt. Nó thật là yếu ớt đến nỗi đôi khi dường như biến mất hẳn đi. Đôi khi chàng cũng không chắc chàng có thực sự nhìn thấy nó không. Chàng không chớp mắt khi Joe Voi nhét mấy cái que vào tay. Pilon đặt hai que chéo nhau thành góc vuông rồi từ tốn tiến lên, cầm hình thánh giá trước mặt mình. Khi lại gần, ánh sáng dường như tan đi, nhưng chàng đã thấy nó phát lên từ đâu, một vết lõm tròn vành vạnh trong đồng lá thông.

Pilon đặt hình thánh giá trên vết lõm, và nói, “Tất cả mọi thứ nằm ở đây đều do ta khám phá ra. Hãy đi đi, tất cả các hồn ma. Hãy đi đi, hồn của những kẻ chôn giấu kho báu này, *In Nomen Patris et Filius et Spiritu Sancti*^[35],” và chàng trút một tiếng thở dài sườn sượt đoạn ngồi phệt xuống đất. “Ta đã tìm thấy, ôi bạn tôi, Joe Voi,” chàng thốt lên. “Đã bao nhiêu năm tôi kiếm tìm, và nay tôi đã tìm thấy nó.”

“Ta đào thôi,” Joe Voi nói.

Nhưng Pilon vội lắc đầu. “Khi tất cả các hồn ma còn đang tự do ư? Khi mà thậm chí có mặt ở đây đã là nguy hiểm? Cậu rõ là đồ ngốc, Joe Voi ạ. Ta sẽ ngồi đây đến sáng, đánh dấu chỗ này, đêm mai ta sẽ đào. Bây giờ không ai khác có thể thấy luồng ánh sáng bởi vì ta đã che nó bằng thánh giá. Đêm mai sẽ không còn nguy hiểm.”

Đêm dường như đáng sợ hơn khi giờ đây họ ngồi trên đồng lá thông, nhưng hình thánh giá tỏa ra một hơi ấm linh thiêng và an toàn, như một đồng lửa nho nhỏ trên mặt đất. Tuy nhiên, cũng giống như lửa, nó chỉ sưởi ấm phía trước mặt

họ. Lưng họ chìa ra về phía cái lạnh và những thứ tà ma vẫn vờ trong cánh rừng.

Pilon đứng dậy vẽ một vòng tròn to quanh cả chỗ ấy, và khi khép kín vòng tròn rồi chàng bèn đứng vào bên trong. “Nhân danh đức Chúa Jesus linh thiêng cao cả, hãy chớ để cho bất kỳ thứ tà ma nào vượt qua vạch này,” chàng ngân nga. Rồi chàng lại ngồi xuống. Cả chàng lẫn Joe Voi cảm thấy ổn hơn rất nhiều. Họ có thể nghe thấy tiếng chân khe khẽ của những hồn ma lang thang mệt mỏi; họ có thể thấy những đốm sáng nhỏ nhoi lóng lánh từ những hình thù trong suốt khi chúng dạo ngang qua; nhưng cái vòng bảo vệ của họ là bất khả xâm phạm. Không điều gì xấu xa từ thế giới này hoặc từ bất kỳ thế giới nào khác có thể vượt vào trong vòng tròn ấy.

“Huynh định làm gì với số tiền này?” Joe Voi hỏi.

Pilon nhìn Joe khinh khỉnh. “Cậu chưa bao giờ tìm được kho báu, Joe Voi ạ, vì cậu chẳng biết cư xử thế nào. Tôi không thể giữ lại kho báu này cho mình. Nếu tôi đi tìm nó với ý định giữ nó lại, thì kho báu sẽ tự động đào hố và chui sâu xuống như đã trảng trong cát, và tôi sẽ không bao giờ tìm thấy nó. Không, không phải như thế. Tôi đào kho báu này là cho Danny.”

Mọi sự lý tưởng trong Pilon lúc đó chợt phát ra. Chàng bảo Joe Voi Danny tốt với bạn bè như thế nào.

“Và bọn tôi chẳng làm gì cho anh ấy cả,” chàng nói. “Chúng tôi chẳng trả đồng tiền thuê nhà nào. Đôi khi chúng tôi còn say xỉn và đập phá đồ đạc. Bọn tôi đánh nhau với Danny khi giận anh ấy, và bọn tôi rửa anh ấy bằng tên này nọ. Ô, chúng tôi rất là tệ, Joe Voi ạ. Vì vậy tất cả bọn tôi, tức Pablo, Jesus Maria, Cướp Biển cùng tôi đã trao đổi và lên kế hoạch. Đêm nay, tất cả bọn tôi đều vào rừng, đi tìm kho báu. Và kho báu là

để cho Danny. Anh ấy quá tốt, Joe Voi ạ. Anh ấy quá tử tế; còn bọn tôi quá tồi tệ. Nhưng nếu bọn tôi mang một túi to châu báu đến cho anh ấy, anh ấy sẽ rất vui. Chính là vì lòng tôi tịnh không có chút ích kỷ nào nên tôi mới có thể tìm thấy kho báu này.”

“Huynh không giữ lại một chút nào à?” Joe Voi hỏi, ngỡ ngàng. “Thậm chí không cả mua chỉ một ga-lông rượu sao?”

Chẳng có mẫu nào của chàng Pilon Xấu tồn tại trong Pilon đêm nay. “Không, một mẫu vàng vụn cũng không! Một đồng xu xỉn be bé cũng không! Tất cả là dành cho Danny, tất tẩn tật.”

Joe thất vọng. “Tôi đã đi suốt quãng đường này, vậy mà thậm chí một ly rượu cũng không được,” chàng rên rỉ.

“Khi Danny có tiền,” Pilon khéo léo nói, “biết đâu anh ấy sẽ mua một ít rượu. Dĩ nhiên là tôi sẽ không gợi ý, vì kho báu này là của Danny. Nhưng tôi nghĩ biết đâu anh ấy có thể mua một ít rượu. Và khi đó nếu cậu đang hoang vớ với anh ấy, cậu có thể cũng được một ly.”

Joe Voi yên tâm, vì chàng đã quen biết Danny từ rất lâu. Chàng nghĩ có thể Danny sẽ mua kha khá rượu.

Đêm trôi qua rất nhanh. Vàng trắng đã lặn khiến cánh rừng chìm trong bóng tối bủa vây. Tiếng còi trong sương cứ rúc lên, rúc lên. Suốt cả đêm Pilon vẫn không bị phát hiện. Chàng còn giảng cho Joe Voi một chút như những kẻ mới cải đạo hay làm như thế.

“Sống tử tế và rộng rãi cũng đáng lắm,” chàng nói. “Những hành động như vậy không chỉ xây nên ngôi nhà hoan hỉ trên chốn Thiên đàng; mà trên mặt đất cũng được tưởng thưởng ngay. Người ta cảm thấy một sự ấm áp tuyệt diệu như món enchilada nóng sốt trong bụng mình. Linh hồn Chúa Trời gó

ghém ta trong một tấm áo choàng mềm mại như lông lạc đà. Không phải lúc nào tôi cũng là người tốt, Joe Voi ạ. Tôi công khai thú nhận điều này.” Joe Voi biết chuyện ấy quá rõ.

“Tôi đã từng rất tệ,” Pilon tiếp tục sôi nổi. Tự chàng hoàn toàn lấy làm sung sướng. “Tôi đã nói dối và trộm cắp. Tôi đã sống phóng đãng. Tôi đã phạm tội ngoại tình và đã nhục báng Chúa Trời.”

“Tôi cũng thế,” Joe Voi vui vẻ nói.

“Và kết quả ra sao, hử Joe Voi? Tôi cảm thấy hèn mọn. Tôi từng nghĩ mình sẽ phải xuống địa ngục. Nhưng giờ đây tôi thấy rằng kẻ có tội không bao giờ quá tồi tệ đến mức không thể tha thứ. Mặc dù chưa đi xưng tội, tôi có thể cảm thấy là sự thay đổi trong tôi làm Đức Chúa Trời hài lòng, vì ân phước của ngài đã phủ lên tôi. Cậu cũng phải thay đổi cách sống, Joe Voi ạ; nếu cậu bỏ thói rượu chè be bét, không đánh nhau và rũ bỏ mấy cô ả ở Nhà Dora William, thì cậu cũng có thể cảm thấy như tôi.”

Nhưng Joe Voi đã ngủ khò. Chàng chưa bao giờ thức quá lâu khi không phải di chuyển.

Ân phước không phải là quá rõ rệt đối với Pilon khi chàng không thể nói với Joe Voi về điều đó, nhưng chàng ngồi ngắm vị trí kho báu trong khi bầu trời xám đi và bình minh hiện ra sau màn sương. Chàng nhìn thấy rõ hình dáng những cây thông hiện ra từ cõi mịt mờ. Gió lặng đi, những con thỏ lam bé nhỏ từ bụi cây ló ra và nhảy quanh trên lớp lá thông. Mắt Pilon nặng trĩu nhưng lòng chàng đầy vui sướng.

Khi trời sáng hẳn chàng lấy chân khều Joe Voi.

“Đi đến nhà Danny thôi. Sáng bảnh rồi.” Pilon ném hình thánh giá đi, vì không còn cần tới nó nữa, và chàng xóa cái dấu vòng tròn. “Bây giờ,” chàng nói, “chúng ta không được

làm dấu, nhưng ta phải ghi nhớ chỗ này nhờ cây cối và những phiến đá.”

“Sao ta không đào ngay bây giờ?” Joe Voi hỏi.

“Và tất cả mọi người ở Tortilla Flat sẽ đến đào phụ chúng ta,” Pilon nói giọng châm chích.

Họ nhìn cảnh vật xung quanh thật kỹ, rồi nói, “Có ba cây đứng sát nhau bên phải và hai cây bên trái. Đằng kia có một mảng cây bụi, và chỗ này có một phiến đá.” Cuối cùng họ đi khỏi chỗ kho báu, vừa đi vừa cố ghi nhớ đường. Ở nhà Danny, họ gặp những người bạn mệt rũ của mình. “Có tìm thấy gì không?” các bạn hỏi.

“Không,” Pilon nhanh nhẩu nói, để chặn trước thú nhận của Joe.

“Thế à, Pablo nghĩ là anh ấy nhìn thấy ánh sáng, nhưng nó tan biến trước khi anh ấy đến chỗ đó. Còn Cướp Biển nhìn thấy bóng ma của một mục già, bà ta còn dẫn theo cả con chó của cậu ấy.”

Cướp Biển nhoẻn miệng cười. “Mục già ấy bảo tôi rằng con chó của tôi giờ đang hạnh phúc,” hấn nói.

“Đây là Joe Voi, mới đi lính về,” Pilon thông báo.

“Chào Joe.”

“Chỗ này của các anh cũng được đấy chứ,” anh chàng người Bồ nói, buông người xuống một chiếc ghế.

“Cậu tránh xa giường của tôi ra đấy,” Danny bảo, vì chàng biết rằng Joe Voi đến là để ở lại. Cái cách cậu ta ngồi trên ghế vắt chân chữ ngũ có một dáng vẻ cố định.

Cướp Biển đi ra ngoài, lấy xe cút-kít rồi bắt đầu đi vào rừng để chặt củi mỗi; nhưng năm người còn lại nằm dài ra dưới ánh nắng xuyên qua màn sương mù, và chẳng mấy chốc cả bọn đều ngủ khò.

Mãi đến giữa buổi chiều mà chưa có người nào tỉnh dậy. Cuối cùng rồi họ cũng duỗi cánh tay ngồi dậy và uể oải nhìn xuống vịnh bên dưới, ở đó một con tàu chở dầu màu nâu đang chậm rãi đi ra biển. Cướp Biển đã để lại các túi trên bàn, những người bạn mở túi lấy ra những thức ăn mà Cướp Biển đã thu gom được.

Joe Voi bước xuống lối đi về phía cánh cổng xập xệ. “Gặp lại sau nhé,” chàng nói với Pilon.

Pilon hồi hộp nhìn theo cho đến khi chàng thấy Joe Voi đi xuống dốc đồi về phía Monterey, chứ không phải lên dốc về phía rừng thông. Bốn người bạn ngồi xuống mơ màng ngắm chiều buông xuống.

Chập tối Joe Voi quay lại. Chàng và Pilon trao đổi trong sân, ngoài tầm nghe của người trong nhà.

“Mình sẽ mượn dụng cụ của bà Morales,” Pilon nói. “Một cái xẻng và một cái cốc chim cạnh chuồng gà của bà.”

Họ khởi sự khi trời đã khá tối. “Bọn tôi đi gặp mấy ả bạn gái của Joe,” Pilon giải thích. Họ bò vào sân nhà bà Morales và mượn các dụng cụ. Và rồi, từ đám cỏ dại ven đường, Joe Voi nhấc ra một bình đựng một ga-lông rượu.

“Người đã bán đứng kho báu rồi,” Pilon kêu lên giận dữ. “Người là kẻ phản bội, ôi người là đồ chó của chó của chó.”

Joe Voi trấn an. “Tôi không hề nói kho báu ở đâu,” có chút phẩm giá trong cách chàng nói. “Tôi chỉ bảo, ‘Bọn tôi tìm thấy một kho báu,’ tôi nói, ‘nhưng nó dành cho Danny. Chừng nào Danny có kho báu rồi, tôi sẽ mượn một đô-la và trả tiền rượu.’”

Pilon choáng váng. “Vậy mà người ta cũng tin cậu và cho cậu mang rượu đi?” chàng hỏi.

“Ừm,” Joe Voi lưỡng lự. “Tôi để lại một thứ để đảm bảo tôi

sẽ mang tiền tới.”

Pilon quay ngoắt lại nhanh như chớp thộp lấy cổ họng Joe. “Cậu để lại cái gì?”

“Chỉ một cái chăn nhỏ thôi mà, Pilon,” Joe Voi rống lên. “Chỉ một cái thôi.”

Pilon lắc lắc Joe Voi, nhưng Joe quá nặng cân nên Pilon chỉ có thể lắc chính mình. “Chăn nào,” chàng quát. “Nói, cậu ăn cắp cái chăn nào.”

Joe Voi gào. “Chỉ một cái của Danny. Chỉ một thôi. Anh ấy có hai cái. Tôi chỉ lấy cái bé tí. Đừng đánh tôi, Pilon. Cái kia to hơn. Danny sẽ lấy lại được nó khi ta tìm thấy kho báu mà.”

Pilon quay Joe mòng mòng rồi đá chàng ta cú nào ra cú nấy, phùng phùng lửa giận. “Đồ lợn,” chàng nói, “đồ bò trộm cắp bản thủ. Mi đi lấy cái chăn lại không thì ta đập mi tan thành từng mảnh.”

Joe Voi cố xoa dịu chàng. “Tôi cứ tưởng ta đang giúp Danny,” chàng thì thào. “Tôi đã nghĩ, ‘Danny sẽ vui biết mấy, anh ấy có thể mua một trăm cái chăn mới.’”

“Ở yên đó,” Pilon nói. “Mi phải lấy đúng cái chăn đó lại còn không ta sẽ đập mi bằng một hòn đá.” Chàng vớ lấy bình rượu, mở nút và tu một ít để dịu cơn nóng giận; chẳng những thế chàng còn đập nút bình lại mà không cho anh chàng người Bồ một giọt nào. “Vì cái tội trộm cắp này mi phải cáng đáng tất cả việc đào bới. Cầm mấy dụng cụ kia lên rồi đi với ta.”

Joe Voi rên rỉ như một con cún con và tuân lệnh. Chàng không thể đỡ nổi cơn cuồng nộ chính đáng của Pilon.

Họ cố đi tìm kho báu một hồi lâu. Tới lúc Pilon chỉ tay vào ba cây đứng thành một hàng thì đã khuya. “Kia kia,” chàng nói.

Họ rà soát cho đến khi tìm thấy chỗ lõm trên mặt đất. Ánh trăng dịu dịu hắt xuống chỉ đường cho họ, vì đêm nay trời không có sương mù.

Vì bây giờ không phải đào bới, Pilon phát minh ra một lý thuyết mới để phát hiện kho báu. “Đôi khi tiền nằm trong các bao tải,” chàng nói, “và bao đã mục nát. Nếu mi đào thẳng xuống có thể mi sẽ làm mất một ít.” Chàng vẽ một vòng tròn to quanh chỗ hõm. “Bây giờ, hãy đào một cái rãnh vòng quanh, và rồi ta sẽ chạm đến trên kho báu.”

“Huynh không định đào sao?” Joe Voi hỏi.

Pilon nổi đóa. “Ta có phải là kẻ ăn cắp chẵn không?” chàng la lên. “Ta có đi chộm chìa từ giường của bạn ta, người che chở cho ta không?”

“Ừầy, tôi không một mình làm tất cả cái việc đào bới này đâu,” Joe Voi nói.

Pilon nhặt một nhánh thông mà mới đêm hôm trước chàng dùng làm một phần thánh giá lên. Chàng hằm hằm tiến về phía Joe Voi. “Thằng ăn trộm,” chàng gầm gừ. “Đồ lợn dơ bẩn, đồ bạn bè giả dối. Cầm xẻng lên.”

Lòng can đảm của Joe Voi trôi đi mất, chàng cúi xuống nhặt xẻng lên. Nếu lương tâm của Joe Voi không tồi, chàng có thể đã phản ứng; nhưng chàng quá sợ Pilon, con người đang được vũ trang bằng chính nghĩa và một que gỗ thông.

Joe Voi căm ghét toàn bộ nguyên tắc của việc đào xúc. Chuyển động của cái xẻng xúc đất chẳng có gì hấp dẫn. Mà cái kết quả cần phải đạt được, tức là lấy đất từ nơi này đổ sang nơi khác, thì thật là ngớ ngẩn và vô ích đối với bất cứ người nào có chút tầm nhìn. Nguyên cả một cuộc đời đào xúc thực sự chẳng được trò trống gì. Phản ứng của Joe Voi có phần giản đơn hơn thế. Chàng không thích xúc đất. Chàng đã

đi lính để chiến đấu, thế mà rút cục chàng chẳng làm gì ngoài việc đào đất.

Nhưng Pilon đứng chắn phía trên chàng và cái rãnh bao quanh nơi có kho báu. Kêu ồm, đói hay mệt cũng chẳng ích gì. Pilon không hề lay chuyển, và tội trộm chẵn của Joe chống lại chàng. Mặc dù chàng càu nhàu, càu nhàu, giơ hai tay lên để cho thấy chúng bị đau thế nào, Pilon vẫn đứng chắn trên chàng và buộc chàng phải đào bới.

Đến nửa đêm, cái rãnh đã sâu ba bộ. Lũ gà trống của Monterey đã gáy. Mặt trăng chìm khuất sau các khóm cây. Cuối cùng Pilon ra lệnh dịch chuyển vào trên kho báu. Đất bây giờ được hất lên chậm chạp; Joe Voi đã kiệt sức. Ngay trước rặng sáng, xẻng của chàng va vào vật gì cứng cứng.

“Ồi,” chàng kêu lên. “Ta thành công rồi, Pilon.”

Vật tìm được khá to và có hình vuông. Trong lúc vội vã họ đã đào phải nó trong bóng tối và họ không thể nhìn thấy nó.

“Cẩn thận,” Pilon cảnh báo. “Đừng làm nó sứt.”

Ánh sáng ban ngày tỏa xuống trước khi họ lôi nó ra được. Pilon sờ thấy đó là kim loại và quỳ xuống trong làn ánh sáng xám xám để nhìn. Đó là một khối bê-tông vuông khá lớn. Trên đỉnh là một đĩa nâu tròn. Pilon đánh vần những chữ trên đó:

Khảo sát địa chất hợp chủng quốc Hoa Kỳ + 1915 + Cao độ 600 bộ.

Pilon ngời phịch xuống hố, vai rũ xuống nã nê.

“Không có kho báu ư?” Joe Voi ảo não hỏi.

Pilon không trả lời. Anh chàng người Bồ kiểm tra cái trụ xi măng, lông mày chàng nhú lại suy nghĩ. Chàng quay sang Pilon ủ rũ. “Hay là ta lấy mảnh kim loại tốt này đem bán?”

Pilon nhướn mắt trong tuyệt vọng. “Johnny Pom-pom đã

tìm thấy một cái tương tự,” chàng nói với giọng nhột nhạt vì nỗi thất vọng to lớn. “Johnny Pom-pom lấy mảnh kim loại đó và cố mang đi bán. Đào một cái này lên là một năm trong tù,” Pilon than. “Một năm tù và hai nghìn đô-la tiền phạt.” Trong đau khổ, Pilon chỉ muốn thoát khỏi nơi chốn bi kịch này. Chàng đứng dậy, tìm một túm cỏ để bọc chai rượu lại, và bắt đầu đi xuống đồi.

Joe Voi rảo bước theo sau ân cần. “Mình đi đâu?” chàng hỏi.

“Tôi không biết,” Pilon nói.

Lúc họ tới bãi biển trời đã sáng bảnh; nhưng ngay cả ở đó Pilon cũng không dừng bước. Chàng lê bước dọc bờ cát thô bên mép nước cho đến khi bỏ lại Monterey xa phía sau lưng và chỉ có những đụn cát ở bãi Seaside, những con sóng lăn tăn của vịnh để có thể chứng kiến nỗi thảm sầu của chàng. Cuối cùng chàng ngồi trên bãi cát khô, có mặt trời sưởi ấm cho chàng. Joe Voi ngồi bên cạnh, trong chùng mực nào đó chàng cảm thấy mình *chịu* trách nhiệm về nỗi đau không lời của Pilon.

Pilon lấy bình rượu ra khỏi túm cỏ, mở nút tu một hơi dài, và bởi vì nỗi sầu muộn là mẹ đẻ của lòng mến thương hào hiệp, chàng trao rượu của Joe cho tên vô lại Joe.

“Chúng ta đã hão huyền làm sao,” Pilon kêu lên. “Chúng ta đã để sự mơ mộng dấy mũi. Tôi đã tưởng tượng chúng ta sẽ mang những túi vàng đến cho Danny. Tôi có thể nhìn thấy gương mặt anh ấy. Anh ấy sẽ ngạc nhiên. Phải một lúc lâu anh ấy mới tin được.” Chàng lấy lại cái chai từ tay Joe Voi và tu ừng ực. “Thế mà mất hết, tất cả đã bay biến trong đêm.”

Vàng dương giờ đây đang sưởi ấm bãi biển. Bất chấp nỗi thất vọng, Pilon cảm thấy một sự thoải mái đầy phản trắc cứ dần xâm chiếm mình, một thôi thúc xảo trá cứ muốn tìm ra

vài điểm tốt đẹp trong tình thế này.

Joe Voi đang lặng lẽ uống nhiều hơn phần rượu của mình. Pilon giằng lấy đầy phần nộ và tu liền tù tì.

“Nhưng rốt cuộc,” chàng nói đầy vẻ triết lý, “biết đâu nếu ta tìm thấy vàng, có khi lại không tốt cho Danny. Anh ấy lúc nào cũng là người nghèo. Giàu có có thể làm anh ấy phát rồ.”

Joe Voi gật đầu quả quyết. Rượu trong chai vơi dần, vơi dần.

“Hạnh phúc tốt hơn là giàu có,” Pilon nói. “Nếu ta cố làm cho Danny hạnh phúc, việc ấy tốt hơn đem tiền trao cho anh ấy.”

Joe Voi lại gật đầu và tháo giày ra. “Hãy làm cho anh ấy hạnh phúc. Chính phải là thế.”

Pilon buồn bã xoay sang hẳn. “Cậu chỉ là một con lợn, không phù hợp để sống chung với người,” chàng dụi dàng nói. “Cậu, kẻ ăn trộm chăn của Danny, nên bị tống vào chuồng lợn và cho ăn vỏ khoai tây.”

Ánh nắng ấm áp làm họ rất buồn ngủ. Những con sóng nhỏ rì rầm dọc bờ biển. Pilon cởi giày ra.

“Cưa đôi nhé,” Joe Voi nói, và họ dốc cạn bình đến giọt cuối cùng.

Bờ biển dao động nhẹ nhẹ, nâng lên hạ xuống với một chuyển động như là có sóng cồn dưới đất.

“Cậu không phải là người xấu,” Pilon nói. Nhưng Joe Voi đã ngủ mất. Pilon cởi áo khoác ra phủ lên mặt. Chẳng mấy chốc chàng cũng ngủ ngon lành.

Mặt trời lặn qua bầu trời. Thủy triều tràn lên bãi biển, rồi rút. Một bầy chim chơi chơi lướt qua thăm dò những người đang ngủ. Một con chó lang thang ngửi ngửi họ. Hai bà già, đang nhặt vỏ sò, nhìn thấy mấy thân người vội vã đi ngang

qua vì sợ rằng những người này có thể thức dậy trong cơn mê cuồng và sẽ đuổi theo hành hung họ. Thật là đáng xấu hổ, họ đồng ý với nhau, rằng cảnh sát đã chẳng làm gì để kiểm soát những vấn đề đó. “Chúng nó quắc cần câu rồi,” một người nói.

Và người kia nhìn chằm chằm ngược về phía bãi biển nơi mấy người kia đang ngủ. “Lũ quỷ say xỉn,” bà ta tán thành.

Khi cuối cùng mặt trời lặn xuống sau những khóm thông trên đồi ở mặt sau của Monterey, Pilon tỉnh dậy. Miệng chàng khô khốc; đầu chàng thì nhức và người chàng thì đau cứng vì cát thô. Joe Voi vẫn ngáy khò khò.

“Joe,” Pilon gọi, nhưng gọi thì chả nhằm nhò gì với anh chàng người Bồ. Pilon chống người trên khuỷu tay nhìn ra phía biển. “Một chút rượu sẽ tốt cho cái miệng khô khốc của mình,” chàng nghĩ. Chàng dốc bình nhưng chả được giọt nào để làm dịu cái lưỡi khô ran. Rồi chàng quay sang các túi quần túi áo hy vọng rằng trong khi ngủ một phép lạ nào đó đã xảy ra; nhưng chẳng có gì cả. Có một con dao bỏ túi bị gãy mà với nó chàng đã bị từ chối một ly rượu ít nhất hai chục lần. Có một lưỡi câu cá móc trong một cái nút bần, một mẩu dây bần, một cái răng chó và nhiều chiếc chìa khóa chẳng tra vừa bất cứ gì mà Pilon biết. Trong nguyên cả đồng đống ấy chẳng có món nào mà Torrelli sẽ coi là đáng giá ngay cả trong một phút giây mất trí.

Pilon nhìn Joe Voi đoán chừng. “Thằng cu đáng thương,” chàng nghĩ. “Khi Joe Voi thức dậy, nó sẽ thấy khát khô y như mình. Nó sẽ khoái chí nếu mình kiếm được một ít rượu cho nó.” Chàng lay mạnh Joe Voi nhiều lần, nhưng anh chàng người Bồ chỉ ú ớ, rồi lại ngáy. Pilon nhìn qua các túi của Joe Voi. Chàng tìm thấy một cái cúc quần bằng đồng, một cái đĩa

bằng kim loại nhỏ có dòng chữ “Ăn Ngon tại quán Dutchman,” bốn hay năm que diêm không còn đầu và một mẩu nhỏ thuốc lá nhai.

Pilon ngồi thừ trên gót chân. Vậy là chẳng ích gì. Ất chàng phải héo khô ở đây trên bãi biển trong khi cổ họng chàng kêu gào thèm khát rượu.

Chàng để ý thấy cái quần xec mà anh chàng người Bồ đang bận, và chàng lấy mấy ngon tay mân mê. “Vải đẹp,” chàng nghĩ. “Sao tay người Bồ bận thủ này lại mặc đồ tốt như thế khi mọi bạn bè của hắn chỉ mặc quần jean?” Rồi chàng nhớ ra cái quần chẳng vừa vặn với Joe Voi tí nào, hông quần chật ních cho dù phải mở đến hai cúc, và lai quần thì cách mặt trên của giày đến vài phân. “Ai đó có cỡ người ngon hắn sẽ rất vui khi vận chiếc quần này.”

Nhớ lại tội ác của Joe Voi đối với Danny, Pilon trở thành một thiên thần báo thù. Làm sao mà tay người Bồ cao to đen hôi này dám sỉ nhục Danny như thế! “Chừng nào hắn tỉnh dậy, ta sẽ tấn hắn! Nhưng,” cái chàng Pilon tinh tế hơn cãi lại, “tội của hắn là tội ăn cắp. Chẳng phải là sẽ dạy cho hắn ta một bài học để biết bị mất cắp thì có cảm giác thế nào sao? Hình phạt có ích gì nếu không rút ra bài học nào?” Đó là một vị thế vinh quang cho Pilon. Nếu chỉ với một hành động mà chàng có thể báo thù cho Danny, trừng phạt Joe Voi, đồng thời dạy một bài học đạo đức và kiếm được ít rượu, thì có ai trên thế gian này có thể phê phán chàng chứ?

Chàng đẩy anh chàng người Bồ thật mạnh, và Joe Voi phải chùng như thể chàng là con ruồi. Pilon khéo léo cởi cái quần, cuộn nó lại và thư thả bước đi mất hút vào trong các đụn cát.

Lão Torrelli đi vắng, nhưng thím Torrelli mở cửa cho Pilon. Bộ dạng của chàng thật bí ẩn, nhưng cuối cùng chàng giơ cái

quần lên cho thím xem xét.

Thím cương quyết lắc đầu.

“Nhưng nhìn xem,” Pilon nói. “Chị chỉ thấy các đốm và những chỗ bẩn. Hãy nhìn lớp vải lót rất đẹp này. Hãy nghĩ đi, señora! Chị giặt sạch những đốm bẩn này và ủi nó! Torrelli bước vào. Anh ấy im lặng; anh ấy râu rĩ. Và rồi chị mang cho anh nhà cái quần đẹp này! Xem mắt anh ấy sáng lên thế nào! Xem anh ấy hạnh phúc thế nào! Anh ấy ôm chị vào lòng! Hãy nhìn xem anh ấy mỉm cười với chị thế nào, señora! Chừng ấy hạnh phúc có quá cao với mức một ga-lông rượu đỏ không?”

“Đũng quần này mỏng quá,” thím nói.

Chàng giơ nó lên ánh đèn. “Chị có nhìn xuyên qua được không? Không! Cái đũng quần này cũng chẳng còn thô ráp, vướng víu. Nó đang ở thời kỳ hoàn hảo.”

“Không,” thím đáp chắc nịch.

“Chị ác với chồng chị quá, señora. Chị khước từ hạnh phúc của anh ấy. Tôi sẽ không ngạc nhiên khi thấy anh nhà chạy theo các ả đàn bà khác đâu. Hay là một phần tư ga-lông được không?”

Cuối cùng sự kháng cự của thím cũng bị đánh sập và thím đưa cho chàng một phần tư ga-lông. Pilon uống cạn ngay tức thì. “Chị đã phá giá lạc thú đấy,” chàng cảnh cáo thím. “Lẽ ra tôi phải được nửa ga-lông.”

Thím Torrelli rắn như đá. Pilon không được thêm một giọt nào. Chàng ngồi trong bếp, nghiền ngẫm. “Đồ Do Thái, ả chính là đồ Do Thái. ả đã lừa mình mất oan cái quần của Joe Voi.”

Pilon buồn rầu nghĩ về người bạn của chàng ngoài kia trên bãi biển. Cậu ấy có thể làm gì? Nếu cậu ấy đi vào trong phố, cậu ấy sẽ bị bắt. Vậy mà con mụ phù thủy này đã làm gì để

xứng đáng với cái quần? Mụ ta đã cố mua cái quần của bạn của Pilon với giá một phần tư ga-lông khố nạn của một thứ rượu khố nạn. Pilon cảm thấy cơn giận dữ với mụ khiến mình như tan ra.

“Tôi sắp đi đây” chàng bảo thím Torrelli. Cái quần được treo trong một góc nhỏ gần nhà bếp.

“Chào cậu,” thím Torrelli nói vọng lại. Thím ta vào căn bếp nhỏ của mình sửa soạn bữa tối.

Trên đường ra, Pilon đi ngang qua góc phòng đó và lấy xuống không chỉ cái quần, mà cả cái chăn của Danny.

Pilon thả bộ về bãi biển, nơi chàng đã để Joe Voi lại. Chàng có thể nhìn thấy một đống lửa bập bùng sáng trên bờ cát, và khi lại gần hơn, chàng nhìn ra một số hình thù bé nhỏ sẫm tối phía trước ngọn lửa. Bấy giờ trời đã rất tối; ngọn lửa dẫn đường cho chàng. Lại gần, chàng nhận ra đó là một tiệc nướng ngoài trời của hội Nữ Hướng Đạo Sinh. Chàng tiến lại đây cảnh giác.

Mất một lúc chàng không nhìn thấy Joe Voi đâu, nhưng cuối cùng chàng tìm thấy cậu ta, đang nằm nửa người dưới cát, nín lặng vì lạnh và lo lắng. Pilon quả quyết dấn bước về phía hắn và giơ cái quần lên.

“Cầm lấy, Joe Voi, và hãy vui mừng là cậu có lại nó.”

Joe đang đánh đàn răng. “Ai lấy trộm quần của tôi, Pilon? Tôi đã nằm đây hàng giờ đồng hồ và không thể đi chỗ khác bởi vì mấy đứa con gái kia.”

Pilon buộc phải đứng giữa Joe Voi và những cô gái nhỏ đang chạy quanh đống lửa. Anh chàng người Bồ phủi cát ấm và lạnh khỏi cặp giò rồi mặc quần vào. Họ sóng bước dọc theo bãi biển tối về phía Monterey, nơi có những ánh đèn giăng giăng thành từng vòng chồng lên nhau trên lưng đồi. Các đụn

cát nép mình lại dọc theo phía sau bãi biển như những con chó săn mỗi một năm nghỉ; những con sóng nhẹ nhàng tập dợt vỗ bờ, nhẹ nhẹ gầm gào. Đêm lạnh lẽo và xa cách, sức sống ấm áp của nó đã rút đi, chỉ còn lại đầy những cảnh báo cay đắng đối với con người rằng anh ta cô đơn trong thế giới, cô đơn giữa đồng loại; rằng chẳng có sự thoải mái nào chờ đợi anh ta.

Pilon vẫn đang ủ ê, và Joe Voi cảm nhận được chiều sâu trong cảm xúc của chàng. Cuối cùng Pilon ngoảnh đầu sang bạn. “Bài học cho chúng ta trong chuyện này là, tin đàn bà là một việc đại nghịch,” chàng nói.

“Có ả nào lấy quần tôi sao?” Joe Voi phẫn khích hỏi. “Ai vậy? Tôi sẽ đá cho mụ ta đập mề.”

Pilon lắc đầu buồn rầu như đấng Jehovah già nua, người đã nhận ra trong lúc nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy rằng thế giới của ngài sẽ buồn chán. “Mụ ta đã bị trừng phạt,” Pilon nói. “Cậu có thể nói là mụ ấy tự trừng phạt mình, và ấy là cách tốt nhất. Mụ ấy lấy quần của cậu; mụ mua nó bằng lòng tham; và giờ đây mụ không có gì cả.”

Những điều này quá tầm Joe Voi. Chúng là những chuyện bí ẩn mà tốt hơn là cứ để mặc, và đấy đúng là điều mà Pilon muốn. Joe Voi khiêm tốn nói, “Cảm ơn anh đã lấy quần của tôi lại, Pilon.” Nhưng Pilon đang quá đắm chìm trong triết lý đến nỗi ngay cả cảm ơn cũng không có giá trị gì.

“Không có gì,” chàng nói. “Trong toàn bộ chuyện này, chỉ có bài học ta rút ra là có giá trị.”

Họ trèo lên khỏi bãi biển và đi ngang một cái tháp lớn màu bạc của nhà máy khí đốt.

Joe Voi vui vẻ được ở bên Pilon. “Đây là một người quan tâm đến bạn bè,” chàng nghĩ. “Ngay cả khi họ ngủ anh ấy

cũng cảnh giác để đảm bảo họ không bị làm hại.” Chàng quyết một lúc nào đó sẽ làm một điều gì đó tốt đẹp cho Pilon.

IX

Danny đã sập bẫy vì một cái máy hút bụi như thế nào và các bạn của Danny đã giải cứu chàng ra sao.



Dolores Engracia Ramirez sống trong căn nhà nhỏ của riêng mình ở rìa phía trên của thị trấn Tortilla Flat. Nàng làm việc nhà cho một số quý bà ở Monterey, và nàng là thành viên tổ chức Những Đứa Con Bản Xứ Miền Viễn Tây dành cho phụ nữ^[36]. Nàng không đẹp, cô nàng paisana có gương mặt thanh thanh này, nhưng trong hình dáng của nàng khi đi lại có một vẻ kêu gọi nhất định và trong giọng nàng có chất trầm khàn mà một số đàn ông cho là đầy tình ý. Sau đôi mắt ướt át của nàng là một ngọn lửa đam mê âm ỉ cháy mà những gã đàn ông tôn thờ xác thịt thấy hấp dẫn và mời mọc thẳng thừng.

Trong những giờ khắc lỗ mãng, nàng chẳng có gì hấp dẫn, nhưng sự tình tứ xuất hiện nơi nàng đủ thường xuyên nên nàng được mệnh danh là Sweets Ramirez, tức Ramirezngọt-ngào, ở Tortilla Flat.

Thật khoan khoái làm sao khi được nhìn thấy nàng vào lúc con quái vật trong nàng đang lảng vảng lượn lờ. Cái cách nàng tựa người lên cánh cổng trước! Cái cách giọng nàng nhỏ nhớt trề nải! Cái cách nàng đánh hông nhè nhẹ, khi thì tì vào hàng rào, khi lại cong người lên như một ngọn sóng vỗ bờ mùa hè, và rồi lại tì vào hàng rào! Ai trên thế gian này có thể đưa nhiều ẩn ý khàn khàn đến thế vào trong có một câu “*Ai, amigo. A’onde vas?*”^[37]

Đúng là bình thường giọng nàng the thé, gương mặt nàng cứng đơ và sắc như một cái rìu, dáng nàng tròn trĩnh và các ý định của nàng rất ích kỷ. Cái con người mềm yếu chỉ chiếm chỗ một đến hai lần một tuần, thường là vào buổi tối.

Khi Sweets nghe tin Danny là người thừa kế, nàng mừng cho chàng. Nàng mơ trở thành nội tướng của chàng như mọi phụ nữ khác ở Tortilla Flat. Vào các buổi tối nàng tì người trên cánh cổng trước, đợi chàng đi ngang và rơi vào bẫy. Nhưng suốt một thời gian dài cái bẫy giăng mồi của nàng chẳng bắt được gì trừ vài chàng da đỏ và *paisano* – những kẻ chẳng có nhà cửa gì, và quần áo của họ đôi khi là những vật đào tẩu từ các tủ quần áo tốt hơn.

Sweets không hài lòng. Nhà nàng ở phía trên đồi so với nhà Danny, ở một hướng mà chàng chẳng mấy khi qua. Sweets không thể đi tìm kiếm chàng. Nàng là phụ nữ, và cách cư xử của nàng bị điều chỉnh bởi những quy tắc đạo đức xã hội nghiêm khắc. Nếu Danny có đi ngang, ngay bây giờ, nếu họ có trò chuyện như những người bạn cũ, nếu chàng có ghé vào dùng một ly rượu xã giao, và rồi, nếu bản năng tỏ ra quá mạnh mẽ và sự kháng cự nữ tính của nàng quá yếu ớt, thì sẽ không có vi phạm đạo đức xã hội nào. Nhưng giăng lưới ngay cổng trước là điều không chấp nhận được.

Hàng tháng trời, bao nhiêu buổi chiều tối nàng đợi chờ trong tuyệt vọng, mà chỉ nhận được quà từ những kẻ mặc đồ jean đi ngang qua. Nhưng Tortilla Flat chỉ có một số lối đi nhất định. Sớm hay muộn Danny sẽ không tránh khỏi việc đi ngang qua cổng của Dolores Engracia Ramirez; và đúng là như thế.

Trong suốt quãng thời gian họ đã biết nhau, chưa bao giờ có một cơ hội thuận tiện hơn cho Sweets để có chàng đi

ngang qua nhà; vì mới sáng hôm ấy Danny tìm thấy một thùng đinh đồng đóng tường mà Công ty Vật tư Miền Trung làm mất. Chàng cho rằng đó là hàng trôi dạt vì không có thành viên nào của công ty gần đó. Danny lấy đinh đồng ra khỏi thùng cho vào một cái bao. Rồi, mượn xe cút-kít của Cướp Biển, và mượn Cướp Biển đẩy xe, chàng mang số tài sản vớ được này đến Công ty Vật tư Miền Tây, ở đó chàng bán số đồng ấy được ba đô-la. Cái thùng thì chàng giao cho Cướp Biển.

“Cậu có thể cất đồ đạc trong đó,” chàng nói. Chuyện ấy khiến Cướp Biển rất sung sướng.

Giờ đây Danny đi xuống đồi, nhắm thẳng hướng nhà Torrelli với một độ chính xác tuyệt đối và ba đô-la nằm trong túi.

Giọng Dolores nghe ngọt ngào khàn khàn như tiếng vo ve của một con ong nghệ. “Ai, amigo, a’onde vas?”

Danny dừng lại. Một cuộc cách mạng diễn ra trong các kế hoạch của chàng. “Nàng khỏe không, Sweets?”

“Em khỏe hay không khỏe thì có gì khác nhau? Chẳng có bạn bè nào của em quan tâm cả,” nàng tinh quái nói.

Và hông nàng bỗng bênh đánh vòng duyên dáng.

“Nàng nói thế có nghĩa gì?” chàng hỏi gặng.

“Thì đấy, Danny bạn em có bao giờ đến thăm em không?”

“Tôi đang đến để gặp nàng đây,” chàng nói rất ga-lăng.

Nàng hé cổng. “Chàng có *muốn* vào uống một ly rượu nhỏ nhân danh tình bạn không?” Danny bước vào nhà nàng. “Đạo này chàng làm gì trong rừng thế?” nàng thử hỏi.

Lúc đó chàng đã phạm một sai lầm. Chàng dương dương tự đắc kể lại cái giao dịch của chàng trên đồi, rồi khoe ba đô-la của mình.

“Dĩ nhiên là em chỉ có đủ rượu để rót đầy hai chung bé tẹo,” nàng nói.

Họ ngồi trong gian bếp của Sweets uống một ly rượu.

Chẳng mấy chốc Danny đã tấn công đức hạnh của nàng bằng sự ga-lăng và cường tráng đích thực. Chàng kinh ngạc thấy một sự kháng cự hoàn toàn không tương xứng với kích cỡ và danh tiếng của nàng. Con quái vật nhục dục xấu xí trong chàng bị đánh thức. Chàng nổi giận. Chỉ khi chàng dời chân bỏ đi thì lối đi mới được phát quang cho chàng.

Cái giọng khàn khàn ấy nói, “Có khi chàng muốn đến gặp em tối nay chẳng, Danny.” Đôi mắt Sweets bơi trong một làn sương mờ mờ mơ màng. “Người ta có hàng xóm mà,” nàng gợi ý một cách khéo léo.

Chàng hiểu ra. “Tôi sẽ trở lại,” chàng hứa.

Lúc đó đã xế chiều. Danny đi xuống đường, một lần nữa nhắm đường đến quán Torrelli, nhưng con quái vật trong chàng đã thay đổi. Từ một con sói hung ác và gầm gừ nó đã trở thành một con gấu to lớn, bồm xồm, đa cảm. “Ta sẽ mang rượu đến cho nàng Sweets đáng yêu ấy,” chàng nghĩ.

Trên đường đi xuống, chàng còn gặp ai khác nữa ngoài Pablo, và Pablo đang có hai thanh kẹo cao su. Pablo đưa cho Danny một thanh rồi họ sóng bước. “Huynh đi đâu?”

“Không phải lúc cho tình bạn,” Danny gắt gỏng. “Trước hết tôi muốn mua ít rượu để mang đến cho một nàng kia. Huynh có thể đi cùng tôi, và chỉ được uống một ly. Tôi chán phải đi mua rượu cho các quý cô chỉ để cho bạn bè tôi uống sạch.”

Pablo tán thành rằng cái kiểu như vậy thì đúng là chẳng hay hóm gì. Riêng chàng thì, chàng không muốn rượu của Danny, mà chỉ cần ở bên cạnh chàng.

Họ tới quán Torrelli. Họ uống một ly trong ga-lông rượu

mới mua. Danny thú nhận rằng chỉ mời bạn mình một ly nhỏ thôi thì quả là cách ứng xử đê tiện. Mặc Pablo phản đối kịch liệt, họ uống một ly nữa. “Phụ nữ, “Danny nghĩ, “không nên uống nhiều rượu quá. Họ dễ trở nên ngớ ngẩn; và ngoài ra, nó làm thui chột đi những giác quan mà người ta muốn thấy sống động ở một phụ nữ.” Họ làm thêm vài ly. Một nửa ga-lông rượu là một món quà hậu hĩnh, đặc biệt khi Danny sắp sửa đi mua thêm một món quà khác nữa. Họ đo mức một nửa ga-lông và uống phần trên mức đó. Rồi Danny giấu bình rượu trong đám cỏ dưới một cái rãnh.

“Tôi muốn huynh đi mua quà cùng tôi, Pablo,” chàng nói.

Pablo biết lý do của lời mời. Nửa là ý muốn có Pablo đi cùng, nửa là sợ bỏ rượu lại trong khi Pablo tự do tung tẩy. Họ bước đi thẳng thớm, đường hoàng một cách cố ý xuống đồi tới Monterey.

Ông Simon, thuộc Công ty Đầu tư, Trang sức và Tín dụng Simon, chào đón họ tới cửa hàng. Tên của cửa hàng xác định cái giới hạn bề ngoài các hàng hóa công ty bán; vì có cả kèn sắc-xô, ra-đi-ô, súng trường, dao, cần câu cá và đồng xu cũ trên quầy; tất cả đều đã qua sử dụng, nhưng tất cả thực sự tốt hơn đồ mới vì chúng chỉ vừa mới được dùng sơ qua.

“Anh muốn xem thứ gì không?” ông Simon hỏi.

“Có chứ,” Danny nói.

Vị chủ cửa hàng gợi ý một danh mục, và rồi ngừng lại giữa chừng một từ, vì ông thấy Danny đang nhìn một máy hút bụi bằng nhôm cỡ lớn. Túi đựng bụi ca-rô màu xanh dương và vàng. Cuộn dây điện dài, đen và bóng mượt. Ông Simon bước lại lấy tay vuốt ve nó, rồi đứng lùi ra trầm trồ.

“Một cái máy hút bụi chẳng?” ông hỏi.

“Bao nhiêu?”

“Cái này, mười bốn đô-la.” Ấy không hẳn là một cái giá mà đúng hơn là một nỗ lực để dò xem Danny có bao nhiêu tiền. Mà Danny thì muốn có nó, vì nó to và sáng loáng. Không phụ nữ nào của Tortilla Flat có cái máy này. Vào giây phút này chàng quên bẵng mất ở Tortilla Flat không có điện. Chàng đặt hai đô-la lên quầy và chờ đợi trong khi cơn bùng nổ diễn ra; thịnh nộ, giận dữ, buồn rầu, nghèo túng, lụi tàn, lừa đảo. Về bóng loáng được nhắc tới, rồi màu của cái túi, cuộn dây thật dài, giá trị của riêng phần kim loại. Và khi mọi sự xong hết, Danny đi ra mang theo cái máy hút bụi.

Thường như một thú tiêu khiển buổi chiều, Sweets mang máy hút bụi ra đặt nó tựa vào một cái ghế. Trong lúc bạn bè của nàng ngắm nhìn, nàng đẩy nó tới lui để cho thấy nó lăn dễ dàng thế nào. Và nàng phát ra tiếng rì rì bằng giọng của mình để bắt chước tiếng mô-tơ.

“Bạn của tôi là người giàu có lắm,” nàng nói. “Tôi nghĩ chẳng mấy chốc sẽ có những sợi dây chứa đầy điện đi thẳng vào trong nhà, và rồi thì cứ xoẹt, xoẹt, xoẹt, là nhà sạch bong!”

Các bạn của nàng ra sức hạ thấp món quà. “Thật là tệ quá chị lại không chạy được cái máy này.” Và, “Em luôn cho rằng một cái chổi và một cái hốt rác, nếu biết sử dụng đúng cách, vẫn lau sạch hơn.”

Nhưng sự ganh tỵ của họ không làm được gì để chống lại cái máy hút bụi. Thông qua sự sở hữu này, Sweets leo lên đỉnh thang bậc xã hội ở Tortilla Flat. Những người không nhớ tên nàng nhắc đến nàng là “người có cái máy quét nhà.” Thường khi kẻ thù của nàng đi ngang qua nhà, ta có thể trông thấy Sweets qua cửa sổ, đẩy máy hút bụi tới lui, trong khi một tiếng kêu rì rì khá âm ỉ phát ra từ cổ họng nàng. Thực ra sau

khi đã quét nhà hằng ngày, nàng đẩy máy hút bụi quanh nhà dựa vào lý thuyết rằng dĩ nhiên nếu có điện nó sẽ lau dọn nhà tốt hơn, nhưng người ta không thể có tất cả mọi thứ.

Nàng khuấy động sự ganh tỵ trong bao nhiêu ngôi nhà. Cung cách của nàng trở nên trang nghiêm và trang nhã, nàng luôn vênh cằm lên cho phù hợp với tư cách con người sở hữu một cái máy quét nhà. Trong khi trò chuyện nàng luôn nhắc tới nó. “Sáng nay Ramon đi ngang, khi mình đang đẩy cái máy quét nhà.”

“Sáng nay Louise Meater cắt phải tay chị ấy, chưa đầy ba tiếng đồng hồ sau khi mình đẩy cái máy quét nhà.”

Nhưng trong khi đang ở trên đỉnh cao, nàng không xao lãng Danny. Giọng nàng gừ gừ đầy cảm xúc khi chàng loanh quanh. Nàng đong đưa như cây thông trông gió. Và tối nào chàng cũng có mặt ở nhà Sweets.

Thoạt đầu các bạn chàng bỏ qua sự vắng mặt của chàng, vì mỗi người có quyền có những chuyện ái tình nho nhỏ thế này. Nhưng hết tuần này đến tuần khác trôi qua, và vì cái đời sống riêng tư khá tốn sức ấy bắt đầu khiến Danny uể oải và xanh xao, các bạn chàng bắt đầu tin rằng lòng biết ơn của Sweets đối với cái máy quét nhà không có lợi cho thể chất của Danny. Họ ghen tị với một tình trạng thu hút sự chú ý của chàng quá lâu.

Pilon, Pablo và Jesus Maria Corcoran thay phiên nhau tấn công cái tổ yêu đương của chàng những khi chàng đi vắng; nhưng Sweets, trong khi biết đón nhận lời khen, vẫn chung thủy với con người đã nâng địa vị nàng đến một mức độ mãn nguyện như thế. Nàng cố gìn giữ tình bạn của họ, phòng khi cần thiết trong tương lai, vì nàng biết vận may đỏng đảnh thế nào; nhưng nàng kiên cường từ chối chia sẻ với các bạn của

Danny thứ hiện đang được dành riêng cho Danny.

Chính vì lẽ đó, những người bạn của Danny, trong tuyệt vọng, đã thành lập một hội với mục đích duy nhất là phá hoại nàng.

Có thể Danny, trong thâm tâm, đã bắt đầu ngán ngẩm tình cảm của Sweets và nghĩa vụ hiện diện mà nó đòi hỏi. Nếu có sự thay đổi như thế đang diễn ra, chàng không tự mình thừa nhận nó.

Vào lúc ba giờ một buổi chiều nọ, Pilon, Pablo và Jesus Maria, với Joe Voi nhẹ nhệch theo sau, hải hoàn trở về sau ba phần tư ngày chiến đấu căng thẳng. Chiến dịch của họ đã được triệu tập và nó đòi hỏi trọn vẹn khả năng lập luận tàn nhẫn của Pilon, sự ngây thơ đầy nghệ sĩ của Pablo và sự dịu dàng và nhân ái của Jesus Maria. Joe Voi không đóng góp gì.

Nhưng bây giờ, như bốn người thợ săn, họ từ cuộc săn đuổi trở về hạnh phúc hơn bởi vì chiến thắng của họ là một chiến thắng nhọc nhằn. Và ở Monterey, có một ông người Ý ngơ ngáo dần dần tin chắc rằng ông đã bị bịp.

Pilon mang theo một bình rượu một ga-lông giấu trong một bó dây thường xuân. Họ hớn hở hành quân vào nhà Danny và Pilon đặt ga-lông rượu lên bàn.

Danny, thức dậy sau một giấc ngủ say, mỉm cười lặng lẽ, nhồm dậy khỏi giường và xếp ra những hũ trái cây nhỏ. Chàng rót rượu. Bốn người bạn của chàng gieo mình xuống ghế, vì họ đã có một ngày vất kiệt sức.

Họ lặng lẽ uống trong buổi chiều muộn, cái quãng thời gian ngưng đọng lạ lùng đó. Gần như mọi người ở Tortilla Fat đều dừng lại ngẫm nghĩ về những việc đã diễn ra trong ngày vừa qua, và nghĩ đến những tình huống có thể xảy ra của buổi tối. Có bao thứ để bàn luận trong một buổi chiều.

“Sáng nay Cornelia Ruiz có một gã mới,” Pilon bình luận. “Đầu hấn ta hơi sọi. Hấn tên là Kilpatrick. Cornelia nói gã kia của ả tuần vừa rồi có ba đêm không về nhà. ả không thích như thế.”

“Cornelia là một ả đàn bà thay đổi ý định quá nhanh chóng,” Danny nói. Chàng tự mãn nghĩ về cái cơ sở vững chắc của mình, xây dựng trên nền tảng của một cái máy hút bụi.

“Cha của Cornelia còn tệ hơn,” Pablo nói. “Lão ấy không biết nói thật. Có lần lão mượn tôi một đô-la. Tôi kể với Cornelia chuyện này, mà cô ả chẳng làm gì cả.”

“Cả một giuộc mà. ‘Đúng là cha nào con nấy,’” Pilon trích dẫn một cách đầy đạo đức.

Danny lại rót đầy rượu vào các hũ nhỏ, và ga-lông rượu đã cạn hẳn. Chàng nhìn nó buồn rầu.

Jesus Maria, người tình của nhân loại ấy, lên tiếng nhỏ nhẹ. “Tôi gặp Susie Francisco, Pilon ạ. Cô nàng nói công thức ấy rất hiệu quả. Cô nàng đã vi vu trên chiếc xe máy của Charlie Guzman được ba lần rồi. Hai lần đầu nàng cho cậu kia tình dục khiến cậu ta lặn ra ốm. Cô nàng tưởng nó không tốt. Nhưng giờ thì Susie nói bất cứ lúc nào anh cũng có thể được vài cái bánh qui.”

“Có gì trong liều thuốc đó?” Pablo hỏi.

Pilon chột tở ra bí mật. “Tôi không thể nói hết mọi thứ. Tôi đoán chắc là sồi độc trong đó làm cho Charlie Guzman ốm.”

Ga-lông rượu mau chóng hết veo. Cả sáu người đều cảm nhận cơn khát quá rõ rệt mà giờ đã biến thành một sự tra tấn. Pilon đưa mắt nhìn các bạn, và họ cũng nhìn lại chàng. Âm mưu đã sẵn sàng.

Pilon hắng giọng. “Danny, huynh đã làm gì mà khiến cả thị trấn cười nhạo huynh thế?”

Danny trông có vẻ lo lắng. “Huynh định nói gì?”

Pilon tắc lưỡi. “Nhiều người bảo rằng huynh mua cho một quý cô một cái máy hút bụi, và cái máy đó không chạy được trừ phi dây được kéo vào nhà. Những sợi dây đó tốn rất nhiều tiền. Một số người thấy món quà này rất là buồn cười.”

Danny cảm thấy khó chịu trong người. “Cô ấy thích cái máy hút bụi,” chàng biện bạch.

“Sao lại không chứ?” Pablo tán thành. “Cô ta nói với một số người rằng huynh đã hứa kéo dây vào nhà cô ta để cái máy chạy được.”

Danny trông có vẻ còn lo lắng hơn. “Cô ấy nói vậy sao?”

“Tôi nghe nói vậy.”

“Hừ, tôi sẽ không làm thế,” Danny kêu lên.

“Nếu tôi không nghĩ nó buồn cười thì tôi đã giận dữ khi nghe thấy bạn mình bị chê cười như thế,” Pilon nhận xét.

“Huynh sẽ làm gì khi cô ấy đòi những sợi dây ấy?” Jesus Maria hỏi.

“Tôi sẽ nói không,” Danny nói.

Pilon cười lớn. “Ước gì tôi có thể có mặt ở đó. Nói ‘không’ với quý cô ấy không phải là chuyện đơn giản đâu.”

Danny cảm thấy bạn bè mình đang chống lại mình. “Tôi phải làm gì đây?” chàng tuyệt vọng hỏi.

Pilon cân nhắc vấn đề hết sức kỹ lưỡng rồi áp dụng sự thực tế của mình cho vấn đề. “Nếu không có cái máy hút bụi thì cô ta đã không đòi những sợi dây ấy,” chàng nói.

Các bạn gật đầu tán thành.

“Do đó,” Pilon tiếp, “việc cần làm là bỏ cái máy hút bụi đi.”

“Ồ, cô ấy sẽ không cho tôi lấy nó đâu,” Danny phản đối.

“Thì chúng tôi sẽ giúp huynh,” Pilon nói. “Tôi sẽ lấy cái máy và để đổi lại huynh có thể mang cho quý cô ấy một ga-lông

rượu làm quà. Cô ấy thậm chí sẽ không biết cái máy hút bụi đã đi đâu.”

“Sẽ có hàng xóm nào đó thấy huynh lấy.”

“Ồ, không đâu,” Pilon nói. “Huynh cứ ở đây, Danny. Tôi sẽ lấy cái máy.”

Danny thở phào nhẹ nhõm khi rắc rối của mình đã được các bạn bè tốt của mình nhận lãnh.

Ít có chuyện nào diễn ra ở Tortilla Flat mà Pilon không biết. Mọi thứ mắt chàng nhìn thấy hay tai chàng nghe được, chàng đều làm những ghi chú nhỏ, sắc sảo trong đầu. Chàng biết mỗi chiều Sweets đi ra cửa hàng vào lúc bốn giờ ba mươi. Chàng dựa vào thói quen gần như không thay đổi này để thực hiện kế hoạch của mình.

“Tốt hơn hết là huynh không biết tí gì về nó,” chàng bảo Danny.

Ngoài sân Pilon đã chuẩn bị sẵn một bao bố. Chàng lấy dao cắt một bụi hồng sum suê rồi nhét vào trong bao.

Ở nhà Sweets, chàng thấy nàng đi vắng, y như chàng dự tính và hy vọng. “Cái máy này thực ra là của Danny,” chàng tự nhủ.

Bước vào nhà, bỏ máy hút bụi vào bao và xếp bụi hồng một cách thật nghệ thuật ở miệng bao chỉ là việc làm trong tích tắc.

Lúc bước ra khỏi sân, chàng gặp Sweets. Pilon lịch sự bỏ mũ ra. “Tôi vào chơi thôi,” chàng nói.

“Giờ anh có rảnh không, Pilon?”

“Không. Tôi có công việc ở dưới Monterey. Muộn rồi.”

“Anh mang bụi hồng này đi đâu thế?”

“Có người ở Monterey muốn mua. Một bụi hồng rất đẹp. Xem nó cứng cáp thế nào này.”

“Khi khác ghé lại nhé, Pilon”

Chàng không nghe thấy tiếng kêu giận dữ nào khi thông thả đi xuống đường. “Có lẽ cô nàng sẽ không nhớ tới nó trong ít lâu,” chàng nghĩ.

Một nửa vấn đề đã được giải quyết, nhưng nửa kia chưa được động đến. “Danny biết làm gì với cái máy quét nhà này đây?” Pilon tự hỏi. “Nếu anh ấy giữ nó, Sweets sẽ biết là anh ấy đã lấy đi. Mình có thể quẳng nó đi không? Không, vì nó có giá trị. Việc cần làm là sẽ làm cho nó biến đi, mà vẫn thu hoạch được lợi ích từ giá trị của nó.”

Giờ đây vấn đề đã được giải quyết. Pilon đi thẳng xuống đồi đến nhà Torrelli.

Đó là một cái máy hút bụi to và sáng loáng. Khi Pilon trở ngược lên đồi, mỗi tay chàng xách một ga-lông rượu.

Các bạn đón chàng trong im lặng khi chàng bước vào nhà Danny. Chàng đặt một bình lên bàn và bình kia xuống sàn.

“Tôi mang về cho huynh một món quà để huynh mang đến cho nàng,” chàng bảo Danny. “Còn đây là một chút rượu cho chúng ta.”

Họ vui vẻ quây lại vì cơn khát của họ như ngọn lửa thiêu đốt. Khi ga-lông đầu tiên hết sạch, Pilon giơ cái ly của mình sát ngọn nến và nhìn xuyên qua nó. “Chuyện gì xảy ra không quan trọng,” chàng nói. “Nhưng từ những chuyện xảy ra, ta cần phải rút ra một bài học. Qua chuyện này ta rút ra rằng một món quà, đặc biệt cho một phụ nữ, không nên có cái phẩm chất đòi hỏi thêm một món quà nữa theo sau. Chúng ta cũng học được rằng tặng quà có giá trị quá lớn là tội lỗi, vì nó có thể kích thích lòng tham.”

Ga-lông đầu tiên đã nhả. Các bạn nhìn Danny để xem chàng cảm thấy thế nào. Chàng đã rất lặng lẽ, nhưng bây giờ

chàng thấy các bạn đang chờ đợi ở mình.

“Nàng thật sinh động,” chàng thận trọng nói. “Nàng có bản tính thương người! Nhưng quỷ tha ma bắt chứ!” chàng nói “Tôi chán lắm rồi!” Chàng bước lại bình thứ hai và mở nút.

Cướp Biển, ngồi trong xó của mình giữa bầy chó, mỉm cười một mình và thì thào đầy ngưỡng mộ, “Quỷ tha ma bắt chứ, tôi chán lắm rồi.” Câu ấy, Cướp Biển nghĩ, nghe mới hay làm sao.

Họ uống chưa được quá nửa bình thứ hai, thực ra họ chỉ mới hát có hai bài, thì thằng nhóc Johnny Pom-pom đi vào. “Tôi mới ở đằng Torrelli,” Johnny nói. “Ô, lão Torrelli ấy phát điên rồi. Lão đang la hét ầm ỹ. Lão giộng cả nắm tay lên bàn.”

Những người bạn ngược nhìn lên với vẻ hơi hơi quan tâm. “Chắc có chuyện xảy ra rồi. Có lẽ là đáng đời lão Torrelli.”

“Lão ấy thường xuyên từ chối các khách hàng tốt của lão một ly rượu nhỏ.”

“Có chuyện gì với Torrelli?” Pablo hỏi.

Johnny Pom-pom nhận một hũ rượu. “Torrelli nói lão mua một cái máy hút bụi của Pilon, và khi lão nối nó với dây bóng đèn, nó không chạy. Nên lão nhìn tiếp vào bên trong, hóa ra nó không có động cơ. Lão nói lão sẽ giết Pilon.”

Trông Pilon hết sức kinh ngạc. “Tôi không có biết cái máy này có lỗi,” chàng nói. “Nhưng chẳng phải là tôi đã nói rằng Torrelli xứng đáng với chuyện xảy ra với lão sao. Cái máy kia đáng giá ba hay bốn ga-lông rượu, nhưng lão Torrelli bủn xỉn ấy chỉ đưa có hai bình.”

Danny vẫn cảm thấy một chút lòng biết ơn đối với Pilon. Chàng liếm rượu trên môi mình. “Hàng họ của Torrelli ngày càng tệ,” chàng nói. “Tốt lắm thì cũng chỉ như nước vo gạo mà lũ lợn cũng bỏ lại, nhưng gần đây nó tệ đến nỗi Charlie Marsh

thậm chí còn không thèm uống.”

Khi ấy cả bọn đều cảm thấy một chút hận thù đối với Torrelli.

“Tôi nghĩ,” Danny nói, “ta sẽ mua rượu từ chỗ nào đó khác, nếu Torrelli không chịu nhìn xa trông rộng.”

X

Những người bạn an ủi một Hạ sĩ như thế nào và, đổi lại, họ nhận được một bài học về tình cha con ra sao.



Jesus Maria Corcoran là một hình mẫu cho nhân loại.

Đau khổ chàng cố làm khuây; buồn phiền chàng cố an ủi; hạnh phúc thì chàng sẻ chia. Không tồn tại một chàng Jesus Maria thô bạo hay nặng nề. Tấm lòng chàng để ngỏ để ai cần thì dùng. Sức vóc và trí tuệ của Jesus Maria được dâng cho bất kỳ ai yếu đuối hay dại khờ hơn chàng tùy nghi sử dụng.

Chính chàng là người vác José de la Nariz đi bốn dặm khi José bị gãy chân. Khi bà Palochico mất con dê yêu quý, con dê ngoan cho sữa và phó mát, chính Jesus Maria lần theo dấu vết con dê ấy tới chỗ Joe Voi, ngăn chặn cú hạ sát và buộc Joe Voi trả nó lại. Chính Jesus Maria là người từng lôi Charlie Marsh ra khỏi một cái rãnh nơi lão nằm giữa chính đồng chất thải của mình – một việc không chỉ đòi hỏi một tấm lòng ấm áp, mà còn một khứu giác mạnh khỏe.

Cùng với khả năng làm những việc thiện, Jesus Maria còn có biệt tài chuyên gặp phải những tình huống đòi hỏi người ta làm việc thiện.

Danh tiếng chàng lẫy lừng đến nỗi Pilon từng nói, “Tôi đảm bảo với quý vị, nếu anh chàng Jesus Maria ấy chịu vào Nhà thờ, Monterey hẳn đã có một vị thánh để đưa vào lịch.”

Từ một chiếc túi sâu hun hút nào đó trong tâm hồn, Jesus Maria lấy ra lòng tử tế không bao giờ cạn.

Jesus Maria có thói quen đến bưu điện hằng ngày, trước hết bởi vì ở đó chàng có thể gặp nhiều người quen biết, và thứ nhì bởi vì ở góc bưu điện lộng gió ấy chàng có thể ngắm giò của bao nhiêu cô gái. Chớ nên cho rằng trong mối quan tâm thứ nhì này có gì đó dung tục như một người ưa đi xem các triển lãm nghệ thuật hay các buổi hòa nhạc vội vàng chỉ trích. Jesus Maria thích ngắm giò các cô gái.

Một ngày kia khi chàng đứng tựa vào bưu điện suốt hai giờ đồng hồ mà không gặt hái được mấy, chàng chứng kiến một cảnh tượng náo lòng. Một viên cảnh sát đi trên vỉa hè dẫn theo một cậu trai trẻ chừng mười sáu tuổi, cậu này ẵm một em bé nhỏ, quấn trong một mảnh chăn xám.

Viên cảnh sát nói, “Tôi không quan tâm đến việc tôi có hiểu cậu nói gì hay không. Cậu không thể ngồi dưới cồng cả ngày. Chúng tôi sẽ tìm hiểu về cậu.”

Và cậu bé, nói tiếng Tây Ban Nha với một ngữ điệu đặc biệt, “Nhưng thưa señor, tôi không làm gì sai cả. Sao ông lại bắt tôi đi?”

Viên cảnh sát trông thấy Jesus Maria. “Ê, paisano,” ông gọi. “Cậu cholo^[38] này nói gì?”

Jesus Maria bước ra nói với cậu trai. “Tôi có thể giúp gì cho cậu?”

Cậu bé tuôn ra một tràng. “Em đến đây để đi làm. Có mấy ông người Mễ nói ở đây sẽ có công việc, mà chẳng có gì cả. Em ngồi ở đây nghỉ thì ông này đến và lôi em đi.”

Jesus Maria gật đầu rồi ngoảnh sang viên cảnh sát. “Cậu nhóc này có phạm tội gì không?”

“Nhưng cậu ta ngồi dưới cồng bên đường Alvarado cả ba tiếng đồng hồ rồi.”

“Cậu ta là bạn tôi,” Jesus Maria nói. “Tôi sẽ lo cho cậu ấy.”

“Cũng được, nhưng đừng để cậu ấy ngồi dưới cồng nữa.”

Jesus Maria và người bạn mới đi lên đồi. “Tôi sẽ đưa cậu về căn nhà tôi ở. Ở đó cậu sẽ có đồ để ăn. Đứa bé này là thế nào?”

“Đó là con của em,” cậu bé đáp. “Em là một hạ sĩ, và nó là con em. Nó đang ốm; nhưng mai mốt lớn lên nó sẽ là một vị tướng.”

“Vì sao nó ốm, Señor Hạ sĩ?”

“Em không biết. Nó chỉ ốm thôi.” Cậu ta cho Jesus Maria xem mặt đứa bé, trông nó đúng là ốm rất nặng.

Lòng trắc ẩn của Jesus Maria dâng lên. “Ngôi nhà nơi anh sống là của Danny bạn anh, đó là một người tốt, Señor Hạ sĩ ạ. Người có thể trông cậy khi gặp rắc rối. Nào, ta sẽ đến đó, và Danny sẽ cho ta nơi nương tựa. Bà Palochico bạn anh có một con dê. Ta sẽ vay được ít sữa cho đứa bé.”

Gương mặt của cậu hạ sĩ lần đầu nở ra một nụ cười an lòng. “Có bạn thật tốt quá,” cậu ta nói. “Ở Torreón em có nhiều bạn bè sẵn lòng làm ăn may để giúp em.” Cậu hơi khoe khoang một chút với Jesus Maria. “Em cũng có bạn giàu, nhưng dĩ nhiên bọn nó không biết em cần gì.”

Pilon đẩy cánh cổng sân nhà Danny, và họ cùng nhau bước vào. Danny, Pablo và Joe Voi đang ngồi trong phòng khách, đợi phép lạ thức ăn hằng ngày. Jesus Maria đẩy cậu bé vào phòng.

“Đây là một chàng lính trẻ, một hạ sĩ,” chàng giải thích. “Cậu ấy có một em bé, và nó đang ốm.”

Những người bạn sốt sắng bật dậy. Cậu hạ sĩ kéo tấm chăn xám xuống khỏi mặt em bé.

“Nó rõ là bị ốm,” Danny nói. “Có lẽ ta phải kiếm bác sĩ.”

Nhưng người lính lắc đầu. “Không cần bác sĩ đâu. Em không

thích bác sĩ. Bé không khóc quấy, cũng không ăn uống gì mấy. Có lẽ nghỉ ngơi một chút nó sẽ khỏe lại.”

Ngay lúc đó Pilon bước vào và kiểm tra em bé. “Bé ốm rồi,” chàng nói.

Pilon ngay lập tức chỉ huy. Chàng sai Jesus Maria tới nhà bà Palochico để vay sữa dê; Joe Voi và Pablo đi lấy một thùng đựng táo, đem cỏ khô vào và trải một tấm da dê lên. Danny đề nghị dùng giường của mình, nhưng bị từ chối. Cậu hạ sĩ đứng trong phòng khách dịu dàng mỉm cười nhìn những con người tốt bụng này. Cuối cùng em bé được đặt nằm trong thùng, nhưng mắt nó lờ đờ và không chịu uống sữa.

Cướp Biển về, mang theo một thùng cá thu. Những người bạn nấu cá rồi ăn tối. Em bé thậm chí không ăn cá thu. Cứ một lúc một trong số những người bạn lại nhảy lên và chạy đi xem em bé. Ăn tối xong, họ ngồi quanh bếp lửa và chuẩn bị cho một đêm yên tĩnh.

Cậu hạ sĩ vẫn im lặng, không kể gì về mình. Những người bạn hơi bị tổn thương vì điều đó, nhưng họ biết khi nào tới lúc thì cậu ta sẽ kể. Pilon, con người mà kiến thức đối với chàng cũng như vàng sắp được khai mỏ, thử làm vài mũi khoan thăm dò sự dè dặt của cậu hạ sĩ.

“Chẳng mấy khi lại thấy một người lính trẻ với một em bé đâu,” chàng gợi ý một cách tế nhị, Cậu hạ sĩ nhoẻn cười tự hào.

Pablo thêm, “Có thể đứa bé này được tìm thấy trong khu vườn tình yêu. Và đó là loại trẻ con ngon lành nhất, bởi vì chỉ có những điều tốt đẹp mới ở trong đó.”

“Bọn anh cũng từng là lính,” Danny nói. “Khi chết, chúng ta sẽ được đưa tới mộ trên một cỗ xe kéo pháo, và đội lính bông súng sẽ bắn tiễn chúng ta.”

Họ chờ xem cậu hạ sĩ có cởi mở hơn chút nào sau khi họ đã mớm lời không. Cậu hạ sĩ trông có vẻ cảm kích. “Các anh đã rất tốt với em,” cậu nói. “Các anh tốt bụng và tử tế chẳng khác gì các bạn của em ở Torreón. Đứa bé này là con của em, con của vợ em.”

“Thế vợ em đâu?” Pilon hỏi.

Nụ cười của cậu hạ sĩ vụt biến mất. “Nàng ở Mexico,” cậu nói. Rồi cậu bỗng sinh động trở lại. “Em gặp một ông nọ, ông ta nói với em một điều lạ lùng. Ông nói chúng ta có thể biến các đứa bé thành người ta mong muốn. Ông nói, ‘Cậu cứ thường xuyên nói với em bé việc cậu muốn nó làm, thì khi lớn lên nó sẽ làm việc đó.’ Em lặp đi lặp lại với đứa bé này, ‘Con sẽ là một vị tướng.’ Các anh có nghĩ nó sẽ thành tướng không?”

Những người bạn gật đầu lịch sự. “Có thể,” Pilon nói. “Tôi chưa nghe nói tới tục này.”

“Em nói hai mươi lần một ngày, ‘Manuel, một ngày nào đó con sẽ là một vị tướng. Con sẽ có những ngù vai to và đai lưng. Kiếm của con sẽ làm bằng vàng. Con sẽ cưới một con kim mã. Đời con thật tuyệt, Manuel.’ Ông kia bảo nó chắc chắn sẽ thành một vị tướng nếu em nói thế.”

Mọi người dồn lại để xem công thức này có hiệu quả chút nào không.

CƯỚP BIỂN thâm thì, “Cháu sẽ thành một vị tướng,” và hấn bấn khoản không biết với chó thì phương pháp tương tự như vậy có hiệu quả không.

“Đứa bé rõ là bị ốm,” Danny nói. “Ta phải giữ ấm cho nó.”

Họ trở về ghế của mình.

“Vợ em ở Mexico...” Pilon gợi chuyện.

Cậu hạ sĩ nhú mày suy nghĩ một hồi, rồi cậu mỉm cười rạng

rỡ. “Em sẽ kể. Đây không phải là chuyện để kể cho người lạ, nhưng các anh là bạn em. Em là lính ở Chihuahua, em chuyên cần, sạch sẽ và luôn tra dầu vào súng trường nên em được làm hạ sĩ. Rồi em cưới một cô gái xinh đẹp. Em không nói là nàng cưới em bởi vì lon hạ sĩ của em. Mắt nàng sáng, răng nàng trắng muốt, tóc nàng dài và sáng. Chẳng bao lâu sau đứa bé này chào đời.”

“Thật là tốt,” Danny nói. “Anh nên giống như em. Không gì tốt đẹp hơn một đứa bé.”

“Vâng,” cậu hạ sĩ đáp, “em rất mừng. Và bọn em đi làm lễ rửa tội, em mang đai lưng, cho dù quy định trong quân đội không nói tới chuyện đó. Khi bọn em ra khỏi nhà thờ đó, một đại úy có ngù vai, đai lưng và một thanh gươm bạc nhìn thấy vợ em. Chẳng bao lâu sau vợ em đi mất. Thế rồi em đi gặp viên đại úy đó và em nói, ‘Trả vợ lại cho tôi,’ và hắn nói, ‘Mày không biết quý trọng mạng sống của mày sao mà dám ăn nói kiểu này với thượng cấp.’ Cậu hạ sĩ xòe hai bàn tay ra rồi nhún vai tỏ vẻ bất lực.

“Ôi, thằng ăn cướp!” Jesus Maria kêu lên.

“Chắc em đã tụ tập bọn bè rồi giết gã đại úy đó,” Pablo đoán.

Cậu hạ sĩ trông có vẻ lúng túng. “Không. Em chẳng làm gì cả. Đêm đầu tiên, có kẻ nhắm bắn em qua cửa sổ. Ngày thứ hai một khẩu pháo sơ ý khai hỏa và nó bay gần em đến nỗi sức ép quạt em ngã xuống đất. Thế là em bỏ đi, và em mang đứa bé theo.”

Gương mặt những người bạn nổi lên nét hung tợn, và mắt họ ánh lên vẻ nguy hiểm. Cướp Biển, trong xó của mình, gầm gừ, và cả bầy chó của hắn cũng càu nhàu.

“Lẽ ra chúng ta phải ở đó,” Pilon kêu lên. “Chúng ta hẳn đã

khiến cho tay đại úy đó ước gì mình chưa từng sống. Ông của tôi đã từng bị hại bởi một tay thầy tu, và ông đã trói tay thầy tu trần truồng vào một cây cột trong một bãi chôn súc vật rồi thả một con bê con vào trong cùng ông ta. Ôi, lúc nào cũng có cách.”

“Em chỉ là hạ sĩ quèn,” cậu bé nói. “Em phải bỏ trốn.” Những giọt nước mắt tủi hổ ngân ngấn mi mắt cậu. “Không ai giúp một hạ sĩ khi một đại úy không ưa anh ta, nên em bỏ chạy, cùng với Manuel – con em. Tới Fresno em gặp nhà thông thái này, và ông ấy bảo em có thể khiến cho Manuel trở thành người mà em mong ước. Em nói với con hai mươi lần mỗi ngày, ‘Con sẽ thành một tướng quân. Con sẽ có ngù vai và mang kiếm vàng.’”

Đây là câu chuyện giàu kịch tính đến nỗi nó khiến những thử nghiệm của Cornelia Ruiz trở nên buồn tẻ và phù phiếm. Đây là một tình huống đòi hỏi những người bạn ra tay. Nhưng hiện trường sự vụ lại quá xa xôi khiến việc ra tay là không thể. Họ nhìn cậu hạ sĩ đầy ngưỡng mộ. Cậu ta quá trẻ so với một thử thách như vậy!

“Tôi ước gì,” Danny tinh quái nói, “bây giờ ta đang ở Torreón. Pilon sẽ lên một kế hoạch cho bọn ta. Thật tệ là chúng ta không thể tới đó.”

Joe Voi vẫn còn thức – bằng chứng cho sự hấp dẫn của câu chuyện của cậu hạ sĩ. Chàng bước tới thùng táo và nhìn vào trong. “Cháu sẽ là một tướng quân,” chàng nói. Và rồi, “Trông này! Đứa bé này cử động buồn cười quá.”

Những người bạn xúm quanh. Cơn co giật đã bắt đầu rồi. Hai cái chân bé xíu đạp xuống rồi giơ lên. Hai bàn tay cào cào bất lực, và rồi đứa bé quờ quạng và run lên cầm cập.

“Bác sĩ,” Danny kêu lên. “Ta phải có một bác sĩ.” Nhưng

chàng và mọi người đều biết không ích gì. Tử thần khi đến gần luôn mặc một cái áo choàng không ai có thể nhầm lẫn. Trong lúc họ đứng nhìn, em bé cứng dần và sự vật vã chấm dứt. Miệng nó há hốc, nó đã chết. Danny tử tế lấy một mẩu chăn phủ thùng tảo lại. Cậu hạ sĩ đứng thẳng đờ nhìn trừng trừng về phía trước, quá sốc nên không thể nói hay nghĩ ngợi gì.

Jesus Maria đặt một bàn tay lên vai cậu và dìu cậu tới một chiếc ghế. “Em còn trẻ quá,” chàng nói. “Em sẽ có nhiều con nữa.”

Cậu hạ sĩ rên rỉ, “Giờ nó đã chết rồi. Nó sẽ không bao giờ trở thành vị tướng với đai lưng và thanh kiếm ấy nữa.”

Nước mắt trào ra trong mắt những người bạn. Trong góc, bầu chớ rên rỉ đau khổ. Cướp Biển vùi cái đầu to của mình vào bộ lông của Señor Alec Thompson.

Bằng một giọng rì rầm, gần như lời nguyền, Pilon nói, “Giờ thì đích thân em phải giết gã đại úy đó. Chúng tôi tôn trọng kế hoạch báo thù cao quý của em; nhưng kế hoạch đó đã kết thúc và giờ em phải tự tay trả thù, và chúng tôi sẽ giúp em, nếu có thể.”

Cậu hạ sĩ ngoảnh đôi mắt đờ đẫn sang chàng. “Báo thù?” Cậu hỏi. “Giết gã đại úy ư? Ý anh là sao?”

“Sao ư, thì kế hoạch báo thù của em rõ thế còn gì,” Pilon nói. “Đứa bé này sẽ lớn lên và sẽ trở thành một vị tướng; và rồi sẽ tới lúc nó sẽ tìm gã đại úy kia, và nó sẽ giết y một cách từ từ. Đó là một kế hoạch hay. Chờ đợi lâu dài, rồi ra đòn. Chúng tôi, bạn của em, tôn trọng em về điều này.”

Cậu hạ sĩ nhìn Pilon đầy kinh ngạc. “Cái gì thế này? cậu hỏi. “Em chẳng liên can gì đến tay đại úy này. Hấn ta là đại úy.”

Những người bạn nhồm dậy.

Pilon kêu lên, “VẬY cái kế hoạch biến đứa bé thành một vị tướng thì sao? Tại sao phải như vậy?”

Khi đó cậu hạ sĩ hơi bối rối. “Đó chỉ là nghĩa vụ của một người cha muốn làm điều tốt cho con mình thôi. Em muốn Manuel được hưởng nhiều điều tốt đẹp hơn em.”

“Chỉ vậy thôi sao?” Danny thốt lên.

“Thì,” hạ sĩ nói, “vợ em quá xinh đẹp, mà nàng cũng không phải là một *puta*^[39] đâu. Nàng là một phụ nữ tốt, nhưng viên đại úy đó chiếm được nàng. Hắn chỉ có cầu vai nhỏ và đai lưng nhỏ, và kiếm của hắn chỉ có màu bạc. Nghĩ mà xem,” cậu hạ sĩ nói và xòe hai bàn tay ra, “nếu viên đại úy đó, chỉ có cầu vai nhỏ và đai lưng nhỏ đã có thể chiếm được vợ của em, thì hãy tưởng tượng một vị tướng quân với đai lưng to và kiếm bằng vàng có thể chiếm được những gì!”

Một quãng im lặng kéo dài trong khi Danny, Pilon, Pablo, Jesus Maria, Cướp Biển và Joe Voi tiêu hóa nguyên tắc này. Và khi tiêu hóa xong, họ đợi Danny lên tiếng.

“Thật đáng tiếc,” cuối cùng Danny cũng cất lời, “là có rất ít bậc cha mẹ đặt lợi ích của con cái mình lên trên hết. Giờ đây hơn bao giờ hết chúng ta nuối tiếc vì đứa bé đã mất, vì với một người cha như thế, nó lẽ ra đã có thể có một cuộc đời vui sướng đến chừng nào.”

Tất cả những người bạn gật đầu thành kính.

“Bây giờ em sẽ làm gì?” Jesus Maria, người khám phá, hỏi.

“Em sẽ quay về Mexico,” hạ sĩ nói. “Trong tim em, em luôn là người lính. Có thể, nếu em cứ tiếp tục tra dầu cho khẩu súng của em, một ngày nào đó em sẽ trở thành sĩ quan. Ai mà biết trước được?”

Sáu người bạn nhìn cậu đầy ngưỡng mộ. Họ hãnh diện vì đã quen biết một con người như thế.

XI

Làm thế nào mà, trong những tình huống bất lợi nhất, ái tình lại đến với Joe Voi.



Với Joe Voi, cảm thấy ái tình là phải làm gì đó với nó. Và đây là lịch sử một trong những chuyện tình ái của chàng.

Mưa cứ rơi ở Monterey; từ những cây thông cao, nước nhỏ xuống cả ngày. Các paisano của Tortilla Flat không ra khỏi nhà, nhưng từ mỗi ống khói, một cột khói gỗ thông xanh lam lơ lửng khiến không khí có mùi thanh sạch, tươi mới như ướp hương.

Năm giờ chiều, mưa ngừng rơi được một lúc, khi ấy Joe Voi, vốn nằm dưới một chiếc xuồng trên bãi biển gần như cả ngày, thò mặt ra và bắt đầu leo dốc về phía nhà của Danny. Chàng lạnh run và đói meo.

Khi đến ngay rìa của Tortilla Flat, bầu trời chợt mở toang ra và mưa đổ ào như trút nước. Trong tích tắc Joe Voi ướt sũng từ đầu tới chân. Chàng cắm đầu chạy vào căn nhà gần nhất để tránh mưa, và căn nhà đó là nơi thím Tia Ignacia cư ngụ.

Thím quăng chừng bốn mươi lăm tuổi, góa chồng cũng đã lâu và khá thành công với tình trạng góa của mình. Bình thường thím lắm lì khó chịu, vì trong huyết quản của thím có nhiều dòng máu da đỏ vượt hơn *mức* được coi là tao nhã ở Tortilla Flat.

Khi Joe Voi vào, thím vừa mới mở một ga-lông rượu đỏ và đang chuẩn bị rót ra một cốc để phục vụ cái bụng của mình.

Nỗ lực của thím để đẩy cái bình xuống dưới một cái ghế đã không thành công. Joe Voi đã đứng ngay cửa ra vào, nhỏ nước tong tong xuống sàn nhà.

“Vào đây mà hong đi” thím Tia Ignacia nói. Joe Voi nhìn cái chai như một con chó sục nhìn một con bọ và bước vào phòng. Mưa gầm gào trên mái. Thím Tia Ignacia khơi một ngọn lửa trong bếp lò.

“Cậu có muốn xơi một cốc rượu không?”

“Vâng,” Joe Voi nói. Trước khi cạn cốc đầu tiên, mắt Joe Voi đã lại dán chặt vào bình rượu. Chàng làm liền tù tì ba cốc thì mới bằng lòng thốt ra một từ và vẻ thèm khát mới vội đi trong mắt chàng.

Thím Tia Ignacia tự bù đắp cho mình bằng một bình rượu mới. Thím uống cùng với chàng như phương cách duy nhất để giữ lại một chút rượu cho bản thân. Mãi đến khi đã cầm cốc thứ tư trong tay Joe Voi mới thả lỏng người và bắt đầu thưởng thức.

“Đây không phải rượu nhà Torrelli,” chàng nói.

“Không, tôi lấy của một bà bạn người Ý.” Thím rót thêm một cốc nữa.

Trời chập choạng tối. Thím Tia Ignacia thắp một ngọn đèn dầu và bỏ vài cây củi vào bếp lửa. Chừng nào rượu hết thì nó cũng phải tắt, thím nghĩ bụng. Mắt thím dán vào vóc người vạm vỡ của Joe Voi thẩm định kỹ lưỡng. Một chút dạt dào làm ấm lồng ngực thím.

“Cậu đã phải làm việc dưới mưa, chàng trai tội nghiệp,” thím nói. “Đây, cởi áo khoác ra mà hong cho khô.”

Joe Voi hiếm khi nói dối. Đầu óc chàng không nhạy lắm. “Tôi đã nằm ngủ dưới một chiếc xuống,” chàng nói.

“Nhưng cậu ướt cả rồi, anh bạn đáng thương ạ.” Thím thăm

dò xem chàng có phản ứng nào trước sự tử tế của thím không, nhưng trên mặt Joe Voi chẳng tỏ vẻ gì ngoài sự thỏa mãn vì đã tránh được mưa lại còn được uống rượu. Chàng chìa cốc ra để lại được rót đầy. Cả ngày không ăn gì, rượu có tác dụng thấm thía với chàng.

Thím Ignacia xoay vấn đề theo một cách mới. “Ngồi mặc áo ướt không tốt đâu. Cậu sẽ bị cảm lạnh mất. Nào, để tôi giúp cậu cởi áo khoác.”

Joe Voi thoải mái thu người trên ghế. “Tôi ổn mà,” chàng bướng bỉnh nói.

Thím Ignacia rót cho mình một cốc nữa. Bếp lửa tạo ra một thanh âm dồn dập nhịp nhàng đệm theo tiếng nước dội trên mái nhà.

Joe Voi tuyệt đối không có cử chỉ nào để tỏ ra thân thiện, ga-lăng, ngay cả để ghi nhận sự hiện diện của nữ chủ nhân. Chàng nốc rượu ừng ực. Chàng mỉm cười ngo ngẩn với cái bếp lò. Chàng bập bênh trên ghế.

Giận dữ và tuyệt vọng trỗi lên trong lòng thím Tia Ignacia. “Cái con lợn này,” thím nghĩ, “cái đồ to xác bẩn thỉu này. Thà mang một con bò cái vào nhà để trú mưa còn tốt hơn.

Người khác ít nhất còn nói vài lời thân thiện.” Joe Voi lại chìa cốc ra để được rót đầy.

Lúc này thím Tia Ignacia dốc hết sự quả cảm. “Trong một căn nhà nhỏ ấm áp với niềm hạnh phúc trong một đêm như thế này,” thím nói, “khi mưa đang rơi rơi và bếp lò cháy êm đềm, khi đó là lúc người ta cảm thấy tình thân ái. Cậu không cảm thấy thân ái sao?”

“Có chứ,” Joe Voi nói.

“Có lẽ là cái đèn này chói mắt cậu quá,” thím e lệ nói. “Cậu có muốn tôi tắt đèn đi không?”

“Tôi không sao,” Joe Voi nói, “nhưng nếu chị muốn tiết kiệm dầu thì cứ tắt đi.”

Thím thối tắt đèn, căn phòng trườn vào bóng tối. Rồi thím về ghế của mình ngồi đợi sự ga-lăng của chàng thức tỉnh. Thím có thể nghe thấy tiếng chàng nhẹ nhàng đong đưa ghế. Một chút ánh sáng thoát ra từ các khe hở của lò sưởi chiếu vào những góc lấp lánh của đồ đạc. Căn phòng gần như sáng ấm lên. Thím nghe tiếng ghế của chàng ngừng đong đưa nên chuẩn bị dốc sức để chống cự chàng. Nhưng chẳng có gì xảy ra.

“Nghĩ mà xem,” thím nói, “cậu có thể đang ở ngoài trời dưới cơn bão này, run cầm cập trong một túp lều hay nằm trên cát lạnh lẽo bên dưới một chiếc xuồng. Nhưng không; cậu đang ngồi trên một cái ghế tử tế, uống rượu ngon, và có một người đàn bà bên cạnh làm bạn.”

Không có câu trả lời từ phía Joe Voi. Thím không thể nghe mà cũng không nhìn thấy hắn. Tia Ignacia cạn cốc. Thím ném đức hạnh cho gió cuốn. “Bạn của mình, Cornelia Ruiz, đã kể với mình rằng vài người bạn tốt nhất của cô ấy đến với cô ấy để trú mưa và tránh lạnh. Cô ấy chăm sóc họ, và họ trở thành bạn tốt của cô ấy.”

Có một tiếng vỡ nhỏ vọng đến từ hướng của Joe Voi. Thím biết là chàng đã làm rơi cốc, nhưng không có cử động nào theo sau tiếng rơi vỡ. “Có lẽ cậu ấy ốm,” thím nghĩ. “Có thể cậu ấy đã ngất.” Thím nhảy dựng lên, đánh một que diêm và châm bắc đèn. Đoạn thím ngoảnh sang vị khách của mình.

Joe Voi ngủ say như chết. Hai chân chàng sõng soài ở phía trước. Đầu chàng ngả ra phía sau còn mồm há hốc. Trong lúc thím nhìn, ngỡ ngàng và kinh ngạc, một tiếng ngáy ròn rảng âm ỉ phát ra từ mồm chàng. Joe Voi đơn giản là không thể

không ngủ khi ẩm áp và thoải mái.

Phải một lúc thím Tia Ignacia mới có thể giữ trật tự cho những cảm xúc đang dâng trào. Thím thừa kế khá nhiều dòng máu da đỏ trong người. Thím không kêu la. Không, tuy đang run lên vì tức giận, thím đi lại thùng củi của mình, rút ra một que vừa tay, ướm thử cân nặng, đặt nó xuống và rút ra một thanh khác. Rồi thím từ từ quay sang Joe Voi. Cú nện đầu tiên trúng vai chàng, làm chàng bắn ra khỏi ghế.

“Đồ lợn!” Thím Tia Ignacia gầm lên. “Đồ rác rưởi bản thủ to xác! Cút ra ngoài bùn kia đi!”

Joe lăn tròn trên sàn. Cú nện tiếp theo để lại một vệt bùn trên đất quần chàng. Bấy giờ Joe Voi nhanh chóng tỉnh dậy. “Hử?” chàng nói. “Chuyện gì vậy? Chị đang làm gì thế?”

“Tôi sẽ cho cậu xem,” thím gào lên. Thím mở toang cửa và lao vào chàng. Joe Voi loạng choạng đứng dậy dưới trận đòn. Thanh củi nện vào lưng, vào vai, vào đầu chàng. Chàng chạy ra khỏi cửa, hai tay bưng đầu.

“Đừng,” chàng van vãn. “Đừng làm vậy mà. Có chuyện gì thế?”

Nữ thần cuồng nộ bám theo chàng như con ong vò vẽ, xuống lối đi ra vườn và ra con đường sình lầy. Cơn giận của thím thật khủng khiếp. Thím đuổi chàng chạy dọc theo đường, vẫn tiếp tục nện chàng.

“Hãy,” chàng la lên. “Đừng đánh.” Chàng tóm lấy thím và ôm chầm thím lại; hai cánh tay thím vùng vẫy kịch liệt để thoát ra nhằm tiếp tục ra đòn.

“Ồi, đồ lợn thối tha bỉ ổi!” thím gào. “Ồi, đồ bò cái.”

Không thể nào buông thím ra mà không bị đánh thêm, nên chàng ôm ghì lấy thím; và khi đứng đó, ái tình chợt đến với Joe Voi. Nó ngân lên trong đầu chàng; nó gầm rú xuyên qua thân thể chàng như một ngọn suối lớn tuôn trào; nó lay

chuyển chàng như một cơn bão nhiệt đới làm lung lay một khu rừng cọ. Chàng ôm thím chặt một hồi lâu, cho đến khi cơn giận của thím nguôi đi.

Đêm ấy, ở Monterey, có một viên cảnh sát đi tuần dọc theo các con đường trên một chiếc mô-tô để đảm bảo rằng những điều tốt lành không trở thành điều xấu. Jake Lake bấy giờ đang chạy loanh quanh, áo mưa của ông sáng nhờ nhờ, trông như đá bazan. Ông vừa rầu rĩ vừa khó chịu. Trên những con đường có lát đá thì không đến nỗi quá tệ, nhưng một phần lộ trình của ông phải đi qua những con đường sinh lầy của Tortilla Flat, và ở đó bùn vàng văng tung tóe. Ngọn đèn nhỏ của ông lấp lóe. Chiếc mô-tô chạy giật cục vì găng sức.

Bất thình lình Jake Lake thốt lên kinh ngạc và dừng mô-tô lại. “Thật quái quỷ. Cái nước mẹ gì đây hả trời?”

Joe Voi xoay cổ lại. “Ồ Jake, có phải là ông không? Nghe này, Jake, nếu như ông định tống cổ hai chúng tôi vào tù thì ông có thể đợi một chút được không?”

Viên cảnh sát quành xe lại. “Các người tránh ra khỏi đường mau,” ông nói. “Người ta chạy tới cán bẹp bây giờ.”

Chiếc mô-tô của ông gào rú trong đám sinh, rồi ánh đèn lấp loáng của xe ông biến mất sau góc đường. Mưa rơi lộp bộp nhẹ nhàng giữa muôn trùng cây cối của Tortilla Flat.

XII

Các bạn của Danny giúp Cướp Biển giữ lời thề như thế nào, và, để tưởng thưởng, bầy chó của Cướp Biển nhìn thấy linh ảnh Thánh Francis ra sao.



Chiều nào cũng thế Cướp Biển đẩy chiếc xe cút-kít trống không của mình lên đồi rồi vào sân nhà Danny. Hắn dựa nó vào hàng rào, lấy bao tải phủ lại; rồi hắn chôn rìu xuống đất, vì, như mọi người đều biết, thép được chôn thì sẽ cứng hơn nhiều. Cuối cùng, hắn vào trong nhà, thò tay vào cái túi Bull Durham^[40] đeo trên sợi dây quanh cổ, lấy ra đồng hai mươi lăm xu của ngày hôm đó đưa cho Danny. Rồi Danny và Cướp Biển cùng bất kỳ người bạn nào đang tình cờ có mặt ở nhà long trọng tiến vào phòng ngủ, giẫm lên chần ga bừa bãi trên sàn. Trong khi các paisano đứng nhìn, Danny thò tay xuống dưới gối, lấy cái túi vải ra và bỏ đồng hai mươi lăm xu mới vào đó. Nghi thức này đã tiếp diễn được một quãng thời gian khá dài.

Túi tiền đã trở thành biểu tượng trung tâm của tình bằng hữu, tâm điểm của lòng tin cậy mà tình huynh đệ xoay quanh. Họ tự hào về món tiền, tự hào rằng họ không bao giờ táy máy nó. Xung quanh việc bảo vệ tiền của Cướp Biển, một cơ chế tự tôn mà không hề tự mãn đã hình thành. Thật tốt khi người ta được tin cậy. Món tiền này đã từ lâu thôi không còn là tiền trong tư tưởng của những người bạn. Quả là đã có lúc họ mơ tưởng món tiền đó mua được bao nhiêu rượu, nhưng sau một

thời gian họ đã mất đi ý niệm rằng nó là tiền tệ. Kho tàng ấy nhằm để mua một giá nển bằng vàng, và cái giá nển tương lai này sẽ là tài sản của Thánh Francis de Assisi. Lừa một vị thánh thì tệ hại hơn nhiều so với việc giỡn mặt với pháp luật.

Một tối nọ, theo một bức điện nhanh và chính xác nhưng không ai hiểu, có tin rằng một tàu tuần duyên đã mắc cạn ở bãi đá gần Carmel. Joe Voi đi vắng vì có việc riêng, nhưng Danny, Pablo, Pilon, Jesus Maria và Cướp Biển cùng bầy chó hân hoan cất bước xuống đồi; vì nếu có điều gì mà họ yêu thích, thì đó là nhặt những vật dụng còn dùng được trên bãi biển. Họ nghĩ đây là việc lý thú nhất trên đời. Mặc dù tới hơi muộn, họ làm bù lại cho quãng thời gian đã mất. Cả đêm những người bạn loanh quanh trên bãi biển, cốp nhặt được một đồng kha khá hàng hóa trôi giạt, một thùng bơ năm cân^[41], nhiều thùng đồ hộp, một cuốn sách hàng hải sũng nước, hai áo khoác thủy thủ, một thùng nước từ một thuyền cứu sinh và một súng máy. Tới khi trời hửng sáng, họ đã gom được một đồng đáng kể.

Họ đổi số đồ đạc này lấy tổng cộng năm đô-la từ một trong những người đứng xem, vì không thể bàn đến việc khênh toàn bộ chỗ đồ nặng nề ấy hơn sáu dặm đường dốc đứng tới Tortilla Flat.

Bởi vì hôm đó không đi đốn củi nên Cướp Biển nhận một đồng hai mươi lăm xu từ Danny mà hất bỏ vào cái túi Bull Durham. Rồi một nhòai nhưng với niềm hạnh phúc ấm áp và lòng đầy háo hức, họ cất bước vượt qua những ngọn đồi tới Monterey.

Về đến nhà Danny thì đã chiều. Theo nghi thức Cướp Biển mở túi đưa đồng hai mươi lăm xu cho Danny. Cả hội hành quân sang phòng bên kia. Danny thò tay vào dưới gối – nhưng

rút ra trống rỗng. Chàng lật gối lên, lật đệm lên, rồi từ từ quay sang các bạn, mắt chàng chột dữ dằn như mắt hổ. Chàng nhìn từ mặt người này sang mặt người kia, trên mỗi gương mặt người ta thấy nỗi kinh hoàng và căm phẫn không thể bắt chước.

“Được rồi,” chàng nói, “ – được rồi.” Cướp Biển bắt đầu thút thít. Danny choàng tay qua vai hắn. “Đừng khóc, người bạn nhỏ,” giọng chàng như báo trước điềm xấu. “Cậu sẽ có lại tiền của mình.”

Các *paisano* lặng lẽ ra khỏi phòng. Danny bước ra sân, tìm một khúc gậy gỗ thông dài ba bộ, thử vung vẩy. Pablo đi vào bếp, khi trở ra mang theo một cái khay đồ hộp cỡ lớn sủi có lưỡi rất ghê rợn. Jesus Maria lòi từ bên dưới sàn nhà ra một cán cuốc chim gãy. Cướp Biển nhìn họ sững sờ. Tất cả bọn họ quay trở lại vào nhà lặng lẽ ngồi xuống.

Cướp Biển lấy ngón tay cái trở xuống đồi. “Nó hả?” hắn hỏi.

Danny chậm chậm gặt đầu. Mắt chàng bí ẫn, đầy vẻ chết chóc. Cầm chàng vênh lên, và khi chàng ngồi trên ghế, toàn bộ cơ thể chàng hơi lắc lự, như một con rắn chuông đang chuẩn bị nhắm mồi.

Cướp Biển đi ra sân đào rìu lên.

Họ ngồi trong nhà một hồi lâu. Không lời nào được nói ra, nhưng một làn sóng thịnh nộ lạnh lẽo tràn qua rồi ngự trị trong căn phòng. Cảm giác trong nhà là cảm giác của một tảng đá khi ngòi nổ đang cháy dần về phía khối thuốc nổ.

Chiều tàn, mặt trời khuất sau đồi. Cả Tortilla Flat dường lặng thinh và bồn chồn.

Nghe tiếng chân ngoài đường, họ siết chặt cây gậy của mình. Joe Voi lão đảo đi lên hàng hiên vào lối cửa trước. Trong tay chàng là một ga-lông rượu. Mắt chàng bồn chồn

đảo từ gương mặt này sang gương mặt kia, nhưng các bạn ngồi yên và không nhìn thẳng chàng.

“Chào cả nhà,” Joe Voi lên tiếng.

“Chào,” Danny nói. Chàng đứng dậy, uể oải vươn vai. Chàng không nhìn Joe Voi; chàng không đi thẳng về phía Joe mà đi xéo, như để đi ngang qua mặt Joe. Khi Joe ở ngang tầm ngực, chàng ra đòn với tốc độ của một con rắn mổ mồi. Cây gậy giáng trúng phía sau đầu của Joe Voi, và Joe Voi đổ xuống, gục hoàn toàn.

Danny thận trọng lấy một sợi dây da thô trong túi ra cột các ngón tay cái của chàng người Bồ lại với nhau. “Giờ thì hắt nước,” chàng nói.

Pablo tạt một xô nước vào mặt Joe Voi. Joe quay đầu, duỗi cổ ra như một con gà, rồi mở mắt lơ mơ nhìn các bạn mình. Họ không nói với chàng tiếng nào. Danny ước lượng khoảng cách một cách cẩn thận, như một tay golf so trái banh. Gậy của chàng quật lên vai Joe Voi; rồi sau đó những người bạn tiến hành công việc một cách lạnh lùng và có phương pháp. Jesus Maria nắm cặp giò, Danny nắm vai và ngực. Joe Voi tru lên, lăn lộn trên sàn. Họ phủ khắp người chàng từ cổ trở xuống. Mỗi cú đánh tìm được một chỗ chưa dính đòn để quật vào đó. Tiếng gào rú tắt dần. Cướp Biển đứng đó bất lực, khư khư chiếc rìu.

Cuối cùng, khi toàn bộ mặt trước cơ thể Joe Voi là một khối bầm dập, họ ngừng tay. Pablo quỳ xuống ngay đầu Joe Voi với cái khui đồ hộp. Pilon tháo giày của chàng người Bồ và lại cầm gậy lên.

Khi ấy Joe Voi rú lên sột hãi. “Tôi chôn ngoài cổng trước,” chàng kêu. “Vì Chúa, xin đừng giết tôi.”

Danny và Pilon ra ngoài cổng trước, chỉ vài phút sau họ trở

lại, xách theo túi vải. “Mi lấy ra bao nhiêu?” Danny hỏi.

Giọng chàng thẳng băng.

“Chỉ bốn đồng thôi, thế có đức Chúa trời. Tôi chỉ lấy có bốn đồng, tôi sẽ làm việc để trả lại.”

Danny quỳ xuống, túm lấy vai Joe và đẩy chàng nằm sấp trở lại. Rồi những người bạn tiếp tục công việc ở mặt lưng với cùng sự chính xác chết người như vậy. Những tiếng kêu khóc yếu dần đi, nhưng công việc chỉ ngừng lại khi Joe Voi bị đánh đến bất tỉnh nhân sự. Rồi Pilon xé toạc cái áo sơ-mi xanh phờ ra tẩm lưng thô nhão. Chàng dùng cái đồ khui hộp rạch những đường chéo song song trên da thật khéo đến nỗi mỗi đường cào là máu tươm ra một ít. Pablo mang muối đến giúp Pilon xát vào khắp cái lưng nát bươm.

Cuối cùng Danny ném một tấm chăn đậy kẻ bất tỉnh lại.

“Tôi nghĩ giờ thì hẳn sẽ trung thực,” Danny nói.

“Mình nên đếm tiền,” Pilon đề nghị. “Lâu rồi mình chưa đếm.” Họ mở ga-lông rượu của Joe Voi ra rót đầy các hũ trái cây, vì công việc đã làm họ mệt nhoài, và cảm xúc của họ đã cạn kiệt.

Họ đếm những đồng hai lăm xu thành từng đống mười, và rồi hào hứng đếm một lần nữa. “Ôi Cướp Biển,” Danny kêu lên, “được một nghìn linh bảy đồng! Thời gian tích lũy của cậu đã hết. Đã đến ngày cậu đi mua giá nển dâng Thánh Francis!”

Ngày hôm ấy đã quá nhiều sự kiện đối với Cướp Biển. Hắn đi vào trong góc với bầu chó của mình, gục đầu xuống con Fluff và òa khóc nức nở. Lũ chó bồn chồn quanh quần, chúng liếm tai hắn, lấy mũi ẩ vào đầu hắn; nhưng Fluff, cảm nhận được niềm vinh dự của kẻ được chọn, nằm yên và cọ cọ đám lông dày lên cổ Cướp Biển.

Danny bỏ tất cả tiền trở lại túi, đoạn cất túi trở lại dưới gối

mình.

Bấy giờ Joe Voi đã hồi tỉnh và rên rỉ, vì muối đang ngấm vào lưng. Các *paisano* không chú ý đến chàng; cho đến lúc, Jesus Maria, con mỗi của lòng nhân ái ấy, cởi trói cho hai ngón tay trở của Joe Voi và đưa cho chàng một hũ rượu. “Ngay cả kẻ thù của Đấng Cứu Thế cũng còn cho ngài chút tiện nghi,” chàng tự bào chữa.

Hành động ấy chấm dứt sự trừng phạt. Những người bạn dịu dàng xúm xít quanh Joe Voi. Họ đặt chàng nằm trên giường Danny gột muối khỏi các vết thương. Họ đặt vải lạnh lên đầu chàng và luôn giữ cho hũ rượu của chàng được đầy. Joe Voi rên rỉ mỗi khi họ chạm vào. Đạo đức của chàng có thể không suy suyển, nhưng có thể an toàn mà tiên đoán rằng chàng sẽ không bao giờ dám ăn cắp từ các *paisano* nhà Danny nữa.

Cơn kích động của Cướp Biển đã qua. Hấn uống rượu, mặt hấn sáng lên khoan khoái khi nghe Danny lên kế hoạch cho hấn.

“Nếu ta mang tất cả chỗ tiền vào thị trấn, tới ngân hàng, người ta sẽ nghĩ rằng ta ăn trộm từ máy đánh bạc. Chúng ta phải mang số tiền này đến cho Cha Ramon và kể với Cha. Rồi ông sẽ đi mua cái giá nển bằng vàng, ban phước cho nó, và Cướp Biển sẽ đi nhà thờ. Có lẽ Cha Ramon sẽ nói đôi lời về cậu ấy vào ngày Chủ nhật. Cướp Biển phải ở đó để nghe.”

Pilon ngao ngán nhìn quần áo rách rưới bẩn thỉu của Cướp Biển. “Ngày mai,” chàng nghiêm khắc nói, “cậu phải mang bảy đồng xu thừa đi mua một ít đồ tử tế. Ngày thường những thứ này có thể tạm được, nhưng vào một dịp như thế này cậu không thể đi nhà thờ trông như một con chuột cống. Như thế thì cậu sẽ làm mất mặt các bạn cậu.”

Cướp Biển tươi cười với chàng. “Mai tôi sẽ đi,” hắn hứa.

Sáng hôm sau, giữ đúng lời hứa, hắn đi xuống Monterey. Hắn mua sắm cẩn thận và mặc cả với một vẻ sành sỏi đến mức thật khó tin là hơn hai năm qua hắn chẳng mua thứ gì. Hắn đắc thắng quay trở về nhà Danny, mang theo một chiếc khăn tay lụa lớn màu tía chen xanh lục và một cái thắt lưng bản to đính đầy những hạt thủy tinh màu. Các bạn của hắn trầm trồ những món hắn mua.

“Nhưng cậu định mặc gì?” Danny thất vọng hỏi. “Hai ngón chân cậu thò ra khỏi cái chổ mũi giày mà cậu khoét lỗ để khỏi bị cọ vào chổ viêm kẽ chân. Cậu có mỗi một cái áo liền quần đã rách và chẳng có mũ gì cả.”

“Chúng ta sẽ cho cậu ấy mượn quần áo,” Jesus Maria nói. “Tôi có áo khoác ngoài và áo veston. Pilon có cái mũ đẹp của cha anh ấy. Còn huynh, Danny, huynh có một cái sơ-mi và Joe Voi có cái quần màu xanh khá tốt.”

“Nhưng vậy thì chúng ta sẽ không đi được,” Pilon phản đối.

“Đó có phải giá nển của chúng ta đâu,” Jesus Maria nói. “Cha Ramon chắc là không thể nói gì tốt đẹp về chúng ta được.”

Chiều hôm đó họ chuyển kho báu đến nhà vị linh mục.

Ông lắng nghe câu chuyện về con chó bị ốm, và mắt ông dịu đi. “... thế rồi, thưa Cha,” Cướp Biển nói, “có một con chó nhỏ rất ngoan, nhưng mũi nó khô, mắt nó giống như những chai thủy tinh vớt lên từ biển, và nó rên rĩ bởi vì nó đau đớn trong người. Thế rồi, thưa Cha, con hứa dâng một cái giá nển vàng đáng giá một nghìn ngày làm việc lên Thánh Francis. Ngài quả thực là người bảo trợ của con, thưa Cha. Và rồi phép lạ xảy ra. Vì con chó đó vẫy đuôi ba lần, và ngay lập tức nó bắt đầu bình phục. Đó là phép lạ của Thánh Francis, phải không,

thưa Cha?”

Vị linh mục gật đầu nghiêm trang. “Đúng thế,” ông nói. “Đó là phép lạ mà vị thánh nhân hậu Francis của chúng ta gửi đến. Cha sẽ mua giá nến cho con.”

Cướp Biển rất vui mừng, vì khi lời nguyện cầu của một người được đáp lại bằng một phép lạ đích thực, ấy chẳng phải là chuyện nhỏ. Nếu chuyện này được bàn tán xôn xao, Cướp Biển hẳn sẽ có một vị thế cao hơn ở Tortilla Flat. Các bạn hẳn đã nhìn hẳn bằng một sự tôn trọng mới mẻ rồi. Họ không bận tâm đến trí thông minh của hẳn như ngày trước nữa; họ biết rằng cái trí khôn còm cõi của hẳn được bổ sung bằng tất cả quyền năng của Thiên đàng và tất cả sức mạnh của các vị thánh.

Họ đi ngược về nhà Danny, lũ chó theo sau. Cướp Biển cảm thấy rằng hẳn đã được gội rửa bằng nước hoàng kim đại phúc. Những luồng khoái lạc nóng, lạnh rượt đuổi nhau qua cơ thể hẳn. Các *paisano* mừng rỡ vì họ đã canh gác cho tiền của hẳn, vì chính họ cũng đã được hưởng chút thiêng liêng trong hành động đó. Pilon nhẹ người vì chàng đã không ăn trộm món tiền ấy ngay từ đầu. Ai mà biết được những chuyện khủng khiếp nào có thể xảy ra nếu chàng lấy những đồng hai mươi lăm xu thuộc về một vị thánh ấy! Tất cả các người bạn đều trầm lặng như thể họ đang ở trong nhà thờ.

Năm đô-la có được từ vụ vớt hàng năm như lửa bỏng trong túi của Danny, nhưng giờ chàng biết chàng phải làm gì với nó. Chàng và Pilon đi ra chợ mua bảy cân thịt lợn xay, một túi củ hành, bánh mì và một gói kẹo lớn. Pablo và Jesus Maria sang nhà Torrelli kiếm hai ga-lông rượu mà không uống một giọt nào trên đường về nhà.

Đêm đó, khi bếp lửa được đốt lên và hai ngọn nến cháy trên

bàn, những người bạn tự chiêu đãi mình no căng. Đó là một bữa tiệc vinh danh Cướp Biển. Hấn đã cố cư xử thật đàng hoàng trong bữa tiệc. Mặc dù vậy, hấn cứ mỉm cười luôn miệng khi lẽ ra phải tỏ vẻ trịnh trọng. Nhưng hấn không thể không làm thế.

Sau khi cả đám ăn uống no say, họ ngồi thư giãn nhấp rượu từ các hũ trái cây. “Người bạn nhỏ của chúng ta,” họ gọi Cướp Biển như thế.

Jesus Maria hỏi, “Cậu cảm thấy thế nào khi chuyện ấy xảy ra? Cái lúc cậu hứa dâng giá nển và con chó bắt đầu hồi phục lại ấy, cậu cảm thấy sao? Cậu có nhìn thấy linh ảnh nào không?”

Cướp Biển cố nhớ. “Tôi không nghĩ vậy – có thể tôi đã thấy một chút linh ảnh nào đó – có lẽ tôi đã nhìn thấy Thánh Francis trong không trung tỏa sáng lấp lánh như vàng dương...”

“Cậu không nhớ chuyện đó sao?” Pilon hỏi

“Có – tôi nghĩ tôi nhớ – Thánh Francis nhìn tôi – và ngài mỉm cười, vì ngài là vị thánh nhân hậu. Rồi tôi biết phép lạ đã được thực hiện. Ngài nói, “Hãy đối xử tốt với những con chó nhỏ, kẻ bắn thủ kia.”

“Ngài gọi cậu như vậy sao?”

“Chà, thì tôi bắn thủ, và ngài mà nói đối thì sao là thánh được!”

“Tôi nghĩ là cậu chả hề nhớ chuyện đó,” Pablo nói.

“Thì, có thể là không. Nhưng tôi vẫn nghĩ là tôi có nhớ,” Cướp Biển đã ngà ngà vì hạnh phúc từ niềm vinh dự và sự chú ý.

“Bà ngoại tôi đã nhìn thấy Đức Mẹ Đồng Trinh,” Jesus Maria nói. “Bà ốm gần chết, và chính tai tôi nghe bà kêu. Bà kêu, ‘Ôi

chao. Con nhìn thấy Đức Thánh Mẹ. Ôi chao. Đức Mẹ Maria của con, đầy ân phước.’ ”

“Một số người được chọn để nhìn thấy những sự này,” Danny nói. “Cha tôi không phải là người tốt lắm, nhưng đôi khi ông nhìn thấy các vị thánh, và đôi khi nhìn thấy ma quỷ. Tùy vào ông tốt hay xấu khi nhìn thấy họ. Cậu có bao giờ nhìn thấy những linh ảnh nào khác không Cướp Biển?”

“Chưa,” Cướp Biển nói. “Thấy thêm gì nữa tôi sẽ sợ lắm ấy.”

Lâu lắm rồi mới có một bữa tiệc ra trò như thế. Những người bạn biết rằng đêm nay họ không có một mình. Xuyên qua các bức vách, các cửa sổ và mái nhà họ có thể cảm thấy ánh mắt của các vị thánh linh thiêng đang nhìn xuống họ.

“Chủ nhật giá nển của cậu sẽ ở đó,” Pilon nói. “Bọn tôi không thể đi, vì cậu sẽ mặc quần áo của bọn tôi. Tôi không chắc là Cha Ramon sẽ nhắc đến tên cậu, nhưng có thể Cha sẽ nói gì đó về cái giá nển. Cậu phải cố nhớ những gì cha nói nhé Cướp Biển, để rồi còn nói lại với bọn tôi.”

Pilon chột nghiêm nghị. “Hôm nay, người bạn nhỏ của tôi ạ, quanh nhà Cha Ramon đầy những chó. Hôm nay thì được, nhưng cậu phải nhớ Chủ nhật này đừng có tha chúng đến nhà thờ. Lũ chó ấy đến nhà thờ thì không phù hợp đâu nhé. Phải để chúng ở nhà.”

Trông Cướp Biển có vẻ thất vọng. “Chúng muốn đi,” hắn kêu lên. “Làm thế nào mà tôi bỏ chúng lại được? Tôi có thể bỏ chúng ở đâu bây giờ?”

Pablo kinh ngạc. “Trong chuyện này từ đầu đến giờ cậu đã cư xử đúng mực, Cướp Biển nhỏ bé ạ. Giờ là đến giờ chó, cậu lại muốn phạm điều báng bổ sao?”

“Tôi đâu dám,” Cướp Biển nhún nhường nói.

“Vậy thì để bầy chó của cậu ở lại đây, bọn tôi sẽ chăm sóc

chúng. Mang chúng đến nhà thờ là hành vi báng bổ.”

Thật lạ kỳ, đêm hôm ấy họ uống nhưng lại tỉnh táo làm sao. Thậm chí phải sau ba tiếng đồng hồ họ mới hát một bài hát tục tĩu. Khi ý nghĩ của họ lạc sang những ả đàn bà dễ dãi thì đã khuya. Và tới lúc đầu óc họ chuyển sang đánh đấm thì họ gần như quá buồn ngủ nên chẳng đánh đấm gì được. Đêm nay là một cột mốc tuyệt tốt trong đời họ.

Sáng Chủ nhật, công việc chuẩn bị rất tưng bừng nhộn nhịp. Họ tắm rửa cho Cướp Biển rồi kiểm tra tai và lỗ mũi hắn. Joe Voi, quấn mình trong một tấm chăn, nhìn Cướp Biển tròng cái quần xec màu xanh của mình vào. Pilon mang mũ của cha mình ra. Họ thuyết phục Cướp Biển đừng đeo cái thắt lưng khảm đá bên ngoài áo khoác, và chỉ cho hắn cách hé vạt áo khoác để các viên đá thỉnh thoảng có thể lóe lên. Vấn đề giày là đau đầu nhất. Joe Voi có đôi giày duy nhất đủ to cho Cướp Biển nhưng giày của chàng ta thậm chí còn tẻ hơn giày của Cướp Biển. Khó khăn nằm ở chỗ mấy cái lỗ được khoét để các ngón chân thò ra cho mấy nốt viêm kẽ chân được thoải mái. Rốt cuộc Pilon giải quyết được sự vụ bằng một ít bồ hóng lấy bên trong bếp lò. Bôi kỹ lên da, bồ hóng làm người ta khó mà phát hiện ra cái lỗ khoét dành cho nốt viêm.

Cuối cùng Cướp Biển đã sẵn sàng; cái mũ của cha Pilon đội lệch trên đầu, sơ-mi của Danny, quần của Joe Voi, chiếc khăn vuông to trùm quanh cổ, và thỉnh thoảng, có ánh lóe sáng của cái thắt lưng nạm đá. Hắn đi lại cho các bạn kiểm tra, và họ sẫm soi hắn ra trò.

“Nhắc chân lên, Cướp Biển.”

“Đừng có lê gót.”

“Đừng mân mê cái khăn cổ nữa.”

“Người nào gặp cậu sẽ nghĩ rằng cậu không quen mặc đồ

đẹp.”

Cuối cùng Cướp Biển quay sang các bạn. “Giá mà lũ chó có thể đi cùng tôi,” hắn phàn nàn. “Tôi sẽ bảo chúng không được vào trong nhà thờ.”

Nhưng các *paisano* rất cứng rắn. “Không,” Danny nói. “Chúng vẫn có thể chui vào được. Bọn tôi sẽ giữ chúng ở nhà cho cậu.”

“Chúng không thích đâu,” Cướp Biển vót vát. “Chắc là chúng sẽ cô đơn.” Hắn quay sang bầy chó trong góc. “Chúng mà phải ở lại đây,” hắn nói. “Chúng mà đi nhà thờ thì không hay lắm. Ở lại đây với các bạn tao tới lúc tao về nhé.” Rồi hắn lách ra, đóng cánh cửa sau lưng. Ngay lập tức trong nhà tiếng sữa, tiếng tru hoang dại rền rĩ rộ lên. Duy nhờ niềm tin vào sự xét đoán của các bạn mà Cướp Biển không quy hàng.

Ra đường, hắn cảm thấy mình trần trụi và không được bảo vệ khi không có lũ chó đi cùng. Cứ như thể một trong những giác quan của hắn biến mất. Hắn sợ đi ra ngoài một mình. Ai cũng có thể tấn công hắn. Nhưng hắn dũng cảm bước đi, xuyên qua thị trấn, về phía nhà thờ San Carlos.

Lúc này, trước khi buổi lễ bắt đầu, những cánh cửa lật hai chiều còn mở. Cướp Biển nhúng đầu ngón tay vào chậu nước thánh bằng cẩm thạch, làm dấu thánh, quỳ trước Đức Mẹ Đồng Trinh, vào bên trong nhà thờ, làm phận sự trước bệ thờ rồi ngồi xuống. Nhà thờ sâu và khá tối, nhưng bệ thờ trên cao có nhiều ngọn nến cháy bập bùng. Trước các bức hình ở hai bên hông nhà thờ, những ngọn đèn thờ cúng cũng sáng. Mùi hương trầm ngòn ngọt loang khắp nhà thờ.

Cả một hồi lâu Cướp Biển ngồi nhìn bệ thờ, nhưng nó quá xa xôi, quá linh thiêng nên hắn không thể nghĩ quá nhiều về nó; cái bệ thờ, quá xa cách đối với một kẻ nghèo. Mắt hắn

kiếm tìm một thứ gì đó ấm áp hơn, một thứ gì không làm hấn sợ hãi. Kia rồi, ngay trước tượng Thánh Francis, là một giá nến bằng vàng tuyệt đẹp trong đó có một ngọn nến đang cháy.

Cướp Biển thở một hơi dài, háo hức. Mặc dù mọi người đã vào trong, cửa đã đóng, buổi lễ đã bắt đầu và Cướp Biển làm theo nghi thức lễ, hấn không thể ngừng ngắm vị thánh của mình và cái giá nến. Nó đẹp quá. Hấn không thể tin rằng chính mình, Cướp Biển, đã dâng nó. Hấn cố nhìn gương mặt của vị thánh để xem Thánh Francis có thích cái giá nến không. Hấn chắc chắn rằng trong ảnh, vị thánh thỉnh thoảng hơi mỉm cười, nụ cười thường trực của người hay nghĩ đến những điều dễ chịu.

Cuối cùng bài giảng bắt đầu. “Trong nhà thờ có một vẻ đẹp mới,” Cha Ramon cất tiếng. “Một trong những người con của nhà thờ đã dâng một giá nến bằng vàng để vinh danh Thánh Francis.” Rồi cha kể câu chuyện về con chó, cố ý kể một cách khá ngắn gọn. Nhìn các giáo dân, cha thấy những nụ cười mỉm trên mặt họ. “Đây là không phải là một chuyện đáng buồn cười,” cha nói. “Thánh Francis yêu những con vật rất nhiều, đến nỗi ngài còn giảng thuyết cho chúng.” Rồi Cha Ramon kể câu chuyện về con sói tồi tệ vùng Gubbio, câu chuyện về những con chim gáy hoang và về những con chim chiến chiến. Cướp Biển nhìn cha đầy ngưỡng mộ suốt bài giảng.

Đột nhiên một âm thanh dồn dập vọng vào từ cửa. Có tiếng sủa âm ỉ và tiếng cào cửa sột soạt. Cánh cửa bung ra, rồi lao vào là Fluff, Rudolph, Enrique, Pajarito và Señor Alec Thompson. Chúng ngếch mũi lên, rồi tranh nhau lao về phía Cướp Biển. Chúng vừa chồm lên người hấn vừa kêu rên ư ử.

Chúng vây quanh hắn.

Vị linh mục ngừng nói, nghiêm nghị nhìn xuống đám lộn xộn. Cướp Biển nhìn lên bất lực, đau khổ. Thôi thế là hết, đã phạm phải điều báng bổ rồi.

Khi ấy Cha Ramon bật cười, và giáo đoàn cũng bật cười. “Mang lũ chó ra ngoài,” Cha nói. “Hãy để cho chúng chờ đến khi nào chúng ta lễ xong.”

Cướp Biển, ngượng ngùng và đầy vẻ hối lỗi, dẫn lũ chó ra ngoài. “Như vậy là sai,” hắn nói với chúng. “Tao giận chúng mày rồi. Ôi, ta thật xấu hổ về chúng mày.” Lũ chó nằm phệt xuống đất rên rĩ ra điều biết lỗi. “Tao biết chúng mày làm gì rồi,” Cướp Biển nói. “Chúng mày cắn các bạn của tao, phá vỡ cửa sổ, rồi phóng ra đây. Giờ thì nằm chờ ở đây, ôi lũ chó hư hỏng; ôi, lũ chó báng bổ.”

Hắn bỏ lũ chó rũ rượi vì đau khổ và ăn năn ở bên ngoài rồi quay vào trong nhà thờ. Mọi người, vẫn còn đang cười, quay lại nhìn hắn, cho đến lúc hắn rúc vào chỗ của mình và cố thu mình hết cỡ.

“Con không phải xấu hổ,” Cha Ramon nói. “Con được lũ chó yêu quý, và con cũng yêu quý chúng, ấy không phải là tội lỗi. Hãy xem Thánh Francis được các con vật yêu như thế nào.” Rồi ông kể thêm nhiều câu chuyện về vị thánh nhân từ ấy nữa.

Cướp Biển thôi ngượng ngùng. Mãi hắn mấp máy. “Ôi,” hắn nghĩ, “giá mà lũ chó nghe được chuyện này. Chúng sẽ vui mừng nếu chúng biết được tất cả những chuyện này.” Khi buổi giảng đạo đã xong, tai hắn vẫn còn ngân lên những câu chuyện ấy. Hắn cứ bất giác làm theo các nghi thức nhưng hắn không nghe thấy lời hành lễ. Khi tan lễ, hắn lao ra cửa. Hắn là người đầu tiên ra khỏi nhà thờ. Lũ chó, vẫn còn rầu rĩ và rụt rè, vây quanh hắn.

“Lại đây,” hấn kêu. “Tao có đôi điều muốn nói với chúng mày.”

Hấn bắt đầu thoăn thoắt đi lên đồi về phía rừng thông, bầy chó nhấp nhồm chạy theo xung quanh hấn. Cuối cùng hấn đến được bìa rừng, nhưng hấn vẫn đi tiếp, đến khi tìm thấy một lối đi dài dưới những hàng thông, chỗ các tán thông trên cao giao nhau và các thân cây đứng sát gần nhau. Trong giây lát hấn nhìn quanh bắt lực.

“Tao muốn phải giống hệt như thế,” hấn nói. “Phải chi chúng mày có thể có mặt ở đó nghe Cha giảng.” Hấn chồng một phiến đá lớn lên một phiến khác. “Bây giờ, đây là hình ảnh đức thánh,” hấn bảo lũ chó. Hấn cắm một cái que nhỏ lên mặt đất. “Ngay đây là cái giá nển, có nển bên trong.”

Trảng cỏ nhuộm hoàng hôn, không gian có mùi ngòn ngọt của nhựa thông. Cây cối dịu dàng thì thào trong những làn gió thoảng. Cướp Biển trịnh trọng nói, “Bây giờ, Enrique, mày ngồi đây. Còn mày, Rudolph, ở đây. Tao muốn Fluff ở đây bởi vì nó nhỏ nhất. Pajarito, đồ ngốc nghếch, ngồi đây và đừng có gậy rắc rối gì đấy. Señor Alec Thompson, *cắm* mày nằm xuống.”

Rồi hấn xếp chúng thành hai hàng, hàng trước hai con, hàng sau ba con.

“Tao muốn kể với chúng mày chuyện đã diễn ra như thế nào,” hấn nói. “Chúng mày đã được tha tội đột nhập nhà thờ. Cha Ramon nói lần này không phải là báng bổ. Bây giờ, chú ý. Tao có chuyện để kể.”

Bầy chó ngồi tại chỗ của mình nghiêm chỉnh ngắm nhìn hấn. Señor Alec Thompson đập đập đuôi, khiến Cướp Biển phải bảo. “Đây không phải là chỗ làm việc đó,” hấn nói. “Thánh Francis không bận tâm đâu, nhưng tao không thích mày nguẩy đuôi trong lúc đang lắng nghe. Bây giờ tao sắp kể

cho chúng mày câu chuyện về Thánh Francis.”

Ngày hôm đó trí nhớ hẳn được truyền cảm hứng. Mặt trời tìm thấy những khe hở trong tán lá và ném xuống những hoa văn rõ ràng trên tấm thảm lá thông. Lũ chó kiên nhẫn ngồi, mắt chúng dán vào môi Cướp Biển. Hẳn kể lại mọi điều mà vị linh mục đã kể, tất cả các câu chuyện, mọi bình luận. Gần như không bỏ sót chữ nào.

Kể xong, hẳn nghiêm nghị nhìn bầy chó. “Thánh Francis làm tất cả những việc ấy đấy,” hẳn nói.

Cây cối rì rào. Khu rừng yên ắng và tràn ngập niềm hân hoan.

Đột nhiên có một thanh âm khe khẽ phía sau Cướp Biển. Cả bầy chó nhìn lên. Cướp Biển sợ hãi nên không quay đầu lại. Một khắc trôi qua.

Và rồi khoảnh khắc ấy kết thúc. Bầy chó hạ mắt xuống. Các ngọn cây sôi động trở lại và những hoa văn năng tưng bừng nhảy múa.

Cướp Biển hết sức hạnh phúc đến nỗi đau cả tim. “Chúng mày có nhìn thấy Ngài không?” hẳn kêu lên. “Có phải đó là Thánh Francis? Ôi chao, chúng mày phải là chó ngoan đến chừng nào mới nhìn thấy linh ảnh Ngài.”

Giọng nói của hẳn khiến bầy chó nhảy chồm lên. Chúng há mồm, ngoáy tít đuôi mừng rỡ.

XIII

Làm thế nào mà các bạn của Danny xả thân cứu giúp một phụ nữ túng quẫn.



Señora Teresina Cortez cùng tám đứa con và một bà mẹ già sống trong một căn nhà nhỏ êm đềm ở rìa của cái khe núi sâu làm nên biên giới phía nam của thị trấn Tortilla Flat.

Teresina là một thiếu phụ vóc dáng đậm đà, gần ba mươi tuổi. Mẹ của nàng, con người già nua, khô quắt và móm mém, sinh vật còn sót lại của một thế hệ dĩ vãng, thì gần năm mươi tuổi. Đã từ lâu rồi chẳng còn ai nhớ tên bà là Angelica (tức thiên thần).

Trong tuần, lúc nào bà cũng bận công bận việc, vì phận sự của bà là cho bảy trong tám đứa ăn, phạt chúng, dỗ dành, mặc quần áo và cho chúng đi ngủ. Teresina bận rộn với đứa thứ tám, và thực hiện một số sửa soạn nhất định cho đứa thứ chín.

Tuy nhiên, vào Chủ nhật, bà vận bộ đồ xa-tanh đen thậm chí còn cổ lỗ hơn chính bà, đội một cái vật u ám và chắc chắn làm bằng cối đen, trên có đính hai quả anh đào làm từ thạch cao trắng men, tung hê phận sự cho gió cuốn và quả quyết đi tới nhà thờ, ở đó bà ngồi bất động như các vị thánh trong các hốc tường. Mỗi tháng một lần, vào buổi chiều, bà đi xưng tội. Biết được bà xưng những tội gì, và bà tìm đâu ra thời gian trống để phạm những tội ấy, hẳn sẽ là điều thú vị, vì trong nhà của Teresina lúc nào cũng đầy những đứa bò, đứa lết, đứa

té nhào, đũa kêu gào, đũagiết-mèo, đũa-té-từ-trên-cây-xuống; và có thể tin là cứ mỗi hai giờ đồng hồ từng đũa trong số những tội phạm này lại đỏi ngấu đỏi nghiêng.

Chả có gì ngạc nhiên khi bà có một linh hồn lãng đãng và một thần kinh bằng thép. Bất cứ thể loại nào khác hẳn đã phải gào rú mà bắn ra khỏi thân thể của bà như những cái tên lửa nhỏ.

Về mặt đầu óc, Teresina là một phụ nữ hơi hơi có vấn đề. Cơ thể nàng là một cái bình cổ cong hoàn hảo cho việc chưng cất trẻ con. Đứa bé đầu tiên - được thụ thai khi Teresina mười bốn tuổi, là một cú sốc đối với nàng; sốc đến nỗi, nàng để nó trong một sân bóng chày vào ban đêm, gói nó trong giấy báo và để nó đó cho người gác đêm phát hiện ra. Đây là một bí mật. Ngay cả bây giờ Teresina cũng có thể gặp rắc rối nếu như chuyện vỡ lở.

Năm nàng mười sáu tuổi, ông Alfred Cortez cưới nàng rồi trao cho nàng cái họ của mình cùng hai trụ cột cho gia đình nàng, tức là Alfredo và Ernie. Ông Cortez đã vui vẻ trao cho nàng cái họ đó. Đẳng nào thì ông cũng chỉ dùng cái họ đó tạm thời. Trước khi đến Monterey và sau khi rời nơi này, họ của ông là Guggliemo. Ông bỏ đi sau khi Ernie ra đời. Có lẽ ông đã thấy trước đời sống hôn nhân với Teresina sẽ không tĩnh lặng.

Mức độ thường xuyên trở thành mẹ luôn luôn khiến Teresina kinh ngạc. Đôi khi nàng không thể nào nhớ cha của đứa bé sắp chào đời là ai; và thi thoảng nàng gần như bắt đầu tin tưởng rằng chẳng cần thiết phải có người tình nào. Trong thời gian bị cách ly vì mắc bệnh bạch hầu nàng vẫn có thai như thường. Tuy nhiên, khi một câu hỏi trở nên quá phức tạp mà đầu óc nàng không thể giải đáp được, nàng thường phó

thác vấn đề đó vào đôi cánh tay của Đức Mẹ, người mà nàng biết rằng có nhiều kiến thức hơn, cũng nhiều quan tâm và nhiều thời gian cho những vấn đề đó hơn nàng.

Teresina thường đi xưng tội. Nàng là nỗi tuyệt vọng của Cha Ramon. Thực ra Cha đã nhìn thấy trong khi đầu gối của nàng, hai bàn tay, và đôi môi của nàng ăn năn vì một tội lỗi cũ, thì cặp mắt e lệ và khêu gợi của nàng, chớp chớp dưới hàng mi vẽ, đã sắp đặt nền tảng cho một tội lỗi mới rồi.

Trong thời gian những chuyện này được kể, đứa con thứ chín của Teresina đã kịp ra đời, và hiện tại nàng không đi lại với ai. Bà cụ lãnh thêm một nhiệm vụ; Alfredo bước vào năm thứ ba của lớp một, Ernie năm thứ hai, còn Panchito lần đầu tiên đi học.

Vào khoảng thời gian này ở California, việc y tá của nhà trường đến các lớp học chất vấn bọn trẻ con những chi tiết cận kề về cuộc sống của chúng ở nhà đã trở thành một. Ở lớp một, Alfredo được gọi tới phòng hiệu trưởng, vì người ta nghĩ rằng trông nó gầy quá.

Vị y tá đến thăm – vốn được đào tạo về ngành tâm lý trẻ em – ôn tồn hỏi, “Freddie, cháu ăn có đủ không?”

“Đủ chứ,” Alfredo trả lời.

“Vậy thì bây giờ cháu nói cho cô biết buổi sáng cháu ăn gì nào.”

“Bánh bột ngô và đậu ạ,” Alfredo nói.

Cô y tá khỏ sở gật đầu với vị hiệu trưởng. “Trưa về nhà cháu ăn gì?”

“Cháu không về nhà ạ.”

“Trưa cháu không ăn gì sao?”

“Có chứ. Cháu mang theo một ít đậu kẹp trong bánh bột ngô.”

Vẻ báo động thực sự hiện ra trong cặp mắt cô y tá, nhưng cô giữ bình tĩnh. “Buổi tối cháu ăn gì?”

“Bánh bột ngô và đậu ạ.”

Ngành tâm lý học rời bỏ cô. “Ý cháu là cháu không ăn gì ngoài bánh bột ngô và đậu sao?”

Alfredo kinh hãi, “Lạy Chúa,” nó thốt lên, “cô còn muốn gì hơn nữa?”

Chẳng mấy chốc bác sĩ nhà trường cũng được nghe bản báo cáo đầy kinh hoàng của cô y tá. Một ngày nọ, ông lái xe đến nhà của Teresina để xem xét tình hình. Khi ông bước qua sân, những đứa bé bò, lết và vấp ngã đang gào thét tạo thành một bản hòa âm kinh khủng. Vị bác sĩ đứng trong cánh cửa nhà bếp để mở. Ông tận mắt thấy bà ngoại chúng đi tới bếp lò, vục một cái thìa to vào một cái nồi và vãi đậu luộc ra sàn nhà. Tức thì tiếng ồn nín bặt. Những đứa trẻ bò, lết và vấp ngã im lặng làm việc, di chuyển từ hạt đậu này sang hạt đậu kia, chỉ ngưng lại để ăn. Bà cụ quay trở về ghế của mình tận hưởng vài phút giây thanh thản. Dưới gầm giường, gầm ghế, dưới bếp lò, bọn trẻ con lỏm ngổm với sự tập trung của những con bọ nhỏ. Vị bác sĩ ở trong nhà suốt hai tiếng đồng hồ, vì mối quan tâm đến khoa học của ông bị thương tổn. Ông vừa bỏ đi vừa lắc đầu.

Ông lắc đầu hoang mang trong khi làm báo cáo. “Tôi cho chúng làm mọi xét nghiệm mà tôi biết,” ông nói, “răng, da, máu, xương, mắt, phối hợp vận động. Thưa quý vị, chúng sống trong điều kiện bị đầu độc từ từ, và chúng đã sống như thế từ lúc mới đẻ. Quý vị, tôi thưa với quý vị rằng chưa bao giờ tôi gặp những đứa trẻ con khỏe mạnh hơn thế trong đời tôi!” Cảm xúc nhấn chìm ông. “Lũ tiểu yêu,” ông kêu lên. “Tôi chưa bao giờ thấy hàm răng nào như thế trong đời mình. Tôi

chưa bao giờ thấy hàm răng nào như thế!”

Bạn sẽ băn khoăn không biết Teresina kiếm đồ ăn cho gia đình mình như thế nào. Khi các máy đập đậu rời qua, bạn sẽ thấy ở những chỗ chúng đứng đập là những đồng lớn vỏ đậu. Nếu bạn trải một tấm chăn trên nền đất, và vào một buổi chiều gió nhiều, tung vỏ đậu lên trời trên một tấm chăn, bạn sẽ hiểu các máy đập không phải là không bỏ sót. Một buổi chiều làm việc bạn có thể thu được hai mươi cân đậu hoặc hơn.

Vào mùa thu, bà cụ và những đứa trẻ đã biết đi sẽ đi vào trong các cánh đồng quạt vỏ đậu. Các chủ đất không phiền lòng, vì bà vô hại. Năm nào bà không gom được ba hay bốn trăm cân đậu, năm đó là năm tồi tệ.

Khi bạn có bốn trăm cân đậu trong nhà, bạn không phải sợ chết đói. Những thứ khác, những thứ cao cấp như đường, cà chua, tiêu, cà phê, cá hay thịt thỉnh thoảng có thể đến một cách mâu thuẫn, thông qua sự can thiệp của Đức Mẹ Đồng Trinh, đôi khi do chăm chỉ hoặc lan lợi; nhưng miễn có đậu của bạn ở đó, thì bạn an toàn. Đậu là mái nhà cho dạ dày bạn. Đậu là áo choàng ấm áp chống chọi cái lạnh về kinh tế.

Chỉ có một thứ duy nhất có thể đe dọa đời sống và hạnh phúc của gia đình Señora Teresina Cortez; đó là khi mất mùa đậu.

Khi đậu chín, những bụi cây đậu được nhổ lên chất lại thành đồng và phơi khô giòn cho máy đập. Đó là lúc cầu nguyện cho trời đừng mưa. Khi những đồng đậu nhỏ xếp thành những vệt màu vàng trên những cánh đồng sẫm màu, bạn sẽ thấy nông dân nhìn trời, trợn mắt sợ hãi với từng đám mây trôi ngang; vì nếu mưa, các đồng đậu phải được trở để phơi khô lại. Nếu lại mưa trước khi chúng khô, chúng phải

được trở lần nữa. Nếu thêm trận mưa thứ ba, đậu sẽ bị nấm mốc rồi thối rữa, và thế là mất mùa.

Khi đậu đang được phơi, bà cụ có lệ thắp một ngọn nến cho Đức Mẹ Đồng Trinh.

Vào cái năm nói tới trong câu chuyện này, đậu đang được chất thành đống và nến đã được thắp. Ở nhà Teresina, các bao tải đã được bày ra sẵn sàng.

Các máy đập đã được tra dầu và lau sạch.

Một trận mưa tuôn xuống.

Thêm người phải lao ra đồng trở những đống đậu sũng nước. Bà cụ thắp một ngọn nến khác.

Lại mưa.

Khi đó bà cụ lấy mẫu vàng nhỏ các ca các củm bao năm nay để mua hai cây nến. Cánh làm việc ngoài đồng lại trở đậu để phơi tiếp; nhưng rồi một trận mưa dai dẳng và lạnh lẽo lại tầm tã trút xuống. Khắp hạt Monterey, không một hạt đậu nào được thu hoạch. Những đống cây đậu ướt sũng được cày xới lên.

Ôi, thế là sự khốn cùng ghé chân vào căn nhà của Señora Teresina Cortez. Miếng ăn tiêu tùng; mái nhà nhỏ tan nát. Đậu, cái chân lý vĩnh cửu ấy, biến mất. Đêm, lũ trẻ kêu khóc hãi hùng trước nguy cơ chết đói đang tới. Không ai bảo chúng, nhưng chúng biết. Bà cụ ngồi trong nhà thờ, như mọi khi, nhưng môi bà mím lại, khinh khỉnh nhìn Đức Đồng Trinh. “Bà cướp nến của tôi,” bà nghĩ. “Đúng thế đấy. Bà tham nến biết bao. Ôi, bà vô tâm lắm.” Và trong hờn dỗi bà chuyển lòng trung thành của mình sang cho nữ thánh Claire. Bà kể cho nữ thánh Claire về sự bất công đã diễn ra. Bà tự cho phép mình được suy nghĩ hơi độc địa về vụ không chồng mà sinh con của Đức Đồng Trinh. “Ngài biết không, đôi khi Teresina cũng có

nhớ đâu,” bà nói với nữ thánh Claire một cách đầy ác ý.

Người ra vẫn nói rằng Jesus Maria Corcoran là một người cực kỳ nhân hậu. Chàng cũng có cái khiếu thiên bẩm mà một số nhà từ thiện sở hữu – đó là khuynh hướng bị hút tới những địa bàn cần đến bản năng của chàng. Đã bao lần chàng cứ gặp phải các nàng trẻ tuổi khi họ cần an ủi. Đối với bất cứ niềm đau hay nỗi sầu nào, chàng cũng bị hút vào một cách không cưỡng được. Chàng không đến thăm nhà Teresina nhiều tháng rồi. Nếu giữa đau khổ và sự nhân đạo không có sức hút bí ẩn nào với nhau, thì tại sao chàng lại tình cờ đến thăm nơi đó vào đúng cái ngày mà những hạt đậu cuối cùng của năm trước được cho vào nồi?

Chàng ngồi trong nhà bếp của Teresina, khẽ khàng phủi bột trẻ ra khỏi chân. Chàng nhìn Teresina bằng cặp mắt lịch sự và đau đớn khi nàng kể về tai họa. Chàng ngắm, lòng xao xuyến, khi nàng lộn trái bao đậu cuối cùng cho chàng xem không còn sót lại hạt nào. Chàng gật đầu đầy cảm thông khi nàng chỉ những đứa trẻ mà chẳng mấy chốc sẽ trở thành những bộ xương, chẳng mấy chốc sẽ chết đói.

Rồi bà cụ cay đắng thuật lại chuyện Đức Đồng Trinh đã gạt bà như thế nào. Nhưng về điểm này, Jesus Maria không thông cảm.

“Bà thì biết gì, bà già?” chàng nghiêm khắc nói. “Có khi Đức Đồng Trinh đầy ân phúc đang bận bịu chỗ khác.”

“Nhưng bà già này đã thấp đến bốn cây nến,” bà cụ nằng nặc giọng the thé.

Jesus Maria lạnh lùng nhìn bà. “Bốn cây nến thì là gì đối với Đức Mẹ?” chàng nói. “Tôi đã thấy một nhà thờ nọ, ở đó Người có hàng trăm cây nến. Người không phải là kẻ bủn xỉn khoái nến đâu.”

Nhưng đầu óc chàng cháy bỏng với vấn nạn của Teresina. Đêm hôm đó chàng trò chuyện hùng hồn và đầy lòng cảm thương với các bạn ở nhà Danny. Từ tấm lòng vĩ đại của mình chàng dệt nên một áng hùng văn thôi thúc, một thỉnh nguyện nhiệt thành cho những đứa trẻ con không có đậu ăn ấy. Bài diễn văn của chàng quá thuyết phục đến nỗi ngọn lửa trong tim chàng thắp lên ngọn lửa trong trái tim các bạn. Họ chồm lên. Mắt họ long lanh.

“Những đứa trẻ ấy sẽ không chết đói,” họ kêu lên. “Đây là trách nhiệm của chúng ta!”

“Chúng ta sống trong xa xỉ,” Pilon nói.

“Ta sẽ cho họ đồ ăn của mình,” Danny tán thành. “Và nếu họ cần một mái nhà, họ có thể sống ở đây.”

“Ngày mai ta sẽ bắt tay vào việc,” Pablo tuyên bố. “Không lười nhác nữa! Phải làm việc! Ồi việc cần phải làm!”

Jesus Maria cảm thấy niềm khoan khoái của một lãnh tụ có người theo chân.

Họ không nói khoác chơi. Họ thu gom cá. Họ đột kích vườn rau của khách sạn Del Monte. Thật là một cuộc chơi đầy vinh quang. Trộm cắp dứt bỏ điều tiếng của trộm cắp, tội ác vi phạm vì một mục đích từ thiện – Còn gì thỏa mãn hơn?

Cướp Biển nâng giá củi mỗi lên ba mươi xu và đi tới thêm ba tiệm ăn mới mỗi sáng. Joe Voi ăn cắp đi ăn cắp lại con dê của bà Palochico, lần nào nó cũng bỏ về lại nhà.

Giờ đây thực phẩm bắt đầu tích lũy ở nhà của Teresina. Hàng thùng rau diếp nằm ở hàng hiên, cá thu ướp làm cả xóm bốc mùi khó chịu. Tuy vậy ngọn lửa từ thiện vẫn hùng hực trong lòng những người bạn.

Nếu được xem sổ khiếu nại tại Sở Cảnh sát Monterey, bạn sẽ để ý thấy rằng trong thời gian này có một làn sóng tội

phạm vật ở Monterey. Xe cảnh sát hối hả chạy từ chỗ này tới chỗ kia. Chỗ này mất một con gà, chỗ kia cả một vịt bí đỏ. Công ty Paladini báo mất hai thùng bào ngư một trăm cân.

Nhà của Teresina trở nên chật chội. Nhà bếp chất chồng đồ ăn cao ngất. Hiên sau ngập tràn rau cải. Mùi tựa như mùi của một xưởng đóng thực phẩm tỏa khắp Tortilla Flat. Nín thở, những người bạn lao vào các vụ trộm cắp, họ trò chuyện và lên kế hoạch với Teresina khá lâu.

Thoạt tiên Teresina sượng điên vì có quá nhiều đồ ăn, đầu nàng ngất ngây với những món quà. Sau một tuần như thế, nàng không còn chắc chắn. Đứa út bị đau bụng, Ernie bị rối loạn đường ruột, mặt Alfredo thì nổi ban. Mấy đứa bò, lết thì kêu khóc suốt. Teresina ngượng khi phải nói với những người bạn điều cần nói. Mất nhiều ngày nàng mới lấy được can đảm; trong thời gian đó thì năm mươi cân cần tây và một sọt sò điệp được mang tới. Cuối cùng nàng phải nói chuyện với họ. Hàng xóm đã bắt đầu nhướng mắt nhìn nàng.

Nàng gọi tất cả các bạn của Danny vào trong nhà bếp, ở đó nàng thông báo với họ về rắc rối, một cách khiêm tốn và cẩn thận, để tình cảm của họ không bị tổn thương.

“Rau xanh và trái cây không tốt cho trẻ con,” nàng giải thích. “Sữa làm em bé bị táo bón sau khi nó đã cai sữa. Nhìn xem, chúng đều ốm cả rồi. Chúng không được ăn đúng đồ.”

“Đúng đồ là đồ gì?” Pilon hỏi.

“Đậu,” nàng nói. “Đậu thì ta có thể tin được, đậu thì không xổ tuột qua người.”

Những người bạn lặng lẽ đi ra. Họ vờ với bản thân rằng mình nhụt chí, nhưng họ biết ngọn lửa nhiệt tình ban đầu của mình đã hơi phai nhạt trong vài ngày qua.

Tại nhà Danny họ tổ chức một hội nghị.

Chuyện này không nên được thuật lại rộng rãi, bởi vì cáo trạng có thể nghiêm trọng.

Quá nửa đêm khá lâu, bốn bóng đen – những kẻ sẽ không được nêu tên – di chuyển như những cái bóng xuyên qua thị trấn. Bốn hình dáng khó phân biệt bò lên trên bệ Công ty Nhà kho Miền Tây. Sau này, người gác đêm nói rằng ông có nghe thấy tiếng động và đã đi kiểm tra nhưng chẳng thấy gì. Ông không thể nói được chuyện xảy ra như thế nào, ổ khóa bị phá và cửa bị cạy ra sao. Chỉ có bốn người biết rằng người gác đêm đã ngủ say, và họ sẽ không bao giờ tố cáo ông.

Một lát sau bốn cái bóng rời khỏi nhà kho, bấy giờ người họ oằn xuống dưới sức nặng đáng kể. Có tiếng hỗn hển, phì phò từ những cái bóng.

Ba giờ sáng, Teresina bị đánh thức bởi tiếng mở cửa sau. “Ai đó?” nàng kêu.

Không có tiếng trả lời, nhưng nàng nghe bốn tiếng bịch rõ to làm rung chuyển cả căn nhà. Nàng thắp một ngọn nến và đi chân trần vào bếp. Ở đó, tựa vào tường, là bốn bao đậu đỏ mỗi bao một trăm cân.

Teresina lao vào nhà đánh thức bà cụ. “Phép mầu!” nàng kêu. “Mẹ vào bếp mà xem.”

Bà cụ hổ thẹn nhìn các bao tải căng đầy. “Ôi, con đúng là kẻ tội đồ bản thủ khốn nạn,” bà rên rĩ. “Ôi, Đức Mẹ linh thiêng, hãy tha thứ cho kẻ già gốc ghếch này. Chừng nào con còn sống thì hằng tháng con sẽ dâng người một cây nến.”

Tại nhà Danny, bốn người bạn hạnh phúc nằm trong chăn. Có gối nào êm ái như cái gối lương tâm thánh thiện? Họ ngủ say đến tận chiều, vì công việc đã hoàn thành.

Còn Teresina thì phát hiện ra, bằng một phương pháp mà nàng thấy không bao giờ nhầm lẫn, rằng nàng sắp có em bé.

Khi trút một phần tư cân đậ mới có vào trong ấ, nàg vẫn
vơ nghĩ không biết ai trong các bạn của Danny phải chịu trách
nhiệm.

XIV

Về cuộc sống tốt đẹp ở nhà Danny, về con lợn làm quà, về nỗi đau của Bob Cao Kều, và về mối tình bị cấm cản của ông Ravanno.



Đồng hồ, bất kể treo tường hay đeo tay, không được các paisano của Tortilla Flat ưa dùng. Thỉnh thoảng một người trong hội bạn kiếm được một chiếc đồng hồ đeo tay bằng một cách thức dị thường, nhưng chàng ta chỉ giữ nó đủ lâu để đổi một món gì đó chàng thực sự muốn có. Ở nhà Danny, đồng hồ đeo tay có chút ít tiếng tăm, nhưng chỉ như một phương tiện trao đổi. Cho mục đích xem giờ, đã có cái đồng hồ mặt trời vĩ đại bằng vàng. Chẳng những nó tốt hơn một cái đồng hồ mà còn an toàn hơn, vì không có cách nào sang tay nó cho Torrelli.

Mùa hè, kim đồng hồ chỉ số bảy có thể thức dậy thoải mái, nhưng mùa đông cũng vào giờ ấy mà thức dậy thì chẳng ích gì. Mặt trời tốt hơn chán vạn lần! Khi mặt trời vượt qua khỏi ngọn thông treo chéch chéch trên hàng hiên trước, bất kể đông hay hè, khi ấy là giờ khắc hợp lý để thức dậy. Đó là lúc mà tay người ta không run run mà bụng người ta cũng không ọp ẹp vì trống rỗng.

Cướp Biển và bầy chó ngủ trong phòng khách, an toàn và ấm áp trong xó của mình. Pilon, Pablo, Jesus Maria, Danny và Joe Voi ngủ trong phòng ngủ. Cho dù rất tử tế và rộng lượng, Danny không bao giờ cho ai khác ngoại trừ bản thân chiếm

giường của mình. Joe Voi đã thử hai lần, và đã bị quất gậy vào lòng bàn chân; cho nên ngay cả Joe Voi cũng biết rằng giường của Danny là bất khả xâm phạm.

Những người còn lại ngủ trên sàn, và giường chiếu của họ cũng kỳ cục. Pablo thì có ba tấm da cừu kết lại với nhau. Jesus Maria đi nghỉ bằng cách xỏ hai tay vào ống tay một áo khoác cũ và hai chân vào ống một chiếc áo khác. Pilon cuộn mình trong một cái thảm to. Hầu như lúc nào cũng vậy – Joe Voi chỉ đơn giản khoanh lại như một con chó, bện nguyên quần áo mà ngủ. Tuy Joe Voi không có khả năng giữ bất cứ món đồ gì quá lâu, chàng lại phát triển tài năng đổi chác mọi thứ rơi vào tay mình lấy ít rượu. Họ ngủ như thế, đôi khi ẩm ỉ nhưng lúc nào cũng thoải mái. Một đêm lạnh nọ, Joe Voi cố mượn một con chó để giữ ấm chân, nhưng đã bị cắn ra trò, vì chó của Cướp Biển đầu có phải là để cho mượn.

Các cửa sổ đều không có rèm, nhưng Thiên nhiên hào phóng đã phủ lên kính cửa bằng mạng nhện, bụi và dấu vết gợn ghê của những hạt mưa.

“Cửa sổ kia nếu lau bằng nước và xà phòng thì hay đấy,” Danny có lần nói.

Trí tuệ sắc sảo của Pilon hăng hái lao ngay tới xử lý vấn đề, nhưng với chàng việc này quá dễ. Nó không đòi hỏi nhiều lắm khả năng của chàng. “Như vậy thì ánh sáng sẽ lọt vào nhiều hơn,” chàng nói. “Chúng ta sẽ không dành nhiều thời gian ngoài trời nếu như trong này có ánh sáng. Còn buổi tối, khi không khí rất độc, chúng ta lại không cần ánh sáng.”

Danny rút lui khỏi trận địa, vì dự án của chàng nếu chỉ mới đề cập chút ít đã gây ra phản đối nhanh chóng và rõ rệt như thế, nếu cứ khăng khăng làm thì sẽ dẫn đến thứ lô-gích khốc liệt nào đây? Cửa sổ được giữ y nguyên như vậy; dần dần, khi

hết con ruồi này đến con ruồi kia lọt vào làm mỗi nuôi gia đình nhện và bỏ xác trong các mạng nhện bám trên mặt kính, khi bụi chồng thêm bụi, căn phòng ngủ khoác lên mình vẻ thâm u nhã nhặn khiến họ có thể ngủ được trong ánh sáng nhờ nhờ ngay cả vào giữa trưa.

Họ, những người bạn, thanh thản ngủ; nhưng buổi sáng, khi ánh nắng rọi tới cửa sổ mà không lọt vào được nên biến lớp bụi thành màu bạc và tỏa sáng trên những con nhặng xanh lấp lánh ngũ sắc, những người bạn tỉnh dậy, đuổi người nhìn quanh tìm giày của mình. Họ biết khi nắng rọi lên cửa sổ thì ngoài hiên trước đã ấm áp.

Họ không quá vội vàng khi thức, không tung người dậy cũng không làm bất cứ cử động đột ngột nào khiến cơ thể bị sốc. Không, họ trỗi dậy từ giấc ngủ nhẹ nhàng như bong bóng xà phòng bay ra từ ống thổi. Họ lê gót xuống khe nệm, vẫn còn nửa mơ nửa tỉnh. Dần dần họ mới tỉnh táo ra. Họ đốt một đồng lửa, đun nước pha trà, uống trà bằng các hũ trái cây, và cuối cùng họ ra hiên trước ngồi sưởi nắng. Đám ruồi lửa lượn vòng vòng quanh đầu họ. Cuộc sống cứ thế định hình quanh họ, cả hình dáng của hôm qua và của ngày mai.

Những cuộc trò chuyện thường chậm chạp bắt đầu, vì mỗi người hãy còn nâng niu chút mơ ngủ còn sót lại. Từ lúc này đến tận chiều, đầu óc họ dần quy về một hướng. Rồi các mái nhà được nhắc lên, các căn nhà được ngó nghiêng vào, các động cơ được xem xét và các cuộc phiêu lưu được thuật lại. Thường ý nghĩ của họ sẽ đến với Cornelia Ruiz trước tiên, vì hiếm có ngày nào hay đêm nào mà Cornelia lại không có một cuộc phiêu lưu ly kỳ, thú vị nào đó. Và nó thường là một cuộc phiêu lưu bất thường mà từ đó người ta chẳng thể rút ra bài học luân lý nào.

Mặt trời lấp lánh trên đám lá thông. Đất dậy mùi khô ráo, dễ chịu. Những bông hồng đại tỏa hương ngào ngạt. Đây là một trong những quãng thời gian đẹp nhất đối với hội bạn của Danny. Cuộc tranh đấu cho sinh tồn thật xa xăm. Họ ngồi đó phán xét bạn bè mình, không phải phán xét vì đạo đức mà vì sở thích. Ai có chuyện gì hay thì thường dành chuyện ấy để kể lại vào lúc này. Mấy chú bướm nâu đại tướng bay đến bên bụi hồng đại, đậu trên các bông hoa và rung cánh nhịp nhàng như thể chúng đang hút mật bằng lực của đôi cánh.

“Tôi nhìn thấy Albert Rasmussen,” Danny nói. “Hắn từ nhà của Cornelia đi ra. Thật là rắc rối cho Cornelia. Ngày nào cũng có rắc rối gì đấy.”

“Ấy là kiểu sống của cô nàng,” Pablo nói. “Tôi chẳng phải là kẻ ưa ném đá, nhưng đôi lúc tôi nghĩ Cornelia hơi sinh động thái quá. Với Cornelia chỉ có hai thứ xảy ra, là yêu đương và ẩu đả.”

“Hừm,” Pilon nói. “Cậu còn muốn gì nào?”

“Cô ấy chẳng bao giờ bình yên,” Jesus Maria chùng giọng.

“Cô ả chẳng muốn chút bình yên đâu,” Pilon nói. “Trao bình yên cho cô nàng Cornelia ấy, cô ta sẽ lăn đùng ra chết. Yêu đương và ẩu đả. Chuyện đó hay chứ, Pablo. Yêu đương và ẩu đả, và thêm tí rượu nữa. Được thế thì ta sẽ luôn luôn trẻ trung, luôn luôn vui vẻ. Thế hôm qua chuyện gì xảy ra với Cornelia?”

Danny nhìn Pilon đắc thảng. Thật bất thường khi Pilon không biết tất cả mọi chuyện xảy ra. Lúc này, bằng vào vẻ tổn thương và tò mò trên mặt Pilon, Danny có thể chắc rằng Pilon không biết vụ này.

“Tất cả các anh đều biết Cornelia rồi đấy,” chàng bắt đầu. “Thỉnh thoảng cánh đàn ông mang quà đến cho Cornelia, một

con gà, một con thỏ, hay một cái bắp cải. Chỉ những thứ nhỏ nhỏ thôi là Cornelia đã khoái rồi. Chuyện là, hôm qua Emilio Murietta mang đến cho Cornelia một con lợn con, chỉ dài ngần này; một con lợn nhỏ màu hồng xinh xắn. Emilio tìm thấy con lợn ấy dưới khe núi. Con lợn nái đuổi theo khi cậu ta bắt lợn con, nhưng cậu ta chạy thật nhanh đến nhà Cornelia, mang theo con lợn đó. Cậu Emilio này dẻo mồm lắm. Cậu ta nói với Cornelia, ‘Chẳng có gì dễ thương hơn một con lợn. Gì nó cũng ăn. Nó là một con thú cưng dễ thương. Em sẽ yêu con lợn con này. Nhưng rồi nó sẽ lớn lên và tính cách sẽ thay đổi. Nó sẽ trở nên bần tiện và xấu tính, nên em sẽ không yêu nó nữa. Rồi có ngày nó cắn em, khiến em nổi giận. Thế là em ngả thịt nó ra xơi.’”

Những người bạn gặt đầu lia lịa, còn Pilon nói, “Kể ra thì Emilio không phải tay vừa. Hãy xem, chỉ có một con lợn mà cậu ta tạo ra biết bao nhiêu khoan khoái – nào là tình mến thương, nào là tình yêu, sự trả thù và thực phẩm. Lúc nào tôi phải đi nói chuyện với Emilio mới được.” Nhưng những người bạn có thể nhận thấy Pilon đang ganh tị với một nhà lý luận kỳ phùng địch thủ.

“Kể tiếp chuyện con lợn đi,” Pablo nói.

“À thì,” Danny nói, “Cornelia nhận con lợn, cô nàng đối xử tử tế với Emilio. Cô ả bảo chừng nào cô nổi giận với con lợn ấy, Emilio có thể tới xơi vài phần. Ừm, rồi Emilio đi. Cornelia sửa soạn một cái thùng nhỏ cho con lợn ấy ngủ, ở gần bếp lò. Sau đó có mấy bà đến gặp Cornelia, cô ta cho họ bế con lợn ấy nựng nịu. Được một lúc thì Sweets Ramirez dẫm lên đuôi con lợn ấy. Ôi chao, nó rú như siêu nước sôi. Thế là cửa trước bung ra. Con lợn nái to đùng ấy xông vào tìm con mình. Bàn, đĩa bị hất tung cả. Ghế thì gãy hết. Nó cắn Sweets Ramirez,

kéo váy Cornelia xuống, mãi tới khi các bà các cô chạy vào trong nhà bếp chốt cửa lại thì nó mới bỏ đi và con lợn con cũng đi theo. Bấy giờ Cornelia rất giận dữ. Cô ta nói sẽ tấn Emilio một trận.”

“Ra vậy”, Pablo nói. “Đời là thế, chẳng bao giờ diễn ra theo cách ta dự liệu. Chuyện Bob Smoke Cao Kêu tự sát cũng giống vậy.”

Các bạn ngoảnh mặt về phía Pablo với vẻ háo hức..

“Các anh chắc đều biết Bob Smoke,” Pablo bắt đầu. “Trông anh chàng cũng giống một cao-bồi, chân dài, người mảnh dẻ; nhưng anh chàng cưỡi ngựa không giỏi lắm. Ở các cuộc đua cưỡi ngựa bắt trâu bò anh ta thường hít bụi. Ấy vậy mà anh chàng Bob này lại muốn người ta ngưỡng mộ mình. Lúc nào diễn hành anh ta cũng thích cầm cờ. Khi có đánh nhau anh ta muốn làm trọng tài. Ở chỗ xem biểu diễn bao giờ anh ta cũng là người đầu tiên nói ‘Đứng trước ngòi xuống!’ Thế đấy, một người lúc nào cũng muốn vĩ đại, muốn người ta nhìn thấy, ngưỡng mộ mình. Có điều các anh có lẽ chưa biết, anh ta cũng muốn mọi người phải yêu mến mình.

“Tội nghiệp kẻ không may, anh ta là kẻ sinh ra để người khác cười nhạo. Một vài người thương hại anh ta, nhưng hầu hết chỉ cười nhạo anh. Chuyện cười cợt khiến Bob Cao Kêu đau nhất.

“Có lẽ các anh nhớ lần ấy trong buổi diễn hành, anh ta mang lá cờ. Rất thẳng thớm Bob ngồi trên một con ngựa trắng cao to. Ngay trước chỗ các giám khảo ngồi, con ngựa to cao ngốc nghếch ấy xụi lơ vì nóng. Bob bay thẳng qua đầu ngựa, còn lá cờ thì phóng trên không như mũi lê rồi cắm phập xuống đất, đầu chúc xuống.

“Chuyện với anh ta là thế. Bất cứ khi nào anh ta cố làm

người vĩ đại, thì chuyện gì đó sẽ xảy ra và mọi người được một phen cười. Các anh nhớ khi là người nuôi dạy chó, anh ta bỏ ra cả buổi chiều cố bắt một con con chó bằng dây thòng lọng. Mọi người trong thị trấn đều đến xem. Anh ta cứ ném sợi thừng tức thì con chó phủ phục xuống, sợi dây trượt qua và nó chạy mất. Ôi thôi, mọi người tha hồ cười. Bob xấu hổ quá nên tự nhủ, ‘Mình sẽ tự sát, rồi mọi người sẽ buồn. Họ sẽ hối hận vì đã cười mình.’ Rồi anh ta lên kế hoạch thế này, ‘Mình sẽ chờ tới khi nghe tiếng ai đó vào phòng. Mình sẽ dí súng ngấn lên đầu. Khi đó người kia sẽ cãi cọ với mình. Anh ta sẽ bắt mình hứa là không được tự sát. Mọi người sẽ hối hận vì đã dồn mình tới chỗ tự sát.’ Anh ta trù liệu như vậy.

“Thế là anh ta về căn nhà nhỏ của mình; thấy anh đi ngang mọi người đều gọi, ‘Bob, anh có bắt được con chó không?’ Về tới nhà anh ta buồn thiu. Anh lấy một khẩu súng lục ra nạp đạn, rồi ngồi xuống đợi ai đó tới.

“Anh ta lên kế hoạch chuyện sẽ diễn ra như thế nào, và anh tập dượt với một khẩu súng lục. Người bạn sẽ nói, ‘Trời ơi, anh làm gì đấy? Đừng tự sát nhé, anh bạn đáng thương.’ Rồi Bob sẽ nói can cố làm sao anh không muốn sống nữa bởi vì mọi người bản tiện quá.

“Anh ta nghĩ đi nghĩ lại về kế hoạch này, nhưng không ai tới cả. Ngày hôm sau anh cũng đợi nhưng cũng không ai tới. Nhưng đêm hôm sau nữa Charlie Meeler tới. Bob nghe tiếng anh kia ngoài hàng hiên bèn dí súng vào đầu. Anh kéo quy lát để khiến việc ấy trông có vẻ thực hơn. ‘Giờ hấn sẽ cãi cọ với mình, và mình sẽ để cho hấn thuyết phục,’ Bob nghĩ.

“Charlie Meeler mở cửa. Anh ta thấy Bob đang cầm súng tự chĩa vào đầu. Nhưng anh không la lên; không, Charlie Meeler nhảy tới chộp lấy súng làm súng cướp cò bắn bay chóp mũi

của Bob. Thế là mọi người thậm chí còn cười đã đời hơn nữa. Báo cũng đưa tin về chuyện này. Cả thị trấn được mẻ cười.

“Các anh đều đã thấy mũi của Bob, với chóp mũi đã bị bắn bay đi rồi. Mọi người cười, nhưng cười như vậy cũng ác, họ cảm thấy không thoải mái. Kể từ đó, họ để cho Bob Cao Kêu cầm cờ ở tất cả các buổi diễu hành nếu có. Thành phố còn mua cho anh ta một cái lưới để bắt chó.

“Nhưng anh ta không thể nào hạnh phúc với cái mũi như thế.” Pablo chột im lặng rồi nhặt một cái que từ hàng hiên lên khẽ quất vào chân mình.

“Tôi nhớ mũi anh ta trông như thế nào,” Danny nói. “Anh chàng Bob đó không phải là người xấu. Khi Cướp Biển về, cậu ấy có thể kể thêm. Thỉnh thoảng Cướp Biển cho tất cả lũ chó của mình vào trong xe của Bob, khi đó mọi người sẽ nghĩ Bob đã bắt chúng, và mọi người nói, ‘Người bắt chó của chúng ta kìa.’ Bắt chó chẳng dễ dàng gì nếu đó là công việc.”

Từ nãy giờ Jesus Maria vẫn tư lự, đầu ngả vào tường. Chàng bình luận, “Bị cười nhạo còn tệ hơn là bị ăn roi. Lão Tomas, cái lão đàn đấm ấy, bị cười đến tận mồ. Sau đó người ta hối hận vì đã cười lão”.

“Và,” Jesus Maria nói, “còn có một loại cười khác nữa. Chuyện về Bob Cao Kêu đó buồn cười; nhưng khi bạn ngoác mồm cười, một cái gì đó như một bàn tay sẽ bóp chặt trái tim bạn lại. Tôi biết chuyện lão Ravanno treo cổ hồi năm ngoái. Đó cũng là một chuyện buồn cười, nhưng không phải là dễ chịu gì khi cười đâu.”

“Tôi có nghe loáng thoáng,” Pilon nói, “nhưng không rõ đầu đuôi.”

“À,” Jesus Maria nói. “Tôi sẽ kể các anh nghe chuyện đó, các anh sẽ thấy liệu có cười được không. Hồi nhỏ, tôi hay chơi với

Petey Ravanno. Petey là một thằng bé nhanh nhẹn, tốt bụng, nhưng luôn luôn dính vào rắc rối. Cậu ta có hai anh em trai và bốn chị em gái, còn cha cậu là ông già Pete. Cả nhà ấy giờ đi cả rồi. Một người con trai thì ở San Quentin, người kia bị một người làm vườn người Nhật giết vì ăn trộm một xe đầy dưa hấu. Còn các cô gái, ừ thì các anh biết con gái thì thế nào rồi; họ đi làm dâu. Giờ Susy đang làm dâu nhà bác Jenny ở Salinas.

“Vậy chỉ còn Petey và ông già ở lại. Petey lớn lên, lúc nào cũng vướng vào rắc rối. Cậu ta vào trại cải tạo một thời gian rồi quay về. Thứ bảy nào cậu ta cũng say xỉn, và lần nào cậu ta cũng ngồi tù ở Monterey đến thứ hai. Cha cậu nói chung là người thân thiện. Tuần nào ông ấy cũng say xỉn cùng Petey. Gần như họ luôn luôn ngồi tù cùng nhau. Ông già Ravanno cô đơn khi Petey không ở đó cùng ông. Ông thích Petey. Petey làm gì ông già cũng làm theo, ngay cả khi ông đã sáu mươi tuổi.

“Có thể các anh còn nhớ Gracie Montez?” Jesus Maria hỏi. “Cô nàng không phải là gái ngoan lắm. Lúc cô nàng mới mười hai tuổi, hạm đội hải quân ghé Monterey, và Gracie có đưa con đầu tiên, khi còn rất trẻ như vậy. Cô ấy xinh, như các anh đều thấy, và nhanh nhẹn, miệng lưỡi sắc sảo. Lúc nào trông cô ta cũng có vẻ chạy trốn đàn ông, còn đàn ông cong đuôi chạy theo cô ta. Đôi khi họ tóm được cô ta. Nhưng không thể lại gần cô ta. Lúc nào Gracie dường như cũng có điều gì dễ thương mà cô ta không trao cho ai cả, điều gì đó sâu thẳm trong mắt cô nói, ‘Nếu tôi thật sự muốn, tôi sẽ đổi xử với anh khác hẳn bất kỳ người đàn bà nào anh từng biết.’”

“Tôi biết chuyện đó,” Jesus Maria nói, “vì chính tôi cũng chạy theo Gracie. Petey cũng theo cô ta. Chỉ có điều, Petey làm khác.” Jesus Maria nhìn thật sâu vào mắt các bạn để nhấn

mạnh luận điểm của mình.

“Petey muốn cái mà Gracie có tha thiết đến nỗi cậu trở nên còm cõi, mắt cậu ta thao láo và thất thần như mắt những người hút cần sa. Petey không ăn được, cậu lặn ra ốm. Ông già Ravanno đến nói chuyện với Gracie. Ông nói, ‘Nếu cô không tử tế với Petey, nó sẽ chết mất.’ Nhưng cô ta chỉ cười. Cô ta chẳng phải là người tử tế gì cho cam. Rồi em gái út của cô là ‘Tonia bước vào phòng. ‘Tonia mới mười bốn tuổi. Ông già nhìn cô bé nín thở. ‘Tonia giống như Gracie, cũng với cái vẻ bí ẩn không chịu đầu hàng đàn ông. Ông già Ravanno không kiểm được. Ông nói, ‘Lại đây với ta, cô bé.’ Nhưng ‘Tonia không phải là cô bé. Cô ta biết. Nên cô phá lên cười và chạy ra khỏi phòng.

“Sau đó ông già Ravanno đi về nhà. Petey nói, ‘Có chuyện gì với cha rồi, thưa cha.’

“‘Không có gì, Petey,’ ông nói, ‘có điều, cha e rằng con sẽ không thể lấy được Gracie để mà khỏe lại.’ “Si tình quá – cả cái nhà Ravanno ấy!

“Rồi các anh nghĩ sao?” Jesus Maria tiếp tục. “Petey đi thái mực cho lão Chin Kee, cậu ta mang quà đến cho Gracie, những chai Agua Florida to đùng với cả ruy-băng và nịt bít-tất. Cậu ta trả tiền chụp ảnh cho cô ta, ảnh màu cơ đấy.

“Quà thì Gracie nhận hết nhưng cô ta vừa chạy trốn cậu ấy vừa cười hí hí. Các anh phải nghe giọng cô nàng cười thế nào kìa. Nó khiến ta vừa muốn bóp cổ đồng thời vừa muốn nựng nịu cô. Nó khiến ta muốn phanh thây cô và móc cái thứ ấy bên trong cô ra. Tôi biết cảm giác ấy thế nào. Tôi đã theo đuổi cô ta mà, và Petey kể với tôi cậu ấy cũng vậy. Nhưng chuyện ấy khiến Petey phát điên. Cậu ta không thể nào ngủ được. Cậu ấy nói với tôi, ‘Nếu Gracie chịu làm đám cưới với tôi trong nhà

thờ, thì nàng sẽ không dám chạy trốn nữa, bởi vì nàng đã kết hôn, khi ấy chạy trốn sẽ là tội lỗi.’ Vậy là cậu ấy cầu hôn. Cô ta cười ha há, giọng cười the thé khiến người ta muốn bóp cổ cô ta.

“Ôi chao, Petey phát điên. Cậu ấy về nhà, luồn dây thừng qua xà nhà rồi đứng trên một cái thùng, tròng dây quanh cổ, rồi đá đổ thùng. Cũng may lúc đó cha Petey về tới. Ông cắt dây và gọi bác sĩ. Nhưng phải hai giờ sau Petey mới mở mắt ra và phải bốn ngày sau cậu ấy mới có thể nói.”

Jesus Maria dừng lại. Chàng kiêu hãnh nhìn các bạn đang chồm tới hóng nghe. “Chuyện là thế đấy,” chàng nói.

“Nhưng Gracie Morteز lấy anh chàng Petey Ravanno ấy mà,” Pilon hào hứng kêu lên. “Tôi biết cô ấy. Cô ấy là một phụ nữ đứng đắn. Cô ấy không bao giờ lỡ lẽ mi-xa, và tháng nào cũng đi xưng tội một lần.”

“Bây giờ thì như thế,” Jesus Maria đồng ý. “Ông già Ravanno nổi giận. Ông chạy tới nhà Gracie, réo, ‘Cô nhìn xem sự ngu ngốc của cô giết con trai tôi như thế nào. Nó cố tự tử vì cô, đồ gà chỉ biết ỉa.’”

“Gracie lo sợ, nhưng cô cũng hài lòng, bởi không quá nhiều phụ nữ có thể khiến đàn ông liều mạng đến thế. Cô ta tới thăm Petey khi Petey còn nằm trên giường, cổ bị vẹo. Không lâu sau họ cưới nhau.

“Chuyện cũng đã chuyển biến theo cách mà Petey đã nghĩ. Khi nhà thờ bảo cô ta phải làm vợ tốt, cô ấy làm người vợ tốt. Cô ấy không chót nhả với đàn ông nữa. Cô ta không bỏ chạy để đàn ông đuổi theo nữa. Petey đi thái mực, rồi chả mấy chốc lão Chin Kee cho phép cậu ta đổ mực trong thùng ra. Không lâu sau đó cậu ta làm quản đốc xưởng chế biến mực. Các anh thấy đấy,” Jesus Maria nói, “cả một câu chuyện hay ho. Nếu chỉ

dừng ở đó, nó sẽ là một câu chuyện hay cho các cha xứ kể lại.”

“Ồ, đúng rồi,” Pilon trịnh trọng nói. “Trong câu chuyện này có nhiều điều để học.”

Những người bạn gật đầu tán thưởng, vì họ thích một câu chuyện có ý nghĩa.

“Tôi cũng biết một cô gái ở Texas y như thế,” Danny nói. “Có điều cô ấy không thay đổi. Họ gọi cô ta là vợ của trung đội hai. ‘ Bà Trung đội hai,’ họ gọi thế.”

Pablo giơ tay lên. “Chuyện này còn dài nữa,” chàng nói. “Để Jesus Maria kể nốt đi.”

“Đúng rồi, còn nữa. Và đấy không phải là một câu chuyện có hậu. Ông già vẫn còn đó, hơn sáu mươi tuổi. Petey và Gracie dọn sang sống ở một ngôi nhà khác. Ông già Ravanno cô đơn, vì ông ấy đã luôn luôn sống cùng với Petey. Ông ấy chẳng biết làm gì cho hết ngày hết giờ. Ông chỉ ngồi đó, trông buồn bã, cho đến một ngày ông gặp lại ‘Tonia. ‘Tonia mười lăm tuổi, cô bé thậm chí còn xinh đẹp hơn Gracie. Một nửa số binh sĩ ở Presidio bám theo cô như những con chó con.

“Chuyện đã từng xảy ra với Petey như thế nào thì cũng xảy ra với ông già y như thế. Dục vọng khiến ông nhức nhối khắp cả người. Ông không ăn không ngủ được. Má ông hóp lại, mắt ông trông như mắt những người hút cần sa. Ông mang kẹo đến cho ‘Tonia, cô bé chộp kẹo từ tay ông rồi cười nhạo ông. Ông nói, ‘Đến với ta nào, người dẫu yêu bé bỏng, vì ta là bạn của nàng.’ Cô bé lại phá ra cười.

“Rồi ông già kể cho Petey nghe chuyện. Petey cũng phá ra cười. ‘Cụ khốt ngớ ngẩn ơi,’ Petey nói. ‘Cha đã có đủ đàn bà trong đời rồi. Đừng chạy theo trẻ con.’ Nhưng chẳng ích gì. Ông già Ravanno ồm tương tư. Họ đều si tình cả, những tay

nhà Ravanno ấy. Ông ta nấp trong đám cỏ ngấm cô bé đi ngang qua. Trong lồng ngực ông, trái tim đau thắt lại.

“Cần tiền để mua quà, nên ông kiếm việc ở Trạm đổ xăng. Ông cào sỏi và tưới hoa ở trạm đó. Ông đổ nước vào bộ tản nhiệt và lau kính chắn gió. Có được xu nào là ông ta mua quà cho 'Tonia, kẹo, ruy-băng và áo đầm. Ông trả tiền để cô bé được chụp ảnh màu.

“Cô bé chỉ cười nhiều hơn, còn ông già gần như điên khùng. Nên ông nghĩ, ‘Nếu hôn nhân trong nhà thờ khiến Gracie trở thành đàn bà tốt, hẳn nó cũng khiến 'Tonia trở thành đàn bà tốt.’ Ông cầu hôn cô. Cô càng cười tợn hơn bao giờ hết. Cô tung váy vào ông làm ông càng bấn loạn. Ôi chao, cô ta là con quỷ, cái con bé 'Tonia đó.”

“Ông ta là một lão ngốc,” Pilon kể cả nói. “Người già không nên chạy theo con nít. Họ nên ngồi sưởi nắng.”

Jesus Maria tiếp lời đầy tức giận, “Những tay nhà Ravanno ấy thì khác,” chàng nói, “họ si tình lắm.”

“Dào, chả phải thứ hay hóm gì,” Pilon nói. “Như thế là làm mất mặt Petey.”

Pablo ngoảnh sang chàng. “Để Jesus Maria kể tiếp. Đây là câu chuyện của cậu ấy, không phải của huynh. Khi khác bọn tôi sẽ nghe huynh kể.”

Jesus Maria nhìn Pablo vẻ biết ơn. “Như tôi đang kể đấy, ông già không thể chịu đựng thêm nữa. Nhưng ông ta không phải là người có óc sáng tạo. Ông ta không giống như Pilon. Ông ta chẳng thể nghĩ ra trò gì mới. Ông già Ravanno nghĩ như thế này: ‘Gracie cưới Petey vì nó treo cổ. Ta sẽ treo cổ, có thể 'Tonia sẽ cưới ta.’ Rồi ông nghĩ, ‘Nếu không ai sớm tìm thấy ta, ta sẽ chết chắc. Phải để ai đó tìm ra ta.’

“Các anh phải biết,” Jesus Maria nói, “ở trạm xăng đó có

một nhà chứa dụng cụ. Sáng sớm, ông già đi xuống mở khóa nhà chứa dụng cụ và cào sỏi, tưới hoa trước khi trạm mở cửa. Những người khác tới sở làm lúc tám giờ. Thế rồi, một sáng, ông già vào trong nhà chứa dụng cụ mắc một sợi dây thừng lên. Rồi ông chờ đến tám giờ. Ông thấy mấy người đang đến. Ông tròng dây thừng quanh cổ rồi bước khỏi một cái ghế băng. Ngay khi ông vừa làm như thế, cánh cửa nhà chứa dụng cụ sập lại.”

Những nụ cười nở ra trên gương mặt hội bạn. Họ nghĩ đôi khi cuộc đời rất, rất chi là hài hước.

“Những người kia không nhớ ra ông ngay lập tức,” Jesus Maria tiếp. “Họ nói, ‘Lão già đó chắc say xỉn rồi.’ Một tiếng đồng hồ sau họ mới mở cửa nhà chứa dụng cụ đó.” Chàng nhìn quanh.

Nụ cười vẫn còn trên mặt những người bạn, nhưng ấy là những nụ cười đã thay đổi. “Các anh xem,” Jesus Maria nói, “chuyện này buồn cười. Nhưng nó cũng bóp nghẹt tim ta.”

“Tonia có nói gì không?” Pilon hỏi. “Cô ta có học được một bài học và thay đổi cách sống?”

“Không. Cô ta không thay đổi. Petey kể chuyện cho cô ta, song cô ta phá ra cười. Petey cũng cười. Nhưng cậu ấy rất xấu hổ. Tonia nói, ‘Ông già mới ngốc làm sao’, và Tonia nhìn Petey cái kiểu của mình.

“Rồi Petey nói, ‘Có một em gái như nàng thật tốt. Một đêm nào đó tôi sẽ đi vào rừng với nàng.’ Khi đó Tonia lại phá ra cười, bỏ chạy đi một đoạn. Rồi cô nói, ‘Anh có nghĩ em xinh đẹp như Gracie không?’ Thế là Petey theo cô ấy vào trong nhà.”

Pilon phàn nàn, “Chuyện này không hay. Có quá nhiều ý nghĩa, quá nhiều bài học trong ấy. Một số bài học ấy lại trái

ngược nhau. Chẳng có một câu chuyện nào đáng nhớ cả. Nó chẳng chứng tỏ điều gì.”

“Tôi thích câu chuyện này,” Pablo nói. “Tôi thích bởi vì chẳng thấy nó có nghĩa gì cả, thế mà nó vẫn có vẻ như có ý nghĩa gì đó, tôi không nói được là gì.”

Mặt trời đã sang chính Ngọ, không khí nóng rẫy.

“Tôi thì đang nghĩ không biết Cướp Biển sẽ mang đồ ăn gì về,” Danny nói.

“Có một đội đánh cá thu ngoài vịnh,” Pablo thông báo.

Mắt Pilon sáng bừng lên. “Tôi vừa nghĩ ra một kế hoạch,” chàng nói. “Hồi nhỏ, anh em tôi sống cạnh đường tàu. Hằng ngày khi tàu đi ngang qua, anh em bọn tôi ném đá vào đầu máy, và người đốt than trên tàu ném than vào bọn tôi. Có lúc bọn tôi nhặt được cả một xô to đầy than đem về nhà cho mẹ. Bây giờ tôi nghĩ chúng ta có thể mang đá xuống cầu cảng. Khi các tàu lại gần ta sẽ chửi, ta sẽ ném đá. Bọn dân chài có thể đáp trả ta thế nào chứ? Liệu họ có thể ném mái chèo, hoặc lưới? Không. Họ chỉ có thể ném cá thu.”

Danny hớn hờ đứng dậy. “Thế mới là kế hoạch chứ!” chàng kêu lên. “Làm thế nào mà Pilon nhỏ bé lại là bạn của chúng ta được nhỉ! Chúng ta biết làm gì nếu không có Pilon? Đi nào, tôi biết một chỗ có một đồng đá to.”

“Tôi thích cá thu hơn bất cứ loại cá nào khác,” Pablo nói.

*Danny ủ ê và mất trí như thế nào.
Và quý dữ đội lốt lão Torrelli tấn công Nhà Danny ra sao.*



Ở Monterey, có những thứ không bao giờ thay đổi. Gần như hằng ngày, vào buổi sáng, mặt trời rọi vào các ô cửa sổ ở vệ phía tây các con đường; và vào buổi chiều, vệ phía đông các con đường. Hằng ngày chiếc xe buýt màu đỏ lạnh canh đi về giữa Monterey và Pacific Grove. Hằng ngày các nhà máy đồ hộp thải mùi thối của cá ươn vào không khí. Chiều nào gió cũng thổi vào từ vịnh làm lao xao những cụm thông trên các quả đồi. Những người câu cá ngồi trên các tảng đá cầm cần câu, gương mặt họ in hằn nét nhẩn nại và yếm thế.

Ở Tortilla Flat, phía trên Monterey, cũng có những thứ không thay đổi; vì Cornelia Ruiz chỉ có thể có một số cuộc phiêu lưu nhất định với đám người tình ít thay đổi của mình. Nàng có tiếng là luôn quay lại với một người tình mà nàng đã bỏ rơi trước đó lâu lâu. Ở nhà Danny thậm chí còn có ít thay đổi hơn. Những người bạn đã sa vào một nếp sống vốn có thể là đơn điệu với bất kỳ ai ngoại trừ với một *paisano* – sáng dậy, ngồi sưởi nắng và bán khoản Cướp Biển sẽ mang gì về. Cướp Biển vẫn đồn củi mỗi đêm bán trên các con phố của Monterey, nhưng giờ đây hẳn dùng đồng hai mươi lăm xu kiếm được hằng ngày để mua đồ ăn. Thỉnh thoảng những người bạn mua được ít rượu, khi đó thì sẽ có ca hát và ẩu đả.

Ở gần biển, thời gian diễn tiến phức tạp hơn bất kỳ nơi nào

khác, vì ngoài sự tuần hoàn của mặt trời và các mùa luân chuyển, còn có sóng vỗ vào các tảng đá cho thời gian trôi qua và những ngọn triều lên xuống hết như một cái đồng hồ nước khổng lồ.

Danny bắt đầu cảm nhận được nhịp thời gian. Chàng nhìn các bạn mình và nhận thấy đối với họ, ngày nào cũng y hệt ngày nào. Khi ra khỏi giường trong đêm và bước qua các *paisano* đang ngủ, chàng bực bội vì họ đã ở đó. Dần dần, ngồi ngoài hiên trước, dưới ánh nắng, Danny bắt đầu mơ về những ngày tự do của mình. Chàng từng ngủ trong rừng vào mùa hè, và trong các ổ rơm ấm áp khi cái lạnh mùa đông ủa tới. Gánh nặng tài sản không đè lên chàng. Chàng nhớ cái tên Danny từng là tên của một cơn bão. Ôi, những trận đánh nhau! Những lúc phóng như bay trong rừng với một con gà tức tối kẹp dưới cánh tay! Những chỗ ẩn nấp trong khe núi khi một người chồng hậm hực tuyên chiến! Bão tố và bạo lực, bạo lực ngọt ngào! Khi Danny nghĩ về quãng thời gian xưa cũ đã mất ấy, chàng như có thể nắm lại được đồ ăn ăn trộm ngon như thế nào, và chàng ước ao quãng thời gian xưa ấy quay trở lại. Từ khi món thừa kế nâng địa vị chàng lên, chàng đã chẳng còn đánh nhau mấy. Chàng có say sưa, nhưng không quá mạo hiểm. Lúc nào gánh nặng của căn nhà cũng đè lên người chàng, lúc nào cũng nặng gánh trách nhiệm với các bạn.

Danny bắt đầu ngồi ủ rũ ngoài hiên trước, đến nỗi các bạn tưởng chàng ốm.

“Trà bạc hà sẽ tốt cho huynh đấy,” Pilon gợi ý. “Anh vào giường nằm đi, bọn tôi sẽ chườm đá nóng lên chân anh.”

Nhưng chiều chuộng không phải là thứ Danny muốn, mà là tự do. Suốt một tháng trời chàng ủ rũ, chăm chăm nhìn xuống đất, rồi nhìn những người bạn luôn sát cánh của mình bằng

cặp mắt sừng sĩa, và đá lũ chó thân thiện vắng khỏi đường đi.

Cuối cùng chàng đầu hàng ham muốn của mình. Một đêm nọ, chàng bỏ đi. Chàng đi vào rừng thông và biến mất.

Buổi sáng, những người bạn tỉnh dậy không thấy chàng đâu, Pilon nói, “Lại là một cô nàng nào đấy rồi. Anh ấy đang yêu.”

Họ bỏ qua sự việc, vì mỗi người đều có quyền yêu đương. Những người bạn tiếp tục đời sống của mình. Nhưng rồi một tuần trôi qua mà vẫn không có dấu hiệu của Danny, họ bắt đầu lo lắng. Cùng nhau họ đi vào rừng tìm chàng.

“Tình yêu thì hay đấy,” Pilon nói. “Chúng ta không thể trách cứ một người đàn ông theo đuổi một cô gái, nhưng một tuần là một tuần. Hẳn phải là một cô nào sinh động lắm mới giữ chân Danny được một tuần.”

Pablo nói, “Một chút tình yêu giống như một chút rượu vang. Quá nhiều món nào cũng khiến người ta đau ốm. Biết đâu Danny đã ốm rồi. Có lẽ cô gái này sinh động thái quá.”

Jesus Maria cũng lo lắng. “Danny mà bọn ta biết không bao giờ biến mất lâu đến thế. Chắc có chuyện gì xấu đã xảy ra.”

Vậy là Cướp Biển dẫn lũ chó vào rừng. Những người bạn sai lũ chó, “Đi tìm Danny đi. Anh ấy đang ốm. Anh ấy có thể chết ở đâu đó, chàng Danny tốt bụng ấy là người đã cho chúng mày ngủ trong nhà.”

Cướp Biển thì thào với chúng, “Ôi lũ chó xấu tính, vô ơn, đi tìm bạn của chúng ta ngay.” Nhưng lũ chó vẫy đuôi mừng rỡ rồi sục thấy được một con thỏ và nhặng xị rượt theo nó.

Các *paisano* rà soát khu rừng suốt cả ngày, gọi tên Danny, thăm dò những chỗ mà bản thân họ có thể chọn để ngủ, chẳng hạn những lỗ hổng kín đáo giữa các rễ cây, những thảm lá thông dày có bụi rậm bao quanh. Họ biết người ta

thường ngủ ở chỗ nào, nhưng họ chẳng tìm thấy tông tích của Danny.

“Có lẽ anh ấy mất trí rồi,” Pilon gợi ý. “Có lẽ một âu lo bí mật nào đó đã làm anh ấy mất trí.”

Tối họ về lại nhà Danny, mở cửa và bước vào. Ngay lập tức họ trở nên căng thẳng. Một gã trộm nào đó đã ra tay. Những tấm chắn của Danny đã biến mất. Toàn bộ thức ăn đều bị trộm. Hai cái nồi thất lạc.

Pilon liếc nhanh Joe Voi, song chàng lắc đầu. “Không, cậu đi cùng chúng tôi. Cậu không làm việc đó.”

“Danny làm rồi,” Pablo hào hứng nói. “Đích thực là anh ấy đã mất trí. Anh ấy chắc đang chạy trong rừng như một con thú.”

Bây giờ, trong nhà Danny, một mối quan tâm và lo âu sâu sắc ngự trị. “Ta phải tìm ra anh ấy,” những người bạn trấn an nhau. “Khi mất trí bạn chúng ta dễ bị hãm hại. Ta phải sục sạo cả thế gian chừng nào tìm ra anh ấy mới thôi.”

Họ rũ bỏ sự lười nhác. Hằng ngày họ đi tìm chàng và bắt đầu nghe được những tin đồn ly kỳ. “Đúng rồi, tối qua Danny ghé đây. Ối chà, cái gã say đấy! Ối chà, cái tên trộm đấy! Các cậu biết không, Danny hạ gục ông già bằng một cốc rào, cuỗm đi một chai rượu nho. Các cậu là bạn bè kiểu gì mà lại để bạn mình giở những trò này?”

“Có, bọn em có gặp Danny. Anh ấy nhắm mắt ngheu ngao, ‘Hãy đi vào rừng nhảy cùng anh, hỡi các cô bé,’ nhưng bọn em không đi. Bọn em sợ. Cái anh Danny ấy có vẻ nặng xì quá.”

Ở cầu cảng họ thu lượm được nhiều tung tích về bạn mình hơn. “Cậu ấy đã ở đây,” các ngư dân nói. “Cậu ấy muốn đánh nhau với tất cả mọi người. Benito nện một mái chèo vào đầu

Danny. Rồi Danny đập vỡ mấy cửa sổ, sau đó một viên cảnh sát tống cậu ta vào tù.”

Lần theo dấu vết nóng hổi của người bạn bưng bình của mình, họ tiếp tục đi. “Tối qua McNear nhốt cậu ta,” viên trung sĩ nói. “Không hiểu sao chưa sáng cậu ta đã xổng. Chừng nào tóm được, chúng tôi sẽ giam cậu ta sáu tháng.”

Những người bạn mệt mỏi vì cuộc truy tìm. Họ về nhà, kinh hãi phát hiện bao khoai tây mà Pilon tìm được mới sáng hôm đó đã biến mất.

“Giờ thì quá lắm,” Pilon thốt lên. “Danny mất trí rồi, anh ấy đang gặp nguy hiểm. Nếu ta không cứu, e là anh ấy sẽ gặp chuyện gì đó kinh khủng.”

“Ta sẽ tìm,” Jesus Maria nói.

“Ta sẽ nhòm đằng sau từng gốc cây và từng chuồng ngựa,” Pablo cam đoan.

“Dưới những chiếc xuồng trên bãi biển,” Joe Voi đề xuất.

“Lũ chó sẽ giúp ta,” Cướp Biển nói.

Pilon lắc đầu. “Ấy không phải là cách khôn ngoan. Lần nào chúng ta cũng tới chỗ Danny vừa đi khỏi rồi. Chúng ta phải đợi ở nơi mà anh ấy sẽ tới. Chúng ta phải xử sự như những nhà thông thái, chứ không như những gã khờ.”

“Nhưng anh ấy sẽ tới đâu?”

Tia chớp lóe lên với tất cả bọn họ cùng một lúc. “Quán Torrelli! Trước sau gì Danny sẽ đến chỗ của Torrelli. Ta phải đến đó để tóm anh ấy và hãm anh khỏi cơn điên loạn.”

“Đúng rồi,” họ tán thành. “Chúng ta phải giải cứu Danny.”

Cùng nhau họ đến thăm Torrelli, nhưng Torrelli nhất định không cho họ vào. “Hỏi đi,” lão kêu lên qua cánh cửa, “ta đã thấy Danny chưa hả? Thằng khốn Danny mang ba cái chăn và hai cái nôi đến đây, ta đã đưa nó một ga-lông rượu. Rồi thằng

quỷ sứ ấy làm gì? Vợ ta nó sỉ nhục, còn tên ta nó réo chửi. Con ta nó võ mông, chó ta nó đá dít! Nó ăn cắp cái võng ở hàng hiên của ta.” Torrelli hỏn hển vì xúc cảm. “Ta rượt theo nó để lấy võng lại, và khi ta quay lại, nó đã cùng với vợ ta! Quyến rũ vợ người ta, ăn cắp, nát rượu! Đấy, bạn Danny của chúng mày đấy! Ta sẽ đích thân tiễn nó xuống mồ!”

Mắt những người bạn vằn lên. “Ôi chao, con lợn đảo Corse,” Pilon bình thản nói. “Người dám nhắc đến bạn của bọn ta ư. Bạn của bọn ta không khỏe lắm.”

Torrelli khóa cửa. Họ nghe tiếng còi cửa, nhưng Pilon tiếp tục nói qua cánh cửa đóng. “Ôi chao, đồ Do Thái,” chàng nói. “Nếu người rộng rãi hơn một chút với rượu của người, những sự này đã chẳng xảy ra. Chớ để cái lưỡi cóc nhái lạnh lẽo của người làm dơ bẩn bạn ta. Người khôn hồn thì hãy cư xử nhã nhặn với chàng, vì bạn chàng khá là đông đảo. Bọn ta sẽ moi gan người nếu như người không tử tế với chàng.”

Bên trong căn nhà khóa trái, Torrelli nín khe, nhưng lão ta lấy bẫy run sợ và tức giận vì sự lảng mạ. Lão thở phào khi nghe tiếng chân những người bạn xa dần trên lối đi.

Đêm đó, sau khi đã lên giường ngủ, những người bạn nghe thấy tiếng chân lén lút trong nhà bếp. Họ biết đó là Danny, nhưng chàng đã tẩu thoát trước khi họ có thể tóm được chàng. Họ quanh quẩn trong bóng tối, chán nản gọi, “Thôi nào, Danny, người bạn nhỏ mến yêu, chúng tôi cần huynh.” Không có tiếng trả lời, nhưng một hòn đá ném trúng bụng Joe Voi khiến chàng gập người lại trên nền đất. Ôi, những người bạn mới bất mãn làm sao, và lòng họ mới nặng nề làm sao!

“Danny đang chạy tới chỗ chết,” họ buồn bã nói. “Người bạn nhỏ bé của chúng ta đang hoạn nạn, mà chúng ta không thể giúp được gì.”

Bấy giờ trông nom nhà cửa rất khó khăn, vì Danny đã ăn cắp gần như mọi thứ trong nhà. Một cái ghế xuất hiện ở chỗ một người bán rượu lậu. Tất cả đồ ăn đều bị lấy đi, và một lần nọ, khi họ đang lòng sục chàng trong rừng, chàng ăn cắp cái bếp lò; nhưng nó nặng quá nên chàng bỏ trong khe núi. Tiền không có, vì Danny đã ăn cắp xe cút-kít của Cướp Biển để đổi với Joe Ortiz lấy một chai whisky. Giờ đây mọi sự bình yên đã biến mất khỏi nhà Danny, chỉ còn lại lo âu và buồn bã.

“Hạnh phúc của chúng ta đi đâu mất rồi?” Pablo than thở. “Hẳn là chúng ta đã mắc tội ở nơi nào đó. Đây là sự phán xét. Chúng ta phải đi xưng tội.”

Họ không còn bàn luận chuyện bồ bịch của Cornelia Ruiz nữa. Họ cũng không còn nói chuyện đạo đức hay làm những điều thiện nguyện. Cuộc đời tốt lành thực sự đã đổ nát. Và giữa cảnh hoang tàn là những tin đồn.

“Đêm qua Danny hiếp dâm không thành.”

“Danny đã vắt sữa con dê của bà Palochico.”

“Đêm hôm kia Danny đã đánh nhau với mấy anh lính.”

Tuy buồn về sự thoái hóa đạo đức của chàng, những người bạn không một chút ganh tị về khoảng thời gian tươi đẹp mà chàng đang hưởng thụ.

“Nếu anh ấy không mất trí thì anh ấy sẽ bị trừng phạt,” Pilon nói. “Chắc chắn như thế. Nếu đem so sánh thẳng thừng, Danny đang phá hết mọi kỷ lục phạm tội tôi từng nghe thấy. Ôi, thử nghĩ tới những hành xác chừng nào anh ấy tỉnh ngộ trở lại! Trong vòng vài tuần Danny đã chất chồng nhiều tội lỗi hơn lão Ruiz tích lũy cả đời.”

Đêm đó, Danny, không bị cản trở bởi lũ chó thân thiện, lại bò vào nhà khế khàng như bóng của một nhánh cây rung rinh dưới ánh đèn đường để cố tình chôm giày của Pilon. Sáng dậy

Pilon nhanh chóng hiểu ngay chuyện gì đã xảy ra. Chàng quả quyết tiến ra hàng hiên ngồi sưởi nắng và ngắm nghĩa chân mình.

“Giờ anh ấy đi quá xa rồi,” Pilon nói. “Anh ấy đã nghịch ngợm, chúng ta đã kiên nhẫn. Nhưng giờ đây anh ấy đã chuyển sang phạm tội. Đây không phải là Danny mà ta biết. Đây là một người khác, một người xấu. Chúng ta phải bắt giữ người xấu này.”

Pablo ngó xuống giày của mình với vẻ tự mãn. “Có thể đây cũng chỉ là trò nghịch,” chàng gợi ý.

“Không,” Pilon nghiêm khắc nói. “Đây là tội ác. Đôi giày ấy không chỉ là giày rất tốt, mà lấy đôi giày ấy đi là phạm tội trước tình bằng hữu. Đó là tội ác tồi tệ nhất. Nếu Danny ăn cắp được giày của bạn mình, anh ta sẽ không chùn tay trước bất kỳ tội ác nào khác.”

Những người bạn gật đầu tán thành. “Đúng, chúng ta phải bắt anh ấy,” Jesus Maria – con người nhân ái nói. “Ta biết anh ấy ốm. Ta sẽ buộc anh ấy vào giường và cố gắng chữa bệnh cho anh ấy. Chúng ta phải cố tẩy xóa sự đen tối khỏi não anh ấy.”

“Nhưng bây giờ,” Pablo nói, “trước khi bắt được anh ấy, chúng ta phải nhớ để giày của mình dưới gối khi đi ngủ.”

Căn nhà nằm trong tình trạng bị bao vây. Tất cả mọi thứ về căn nhà đều làm Danny nổi giận, và Danny đang có một quãng thời gian tuyệt diệu.

• • •

Hiếm khi nào gương mặt Torrelli bày tỏ bất cứ cảm xúc nào ngoại trừ nghi ngờ và giận dữ. Với tư cách người bán rượu lậu, và trong giao dịch với người dân ở Tortilla Flat, hai cảm

xúc này thường hiện diện trong lòng lão và in hằn trên mặt lão. Hơn nữa, Torrelli chưa bao giờ thăm viếng ai. Lão chỉ phải ở nhà để mọi người tới thăm lão. Do vậy, khi Torrelli cuốc bộ trên con đường về phía nhà Danny vào buổi sáng, với một gương mặt mang một nụ cười tiên tri và hân hoan hết cỡ, bọn trẻ con bèn chạy vào sân nhà mình nhìn trộm lão qua những cọc rào; lũ chó nem nép, sợ hãi cụp đuôi dưới bụng bỏ chạy; những người đi ngược chiều tránh đường cho lão, rồi dứ dứ nắm đấm dọa dẫm một người khùng.

Sáng nay sương mù giăng giăng kín cả bầu trời. Mặt trời, sau vài cuộc vùng vẫy bất thành, đành bỏ cuộc và ẩn sau mấy tầng mây xám. Những cây thông nhỏ những giọt sương bụi bặm xuống đất; và trên gương mặt đôi ba người đi lại trên đường, ngày mới có bộ dạng của những ánh mắt u ám và những làn da xám xịt. Không có những lời chào hỏi thật lòng. Cũng chẳng ai buồn giả vờ tin rằng ngày hôm nay sẽ tốt đẹp hơn tất cả những ngày khác.

Thấy Torrelli mỉm cười, lão Roca bèn đi về nhà bảo vợ, “Lão ấy vừa mới ăn thịt con lão. Rồi bà sẽ thấy!”

Torrelli vui vẻ, vì trong túi lão có một tờ giấy quý giá đã được gấp lại. Lão cứ liên tục lần sờ trong áo khoác và ép vào cho đến khi một âm thanh sột soạt nho nhỏ đảm bảo với Torrelli rằng tờ giấy vẫn còn đó. Trong khi cuốc bộ xuyên qua buổi sáng xám xịt, lão lẩm nhẩm một mình.

“Cái ổ rắn đó,” lão nói. “Ta sẽ xóa sổ ổ dịch là đám bạn thằng Danny này. Không bao giờ ta sẽ đổi rượu lấy đồ đạc và để cho đồ đạc lại bị mất cắp lần nữa. Từng đưa một thì không đến nỗi quá tệ, nhưng cả ổ bọn chúng! Đức Mẹ ôi, hãy nhìn xuống đây xem con ném chúng ra đường như thế nào! Lũ cóc nhái, chấy rận, ruồi bọ! Khi chúng trở về ngủ trong rừng,

chúng sẽ không còn kiêu ngạo được nữa.

“Ta chắc chắn sẽ cho chúng biết rằng Torrelli đã chiến thắng. Chúng tưởng chúng lừa được ta, cướp bóc đồ đạc nhà ta và phẩm hạnh của vợ ta. Chúng sẽ thấy rằng Torrelli, kẻ đau khổ vĩ đại, có thể phản đòn.Ồ, rồi chúng sẽ thấy!”

Cứ thế, lão vừa lẩm bẩm vừa bước đi, mấy ngón tay lão vằn vò tờ giấy kê sột soạt trong túi. Cây cối nhỏ những giọt ảm đạm xuống đất. Những con mòng biển lượn vòng trong không trung, kêu gào ai oán. Torrelli di chuyển như Định Mệnh xám xịt về phía nhà Danny.

Không khí trong nhà Danny bấy giờ cũng ảm đạm. Những người bạn không thể ngồi ở hàng hiên sưởi nắng được nữa vì không có chút nắng nào. Chẳng có lí do nào tốt hơn cho sự ảm đạm. Họ đã mang cái bếp lò bị đánh cắp từ khe núi về và dọn dẹp nó. Bây giờ họ tụ tập quanh bếp, và Johnny Pom-pom, người ghé vào chơi, đang báo cáo những tin tức nó nghe được.

“Tito Ralph,” Johnny nói, “không còn là cai tù ở nhà tù thành phố nữa. Không đâu, sáng nay vị quan tòa bên cảnh sát đã đuổi ông ấy đi.”

“Tôi mến Tito Ralph,” Pilon nói. “Khi có ai phải vào tù, Tito Ralph sẽ mang cho anh ta một chút vang. Ông ấy biết nhiều chuyện hơn một trăm người cộng lại. Sao ông ấy lại mất việc hả Johnny Pom-pom?”

“Thì em tới đây để kể chuyện ấy mà. Các anh biết đấy, Tito Ralph cũng thường ngồi tù, và ông ấy là một tù nhân tốt. Ông ấy biết phải vận hành một nhà tù như thế nào. Chẳng mấy chốc ông ấy rành nhà tù hơn bất kỳ ai. Rồi Daddy Marks, cai tù cũ chết, nên Tito Ralph thế chỗ ông ấy. Chưa bao giờ có cai tù nào tốt như Tito Ralph. Mọi thứ ông làm đều hợp lý. Nhưng

ông ấy có một khuyết điểm nho nhỏ. Khi rượu vào, ông quên mình là cai tù. Ông ấy bỏ trốn, và người ta phải bắt ông lại.”

Những người bạn gật gù. “Tôi biết,” Pablo nói. “Tôi đã nghe nói cũng khó mà bắt được ông ấy. Ông ấy trốn.”

“Đúng rồi,” Johnny Pom-pom nói, “ngoại trừ chuyện đó, ông ấy là cai tù tốt nhất họ từng có. À, em tới để kể chuyện này. Tối qua Danny có đủ rượu cho mười người, song anh ấy uống sạch. Rồi anh ấy vẽ nhăng vẽ cuội lên các cửa sổ. Anh ấy có tiền; anh ấy mua trứng để ném một người Hoa. Một trong những quả trứng ấy không trúng lão người Hoa mà trúng một viên cảnh sát. Thế là Danny vào tù.

“Nhưng anh ấy có tiền. Anh ấy sai Tito Ralph ra ngoài kiếm tí rượu, và rồi thêm tí rượu nữa. Có bốn người trong tù. Tất cả đều uống rượu. Cuối cùng cái điểm yếu đó của Tito Ralph lại thò ra. Thế là ông ấy đào tẩu, tất cả những người kia cũng trốn cùng ông. Sáng nay họ bắt được Tito Ralph, họ bảo ông ấy không được làm cai ngục nữa. Ông ấy buồn quá nên đập vỡ một cửa sổ và bây giờ ông ấy lại ngồi tù.”

“Nhưng còn Danny,” Pilon kêu lên. “Danny thì sao?”

“Ồ, Danny,” Johnny Pom-pom nói, “anh ấy cũng trốn thoát. Người ta không bắt được anh ấy.” Những người bạn thở dài thất vọng.

“Danny ngày càng tệ,” Pilon nghiêm trang nói. “Anh ấy sẽ không có kết cục tốt đẹp đâu. Tôi không hiểu anh ấy lấy tiền từ đâu ra.”

Chính lúc đó lão Torrelli đắc thắng mở cổng sỏi bước trên lối đi. Lũ chó của Cướp Biển nhồm dậy sột sệ trong góc của chúng và tiến lại gần cửa, gầm gừ. Những người bạn ngược lên nhìn nhau dò hỏi. Joe Voi cầm cái cán mai gần đây được sử dụng với chính chàng lên. Bước chân nặng nề tự tin của

Torrelli nện trên hàng hiên. Cánh cửa bật mở, và Torrelli đứng đó, mỉm cười. Lão không hăm dọa họ. Không, lão bước tới nhẹ nhàng như một con mèo nhà. Lão vỗ vai họ một cách tử tế, như con mèo nhà vỗ một con gián.

“À, các bạn của tôi,” lão dịu dàng nói, trong khi trông họ đầy cảnh giác. “Các bạn tốt và khách hàng quý mến của tôi. Lòng tôi tan nát khi phải là người mang tin xấu đến cho những người tôi yêu mến.”

Pilon chồm tới. “Danny. Anh ấy ốm hay bị thương? Nói đi.”

Torrelli nhả nhặn lắc đầu. “Không, các cậu bé của tôi, không phải Danny. Tim tôi rỉ máu, nhưng tôi phải báo cho các cậu rằng các cậu không thể sống ở đây được nữa.” Mắt lão hả hê trước sự bàng hoàng mà những lời của lão gây ra. Mọi cái miệng đều há hốc, mọi con mắt đều dại đi vì kinh ngạc.

“Thật là ngớ ngẩn,” Pablo kêu lên. “Tại sao chúng tôi không thể sống ở đây nữa?”

Torrelli duyên dáng thò tay vào túi áo ngực, rút ra tờ giấy quý giá và phe phẩy nó. “Hãy hình dung nỗi đau khổ của tôi,” Torrelli tiếp tục. “Danny không còn sở hữu căn nhà này nữa.”

“Cái gì!” họ kêu lên. “Ý lão là sao? Làm thế nào mà Danny không còn sở hữu căn nhà này nữa? Nói ngay, ôi chao, con lợn xứ Corse.”

Torrelli cười hích hích – một việc quá kinh khủng đến nỗi các *paisano* thoái lui khỏi lão ta mấy bước. “Bởi vì,” lão nói, “căn nhà này thuộc về tôi. Tối qua Danny tới chỗ tôi và bán căn nhà này cho tôi lấy hai mươi lăm đô-la.” Lão hau háu dõi theo những ý nghĩ đang chen chúc trên gương mặt họ.

“Nói dối,” gương mặt họ nói. “Danny sẽ không làm chuyện như thế.” Và rồi, “Nhưng gần đây Danny đã làm nhiều chuyện rất tệ. Anh ấy đã ăn trộm đồ của chúng ta. Có khi anh đã bán

căn nhà mà ta không hay biết.”

“Nói dối,” Pilon kêu to. “Dối trá bản thủ.”

Torrelli cứ mỉm cười và phe phẩy tờ giấy. “Tôi có bằng chứng đây,” lão nói. “Đây là tờ giấy mà Danny đã ký. Đây là thứ mà dân làm ăn chúng tôi gọi là giấy bán nhà.”

Pablo sấn lại lão giận dữ. “Lão chuốc cho anh ấy say. Anh ấy không biết mình làm gì.”

Torrelli hé tờ giấy ra một chút. “Luật pháp không quan tâm đến chuyện đó,” lão nói. “Và như vậy, các bạn nhỏ bé thân yêu của tôi, phận sự khùng khiếp của tôi là bảo các cậu phải ra khỏi nhà tôi. Tôi có kế hoạch cho căn nhà này rồi.” Lúc đó, nụ cười biến mất khỏi gương mặt lão, và mọi vẻ hung ác quay trở lại trên gương mặt ấy. “Nếu tới giữa trưa mà các cậu chưa ra khỏi nhà, tôi sẽ gọi cảnh sát tới.”

Pilon nhẹ nhàng tiến về phía lão. Ô, hãy coi chừng, Torrelli, khi mà Pilon vừa tiến lại vừa mỉm cười với lão. Chạy đi, hãy giấu mình trong một căn phòng bằng sắt nào đó và hàn kín cửa lại. “Tôi không hiểu những việc này,” Pilon mềm mỏng nói. “Dĩ nhiên tôi lấy làm buồn lòng khi Danny lại làm một việc như thế này.”

Torrelli lại hích hích cười.

“Tôi chưa bao giờ có một căn nhà để bán,” Pilon tiếp tục. “Danny ký tờ giấy này, phải không?”

“Đúng rồi,” Torrelli nhại chàng, “Danny ký tờ giấy này. Phải rồi.”

Pilon tiếp tục ngớ ngẩn hỏi. “Đó là thứ chứng tỏ rằng lão sở hữu căn nhà này?”

“Đúng rồi, ôi chao, chàng khờ bé nhỏ. Đây là giấy tờ chứng minh việc ấy.”

Pilon trông ngơ ngác. “Tôi tưởng lão phải mang nó xuống

kia làm chứng nhận gì đấy chứ.”

Torrelli phá ra cười nhạo báng. Ô, coi chừng, Torrelli! Lão không thấy những con rắn này di chuyển lặng lẽ thế nào ư? Ở trước cửa có Jesus Maria. Bên cửa bếp có Pablo. Hãy xem Joe Voi nắm chặt cán mai.

Torrelli nói, “Các cậu chẳng biết gì về làm ăn cả, những kẻ lông bông lang bang bé nhỏ của ta. Khi ra khỏi đây, tôi sẽ mang tờ giấy này xuống và...”

Mọi việc xảy ra quá lạ lùng đến nỗi những từ cuối cùng như bị đánh thốc ra khỏi lão. Hai chân lão chới với trong không khí. Lão tiếp đất bằng một tiếng bịch nặng nề trên sàn nhà và bấu víu vào không khí bằng đôi bàn tay nắn nắn. Lão nghe tiếng nắp bếp kêu keng.

“Đồ ăn cắp,” lão gào lên. Máu dồn lên cổ và lên mặt lão.

“Đồ ăn cắp, ối, lũ chuột cống, lũ chó dại, đưa tờ giấy cho ta.” Pilon, đứng trước mặt lão, trông kinh ngạc.

“Giấy nào?” chàng lịch thiệp hỏi. “Lão đang nói về tờ giấy nào mà thảm thiết đến thế?”

“Giấy bán nhà của ta, giấy sở hữu của ta. Ôi, cảnh sát sẽ biết tin này!”

“Tôi không nhớ có một tờ giấy nào,” Pilon nói. “Pablo, cậu có biết lão đây nói về tờ giấy nào không?”

“Giấy ư?” Pablo nói. “Ý lão ấy nói giấy báo hay giấy vấn thuốc lá?”

Pilon tiếp tục điểm danh. “Johnny Pom-pom?”

“Chắc là lão, lão đang nằm mơ,” Johnny Pom-pom nói.

“Jesus Maria? Cậu có biết tờ giấy nào không?”

“Tôi nghĩ lão say rồi,” Jesus Maria nói bằng một giọng mỉa mai. “Sáng sớm tỉnh mơ mà say được cũng tài.”

“Joe Voi?”

“Tôi có ở đây đâu,” Joe quả quyết. “Tôi vừa mới bước vào mà.”

“Cướp Biển?”

“Lão hông có tờ giấy nào hết,” Cướp Biển quay sang lũ chó của mình, “phải hông?”

Pilon quay lại lão Torrelli đang phùng phùng giận dữ. “Lão nhầm rồi, bạn của tôi ạ. Tôi thì có thể nhầm về tờ giấy, nhưng chính lão thấy là không ai ngoài lão nhìn thấy tờ giấy ấy cả. Lão có trách tôi không khi tôi nghĩ có lẽ là không có tờ giấy nào hết? Có lẽ lão nên lên giường nghỉ ngơi một chút chăng.”

Torrelli quá choáng váng nên không thể la hét thêm chút nào. Họ vờn lão dậy, giúp lão ra cửa và đẩy cho lão đi nhanh, chìm đắm trong sự chua chát của thất bại.

Và rồi họ nhìn bầu trời vui mừng; vì mặt trời đã lại chiến đấu và lần này giành được một lối đi qua màn sương mù. Những người bạn không quay vào trong nhà. Họ vui sướng ngồi xuống ở hàng hiên.

“Hai mươi lăm đô-la,” Pilon nói. “Tôi không biết anh ấy làm gì với số tiền này.”

Mặt trời, một khi đã thắng trong cuộc chạm trán đầu tiên, rẽ màn sương mù đậm xuống từ bầu trời. Mái hiên ấm lên, và lũ ruồi kêu vo ve trong làn ánh sáng. Những người bạn đã kiệt sức.

“Suýt nữa thì chết!” Pablo mệt rã nói. “Danny không nên làm những chuyện như thế.”

“Chúng ta sẽ mua tất cả rượu của mình từ chỗ Torrelli để bù đắp cho lão,” Jesus Maria nói.

Một con chim nhảy lên bụi hoa hồng vẫy mạnh đuôi. Lũ gà mới của bà Morales hát một bài ca suồng sã dành cho mặt trời. Lũ chó, ngoài sân trước, trầm tư gãi khắp người và gặm

đuôi mình.

Nghe tiếng chân từ ngoài đường, những người bạn ngẩng nhìn lên rồi đứng dậy nở nụ cười chào đón. Danny cùng đi với Tito Ralph vào cổng, mỗi người vác hai túi nặng. Jesus Maria lao vào nhà mang ra các hũ trái cây. Những người bạn để ý thấy Danny trông hơi mệt mỗi khi chàng đặt các bình rượu xuống hàng hiên.

“Trèo lên cái đồi này nóng hết cả người,” Danny nói.

“Tito Ralph,” Johnny Pom-pom kêu lên, “cháu nghe nói bác bị bỏ tù rồi.”

“Tôi lại trốn thoát,” Tito Ralph uể oải nói. “Tôi vẫn còn giữ chìa khóa.”

Các hũ trái cây được ông ọc rót đầy. Mọi người thở phào thật to, một tiếng thở nhẹ nhõm vì mọi việc đã qua.

Pilon uống một ngụm lớn. “Danny,” chàng nói, “cái con lợn ấy, lão Torrelli, sáng nay lên đây mang theo những lời dối trá. Lão cầm một tờ giấy nói là anh đã ký.”

Danny trông hoảng hốt. “Tờ giấy ấy đâu?” chàng hỏi.

“Ừm,” Pilon tiếp. “Chúng tôi biết lão nói dối, nên chúng tôi đốt tờ giấy ấy rồi. Anh không ký nó, đúng không?”

“Không,” Danny nói, và chàng uống cạn hũ.

“Giá có chút gì để ăn thì hay,” Jesus Maria bình luận.

Danny mỉm cười ngọt ngào. “Quên mất. Một trong mấy cái túi kia có ba con gà và một ít bánh mì.”

Nỗi hân hoan và nhẹ nhõm của Pilon quá lớn lao, đến nỗi chàng đứng dậy làm một bài diễn văn nho nhỏ. “Ở đâu có một người bạn như bạn của chúng ta?” chàng hùng hồn. “Chàng đưa chúng ta vào nhà mình để chúng ta khỏi bị lạnh cóng. Chàng chia sẻ thức ăn ngon với ta, cả rượu vang nữa. Ôi, con người tốt bụng, người bạn yêu quý.”

Danny bối rối. Chàng nhìn sàn nhà. “Có gì đâu,” chàng lẩm nhẩm. “Có đáng kể gì đâu.”

Nhưng niềm vui của Pilon quá lớn đến nỗi nó trùm lên cả thế giới, thậm chí cả những thứ xấu xa của thế giới. “Lúc nào đó chúng ta phải làm điều gì đó tử tế cho lão Torrelli,” chàng nói.

XVI

Về nỗi buồn của Danny. Các bạn của Danny đã hy sinh để tổ chức một bữa tiệc như thế nào.

Danny được chuyển hóa ra sao.



Khi về lại nhà và về lại với các bạn sau cơn cuồng loạn, Danny không bị lương tâm cắn rứt nhưng chàng rất mệt mỏi. Những ngón tay thô ráp của thời trải nghiệm tung bưng đã để lại dấu vân tay trong tâm hồn chàng. Chàng bắt đầu sống uể oải, ra khỏi giường chỉ để ngồi ở hàng hiên, dưới cội hoa hồng dại; ra khỏi hàng hiên chỉ để ăn; ra khỏi bàn ăn chỉ để đi ngủ. Những trò chuyện lảng đãng quanh chàng, chàng vẫn lắng nghe, nhưng chàng không để tâm. Cornelia có một cuộc đổi chồng nhanh và tuyệt diệu, nhưng chuyện ấy chẳng khuấy động cảm xúc nào trong Danny. Một tối nọ Joe Voi trèo vào giường của chàng nhưng Danny thờ ơ đến nỗi Pilon và Pablo phải tấn Joe Voi hộ chàng. Khi Sammy Rasper, trong lúc ăn mừng Năm Mới muộn với một khẩu súng ngắn và một ga-lông whisky, đã hạ một con bò rồi đi tù, Danny thậm chí cũng chẳng buồn thảo luận về khía cạnh đạo đức của vụ việc, mặc dù các tranh cãi diễn ra ác liệt quanh chàng và mặc dù các bạn chàng ra sức mời mọc chàng cho ý kiến.

Được ít lâu các bạn chàng bắt đầu lo lắng về Danny. “Anh ấy đã thay đổi,” Pilon nói. “Anh ấy già rồi.”

Jesus Maria đoán, “Danny đã dồn những quãng thời gian tươi đẹp của một đời vào trong chỉ ba tuần. Anh ấy đã chán

ngấy những trò vui.”

Trong tuyệt vọng các bạn cố gắng kéo Danny ra khỏi cái hang lãnh đạm của chàng. Vào các buổi sáng, ở trước hiên, họ kể những câu chuyện khôi hài nhất. Họ thuật lại những chi tiết trong đời sống yêu đương của Tortilla Flat thấu đáo đến độ những chi tiết ấy hẳn sẽ là mối quan tâm đối với một khóa học phê bình. Pilon sàng lọc khắp thị trấn để kiếm tin tức và mang về nhà mọi chuyện mà Danny có thể quan tâm; nhưng đã có dấu hiệu tuổi tác trong mắt và trong sự mệt mỏi của Danny.

“Huynh không khỏe rồi,” Jesus Maria khấn khoản trong tuyệt vọng. “Trong tim huynh ắt có bí mật cay đắng nào đó.”

“Không có gì cả,” Danny trả lời.

Các bạn chàng để ý thấy chàng để ruồi bò trên chân mình cả đôi, và tới lúc chàng đập chúng thì không có chút nghệ thuật nào trong cú đập của chàng. Dần dần tinh thần phấn chấn cùng tiếng cười vốn luôn chực chờ bùng nổ đã biến khỏi nhà Danny và trượt vào cái vũng tối tăm là sự im lặng của Danny.

Ôi, thật đau lòng khi thấy chàng như thế, cái anh chàng Danny ấy – người từng chiến đấu vì những lý tưởng đã mất hay bất cứ loại lý tưởng nào khác; Danny người có thể đối ẩm với bất kỳ ai trên thế gian; Danny – người đáp lại cái liếc mắt của ái tình như một con hổ động tình. Giờ thì chàng ngồi ở hiên trước dưới ánh nắng; hai đầu gối trong chiếc quần jean xanh co lên tận ngực, hay cánh tay buông thõng, hai bàn tay rủ xuống từ cổ tay, đầu gục về phía trước như thể bị đè nặng bởi một ý nghĩ u ám nặng nề. Mắt chàng không có tí ánh sáng ham muốn hay bất mãn, mà cũng chẳng lộ ra niềm vui hay nỗi đau nào.

Ôi Danny đáng thương, cuộc đời đã rời bỏ chàng! Chàng ngồi đây như con người đầu tiên của nhân loại, trước khi thế giới mọc lên quanh chàng; và như con người cuối cùng, sau khi thế giới đã tàn lụi. Nhưng nhìn xem, Danny! Chàng không cô độc. Bạn bè của chàng cũng đang ở trong cùng cảnh ngộ này với chàng. Họ dõi theo chàng bằng khóe mắt. Họ chờ đợi như những con chó con châu hầu đợi cử động thức giấc đầu tiên của chủ nhân. Chỉ cần một lời hân hoan từ chàng, Danny, một ánh nhìn hân hoan, thì chúng sẽ sủa và rượt bắt đuôi mình. Cuộc đời chàng không chỉ thuộc về chàng, vì nó còn điều khiển những cuộc đời khác. Hãy xem bạn bè chàng khổ sở thế nào! Hãy mạnh mẽ quay trở lại cuộc đời, Danny, để cho bạn bè chàng có thể sống lại!

Đây thực ra là những điều Pilon nói, tuy không bằng những từ ngữ đẹp đẽ như vậy. Pilon chìa một hũ rượu vang ra cho Danny. “Thôi nào,” chàng nói. “Đứng dậy đi.”

Danny đón lấy cái hũ và uống cạn. Rồi chàng lại buông người ngồi xuống, cố tìm lại cội Niết bàn cảm xúc của mình.

“Huynh có đau chỗ nào không?” Pilon hỏi.

“Không,” Danny nói.

Pilon rót cho chàng một hũ rượu nữa và ngắm nhìn gương mặt chàng trong khi rượu biến mất. Đôi mắt chàng mất đi vẻ đờ đẫn. Trong cội thẳm sâu nào đó, chàng Danny xưa máy động trở lại cuộc đời được một khắc. Chàng giết một con ruồi bằng một cú ra tay đáng tầm một bậc thầy.

Một nụ cười từ từ rạng ra trên mặt của Pilon. lát sau chàng tập hợp tất cả các bạn lại, Pablo, Jesus Maria, Joe Voi, Cướp Biển, Johnny Pom-pom và Tito Ralph.

Pilon dẫn tất cả vào trong khe núi sau nhà. “Tôi đưa cho Danny chỗ rượu vang cuối cùng, rượu đã giúp cho anh ấy tươi

tỉnh. Cái Danny cần là thật nhiều rượu, và có lẽ là một bữa tiệc. Chúng ta có thể kiếm rượu ở đâu?”

Đầu óc họ điếm qua các khả năng của Monterey như những con chó săn chuột trong một nhà kho, chỉ khác là chẳng có con chuột nào. Những người bạn này bị hối thúc bởi một chủ nghĩa nhân sinh còn thanh khiết hơn những gì mà hầu hết con người có thể tưởng tượng. Họ yêu Danny.

Cuối cùng, Jesus Maria nói, “Lão Chin Kee đang đóng gói mực.”

Đầu óc họ vùng bỏ chạy, rồi tò mò ngoảnh lại nhìn, rồi lảng lảng quay lại và hít ngửi cái cảnh tượng ấy. Mãi một lúc sau thì trí tưởng tượng bị chấn động của họ mới có thể làm quen với cái cảnh tượng này. “Nhưng rốt cuộc thì tại sao không chứ?” họ thầm biện luận. “Một ngày cũng không phải quá tệ – chỉ một ngày thôi mà.”

Có thể nhìn thấy diễn tiến của cuộc đấu tranh trên gương mặt họ, và làm thế nào mà họ chiến thắng nỗi sợ hãi vì sự an nguy của Danny.

“Chúng ta sẽ làm việc đó,” Pilon nói. “Sáng mai cả bọn ta sẽ đi thái mực, và đêm mai chúng ta sẽ làm một bữa tiệc cho Danny.”

Sáng hôm sau, khi Danny thức dậy, nhà đã vắng hoe. Chàng ngồi dậy trên giường và nhìn qua những căn phòng im ắng. Nhưng Danny không phải là loại người ủ ê quá lâu. Chàng không cho việc các bạn đi vắng là một vấn đề phải lo, rồi chàng cũng chẳng buồn nghĩ tới việc đó nữa. Chàng ra hiên trước và uể oải ngồi xuống.

Phải chăng chàng đã linh cảm điều gì, Danny? Chàng có sợ cái định mệnh đang khép chặt vòng vây quanh chàng không? Chẳng hoan lạc nào còn sót lại ư? Không. Danny vẫn chìm

đắm trong bản thân như thế suốt cả tuần qua.

Nhưng Tortila Flat thì không thế. Tin đồn mau chóng lan tỏa, “Các bạn của Danny đang thái mực cho lão Chin Kee.” Đó là một điếm báo, như là sự lật đổ chính quyền, hay thậm chí thái dương hệ. Người ta xôn xao bàn tán ngoài đường, í a í ới gọi các bà các cô qua các hàng rào sau nhà, những người này sau đó vội vã đi kể lại. “Tất cả bạn bè của Danny đang thái mực ở dưới kia.”

Buổi sáng sôi sùng sục với tin này. Hẳn phải có một lý do nào đó, một bí mật nào đó. Các bà mẹ lệnh cho con cái chạy tới sân thái mực của Chin Kee. Sau rèm cửa, các thiếu phụ hồi hộp đợi chờ những tin tức mới nhất. Và tin tức truyền tới.

“Dao thái mực làm đứt tay Pablo.”

“Chin Kee đã đá mấy con chó của Cướp Biển.”

Lộn xộn.

“Lũ chó trở lại.”

“Pilon trông hằm hằm.”

Người ta đặt vài cú cá cược nho nhỏ. Đã hàng tháng rồi chẳng có chuyện gì nhộn nhịp như thế xảy ra. Nguyên cả một buổi sáng chẳng ai nói lời nào về Cornelia Ruiz. Mãi đến giữa trưa tin thực sự mới lộ ra, nhưng lúc đó nó loang đi cực kỳ nhanh chóng.”

“Họ sắp làm một bữa tiệc lớn cho Danny.”

“Mọi người đều đi dự.”

Các chỉ thị bắt đầu xuất hiện từ sân thái mực. Bà Morales phủ bụi chiếc máy hát, chọn ra những đĩa ồn ã nhất. Có tia lửa nào đó lóe lên, và cả Tortila Flat bén lửa. Bảy người bạn, thật thế, sẽ làm một bữa tiệc cho Danny! Cứ làm như Danny chỉ có bảy người bạn! Bà Soto vác một con dao to bản xuống sân gà của mình. Bà Palochico đổ một bao đường vào cái nồi

to nhất để làm kẹo. Một đoàn con gái xông vào cửa hàng Woolworth ở Monterey mua trọn bộ giấy màu trang trí. Tây ban cầm và phong cầm được dạo thử khắp thị trấn.

Tin tức! Có thêm tin tức từ sân thái mực. Họ sẽ không bỏ cuộc. Họ rất cương quyết. Họ sẽ kiếm được ít nhất mười bốn đô-la. Xem như là mười bốn ga-lông rượu đã sẵn sàng.

Torrelli buôn bán nhộn nhịp. Mọi người đều muốn mua một ga-lông để mang đến nhà Danny. Đích thân Torrelli, bị sự tung bừng của cả thị trấn lôi cuốn, bảo vợ, “Chắc tôi sẽ tới nhà Danny. Tôi sẽ mang theo vài ga-lông cho các bạn của mình.”

Buổi chiều dần trôi qua, những làn sóng hào hứng loang khắp thị trấn. Những chiếc váy cả đời không mặc đến được mở ra và treo lên. Những chiếc khăn san mà lũ bướm đêm khao khát suốt hai trăm năm được treo trên hàng rào ngoài hiên, toát mùi băng phiến.

Còn Danny? Chàng ngồi như một người thân thể rã rời. Chàng chỉ nhúc nhích khi mặt trời xế dịch. Giả như chàng có nhận ra mọi cư dân của Tortilla Flat đều đã đi ngang qua cổng nhà chàng chiều hôm ấy, chàng cũng không ra dấu hiệu nào. Tội nghiệp Danny! Ít nhất hai tá cặp mắt theo dõi cổng trước nhà chàng. Khoảng bốn giờ chiều, chàng đứng dậy, vươn người rồi lững thững ra khỏi sân đi về phía Monterey.

Ôi trời, họ hầu như không chờ tới khi chàng đi khuất. Ô kìa, giấy trang trí màu xanh lá cây, vàng và đỏ được lại xoắn lại và giăng lên! Ô kìa, nển được cạo ra rồi những mảng cạo được ném tung tóe trên sàn! Ô kìa, lũ trẻ con náo nức trượt cho sáp phủ đều ra.

Thức ăn được mang tới. Những chậu cơm, nôi gà luộc với cả bánh bao có thể làm người ta giật mình. Và rượu được bày

ra, hàng hàng ga-lông xếp cạnh nhau. Martinez đào một thùng whisky ủ trong đồng phân bón của mình lên mang đến nhà Danny.

Năm giờ ba mươi, những người bạn dàn hàng đi lên đồi; ai cũng mệt mỏi và đầy máu me, nhưng hân hoan. Hẳn các Vệ Binh Già đã trông giống thế khi họ trở lại Paris sau trận Austerlitz^[42]. Họ thấy ngôi nhà ngập tràn màu sắc. Họ cười ha hả, bao nhiêu mệt mỏi đều tan biến. Họ sung sướng đến nỗi nước mắt chọt giàn giụa.

Mama Chipo bước vào sân, theo sau là hai cậu con trai khênh một chậu lớn *salsa pura*^[43]. Paulito, thằng nhóc con nhà giàu đó, vội vã châm lửa bên dưới một ấm lớn đậu và ớt. Có tiếng quát tháo, tiếng hát nghêu ngao, tiếng léo nhéo của phụ nữ, tiếng huyên náo của đám trẻ con phấn khích.

Một chiếc xe hơi đầy những viên cảnh sát mặt mày căng thẳng chạy từ Monterey lên. “Ồ, hóa ra chỉ là một bữa tiệc. Dĩ nhiên rồi, chúng tôi sẽ uống một ly. Đừng giết ai đấy nhé.”

Danny đang ở đâu? Cô đơn như làn khói trong một đêm trời trong và lạnh lẽo, chàng phiêu dạt giữa Monterey suốt buổi tối. Chàng đi đến bưu điện, ra nhà ga, tới những phòng chơi bi-da ở đường Alvarado, tới cầu cảng nơi mặt nước đen ngòm thở than giữa các trụ cầu. Chuyện gì vậy, Danny? Chuyện gì khiến chàng cảm thấy thế này? Danny không hay biết. Trong trái tim chàng có nỗi đau đớn như già biệt một người đàn bà yêu dấu; trong chàng có nỗi buồn mơ hồ như sự tuyệt vọng của mùa thu. Chàng đi ngang qua những tiệm ăn mà chàng từng hít hà thích thú, nhưng chẳng có cơn thèm thường nào trỗi dậy trong chàng. Chàng đi ngang qua tụ điểm vĩ đại của Má mì Zuca, mà chẳng buông lời ong bướm nào với các cô gái sau các khung cửa sổ. Chàng trở lại bên cầu cảng.

Chàng thì người qua lan can, nhìn xuống vùng nước sâu, thăm thẳm. Chàng biết chằng, Danny, rượu vang của đời chàng đang rót vào các hũ trái cây của các vị thần như thế nào? Chàng có nhìn thấy ngày tháng của đời chàng làm cuộc diễu hành trong vùng nước đầy vầng dầu giữa các trụ cầu? Chàng vẫn đứng đó bất động, đăm đăm nhìn xuống.

Ở nhà Danny mọi người bắt đầu lo lắng về chàng khi trời tối dần. Những người bạn rời bữa tiệc, rảo bước xuống đồi, đi vào Monterey. Họ hỏi, “Ông bà có thấy Danny không?”

“Có thấy, Danny đi ngang qua đây cách khoảng một tiếng đồng hồ. Anh ấy đi chậm lắm.”

Pilon cùng Pablo đi lòng. Họ lần theo dấu vết bạn mình trên con đường chàng đã đi qua, cuối cùng họ thấy chàng, phía cuối cầu tàu tối om. Một ánh đèn điện mờ mờ ở cầu cảng rọi lên người chàng. Họ vội vã phóng về phía ấy.

Lúc đó Pablo không nói tới chuyện này, nhưng về sau này mỗi khi có ai nhắc tới Danny chàng luôn có thói quen mô tả những gì nhìn thấy khi chàng và Pilon đi ra cầu cảng về phía Danny. “Anh ấy đứng đó,” Pablo lúc nào cũng nói. “Tôi chỉ thấy anh ấy thì người trên lan can. Tôi nhìn anh ấy, rồi sau đó tôi thấy có gì đó khác. Thoạt tiên trông như có một đám mây đen trên đầu Danny. Và rồi tôi thấy một con chim lớn màu đen, to bằng một người. Nó treo lơ lửng trên không như chim ưng trên hang thỏ. Tôi làm dấu thánh và gọi tên Đức Mẹ Maria hai lần. Khi chúng tôi đến chỗ Danny thì con chim biến mất.”

Pilon không nhìn thấy con chim. Hơn nữa, Pilon cũng không nhớ Pablo đã làm dấu thánh và gọi tên Đức Mẹ Maria. Nhưng chàng không bao giờ can thiệp vào câu chuyện, vì đó là câu chuyện của Pablo.

Họ vội vã đi về phía Danny, những tấm ván cầu cảng gỗ

nhịp óp ép dưới chân. Danny không ngoảnh đầu. Họ nắm lấy hai cánh tay xoay chàng lại.

“Danny! Có chuyện gì thế?”

“Không có gì. Tôi bình thường mà.”

“Huynh có ốm không, Danny?”

“Không.”

“Vậy điều gì làm huynh buồn rầu?”

“Tôi không biết,” Danny nói. “Tôi chỉ cảm thấy thế này. Tôi không muốn làm gì hết.”

“Có khi bác sĩ có thể giúp huynh.”

“Tôi đã bảo là không ốm mà.”

“Nghe này,” Pilon kêu lên. “Chúng tôi đang làm một bữa tiệc dành cho huynh ở nhà. Tất cả mọi người ở Tortilla Flat đều ở đó, cùng âm nhạc, rượu vang và thịt gà! Chắc phải có đến hai mươi hay ba mươi ga-lông rượu. Và giấy màu sặc sỡ được treo lên. Huynh không muốn tới sao?”

Danny hít sâu. Chàng quay lại về phía mặt nước đen ngòm sâu hút trong một khắc. Có lẽ chàng thì thầm với các vị thần một lời hứa hay một lời thách thức.

Chàng xoay lại phía các bạn mình. Mắt chàng long lanh. “Các cậu nói đúng lắm, tôi muốn đi. Nhanh lên. Tôi khát quá. Có cô gái nào ở đó không?”

“Nhiều con gái lắm. Tất cả con gái của thị trấn.”

“Vậy thì đi nào. Nhanh lên.”

Chàng dẫn đầu, chạy ngược lên đồi. Từ khá xa họ đã nghe thấy điệu ngọt ngào của âm nhạc xuyên qua những tán thông và những nốt cao chói lói của bao giọng nói vui tươi náo nhiệt. Ba kẻ đến muộn chạy hết tốc lực tới nơi. Danny ngẩng đầu, cất tiếng hú như một con sói thảo nguyên. Các bình rượu được chìa ra cho chàng. Chàng uống của mỗi người một

ngụm.

Thật là một bữa tiệc trứ danh! Mãi mãi về sau này, khi một người nói về một bữa tiệc tưng bừng, sẽ có ai đó chắc chắn nói với vẻ kính trọng, “Anh có đi dự cái bữa tiệc ở nhà Danny không?” Và, trừ khi người kia là người mới tới, anh ta chắc chắn đã ở đó. Thật là một bữa tiệc trứ danh! Không ai còn thử tổ chức một bữa tiệc vui hơn. Chuyện như thế là không thể; vì chỉ sau hai ngày, bữa tiệc của Danny được nhắc hẳn ra khỏi mọi so sánh khả dĩ với tất cả những bữa tiệc từng được tổ chức. Ai là người ra khỏi bữa tiệc đó mà không mang theo vài vết bầm dập hay trầy trụa huy hoàng? Chưa bao giờ có nhiều cuộc đánh nhau đến thế; chẳng phải là đánh nhau giữa hai gã đàn ông, mà là những trận chiến ác liệt tưng bừng giữa toàn bộ đám đàn ông, mỗi người đánh vì chính mình.

Ôi, tiếng cười của đám đàn bà! Rin rít, the thé và chói lói như kính vỡ. Ôi, những tiếng gào thét phản đối như tiếng phụ nữ vọng lên từ khe núi. Cha Ramon tuyệt đối kinh ngạc và không thể nào tin được những lời xưng tội trong tuần kế tiếp. Toàn bộ linh hồn vui vẻ của Tortilla Flat tự xé phăng khỏi giới hạn, bốc lên trời, thành một khối ngất ngây. Họ khiêu vũ mạnh đến nỗi sàn nhà bật lên ở một góc. Những cây phong cầm chơi quá to đến nỗi sau đó luôn luôn phì phò, như những con ngựa ngã quy.

Còn Danny – nếu như bữa tiệc này không biết đến một sự so sánh nào thì cũng như vậy, Danny thách thức mọi bắt chước với tư cách là người ăn mừng. Trong tương lai nếu có kẻ vớ vẩn nào hứng chí hỏi, “Ông bà có nhìn thấy tôi không? Ông bà có thấy tôi rủ mấy con bé đen kia nhảy không? Ông bà có thấy bọn tôi xoay vòng vòng như mèo động dục không?” thì sẽ có một ánh mắt có tuổi, khôn ngoan, đầy đe dọa dành

cho cậu ta. Một giọng nào đó, thỏa mãn vì biết được đâu là giới hạn của những khả năng, sẽ thì thầm hỏi, “Cậu có nhìn thấy Danny trong cái đêm tiệc đó không?”

Một ngày nào đó, một sử gia có thể ghi chép lại một lịch sử lạnh lẽo, khô cằn, mốc meo của Bữa Tiệc. Ông ta có thể đề cập thời điểm khi Danny thách thức và tấn công toàn bữa tiệc, bất kể đàn ông, đàn bà hay trẻ con, bằng một chân bàn. Ông ta có thể kết luận, “Người ta thấy một sinh thể đang hấp hối thường có sự bền bỉ và mạnh mẽ khác thường.” Nói đến hoạt động yêu đương mang tính siêu nhân của Danny đêm hôm đó, vị sử gia này có thể viết không run tay: “Khi bất cứ sinh thể nào bị tấn công, toàn bộ chức năng của sinh thể ấy có vẻ như hướng vào việc tái sinh sản.”

Nhưng xin khẳng định, và dân chúng của Tortilla Flat cũng sẽ khẳng định, “Thầy kệ nó chứ! Chàng Danny ấy là người đàn ông dành cho bạn.” Không ai thực sự đếm, và sau đó, đương nhiên không quý bà quý cô nào sẵn lòng thừa nhận là mình đã bị bỏ qua; thành thử danh tiếng của Danny phần nào bị thổi phồng lên. Một phần mười con số đó đã là một sự cường điệu đối với bất kỳ ai trên thế gian này.

Danny đi tới đâu, là một cơn cuồng điên kỳ diệu theo sau. Ở Tortilla Flat người ta nhất định quả quyết rằng một mình Danny uống hết ba ga-lông rượu. Tuy nhiên phải nhớ rằng Danny bây giờ là một vị thần. Vài năm nữa có thể con số là ba mươi ga-lông. Hai mươi năm nữa có thể người ta chỉ giản dị nhớ rằng những áng mây đã bốc cháy xếp thành chữ DANNY thật to; rằng mặt trăng đỏ máu; rằng con sói của trần gian tru lên đầy tiên tri từ những dãy núi trong dải Ngân Hà.

Dần dần một vài người không bền sức bằng Danny bắt đầu rủ xuống, chùng xuống, bò ra dưới chân mọi người.

Những kẻ còn lại, cảm thấy thiếu vắng, đã la hét âm ỉ hơn, đánh nhau dữ dội hơn, nhảy hăng hơn. Ở Monterey các xe cứu hỏa máy không ngừng nổ và lính cứu hỏa, đội mũ thiếc đỏ, vận áo mưa, yên lặng ngồi ở chỗ của mình chờ đợi.

Đêm trôi qua thật nhanh, Danny hãy còn gằm vang suốt bữa tiệc.

Chuyện xảy ra được nhiều nhân chứng, cả đàn ông và đàn bà, chứng thực. Và mặc dù giá trị của họ với tư cách nhân chứng đôi khi bị ngờ vực do họ đã uống ba mươi ga-lông rượu vang và một thùng rượu whisky làm từ khoai tây, những người ấy dần dần đảm bảo về những điểm chính. Phải mất vài tuần mới sắp xếp được câu chuyện, vì người nói thế này, người nói thế khác. Nhưng dần dần đầu đuôi câu chuyện cũng được làm sáng tỏ dưới một hình thức hợp lý như bây giờ và mãi về sau.

Dân chúng Tortilla Flat nói rằng Danny đã nhanh chóng thay đổi hình dáng. Chàng trở nên cao lớn dềnh dàng, kinh khủng. Mắt chàng lóe sáng như đèn ô-tô. Có điều gì đó đáng kinh sợ nơi chàng. Chàng đứng đó, trong căn phòng trong ngôi nhà mình. Tay phải chàng cầm cái chân bàn gỗ thông, và ngay cả cái chân bàn này cũng phình ra. Danny thách thức thế giới.

“Ai đánh nhau không?” chàng gằm lên. “Trên thế gian này không còn kẻ nào không biết sợ ư?” Mọi người đều sợ hãi; cái chân bàn đó, thật gớm guốc và thật sống động, đã trở thành nỗi kinh hoàng với tất cả bọn họ. Danny vung vẩy nó. Các cây phong cầm đều khò khè rồi im lặng.

Mọi cuộc nhảy nhót ngừng lại. Căn phòng chột ớn lạnh và một sự im lặng dường như gằm lên trong không trung như đại dương.

“Không có ai ư?” Danny lại gầm lên. “Chỉ có một mình ta trong thế giới này sao? Không ai đấu với ta sao?” Cánh đàn ông run rẩy trước ánh mắt khủng khiếp của Danny, hứng thú dõi theo vết chiếc chân bàn chém trong không khí. Không ai đáp trả thách thức ấy.

Danny thu người đứng dậy. Nghe nói rằng đầu chàng gần như chạm trần nhà. “Vậy thì ta sẽ đi tìm Kẻ có thể chiến đấu. Ta sẽ tìm Kẻ Thù xứng đáng với Danny!” Chàng lững thững ra cửa, vừa đi vừa hơi loạng choạng. Dân chúng kinh hãi dạt ra dành một lối đi rộng cho chàng. Chàng cúi xuống để ra khỏi cửa. Dân chúng vẫn đứng yên lắng nghe.

Bên ngoài nhà, họ nghe thấy tiếng chàng gầm gào thách thức. Họ nghe tiếng chân bàn vụt như sao băng lướt qua không trung. Họ nghe tiếng chân chàng nện xuống sân. Và sau đó đằng sau căn nhà, trong khe núi, họ nghe thấy tiếng thách thức trả lời thật đáng sợ và ớn lạnh khiến xương sống họ nhũn ra như cuống hoa sen cạn dưới sương giá. Ngay cả giờ đây, khi mọi người nói về Đối Thủ của Danny, họ hạ giọng và nhìn quanh lén lút. Họ nghe tiếng Danny khơi ra xung đột. Họ nghe thấy tiếng gọi thách thức lạnh lạnh cuối cùng của chàng, rồi một tiếng bịch. Và rồi im lặng.

• • •

Suốt một hồi lâu mọi người chờ đợi, nín thở để dòng khí nhộn nhạo từ phổi khởi khuất lấp một thanh âm nào đó. Nhưng họ lắng nghe trong tuyệt vọng. Đêm lặng đi và bình minh xám đang tới.

Pilon phá vỡ im lặng. “Có chuyện rồi,” chàng nói. Và Pilon là người đầu tiên lao ra khỏi cửa. Con người dũng cảm ấy, không nổi kinh hoàng nào có thể ngăn cản chàng. Mọi người

chạy theo chàng. Họ ra phía đằng sau nhà, nơi đã nghe tiếng chân Danny, nhưng không thấy Danny đâu cả. Họ đến mép khe, ở đó có một lối đi dích dắc ngoằn ngoèo dẫn tới đáy của lòng suối nơi từ nhiều thế hệ qua không còn dòng suối nào chảy. Những người đi theo thấy Pilon lao xuống lối đi ấy. Họ đi theo chàng, chậm rãi. Và họ gặp Pilon ở dưới đáy khe, đang nghiêng người xuống bên một chàng Danny dập nát, gầy gập. Chàng đã rơi bốn mươi bộ. Pilon đánh một que diêm. “Tôi nghĩ anh ấy còn sống,” chàng rú. “Chạy đi tìm bác sĩ đi. Chạy tìm Cha Ramon.”

Mọi người tản ra. Trong vòng mười lăm phút, bốn bác sĩ bị đánh thức và bị lôi ra khỏi giường bởi các *paisano* phát cuồng. Họ không được phép làm theo cái nhịp khoan thai chậm rãi mà các bác sĩ thích phô bày để tỏ ra mình không phải là nô lệ của cảm xúc. Không! Họ bị thúc, giục, đẩy, các hộp dụng cụ bị ấn vào tay họ bởi những người tuyệt đối không có khả năng nói mình muốn gì. Cha Ramon, bị lôi ra khỏi giường, hổn hển leo lên đồi, không biết chắc mình phải đuổi một con quỷ dữ, làm lễ thánh cho một trẻ sơ sinh trước khi nó chết hay dự một cuộc hành hình.

Trong khi đó Pilon, Pablo cùng Jesus Maria khiêng Danny lên đồi và đặt chàng nằm lên giường. Họ thấp nển xung quanh chàng. Danny thở khó nhọc.

Thoạt tiên các bác sĩ đến. Họ nghi ngại liếc nhìn nhau, cân nhắc tiền lệ, nhưng cái khoảnh khắc trì hoãn ấy mang lại vẻ đe dọa trong mắt mọi người. Họ không mất nhiều thời gian để khám sơ cho Danny. Đến lúc Cha Ramon tới thì họ đều đã xong.

Tôi sẽ không đi vào phòng ngủ cùng Cha Ramon, vì Pilon, Pablo, Jesus Maria, Joe Voi, Johnny Pom-pom, Tito Ralph,

Cướp Biển và bầy chó đã ở đó; và họ là gia đình của Danny. Cánh cửa đã, và đang, đóng. Vì sau rốt người ta có niềm kiêu hãnh, và có những thứ ta không thể nào soi mói.

Nhưng trong căn phòng lớn, nơi cư dân của Tortilla Flat chen chúc đến mức nghẹt thở, là sự căng thẳng và im lặng chờ đợi. Các linh mục và bác sĩ đã tạo ra được những phương thức thông tin liên lạc tinh tế. Khi Cha Ramon ra khỏi buồng ngủ, sắc mặt Cha không đổi, nhưng nhìn thấy Cha, đám phụ nữ chột òa khóc thảm thiết. Đám đàn ông chân cẳng bồn chồn như ngựa nhốt trong chuồng, bỏ ra ngoài dưới ánh bình minh. Cửa căn phòng ngủ vẫn đóng.

XVII

Những người bạn đau buồn của Danny thách thức các tục lệ như thế nào.

Mối dây liên kết huynh đệ bị đứt ra sao và từng người bạn đơn độc ra đi như thế nào.



Cái chết là vấn đề riêng tư, khơi gợi nỗi buồn đau, niềm tuyệt vọng, sự nhiệt thành hay hay triết lý khô khan. Đám tang, mặt khác, là buổi lễ mang tính xã hội. Hãy tưởng tượng xem có ai đi dự đám tang mà trước hết không đánh bóng ô-tô? Hãy tưởng tượng xem có ai đứng cạnh huyệt mộ mà không diện bộ com-plê sẫm màu oách nhất và đôi giày đen đẹp nhất, được đánh bóng loáng? Hãy tưởng tượng có ai gửi hoa đến một đám tang mà không có thiệp đính kèm để chứng tỏ bạn đã làm điều đúng đắn. Không có định chế xã hội nào mà ở đó nghi thức xử sự lại cứng nhắc hơn trong các đám tang. Hãy tưởng tượng ra sự căm phẫn nếu vị mục sư thay đổi bài giảng hay thử nghiệm gì đó bằng nét mặt. Hãy tính đến sự kinh ngạc nếu ở sảnh tang lễ loại ghế nào cũng được dùng mà không phải là những chiếc ghế xếp nhỏ mặt cứng màu vàng. Không, khi hấp hối, một người có thể được yêu, ghét, than khóc, nhớ nhung; nhưng một khi đã chết anh ta trở thành vật trang trí chính của một buổi lễ trang trọng và phức tạp.

Danny đã chết, chết hai ngày rồi; và chàng đã thôi không còn là Danny nữa. Mặc dù gương mặt mọi người khuất sau một lớp màng u ám tử tế và buồn thảm, họ hào hứng trong

lòng. Chính quyền đã hứa hẹn tổ chức tang lễ theo nghi thức nhà binh cho tất cả các cựu chiến binh có mong muốn đó. Danny là người đầu tiên của Tortilla Flat ra đi, giờ đây cả Tortilla Flat đang nhắm nhe sầm soi kiểm tra lời hứa của chính quyền. Tin tức đã được đưa đến Pháo Đài và thi thể của Danny đã được liệm bằng tiền nhà nước. Một cỗ xe đã được sơn mới và chờ sẵn trong lán pháo binh với một lá cờ mới toanh gọn gàng gấp lại bên trên. Lệnh chuẩn bị cho ngày thứ sáu cũng đã được phát ra:

“Tang lễ từ mười đến mười một giờ sáng. Nghi thức nhà binh gồm Đại đội A, Đoàn Kỵ binh số 11, Đội nghi thức và quân nhạc của Đoàn Kỵ binh số 11.”

Chẳng phải đây là những điều khiến mọi phụ nữ ở Tortilla Flat lượn lờ nhìn ngắm Cửa hàng National Dollar ở Monterey qua cửa kính sao? Ban ngày đám trẻ con da nâu dạo khắp các con đường của Monterey xin hoa từ các khu vườn cho đám tang của Danny. Và đến đêm cũng chính bọn trẻ ấy lại ghé thăm đúng những khu vườn ấy để các bó hoa thêm đầy đặn.

Ở bữa tiệc, mọi người đã diện những bộ quần áo đẹp nhất. Trong quãng nghỉ hai ngày, những bộ quần áo ấy phải được tẩy, giặt, hồ, sửa sang, ủi thẳng. Những hoạt động ấy thật là nhộn nhịp. Không khí hào hứng sôi nổi mà tao nhã.

Vào buổi tối hôm thứ hai, các bạn của Danny tụ tập trong nhà Danny. Cả cú sốc và hơi rượu đều đã nguôi ngoai; giờ đây họ lo sợ, vì so với hết thảy mọi người ở Tortilla Flat thì họ, những người yêu quý Danny nhất, những người nhận được nhiều nhất từ tay chàng, họ, các paisano, chỉ duy có họ là không thể dự đám tang của Danny. Trong những cơn đau đầu họ đã lờ mờ nhận ra bi kịch kinh khủng này, nhưng chỉ vào tối hôm nay tình hình mới trở nên thật rõ rệt mà họ phải đương

đầu. Bình thường, quần áo của họ đã không bút nào tả xiết. Bữa tiệc còn làm cho quần jean và sơ-mi xanh của họ cũ đi hàng năm trời. Có cái quần nào không rách gối? Có cái sơ-mi nào không bị xé toang? Giả như người nào khác chết, họ đã có thể đi mượn quần áo; nhưng khốn nỗi không ai ở Tortilla Flat là không mặc quần áo đẹp của mình đi dự đám tang Danny. Duy mỗi Cocky Riordan không đi, nhưng Cocky phải bị cách ly vì bệnh đậu mùa và quần áo của anh ta cũng bị cách ly. Có thể đi xin hay chôm chìa tiền để mua một bộ com-plê đẹp nhưng làm sao kiếm ra đủ tiền để mua những sáu bộ.

Bạn có thể nói, chẳng lẽ họ không yêu quý Danny đủ để đi dự đám tang chàng với áo quần rách rưới? Liệu bạn có bận quần áo rách rưới khi hàng xóm của bạn diện những bộ cánh lộng lẫy không? Nếu bận quần áo rách rưới đi dự không phải là còn thiếu tôn trọng Danny hơn so với ngôi nhà sao?

Không thể đo được nỗi tuyệt vọng đè lên trái tim họ. Họ nguyện rửa số phận của mình. Họ nhìn thấy Galvez điếu ngang qua cửa trước. Galvez mua một bộ com-plê mới cho đám tang, và anh ta đã diện nó hai mươi bốn giờ trước tang lễ. Những người bạn ngồi đó, tay chống cằm, lòng tan nát vì phần số không may của mình. Mọi khả năng đều đã được bàn thảo.

Pilon, lần duy nhất trong đời, hạ mình xuống chỗ phi lý. “Hay đêm nay mỗi người bọn ta đi chôm một bộ đồ,” chàng gợi ý. Chàng biết điều đó là ngớ ngẩn, vì đêm hôm ấy mọi bộ com-plê sẽ được đặt trên một chiếc ghế bên cạnh giường. Ăn trộm com-plê chỉ có nước chết.

“Quân đội Cứu quốc đôi khi phát không com-plê,” Jesus Maria nói.

“Tôi tới đó rồi,” Pablo nói. “Lần này họ có mười bốn chiếc

váy nhưng chẳng có bộ com-plê nào.”

Định Mệnh chống lại bọn họ về mọi phương diện. Tito Ralph đi vào, trên túi áo ngực ông một chiếc khăn tay màu xanh lá mới toe thò ra, nhưng không khí thù nghịch gợi lên khiến ông thoái lui khỏi căn phòng với vẻ biết lỗi. “Nếu có một tuần, ta có thể đi thái mực,” Pilon hào hùng nói. “Đám tang diễn ra vào ngày mai. Ta phải nhìn thẳng vào tâm điểm của sự việc này. Dĩ nhiên chúng ta có thể đi dự đám tang bình thường.”

“Bằng cách nào?” các bạn hỏi.

“Ta có thể đi bên vệ đường, trong khi ban nhạc và mọi người đi trên đường. Xung quanh hàng rào nghĩa trang toàn là cỏ. Ta có thể nằm trong đám cỏ nhìn thấy mọi thứ.”

Các bạn nhìn Pilon đầy vẻ biết ơn. Họ biết trí tuệ sắc sảo của chàng đã đào xới các khả năng như thế nào. Nhưng xem đám tang thì chỉ mới được một nửa, chưa tới một nửa. Nửa quan trọng hơn là được nhìn thấy có mặt trong đám tang. Dù sao thì có lẽ đây là cách hay nhất.

“Qua đây ta học được một bài học,” Pilon nói. “Ta phải ghi nhớ nên luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng một bộ đồ vía. Ta không bao giờ biết được chuyện gì có thể xảy ra.”

Họ dừng lại ở đó, nhưng đều cảm thấy mình thất bại. Cả đêm họ lang thang trong thị trấn. Có khu vườn nào không bị tước đoạt đi những bông hoa đẹp nhất? Có cây hoa nào còn đứng vững? Sáng hôm sau cái huyết trong nghĩa trang dành để tiếp nhận thân thể Danny gần như bị lấp bởi một núi những bông hoa đẹp nhất hái từ những khu vườn đẹp nhất ở Monterey.

Không phải lúc nào Thiên Nhiên cũng sắp xếp sự vật ổn thỏa. Đúng thế, trời đã mưa trước trận Waterloo; bốn mươi bộ

tuyết đã rơi trên con đường của Donner Party^[44]. Nhưng thứ Sáu hóa ra là một ngày đẹp trời. Mặt trời nhô lên như thể đó là ngày để đi dã ngoại. Lũ mòng biển bay ngang qua vùng vịnh rạng rỡ đến các nhà máy đóng hộp cá xác-đin. Những người đi câu chiếm chỗ của mình trên các tảng đá chờ triều xuống. Công ty Dược phẩm Palace thả các tấm vải bạt xuống để bảo vệ những chai nước nóng màu đỏ trong các khung cửa sổ khỏi tác động hóa học của mặt trời. Ông Machado, thợ may, đặt một tấm biển lên cửa sổ, Mười Phút Nửa Quay Lại, rồi về nhà thay quần áo để đi đám tang. Ba chiếc thuyền đánh cá lừ lừ tiến vào, chất đầy cá xác-đin. Louie Duarte sơn thuyền của mình, đổi tên nó từ Lolita sang thành Ba Anh Em Họ. Jake Lake, viên cảnh sát, bắt giữ một xe mui trần từ Del Monte nhưng lại thả ra rồi đi mua một chiếc xì-gà.

Đó là một câu đố. Làm thế nào cuộc sống có thể tiếp tục tiến trình ngu dốt của nó vào một ngày như thế? Làm thế nào Mamie Jackson lại có thể xịt nước vĩa hè trước nhà mình? Làm thế nào George W. Merk lại có thể viết lá thư thứ tư và là lá thư giận dữ nhất cho công ty cấp nước? Làm thế nào Charlie Marsh lại có thể say xỉn bản thủ như thường lệ? Thật báng bổ. Thật sỉ nhục.

Các bạn của Danny buồn bã thức giấc, ngồi dậy trên sàn nhà. Giường của Danny trống không. Trông nó giống như con ngựa không người cưỡi đi theo chủ nhân, một sĩ quan, đến tận mồ. Ngay cả Joe Voi – chàng người Bồ cũng không liếc nhìn thềm thuồng cái giường của Danny. Mặt trời tung bừng chiếu sáng qua cửa sổ, hắt những cái bóng tinh tế của các mạng nhện lên sàn nhà.

“Những sáng thế này Danny rất vui,” Pilon nói.

Sau khi làm một chuyến dạo ra khe núi, những người bạn

ngồi một lúc ở hàng hiên trước nhà ôn lại kỷ niệm về bạn của mình. Họ chỉ nhớ và ngợi ca các phẩm chất tốt đẹp của Danny. Họ lơ đi những trò càn rỡ của chàng.

“Và mạnh mẽ”, Pablo nói. “Anh ấy mạnh như một con la! Anh ấy có thể nhắc bổng một kiện rơm.”

Họ kể bao mẩu chuyện về Danny, về lòng tốt, sự can đảm, tính thương người của chàng.

Chẳng mấy chốc đã đến giờ để đi nhà thờ, thật ra là để đứng bên kia đường trong bộ đồ rách rưới. Họ thầm hổ thẹn khi những kẻ may mắn hơn đi vào bên trong nhà thờ, đóng bộ thật đẹp, tỏa ra mùi Agua Florida thật hoang đường. Những người bạn nghe thấy tiếng nhạc và âm thanh nhoi nhoi đều đều của buổi lễ. Từ vị trí thuận lợi của mình họ nhìn thấy đội kỵ binh đi đến, rồi tới đội quân nhạc với những cái trống được phủ lại, rồi đội nghi thức bông súng, rồi cỗ xe ba đôi ngựa kéo, trên mỗi con ngựa bên trái là chêm chệ một kỵ sĩ. Tiếng vó ngựa lóc cóc thê lương trên nhựa đường bồi thêm nỗi tuyệt vọng vào trái tim của những người bạn. Họ bất lực nhìn cỗ quan tài được mang ra đặt trên cỗ xe, lá cờ phủ quanh. Viên sĩ quan thổi còi, giơ tay lên chém về phía trước. Đội quân binh di chuyển, đội nghi thức bông súng trường xuống. Dàn trống gõ nhịp buồn đau, chậm rãi. Đội quân nhạc tấu khúc bi ai. Cỗ xe di chuyển. Mọi người nghiêm trang đi sau, đàn ông đi thẳng người, phụ nữ yêu kiều nhắc váy lên khỏi vệt đường đi không thể xóa mờ của đoàn kỵ binh. Mọi người ở Tortilla Flat đều đi đưa đám: Cornelia Ruiz, bà Morales, Galvez, Torrelli và bà vợ đầy đà của mình, bà Palochico, Tito Ralph – kẻ chạy trốn, Sweets Ramirez, ông Machado, tất cả, không trừ một ai.

Phải chăng những người bạn không thể chịu nổi sự tủ

nhục, khốn khổ của việc đó? Họ lẩn lút theo vệ đường cả một đời lâu, chỉ được tiếp sức nhờ tính cách can trường.

Jesus Maria sụp đổ trước tiên. Chàng thút thít tủi hổ, vì cha chàng vốn là một võ sĩ giàu có được trọng vọng. Jesus Maria cúi đầu xuống vùng chạy; năm người bạn kia nổi gót, và năm con chó phóng theo sau.

Trước khi đoàn diễu hành vào tầm mắt, các bạn của Danny đã nằm trong đám cỏ cao giáp với nghĩa trang. Buổi lễ diễn ra ngắn ngủi theo nghi thức nhà binh. Cỗ quan tài được hạ xuống; một loạt súng trường nổ vang; kèn trumpet thổi một hồi thê thiết; nghe âm thanh ấy, Enrique, Fluff, Pajarito, Rudolph và Señor Alec Thompson cùng ngửa đầu ra sau tru lên. Khi đó Cướp Biển rất tự hào về chúng!

Buổi lễ trôi qua rất nhanh; những người bạn nhanh chóng tản đi để dân chúng khỏi nhìn thấy.

Dù gì thì trên đường về nhà họ cũng phải đi ngang qua căn nhà bỏ trống của Torrelli. Pilon chui qua cửa sổ, mang ra hai ga-lông rượu vang. Họ thông thả cuốc bộ về căn nhà yên ắng của Danny. Theo nghi thức họ rót đầy các hũ trái cây và uống.

“Danny thích rượu vang”, họ nói. “Cứ khi nào có rượu là anh ấy vui.”

Buổi chiều trôi qua rồi buổi tối đến. Từng người khi nhấp rượu miên man lợi ngược về quá khứ. Bảy giờ, Tito Ralph hồ thẹn đến mang theo một hộp xì-gà mà ông thắng trong trò chơi punch^[45]. Những người bạn đốt xì-gà, nhả khói, và mở ga-lông thứ hai. Pablo thử vài nốt trong bài “Tuli Pan”, để xem thử mình có bị mất giọng luôn không. “Hôm nay Cornelia Ruiz ở một mình,” Pilon phỏng đoán.

“Hát vài bài buồn chắc cũng được,” Jesus Maria nói.

“Nhưng Danny không thích bài buồn,” Pablo khẳng định.

“Anh ấy thích những bài tiết tấu nhanh, về những cô nàng sinh động.”

Cả bọn đều gật lấy gật để. “Đúng rồi, Danny là vĩ nhân đối với đàn bà.”

Pablo cố hát đoạn thứ hai trong bài “Tuli Pan”, Pilon góp giọng một chút, còn những người khác hát chung đoạn cuối.

Hát xong, Pilon bập xì-gà, nhưng nó đã tắt. “Tito Ralph,” chàng nói, “sao bác không chơi ghi-ta để chúng ta có thể hát hay hơn một chút?” Chàng đốt xì-gà rồi búng que diêm văng đi.

Cái que diêm nhỏ đang cháy rơi xuống một tờ báo cũ để sát tường. Ai cũng toan dập lửa, nhưng rồi ai cũng tuân theo thiên ý nên ngồi xuống lại. Ánh mắt họ gặp nhau và họ cười những nụ cười khôn ngoan của những kẻ không chết cũng không hy vọng. Trong cơn mơ màng họ dõi nhìn ngọn lửa lung linh gần tắt, rồi lại bùng lên. Họ thấy nó phừng trên tờ giấy. Các vị thần lên tiếng như thế với những nguyên nhân bé tẹo. Và mọi người vẫn cứ mỉm cười khi tờ giấy cháy bén sang vách gỗ khô.

Ôi chao, phải là như thế, hỡi những người bạn khôn ngoan của Danny. Cái lỗi ràng buộc các anh với nhau đã bị cắt. Cái nam châm thu hút các anh đã mất đi từ tính. Một người lạ nào đó, một người họ hàng buồn chán nào đó của Danny, sẽ sở hữu căn nhà,. Tốt hơn hết là cái biểu tượng của tình bạn cao cả, căn nhà tuyệt vời của tiệc tùng và ẩu đả, của yêu thương và tiện nghi này, nên chết như Danny đã chết – chết trong một cuộc tấn công vô vọng nhưng vinh quang cuối cùng vào các vị thần.

Họ ngồi đó mỉm cười. Ngọn lửa bò như rắn lên trần nhà rồi chui ra mái cất tiếng gầm rú. Chỉ khi đó những người bạn mới

rời ghế đứng dậy và đi như những kẻ mộng du ra khỏi cửa.

Pilon, người hưởng lợi qua mỗi bài học ấy, lấy chỗ vang còn sót lại theo mình.

Còi hú lên từ mạn Monterey. Những chiếc xe cứu hỏa gầm rú đi số hai lên đồi. Những ngọn đèn pha loang loáng giữa những hàng cây. Khi Sở Cứu hỏa tới, ngôi nhà đã là một đám lửa hùng hực. Các vòi xịt tưới cây và bụi rậm để lửa khỏi lan ra.

Đứng giữa đông đảo dân chúng của Tortilla Flat, các bạn của Danny chăm chú theo dõi cho đến khi cuối cùng căn nhà trở thành một đồng than củi cháy đen, âm ỉ bốc hơi. Rồi các xe cứu hỏa quay đầu lao xuống dốc đồi.

Dân chúng của Tortilla Flat tan biến vào bóng tối. Các bạn của Danny vẫn đứng nhìn đồng hoang tàn bốc khói. Họ nhìn nhau lạ lẫm, rồi nhìn lại căn nhà cháy rụi. Và một lát sau họ chậm rãi bước đi, mỗi người một hướng.

HẾT



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

• CHÚ THÍCH •

[1] Cannery Row

[2] Sweet Thursday

[3] The Log from the Sea of Cortez

[4] The Cup of Gold

[5] The Pastures of Heaven

[6] To a God Unknown

[7] The Long Valley

[8] East of Eden

[9] The Forgotten Village

[10] The Pearl

[11] Sea of Cortez

[12] Thomas Malory (1405 – 1471), nhà văn Anh, biên soạn tác phẩm Cái chết của Vua Arthur, nói về huyền thoại Vua Arthur và các Hiệp sĩ Bàn tròn.

[13] Lâu đài Camelot gắn liền với huyền thoại về vua Arthur.

[14] Gawaine, Lancelot, Galahad: Tên các Hiệp sĩ Bàn tròn trong huyền thoại về vua Arthur.

[15] Sangreal chỉ tích chiếc cốc thánh của Chúa Jesus.

[16] Tên thật của nhà văn Mỹ Mark Twain.

[17] Phẩm giá cá nhân (tiếng Tây Ban Nha)

[18] Nam tính (tiếng Tây Ban Nha)

[19] Đàn ông (tiếng Tây Ban Nha)

[20] Một ga-lông (gallon) tương đương 3,78 lít.

[21] Một câu chửi rất tục tiếng Tây Ban Nha.

[22] Một câu chửi tục tiếng Tây Ban Nha khác.

[23] Nghĩa là “bạn”, tiếng Tây Ban Nha trong nguyên bản.

[24] Túc Dunglison Evans, đô đốc hải quân trong thời nội chiến Mỹ và chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha.

[25] Tiếng Tây Ban Nha, nghĩa là bà, cô.

[26] “Lạy đức mẹ Maria lòng lành” (tiếng Tây Ban Nha).

[27] Một món ăn Mexico làm từ thịt băm, gói trong lớp áo bắp ngô, rồi hấp lên.

[28] Chúc sức khỏe (tiếng Tây Ban Nha).

[29] Tiếng Tây Ban Nha trong nguyên bản, nghĩa là: “Anh lấy cái gì vậy?”

[30] Một panh (pint) bằng 0,473 lít. Một ga-lông có tám panh.

[31] Tiếng Tây Ban Nha trong nguyên bản, nghĩa là: “Quý thần ơi, rượu gì mà ngon quá vậy!”

[32] Món bánh mì kẹp thịt và phó-mát.

[33] Nguyên văn là một quart, tương đương 0,94 lít.

[34] Nguyên văn: mười yard, tức mười thước Anh. Một yard tương đương 0.91 mét.

[35] Tiếng Latinh, nghĩa là “Nhân danh Cha, Con và Thánh thần.”

[36] Một tổ chức từ thiện và tương thân tương ái dành cho phụ nữ, được thành lập từ cuối thế kỷ XIX.

[37] Tiếng Tây Ban Nha, nghĩa là, “Bạn ơi. Bạn đi đâu?”

[38] Cholo: Người Mỹ Latinh có tổ tiên là người Tây Ban Nha và thổ dân da đỏ

[39] Puta: Tiếng Tây Ban Nha, có nghĩa là điểm.

[40] Bull Durham là một nhãn hiệu thuốc lá bán trong túi vải.

[41] Một cân Anh (pound) tương đương 0,45 kg.

[42] Trong trận Austerlitz, Napoléon đã chiến thắng trước liên minh Nga - Áo. Vệ Binh Già là một đoàn quân bộ binh kỳ cựu của Napoléon.

[43] Salsa pura: một loại sốt ăn với các món ăn Mexico.

[44] Nhóm những người Mỹ tiên phong đi California. Họ bị kẹt lại ở Sierra Nevada vì tuyết rơi dày. Phần lớn các thành viên trong nhóm đã chết vì đói, lạnh và bệnh tật.

[45] Một trò đánh bạc từng phổ biến trong các quán rượu.